ThS. TRƯƠNG NGỌC THỚI

HỌC TỐT LỊCH SỬ 12

CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI
GV Trường THPT chuyên Lê Khiết

HỌC TỐT
LỊCH SỬ 12

CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 39724852; (04) 39724770. Fax: (04) 39714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: TÚ OANH
Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Thực hiện liên kết: **Nhà sách HỒNG ÂN**

SÁCH LIÊN KẾT

HỌC TỐT LỊCH SỬ 12 (Chương trình cơ bản và nâng cao)

Mã số: 2L-214ĐH2009
In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao bì Phong Tân - Tp. Hồ Chí Minh.
Giấy phép xuất bản số: 556-2009/CXB/01-86/ĐHQGHN, ngày 23/6/2009.
Quyết định xuất bản số: 214LK-XH/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2009.

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn đồng nghiệp và các em học sinh thân mến!

Qua nhiều năm trực tiếp giảng dạy bộ môn Lịch sử ở Trường THPT, đặc biệt là giảng dạy chương trình Lịch sử lớp 12, chúng tôi thấy một thực trạng là các em học sinh, kể cả những em có nguyện vọng thi vào các trường đại học, cao đẳng khối C, mặc dù rất hào hứng, say sưa học môn Lịch sử, nhưng vẫn gặp những khó khăn như "học trước quên sau", "học xong rồi không nhớ gì cả", "học thuộc rồi vẫn lúng túng, không biết cách làm bài thi"... Theo chúng tôi, sở dĩ có thực trạng như vậy, một phần là do các em học sinh chưa có phương pháp học tập khoa học và phù hợp.

Với mong muốn giúp cho học sinh nắm vững, hiểu kĩ, nhớ lâu và vận dụng tốt các kiến thức lịch sử lớp 12 trong kiểm tra, thi cử, chúng tôi biên soạn cuốn sách "HỌC TỐT LỊCH SỬ 12" theo cấu trúc như sau:

Phần một: Hệ thống và sơ đồ hóa các khối kiến thức lịch sử trong chương trình.

Phần hai: Minh họa những kiến thức cơ bản của từng bài, từng chương dưới dạng sơ đồ.

Các bạn đồng nghiệp cũng có thể tham khảo phần hệ thống và sơ đồ hóa trong cuốn sách này để thiết kế bài giảng điện tử - một học liệu cần thiết trong đổi mới phương pháp giảng dạy.

Cuốn sách này được biên soạn lần đầu tiên theo hướng mới nên khó có thể tránh khỏi những sai sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ các bạn đồng nghiệp và các em học sinh.

TÁC GIẢ

Phần 1

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI PHẦN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (2000)

Chương I

BỐI CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

Bài 1

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

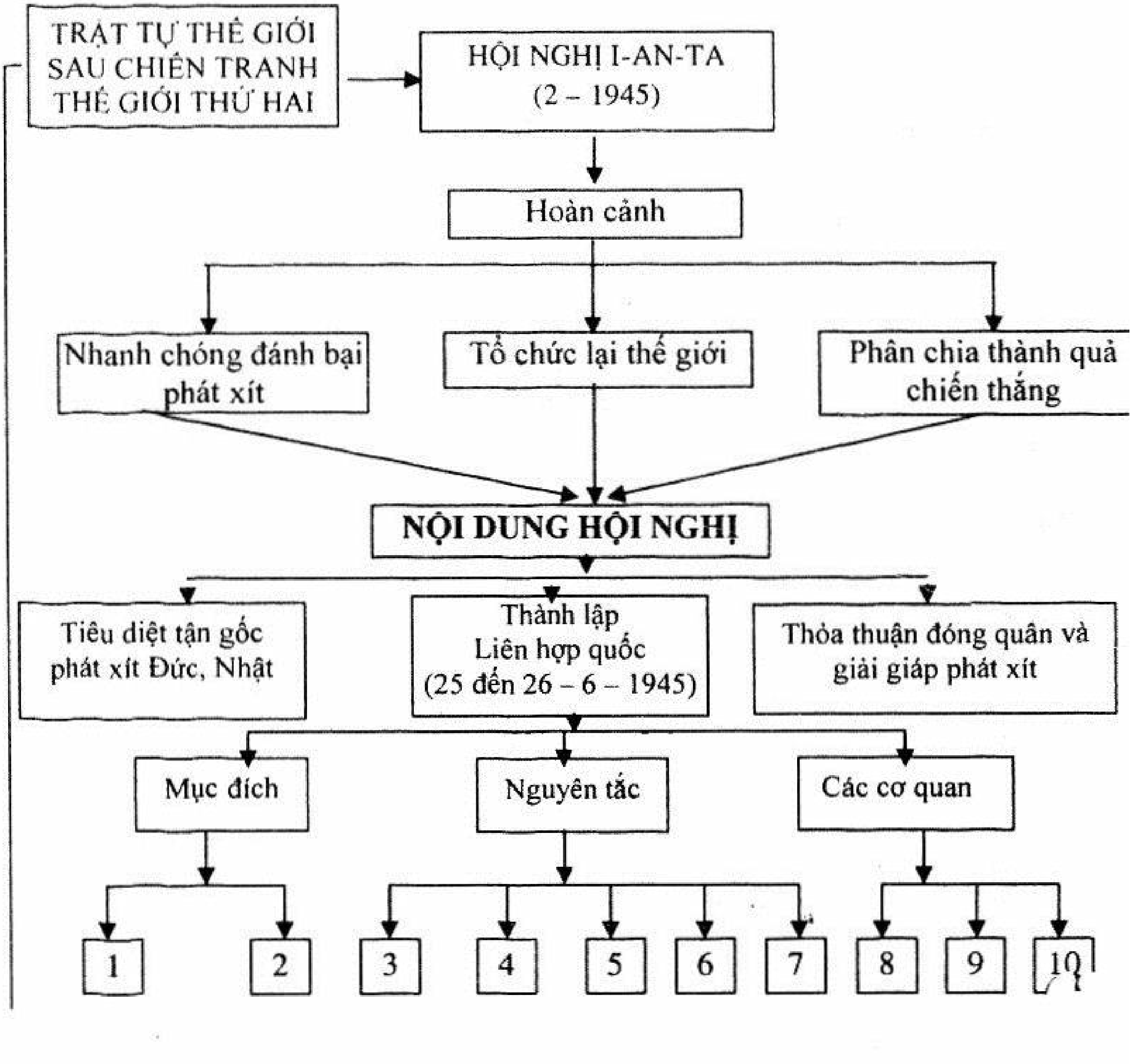
TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI
HỘI NGHỊ I-AN-TA (2 – 1945)
Hoàn cảnh
Nhanh chóng đánh bại phát xít
Tổ chức lại thế giới
Phân chia thành quả chiến thắng
NỘI DUNG HỘI NGHỊ
Tiêu diệt tận gốc phát xít Đức, Nhật
Thành lập Liên hợp quốc (25 đến 26 – 6 – 1945)
Thỏa thuận đóng quân và giải giáp phát xít
Mục đích
Nguyên tắc
Các cơ quan
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

(1) Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

(2) Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước.

(3) Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

(4) Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

(5) Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

(6) Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

(7) Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn.

(8) Đại hội đồng

(9) Hội đồng Bảo an.

(10) Ban Thư ký

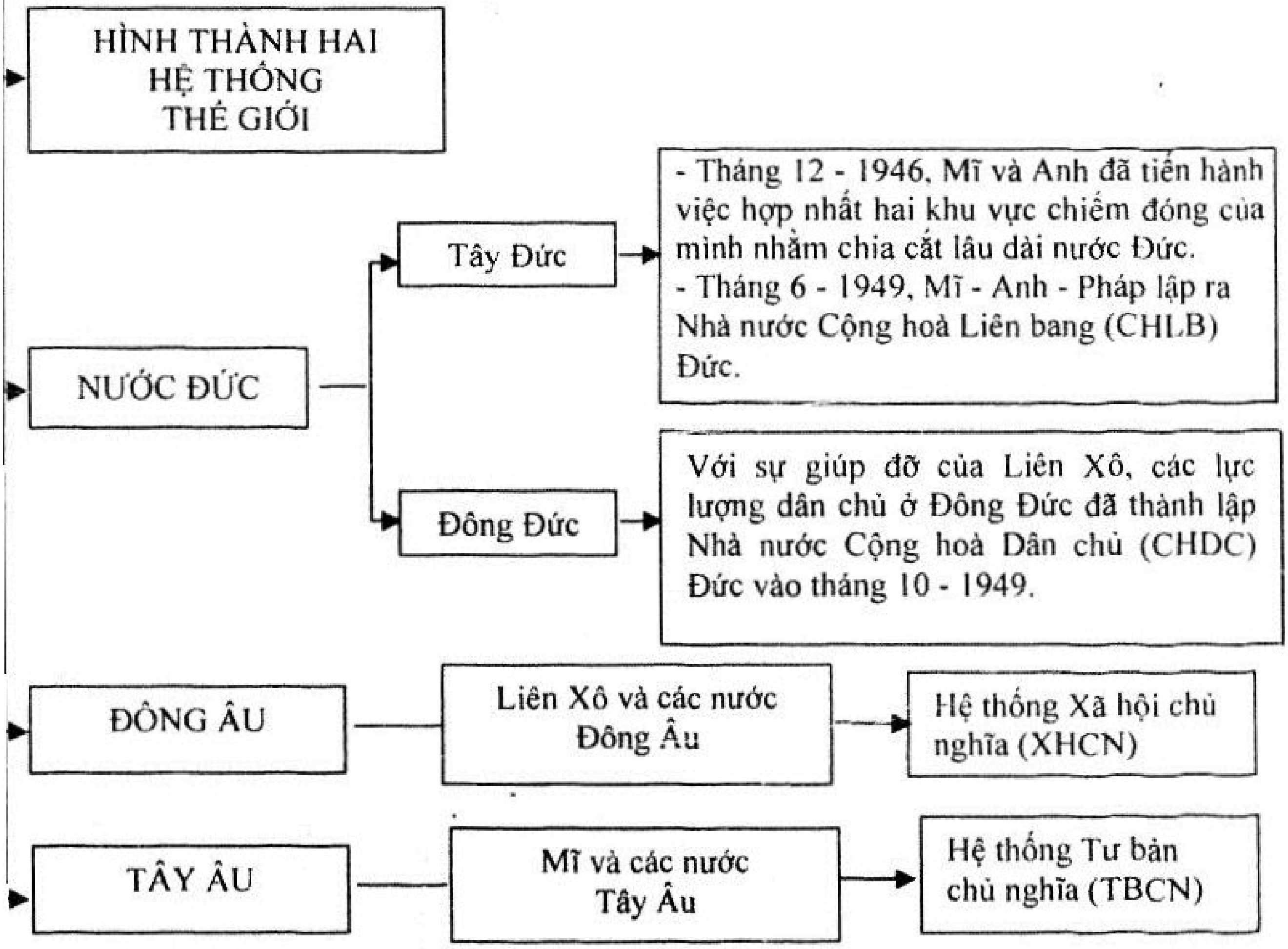
HÌNH THÀNH HAI HỆ THỐNG THẾ GIỚI
NƯỚC ĐỨC
Tây Đức
Đông Đức
ĐÔNG ÂU
Liên Xô và các nước Đông Âu
Hệ thống Xã hội chủ nghĩa (XHCN)
TÂY ÂU
Mĩ và các nước Tây Âu
Hệ thống Tư bản chủ nghĩa (TBCN)

- Tháng 12 - 1946, Mĩ và Anh đã tiến hành việc hợp nhất hai khu vực chiếm đóng của mình nhằm chia cắt lâu dài nước Đức.
- Tháng 6 - 1949, Mĩ - Anh - Pháp lập ra Nhà nước Cộng hoà Liên bang (CHLB) Đức.

Với sự giúp đỡ của Liên Xô, các lực lượng dân chủ ở Đông Đức đã thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ (CHDC) Đức vào tháng 10 - 1949.

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Hội nghị I-an-ta (2 – 1945) và sự thoả thuận của ba cường quốc Liên xô, Mĩ, Anh.

1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Đầu năm 1945, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra trước các cường quốc Đồng minh. Đó là:
  + Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít;
  + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh;
  + Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.
- Trong bối cảnh đó, một cuộc hội nghị quốc tế được triệu tập tại I-an-ta (Liên Xô) từ ngày 4 đến 11 - 2 - 1945.

2. Nội dung Hội nghị:

Hội nghị đi tới những quyết định quan trọng:

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, sau khi đánh bại nước Đức phát xít, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.

- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải pháp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Toàn bộ những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự hai cực I-an-ta.

II. Sự thành lập Liên hợp quốc

1. Hoàn cảnh lịch sử:

Từ ngày 25 - 4 đến ngày 26 - 6 - 1945, một hội nghị quốc tế lớn đã họp tại Xan Phran-xix-cô (Mĩ) với sự tham gia của đại biểu 50 nước để thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc.

2. Mục đích:

- Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

3. Nguyên tắc hoạt động:

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

- Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

4. Các cơ quan:

* Đại hội đồng: Gồm tất cả các nước thành viên, có quyền hành rộng rãi. Mỗi năm Đại hội đồng họp một kì để thảo luận tất cả các vấn đề hoặc công việc thuộc phạm vi Hiến chương quy định.

* Hội đồng Bảo an: Là cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu trong việc duy trì hoà bình an ninh thế giới.

* Ban Thư kí: Cơ quan hành chính - tổ chức của Liên hợp quốc, đứng đầu là Tổng Thư kí với nhiệm kì 5 năm.

Từ tháng 9-1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

Đến năm 2003, Liên hợp quốc có 191 quốc gia thành viên.

III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa

- *Vấn đề nước Đức:*

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Liên Xô chiếm đóng vùng lãnh thổ phía Đông nước Đức, Anh chiếm vùng Tây Bắc, Mĩ chiếm vùng phía Nam, Pháp chiếm một phần lãnh thổ phía Tây.

+ Tháng 12 - 1946, Mĩ và Anh đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất hai khu vực chiếm đóng của mình nhằm chia cắt lâu dài nước Đức. Cuối cùng, tháng 6 - 1949, Mĩ - Anh - Pháp đã hợp nhất các vùng chiếm đóng và lập ra Nhà nước Cộng hoà Liên bang (CHLB) Đức.

+ Với sự giúp đỡ của Liên Xô, các lực lượng dân chủ ở Đông Đức đã thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ (CHDC) Đức vào tháng 10 - 1949.

Như thế, trên lãnh thổ Đức đã xuất hiện hai nhà nước Đức với chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.

- *Vấn đề Đông Âu và Tây Âu:*

+ Trong những năm 1945 - 1947, các nước Đông Âu đã tiến hành nhiều cải cách dân chủ quan trọng như xây dựng bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, cải cách ruộng đất, ban hành các quyền tự do dân chủ. Tháng 1- 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập. Qua sự hợp tác về chính trị, kinh tế, mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu ngày càng củng cố, từng bước *hình thành hệ thống các nước dân chủ nhân dân - xã hội chủ nghĩa.*

+ Ở Tây Âu, hầu hết các nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Vào lúc đó, Mĩ đề ra "Kế hoạch phục hưng châu Âu" (còn gọi là "Kế hoạch Mác-san") nhằm viện trợ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước này. *Hệ thống tư bản chủ nghĩa cũng hình thành theo sự định hướng của Mĩ.*

Chương II

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991) LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991) LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

A. Sơ đồ hóa kiến thức

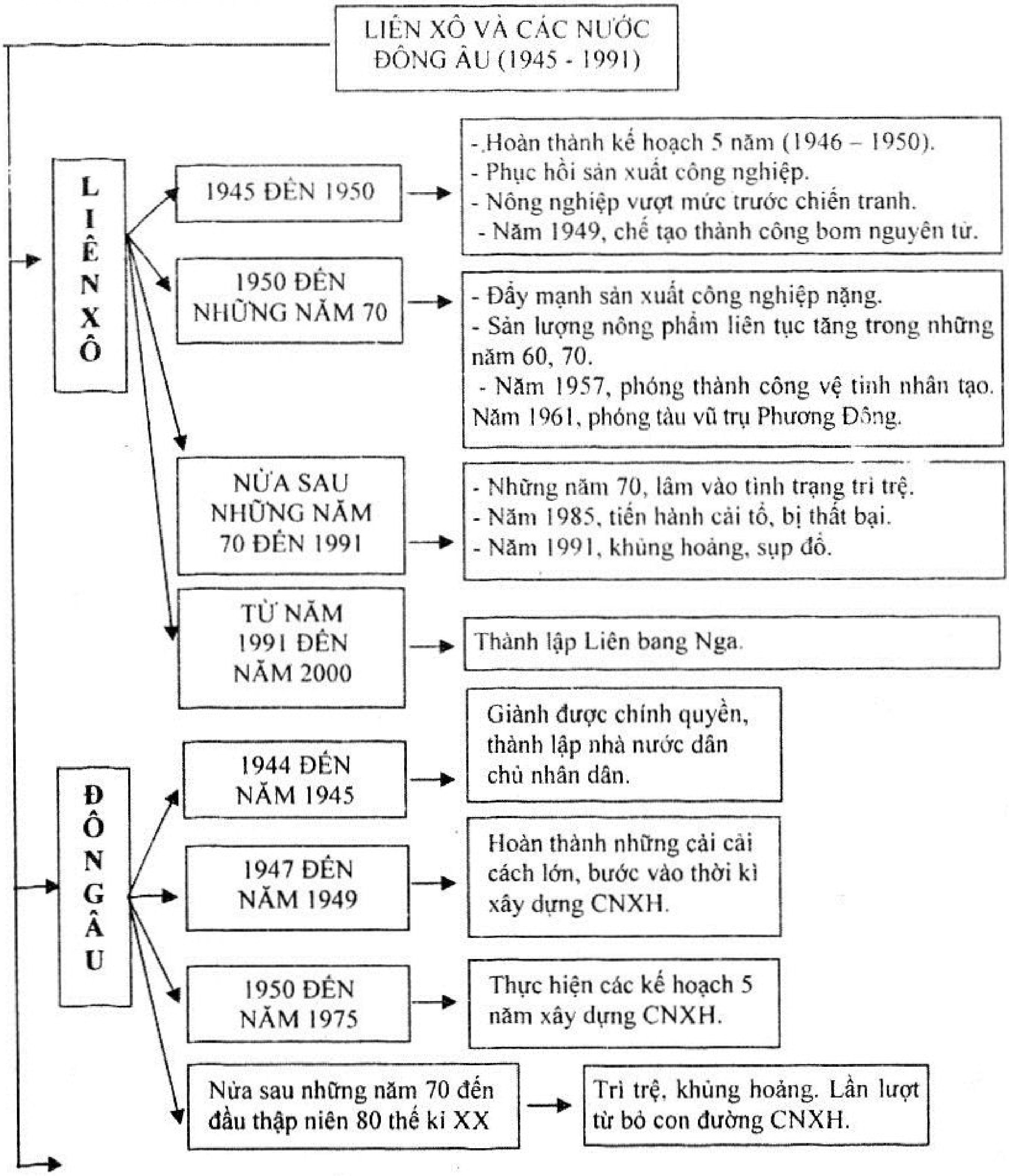
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991)
LIÊN XÔ
1945 ĐẾN 1950
- Hoàn thành kế hoạch 5 năm (1946 – 1950). - Phục hồi sản xuất công nghiệp. - Nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. - Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử.
1950 ĐẾN NHỮNG NĂM 70
- Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp nặng. - Sản lượng nông phẩm liên tục tăng trong những năm 60, 70. - Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961, phóng tàu vũ trụ Phương Đông.
NỬA SAU NHỮNG NĂM 70 ĐẾN 1991
- Những năm 70, lâm vào tình trạng trì trệ. - Năm 1985, tiến hành cải tổ, bị thất bại. - Năm 1991, khủng hoảng, sụp đổ.
TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000
Thành lập Liên bang Nga.
ĐÔNG ÂU
1944 ĐẾN NĂM 1945
Giành được chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.
1947 ĐẾN NĂM 1949
Hoàn thành những cải cải cách lớn, bước vào thời kì xây dựng CNXH.
1950 ĐẾN NĂM 1975
Thực hiện các kế hoạch 5 năm xây dựng CNXH.
Nửa sau những năm 70 đến đầu thập niên 80 thế kỉ XX
Trì trệ, khủng hoảng. Lần lượt từ bỏ con đường CNXH.

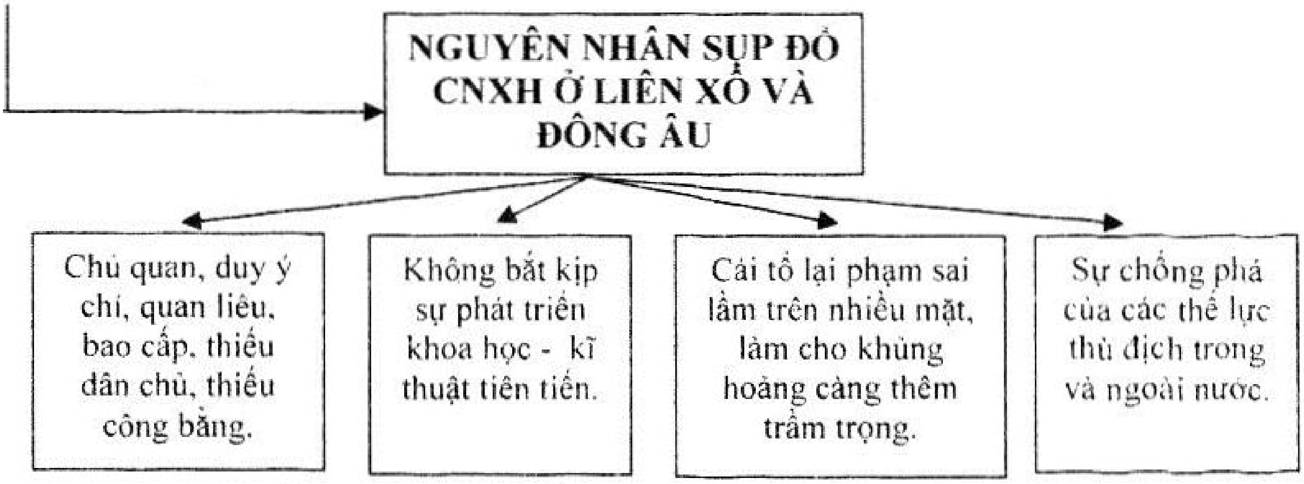
NGUYÊN NHÂN SỤP ĐỔ CNXH Ở LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU
Chủ quan, duy ý chí, quan liêu, bao cấp, thiếu dân chủ, thiếu công bằng.
Không bắt kịp sự phát triển khoa học - kĩ thuật tiên tiến.
Cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm trầm trọng.
Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 thế kỉ XX

1. Liên Xô

a. Công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945 - 1950)

* Hoàn cảnh lịch sử:

Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề cho đất nước Xô viết.

- Hơn 27 triệu người chết; 1.710 thành phố, hơn 70.000 làng mạc, gần 32.000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá. Đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.
- Các nước phương Tây do Mĩ cầm đầu tiến hành Chiến tranh lạnh.

* Những thành tựu đạt được:

- Đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946 - 1950) trước thời hạn 9 tháng.
- Liên Xô đã phục hồi nền sản xuất công nghiệp, năm 1947 đạt mức trước chiến tranh.
- Một số ngành sản xuất nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh.
- Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

b. Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX)

Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH.

- Về công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp nặng. Đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).
- Về nông nghiệp, thu được nhiều thành tích nổi bật. Sản lượng nông phẩm liên tục tăng trong những năm 60, 70 thế kỉ XX.
- Trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, giành được nhiều thành tựu rực rỡ:
  + Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
  + Năm 1961, phóng con tàu vũ trụ Phương Đông đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất.
- Về mặt xã hội, có những thay đổi rõ rệt. Công nhân chiếm số đông dân số trong nước, nhân dân có trình độ học vấn cao.

c. Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của Liên Xô

- Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX, nhìn chung tình hình chính trị của Liên Xô tương đối ổn định.

- Về đối ngoại:

+ Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình và tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

+ Đấu tranh chống chính sách gây chiến xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

+ Giúp đỡ tích cực về vật chất cũng như tinh thần cho các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Trở thành tụ cột của hệ thống xã hội chủ nghĩa, là chỗ dựa cho hoà bình và phong trào cách mạng thế giới.

2. Các nước Đông Âu

a. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu

- Trong những năm 1944 – 1945, giành chính quyền và thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

- Cộng hoà Nhân dân Ba Lan (22 - 7 - 1944), Cộng hoà Nhân dân Ru-ma-ni (28 - 8 - 1944), Cộng hoà Nhân dân Hung-ga-ri (4 - 4 - 1945), Cộng hoà Tiệp Khắc (9 - 5 - 1945), Cộng hoà Nhân dân Liên bang Nam Tư (29 - 11 - 1945), Cộng hoà Nhân dân An-ba-ni (11 - 12 - 1945), Cộng hoà Nhân dân Bun-ga-ri (15 - 9 - 1946), Cộng hoà Liên bang Đức (6 - 1949), Cộng hòa Dân chủ Đức (10 - 1949).

b. Xây dựng chế độ dân chủ nhân dân

- Những năm 1947 - 1948, các chính đảng tư sản đã ngăn cản, phá hoại việc thực hiện những cải cách dân chủ ở Đông Âu.

- Các nước Đông Âu đã tiến hành cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp lớn của tư bản nước ngoài và trong nước, thực hiện rộng rãi các quyền tự do dân chủ, ban hành các đạo luật về chế độ làm việc, lương bổng, nghỉ ngơi theo tinh thần dân chủ. Đến khoảng những năm 1948 - 1949, các nước Đông Âu đều lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

c. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu

Từ giữa những năm 50 thế kỉ XX , các nước Đông Âu tiến hành xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội với việc thực hiện các kế hoạch 5 năm. Với sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô và sự cố gắng vượt bậc của nhân dân Đông Âu, trong những năm 1950 - 1975, các nước Đông Âu về cơ bản đã thực hiện thành công năm kế hoạch 5 năm.

3. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa

a. Quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kĩ thuật: Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)

- Ngày 8 - 1 - 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (viết tắt là SEV) được thành lập.

- Mục đích: Củng cố, hoàn thiện sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật, không ngừng nâng cao mức sống của các thành viên.

- Trong quá trình hoạt động, khối SEV có những hạn chế như "khép kín", không hoà nhập với kinh tế thế giới...

b. Quan hệ hợp tác chính trị - quân sự: Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va

- Ngày 14 - 5 - 1955, các nước An-ba-ni, Ba Lan, Bun-ga-ri, CHDC Đức, Hung-ga-ri, Liên Xô, Ru-ma-ni, Tiệp Khắc thành lập tổ chức Vác-sa-va nhằm duy trì hoà bình, an ninh châu Âu, củng cố tình hữu nghị, sự hợp tác và sức mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa.
- Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va trở thành một đối trọng với NATO, đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới.

c. Quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa các nước xã hội chủ nghĩa

Ngoài các mối quan hệ kinh tế, chính trị trong khuôn khổ Hội đồn tương trợ kinh tế và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va, giữa Liên Xô, Trung Quốc, các nước Đông Âu và các nước xã hội chủ nghĩa khác còn có mối quan hệ hợp tác về nhiều mặt như văn hoá, khoa học, giáo dục... Thông qua các hiệp ước hữu nghị và hợp tác song phương, các nước xã hội chủ nghĩa đã tăng cường đoàn kết, cùng giúp đỡ nhau phát triển.

II. Liên xô và các nước Đông Âu từ nửa sau những năm 1970 đến năm 1991

1. Liên Xô từ nửa sau những năm 1970 đến năm 1991

a. Tình hình kinh tế - xã hội

- Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng bùng nổ, Đảng và Nhà nước Liên Xô lại cho rằng quan hệ xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng chung toàn thế giới, nên đã chậm đề ra đường lối cải cách.
- Mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô chứa đựng những thiếu sót, sai lầm được tích tụ từ lâu. Xã hội Xô viết lâm vào tình trạng trì trệ. Biểu hiện:
  + Kém các nước phương Tây về khoa học - kĩ thuật.
  + Nền kinh tế Liên Xô ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, nợ nước ngoài và lạm phát không ngừng tăng lên.
  + Đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

b. Công cuộc cải tổ (1985 - 1991)

- Tháng 3 - 1985, M.Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, đã đưa ra đường lối tiến hành cải tổ.
  + Về kinh tế, thực hiện "cải cách kinh tế triệt để".
  + Về chính trị - xã hội, cải cách hệ thống chính trị và đổi mới tư tưởng.
- Sau 6 năm tiến hành cải tổ, do phạm nhiều sai lầm nên tình hình không được cải thiện, đất nước Xô viết lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện.

c. Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết

- Ngày 19 - 8 - 1991, một cuộc chính biến nhằm lật đổ Goóc-ba-chốp nổ ra nhưng thất bại. Sau đó, Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Uỷ ban Trung ương Đảng. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động, Chính phủ Liên bang bị tê liệt.
- Ngày 21 - 12 - 1991, những người lãnh đạo 11 nước cộng hoà trong Liên bang kí Hiệp định thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- Ngày 25 - 12 - 1991, Tổng thống Goóc-ba-chốp từ chức, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.

2. Sự khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu

- Vào những năm cuối của thập kỉ 70 - đầu thập kỉ 80 thế kỉ XX, nền kinh tế Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

- Nhân dân các nước Đông Âu giảm sút lòng tin vào Đảng và Nhà nước. Sự bất bình của họ ngày càng tăng lên.

- Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các nước Đông Âu có những cố gắng để điều chỉnh sự phát triển kinh tế. Nhưng cuối cùng bị bế tắc, làm cho khủng hoảng ngày thêm gay gắt.

- Các nước Đông Âu chấp nhận tình trạng đa nguyên, đa đảng và tiến hành tổng tuyển cử, chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa. Các nước Đông Âu lần lượt từ bỏ chủ nghĩa xã hội, tuyên bố là nước cộng hoà.

3. Nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu

- *Một là,* đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Thêm vào đó, sự thiếu dân chủ và công bằng đã làm tăng thêm sự bất mãn trong quần chúng.

- *Hai là,* không bắt kịp bước phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật tiên tiến, dẫn tới tình trạng trì trệ, khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

- *Ba là,* khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm trầm trọng.

- *Bốn là,* sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

III. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga là "quốc gia kế tục Liên Xô".

- Về kinh tế, trong những năm 1990 – 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của GDP luôn là số âm. Từ năm 1997 trở đi, kinh tế được phục hồi và phát triển.

- Về chính trị, tháng 12 - 1993 bản Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.

- Về đối nội, Nga phải đối mặt với hai thách thức lớn là tình trạng không ổn định do sự tranh chấp giữa các đảng phái và những vụ xung đột sắc tộc.

- Về mặt đối ngoại, một mặt Nga ngả về phương Tây với hi vọng nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế; mặt khác, khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á.

- Từ đầu năm 2000, chính phủ của Tổng thống Pu-tin cố gắng phát triển kinh tế, củng cố nhà nước pháp quyền, ổn định tình hình xã hội và nâng cao vị thế quốc tế của nước Nga.

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LA-TINH (1945-2000)

Bài 3

TRUNG QUỐC VÀ BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN

A. Sơ đồ hóa kiến thức

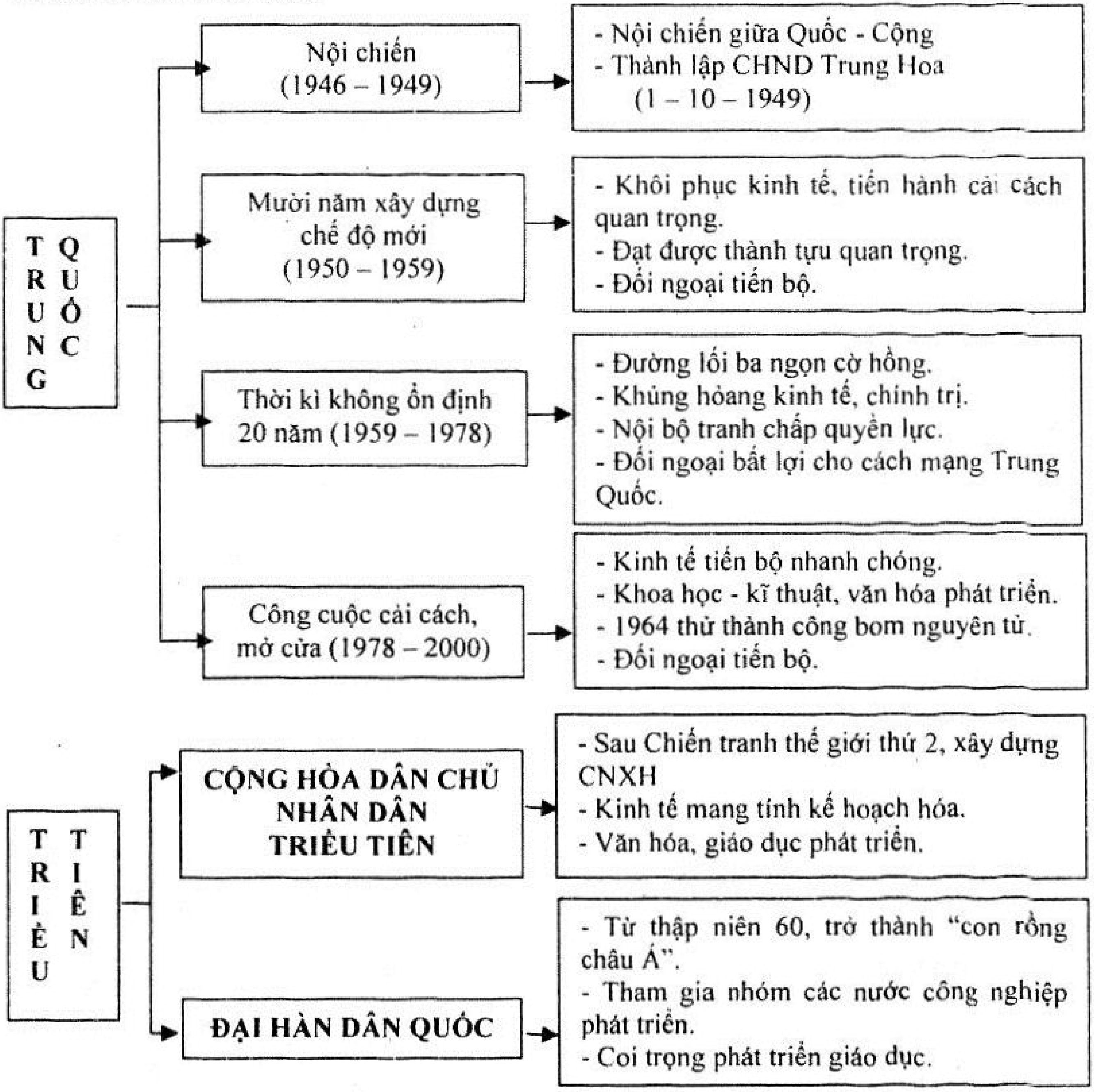

- TRUNG QUỐC
  - Nội chiến (1946 – 1949)
    - Nội chiến giữa Quốc - Cộng
    - Thành lập CHND Trung Hoa (1 – 10 – 1949)
  - Mười năm xây dựng chế độ mới (1950 – 1959)
    - Khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách quan trọng.
    - Đạt được thành tựu quan trọng.
    - Đối ngoại tiến bộ.
  - Thời kì không ổn định 20 năm (1959 – 1978)
    - Đường lối ba ngọn cờ hồng.
    - Khủng hoảng kinh tế, chính trị.
    - Nội bộ tranh chấp quyền lực.
    - Đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.
  - Công cuộc cải cách, mở cửa (1978 – 2000)
    - Kinh tế tiến bộ nhanh chóng.
    - Khoa học - kĩ thuật, văn hóa phát triển.
    - 1964 thử thành công bom nguyên tử.
    - Đối ngoại tiến bộ.
- TRIỀU TIÊN
  - CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN TRIỀU TIÊN
    - Sau Chiến tranh thế giới thứ 2, xây dựng CNXH
    - Kinh tế mang tính kế hoạch hóa.
    - Văn hóa, giáo dục phát triển.
  - ĐẠI HÀN DÂN QUỐC
    - Từ thập niên 60, trở thành "con rồng châu Á".
    - Tham gia nhóm các nước công nghiệp phát triển.
    - Coi trọng phát triển giáo dục.

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Trung Quốc

1. Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959)

a. Cuộc nội chiến:

- Cuộc nội chiến kéo dài hơn 3 năm (1946 - 1949).

- Ngày 20 - 7 - 1946, Tưởng Giới Thạch chính thức phát động cuộc nội chiến chống Đảng Cộng sản.

- Từ tháng 7 - 1946 đến tháng 6 - 1947, Quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực.

- Từ cuối năm 1948 đến đầu năm 1949, Quân giải phóng đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.540.000 tên địch, lực lượng chủ lực của địch bị tổn thất nghiêm trọng.

- Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch thất bại, phải tháo chạy sang Đài Loan.

- Ngày 1 - 10 - 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.

b. Ý nghĩa:

- Thắng lợi này đã chấm dứt hơn 100 năm nô dịch của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến.

- Đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á và ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

c. Công cuộc khôi phục kinh tế và cải cách:

- Từ năm 1950, nhân dân Trung Quốc bước vào giai đoạn khôi phục kinh tế, tiến hành những cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành công nghiệp hoá, xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá, giáo dục...

- Từ năm 1953, thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953 - 1957). Nhờ nỗ lực lao động của toàn dân và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm đã thu được những thành tựu to lớn. Bộ mặt đất nước Trung Quốc có nhiều thay đổi rõ rệt.

- Về đối ngoại, ngày 14 - 2 - 1950, Trung Quốc kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung - Xô"; phái quân chí nguyện sang giúp nhân dân Triều Tiên chống Mĩ (1950 - 1953); tham gia Hội nghị các nước Á - Phi tại Băng-đung (1955); giúp đỡ nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp, ủng hộ các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh..

- Ngày 18 - 1 - 1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

2.Trung Quốc trong những năm không ổn định (1959 - 1978)

- Từ năm 1959, Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định kéo dài tới 20 năm 1959 - 1978).

+ Về kinh tế, chính trị và xã hội: thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng" với mong muốn nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

+ Hậu quả là năm 1959, trong cả nước nạn đói diễn ra trầm trọng, đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất ngừng trệ, đất nước không ổn định.

- Từ năm 1968 đến năm 1978, Đảng và Chính phủ không đề ra kế hoạch kinh tế - xã hội dài hạn mà chỉ đưa ra những kế hoạch hằng năm. Đồng thời, trong nội bộ ban lãnh đạo vẫn tiếp tục diễn ra cuộc tranh giành quyền lực gay gắt.

- Về đối ngoại, Trung Quốc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mĩ xâm lược của nhân dân Việt Nam. Những cuộc xung đột ở biên giới giữa Trung Quốc với Ấn Độ (1962), giữa Trung Quốc với Liên Xô (1969). Tháng 2 - 1972, Tổng thống MĩNích-xơn sang thăm Trung Quốc, mở đầu quan hệ mới theo chiều hướng hoà dịu giữa hai nước.

3. Công cuộc cải cách - mở cửa (từ năm 1978)

- Tháng 12 - 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vạch ra đường lối mới. Đường lối này được nâng lên thành đường lối chung qua Đại hội XII (tháng 9 - 1982), đặc biệt là Đại hội XIII (tháng 10 - 1987) của Đảng: lấy phát triển kinh tế làm trung tâm; kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản.

- Thực hiện đường lối cải cách, đất nước Trung Quốc có những biến đổi căn bản.

+ Khoa học - kĩ thuật, văn hoá và giáo dục Trung Quốc đạt nhiều thành tựu quan trọng.

+ Năm 1964, Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử.

+ Từ tháng 11-1999 đến tháng 3 - 2003, đạt nhiều thành tựu về du hành vũ trụ.

- Về đối ngoại, bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

4. Lãnh thổ Đài Loan

- Trong những năm 1950, Đài Loan tiến hành khôi phục kinh tế, đồng thời thực hiện hai "kế hoạch 5 năm xây dựng kinh tế", nhờ đó đã đạt được một số thành tựu bước đầu.

- Bước sang những năm 1960, chính quyền Đài Loan tiến hành nhiều cải cách kinh tế, chính trị, xã hội, đưa ra chiến lược kinh tế "hướng về xuất khẩu". Nền kinh tế phát triển năng động.

- Trong vòng ba thập niên xây dựng và phát triển, Đài Loan được coi là một trong những "con rồng" ở Đông Á.

II. B án đảo triều tiên

1. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân miền Bắc đã tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Nền kinh tế của CHDCND Triều Tiên mang tính kế hoạch hoá tập trung cao độ. Đất nông nghiệp được tập thể hoá, các ngành công nghiệp do Nhà nước quản lí. Công nghiệp nặng được chú trọng, đặc biệt là công nghiệp quốc phòng.

- Văn hoá - giáo dục có bước tiến đáng kể. Năm 1999, Triều Tiên hoàn thành xoá nạn mù chữ. Chính phủ thi hành chương trình giáo dục 10 năm bắt buộc và miễn phí.

2. Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc)

- Tình hình kinh tế - xã hội Hàn Quốc những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai vô cùng khó khăn, chính trị không ổn định.

- Từ thập niên 1960 trở đi, kinh tế Hàn Quốc từng bước có những thay đổi lớn: từ nước nghèo nàn, lạc hậu, sau ba thập niên phát triển, Hàn Quốc trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á.

- Từ năm 1993, Hàn Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế nhằm mục tiêu sớm tham gia vào câu lạc bộ các nước công nghiệp phát triển.

- Năm 1997, Hàn Quốc phải trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ rất nặng nề.

- Giáo dục là lĩnh vực được đánh giá cao trong nền văn hoá Hàn Quốc, được coi là chìa khoá của sự thành công.

3. Quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên

- Sau chiến tranh Triều Tiên, vào những thập kỉ 1950 và 1960, Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên ở trong tình trạng đối đầu.

- Từ những năm 70 trở đi, quan hệ giữa hai miền có sự thay đổi, chuyển sang đối thoại. Năm 1990, các nhà lãnh đạo cấp cao của hai bên đã đi đến nhất trí: "xoá bỏ tình trạng đối lập về chính trị và quân sự giữa hai miền Nam - Bắc, tiến hành giao lưu và hợp tác nhiều mặt".

- Ngày 13 - 6 - 2000, hai nhà lãnh đạo cao nhất Triều Tiên đã gặp gỡ ở Bình Nhưỡng và kí hiệp định hoà hợp giữa hai quốc gia, mở ra một trang mới trong quan hệ giữa hai miền.

Bài 4

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

A. Sơ đồ hoá kiến thức

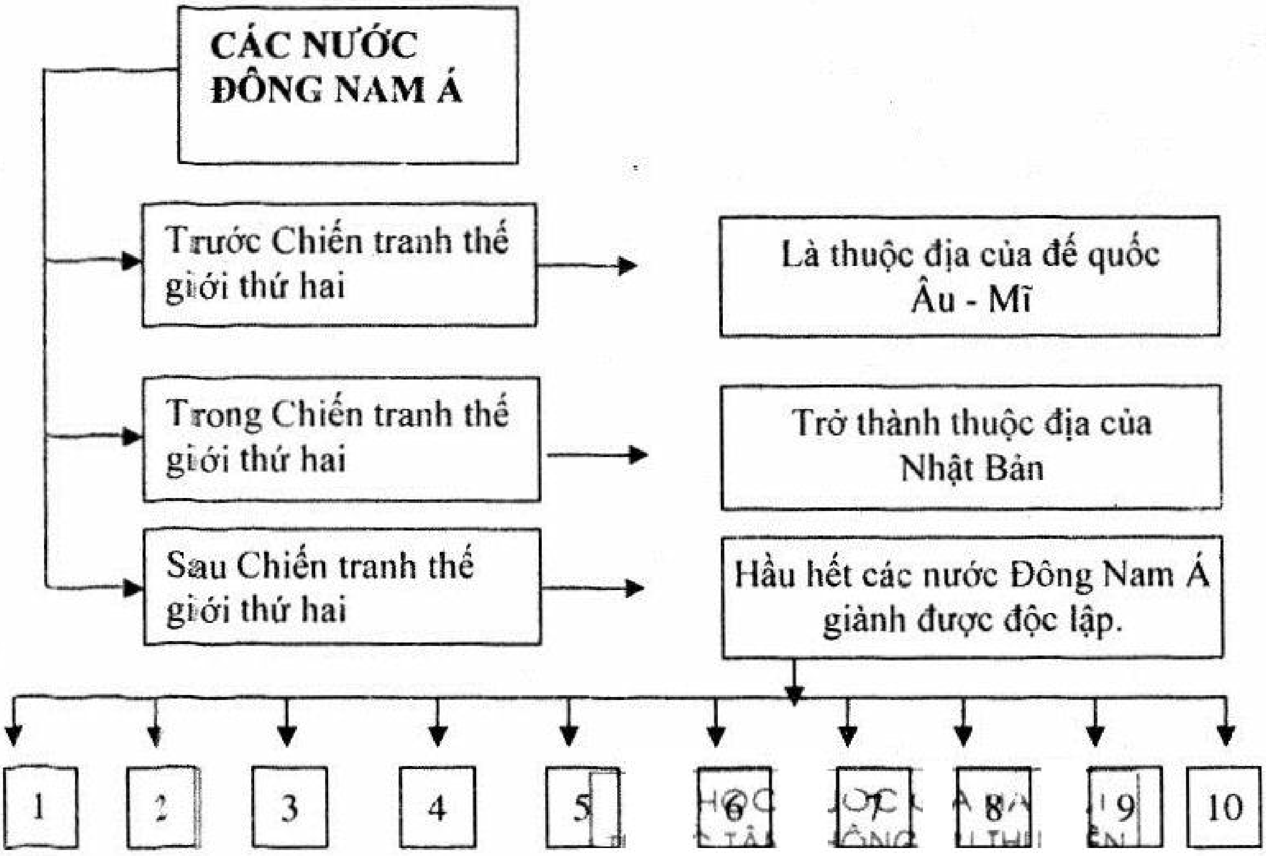
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á
Trước Chiến tranh thế giới thứ hai
Là thuộc địa của đế quốc Âu - Mĩ
Trong Chiến tranh thế giới thứ hai
Trở thành thuộc địa của Nhật Bản
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai
Hầu hết các nước Đông Nam Á giành được độc lập.
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

(1) In-đô-nê-xi-a (1945); (2) Phi-líp-pin (1946);
(3) Miến Điện (1948); (4) Việt Nam (1945);
(5) Lào (1945); (6) Cam-pu-chia (1945),
(7) Mã Lai (1957); (8): Xinh-ga-po (1957);
(9) Bru-nây (1984); (10) Đông Ti-mo (2002). Trừ Thái Lan.

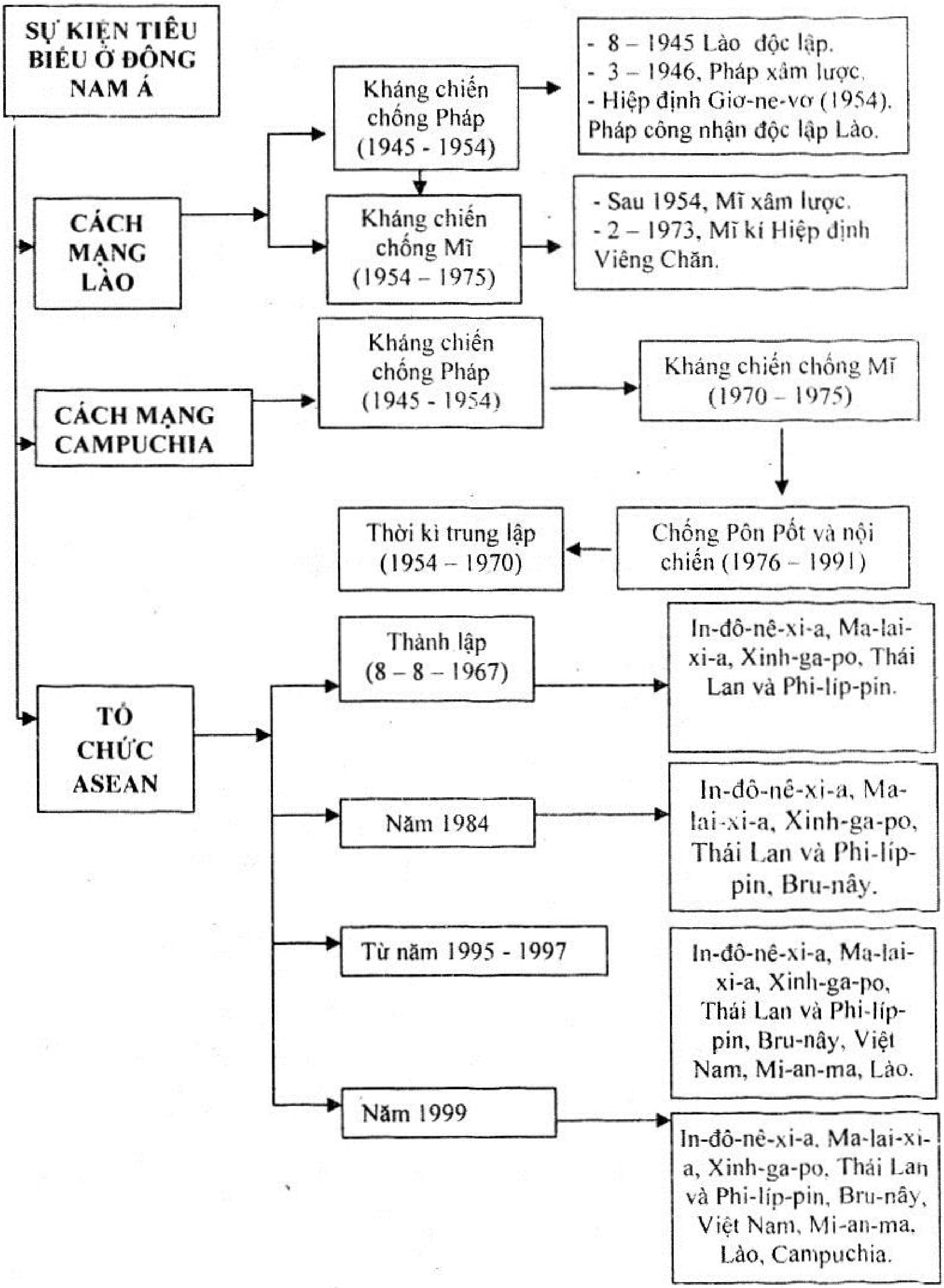
SỰ KIỆN TIÊU BIỂU Ở ĐÔNG NAM Á
CÁCH MẠNG LÀO
Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)
- 8 – 1945 Lào độc lập.
- 3 – 1946, Pháp xâm lược.
- Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954). Pháp công nhận độc lập Lào.
Kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975)
- Sau 1954, Mĩ xâm lược.
- 2 – 1973, Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn.
CÁCH MẠNG CAMPUCHIA
Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)
Kháng chiến chống Mĩ (1970 – 1975)
Chống Pôn Pốt và nội chiến (1976 – 1991)
Thời kì trung lập (1954 – 1970)
TỔ CHỨC ASEAN
Thành lập (8 – 8 – 1967)
In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin.
Năm 1984
In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin, Bru-nây.
Từ năm 1995 - 1997
In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin, Bru-nây, Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.
Năm 1999
In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin, Bru-nây, Việt Nam, Mi-an-ma, Lào, Campuchia.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Sự thành lập các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai

1. Sự thành lập các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á

a. Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực (trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của đế quốc Âu - Mĩ.

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Nam Á trở thành thuộc địa của Nhật Bản.

- Giữa tháng 8 - 1945, nhân dân Đông Nam Á đứng lên đấu tranh, nhiều nước giành được độc lập.

+ Ngày 17 - 8 - 1945, nhân dân In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a.

+ Tháng 8 - 1945, nhân dân Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa; ngày 2 - 9 - 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

+ Tháng 8 - 1945, nhân dân các bộ tộc Lào nổi dậy, đến ngày 12 – 10, nước Lào tuyên bố độc lập.

- Sau đó, thực dân Âu - Mĩ quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á. Nhân dân các nước Đông Nam Á lại tiến hành kháng chiến chống xâm lược.

+ Với thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ ở Việt Nam (1954) buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

+ Tháng 5 - 1949, Hà Lan phải công nhận Cộng hoà Liên bang In-đô-nê-xi-a và ngày 15 - 8 - 1950, nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.

+ Các nước Âu - Mĩ lần lượt công nhận độc lập của các nước Phi-líp-pin (1946), Miến Điện (1948), Mã Lai (1957), Xinh-ga-po (1959), Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia (1975), Bru-nây (1984), Đông Ti-mo (2002).

b. Lào (1945 - 1975)

** Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*

- Ngày 23 - 8 - 1945, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12 - 10, Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

- Tháng 3 - 1946, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Lào. Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập của mình.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), Pháp phải công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào, thừa nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng kháng chiến Lào.

** Cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975)*

- Ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương vừa kí kết, Mĩ đã lập tức hất cẳng Pháp, âm mưu biến Lào thành thuộc địa kiểu mới. Từ đây, nhân dân Lào lại phải cầm súng chống kẻ thù mới là đế quốc Mĩ.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (thành lập ngày 22 - 3 - 1955), cuộc đấu tranh của nhân dân Lào diễn ra cả trên ba mặt trận: quân sự - chính trị - ngoại giao và giành được nhiều thắng lợi.

- Tháng 2 - 1973, Hiệp định Viêng Chăn được kí kết về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

- Từ tháng 5 đến tháng 12 - 1975, quân dân Lào đã nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

- Ngày 2 - 12 - 1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập. Từ đó, nước Lào bước sang thời kì mới - xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội.

c. Cam-pu-chia

- Đầu tháng 10 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược và thống trị Cam-pu-chia. Nhân dân Cam-pu-chia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia.

- Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, chính phủ Xi-ha-núc thực hiện đường lối hoà bình trung lập.

- Sau cuộc đảo chính lật đổ Xi-ha-núc ngày 18 - 3 - 1970 của thế lực tay sai Mĩ, Cam-pu-chia bị kéo vào quỹ đạo của cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới của Mĩ trên bán đảo Đông Dương.

- Ngày 17 - 4 - 1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi.

- Ngay sau đó, nhân dân Cam-pu-chia lại phải tiếp tục cuộc đấu tranh chống tập đoàn Khơ-me đỏ do Pôn Pốt cầm đầu. Ngày 7 - 1 - 1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.

- Từ năm 1979 ở Cam-pu-chia đã diễn ra cuộc nội chiến. Cuộc nội chiến kéo dài hơn một thập kỉ, gây nhiều tổn thất cho đất nước. Ngày 23 - 10 - 1991, Hiệp định hoà bình về Cam-pu-chia được kí kết tại Pari. Sau cuộc tổng tuyển cử tháng 9 - 1993, Cam-pu-chia bước sang một thời kì mới.

2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á

a. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN

- Sau khi giành được độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đều tiến hành công nghiệp hoá, xây dựng nền kinh tế tự chủ. Tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.

- Từ những năm 60 - 70 thế kỉ XX trở đi, các nước này chuyển sang chiến lược lấy xuất khẩu làm chủ đạo, thực hiện chính sách "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

- Thành tựu: tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

b. Nhóm các nước Đông Dương

- Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Dương, về cơ bản đã phát triển nền kinh tế tập trung, và đã đạt được một số thành tựu, nhưng còn gặp nhiều khó khăn.

- Trong thời kì xây dựng đất nước, mặc dù đã đạt được một số thành tựu bước đầu, nhưng Lào vẫn là nước nông nghiệp. Công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Lào thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế có những bước phát triển khá nhanh, đời sống các dân tộc được cải thiện.

- Từ sau khi thành lập Vương quốc (1993), tình hình chính trị dần dần ổn định, Cam-pu-chia bước vào giai đoạn phục hồi kinh tế và xây dựng, đạt được một số thành tựu đáng kể.

c. Các nước khác ở Đông Nam Á

- Nền kinh tế Bru-nây có nét khác 5 nước nói trên. Hầu như toàn bộ kinh tế Bru-nây đều dựa vào nguồn thu từ dầu mỏ và khí tự nhiên. Lương thực, thực phẩm phải nhập tới 80%. Từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, Chính phủ tiến hành điều chỉnh các chính sách cơ bản nhằm đa dạng hoá nền kinh tế.

- Sau gần 30 năm thi hành chính sách tự lực hướng nội, Mi-an-ma có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm chạp. Từ cuối năm 1988, Chính phủ tiến hành cải cách kinh tế và "mở cửa", do đó nền kinh tế có sự khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 1995 là 7%, năm 2000 là 6,2%.

3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN

a. Hoàn cảnh

- Sau khi giành được độc lập, các nước ở Đông Nam Á còn gặp nhiều khó khăn nên có nhu cầu hợp tác với nhau cùng phát triển. Đồng thời muốn hạn chế ảnh hưởng của các thế lực bên ngoài đối với khu vực.

- Ngày 8 - 8 - 1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin.

b. Quá trình hoạt động

- Trong giai đoạn đầu (1967 - 1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế. Từ giữa những năm 70, ASEAN có những bước tiến mới.

- Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Bru-nây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

- Ngày 22 - 7 - 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Ba-li. Tiếp đó, tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7 - 1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN, và tháng 4 - 1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào tổ chức này.

- Như vậy, từ năm nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển.

Bài 5

ẤN ĐỘ VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

A. Sơ đồ và niên biểu hóa kiến thức

ẤN ĐỘ

- 1945 - 1947, chống thực dân, do Đảng Quốc đại lãnh đạo.
- 7 - 1948, Anh hứa sẽ trao quyền tự trị.
- 15 - 8 - 1947, tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pa-kix-tan.
- 26 - 1 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

Chống thực dân Anh giành độc lập

- Nông nghiệp: tự túc lương thực, xuất khẩu.
- Công nghiệp: vươn lên thành cường quốc công nghệ phần mềm.
- 1974, chế tạo thành công bom nguyên tử, phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

Xây dựng đất nước

KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Ngày 29 - 11 - 1947	Pa-lex-tin bị chia làm hai quốc gia: một của người A Rập Pa-lex-tin, một của người Do Thái.
Ngày 15 - 5 - 1948	Bảy nước A Rập đã tấn công I-xra-en. Từ đó, xung đột giữa I-xra-en và Pa-lex-tin diễn ra liên miên.
Ngày 28 - 5 - 1964	Tổ chức giải phóng Pa-lex-tin (PLO) được thành lập, đã đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng Pa-lex-tin.
Ngày 15 - 11 - 1988	Nhà nước Pa-lex-tin ra đời.
Ngày 13 - 9 - 1993,	Một hiệp định hoà bình được kí kết giữa I-xra-en và PLO.
Ngày 28 - 9 - 1995	Hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Pa-lex-tin ở bờ Tây sông Gioóc-đan.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ và niên biểu

I. Ấn Độ

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh

- Trong những năm 1945 - 1947, cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại bùng lên mạnh mẽ.

- Quy mô rộng lớn và khí thế của phong trào đấu tranh đã làm cho chính quyền thực dân Anh phải nhượng bộ, hứa sẽ trao quyền tự trị cho Ấn Độ và người Anh sẽ rời khỏi Ấn Độ trước tháng 7 - 1948.

- Ngày 15 - 8 - 1947, Ấn Độ đã tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pa-kix-tan.

- Trước sức ép của phong trào quần chúng, thực dân Anh buộc phải công nhận độc lập hoàn toàn của Ấn Độ. Ngày 26 - 1 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

2. Thời kì xây dựng đất nước

- Trong thời kì xây dựng đất nước, Ấn Độ đã thực hiện những kế hoạch dài hạn nhằm phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá.

- Nhờ thành tựu của cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực và bắt đầu xuất khẩu.

- Trong ba thập kỉ cuối thế kỷ XX, Ấn Độ đầu tư nhiều vào lĩnh vực công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin và viễn thông, và đang cố gắng vươn lên hàng các cường quốc và công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ...

- Về đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chính sách hoà bình, trung lập tích cực, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc. Ấn Độ là một trong những nước sáng lập Phong trào Không liên kết. Vị thế của Ấn Độ ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

- Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 7-1-1972.

II. Khu vực Trung Đông

- Ngày 14 - 5 - 1948, Nhà nước Do Thái thành lập, lấy tên là I-xra-en. Không tán thành Nghị quyết 181, ngày 15 - 5 - 1948, bảy nước A Rập đã tấn công I-xra-en. Từ đó, xung đột giữa Ixra-en và Pa-lex-tin diễn ra liên miên.

- Ngày 28 - 5 - 1964, tổ chức giải phóng Pa-lex-tin (PLO) được thành lập, đã đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng Pa-lex-tin. Năm 1975, Liên hợp quốc công nhận quyền bất khả xâm phạm của nhân dân Pa-le-xtin.

- Ngày 15 - 11 - 1988, Nhà nước Pa-lex-tin ra đời. Ngày 13 - 9 - 1993, một hiệp định hoà bình được kí kết giữa I-xra-en và PLO.

- Ngày 28 - 9 - 1995, hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Pa-lex-tin ở bờ Tây sông Gioóc-đan được kí kết. Tuy nhiên, tiến trình hoà bình ở Trung Đông tiến triển chậm, có lúc hầu như ngừng trệ. Cuộc xung đột giữa hai bên vẫn diễn ra liên tiếp.

Bài 6

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA-TINH

A. Sơ đồ hóa kiến thức

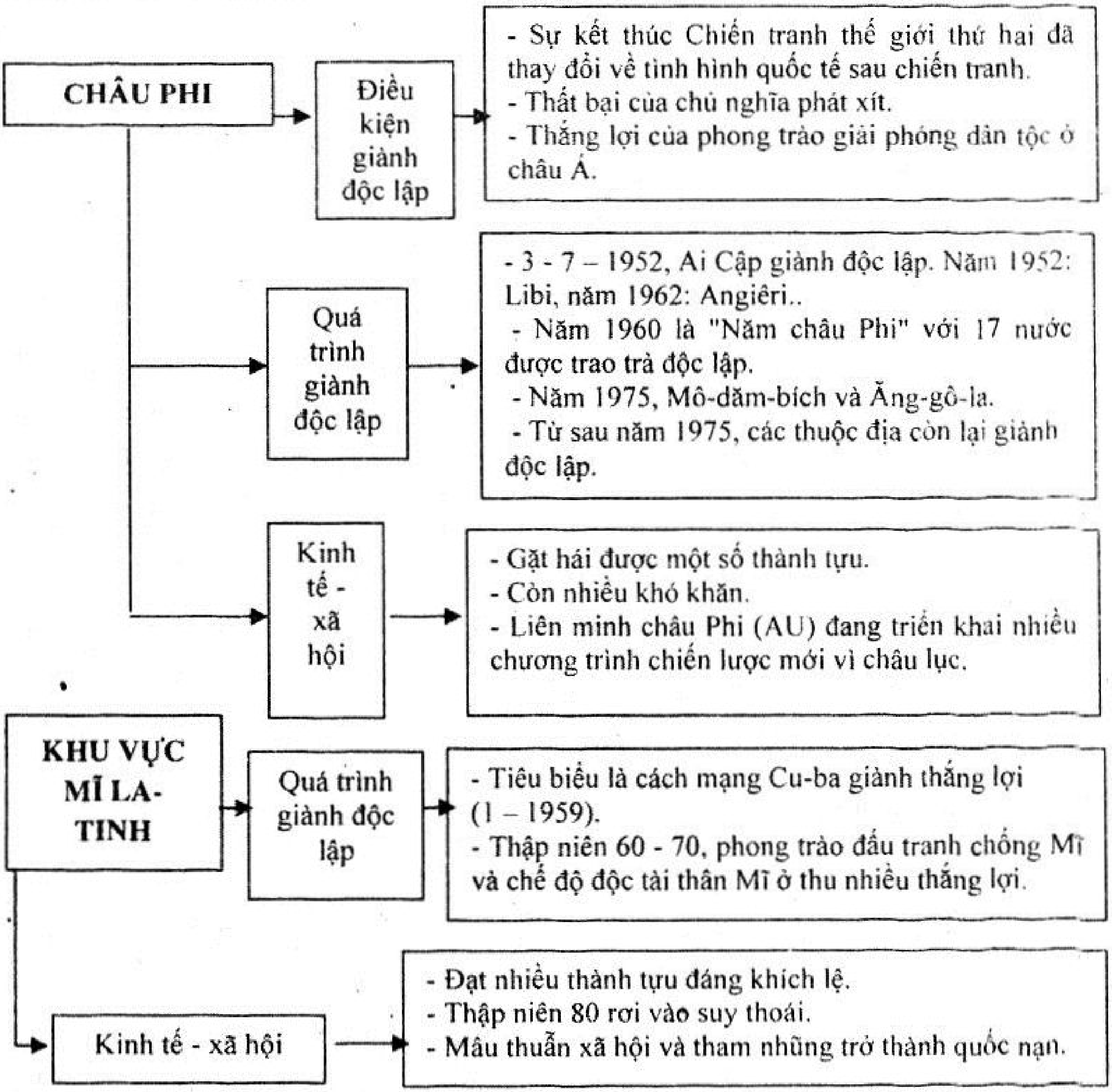

CHÂU PHI

Điều kiện giành độc lập

- Sự kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai đã thay đổi về tình hình quốc tế sau chiến tranh.
- Thất bại của chủ nghĩa phát xít.
- Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.

Quá trình giành độc lập

- 3 - 7 – 1952, Ai Cập giành độc lập. Năm 1952: Libi, năm 1962: Angiêri..
- Năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập.
- Năm 1975, Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la.
- Từ sau năm 1975, các thuộc địa còn lại giành độc lập.

Kinh tế - xã hội

- Gặt hái được một số thành tựu.
- Còn nhiều khó khăn.
- Liên minh châu Phi (AU) đang triển khai nhiều chương trình chiến lược mới vì châu lục.

KHU VỰC MĨ LA-TINH

Quá trình giành độc lập

- Tiêu biểu là cách mạng Cu-ba giành thắng lợi (1 – 1959).
- Thập niên 60 - 70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở thu nhiều thắng lợi.

Kinh tế - xã hội

- Đạt nhiều thành tựu đáng khích lệ.
- Thập niên 80 rơi vào suy thoái.
- Mâu thuẫn xã hội và tham nhũng trở thành quốc nạn.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Các nước châu Phi

1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập

a. Các điều kiện tác động đến phong trào

- Sự kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai cũng như những thay đổi về tình hình quốc tế sau chiến tranh.

- Thất bại của chủ nghĩa phát xít, sự suy yếu của Anh và Pháp, hai quốc gia thống trị nhiều vùng thuộc địa tại châu Phi.

- Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trước hết là của Việt Nam và Trung Quốc.

b. Diễn biến của phong trào

- Mở đầu là cuộc binh chiến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập (3 - 7 - 1952) lật đổ vương triều Pha-rúc, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập. Năm 1952, nhân dân Li-bi giành được độc lập. Năm 1962, nhân dân An-giê-ri đã giành được thắng lợi.
- Năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập, đánh dấu sự sụp đổ cơ bản chủ nghĩa thực dân cũ.
- Năm 1975, thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la, về cơ bản đã chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó.
- Từ sau năm 1975, nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, đã gặt hái được những thành tựu bước đầu nhưng chưa đủ để thay đổi căn bản bộ mặt của châu lục này.
- Mặc dù vậy, nhiều nước châu Phi còn nằm trong tình trạng lạc hậu, không ổn định và khó khăn do xung đột, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên; đói nghèo, bệnh tật và mù chữ; sự bùng nổ về dân số; nợ nần và sự phụ thuộc vào nước ngoài v.v...
- Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng 5-1963, đến năm 2002 đổi thành Liên minh châu Phi (AU) đang triển khai nhiều chương trình chiến lược vì sự phát triển của châu lục.

II. Các nước Mĩ La-tinh

1. Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ tìm cách biến Mĩ La-tinh thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.
- Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu-ba dưới sự lãnh đạo của Phiđen Cátxtơrô.
  + Tháng 3 - 1952, với sự giúp đỡ của Mĩ, Ba-tix-ta đã thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu-ba.
  + Trong bối cảnh đó, nhân dân Cu-ba đã đứng lên đấu tranh chống chế độ độc tài. Ngày 1-1- 1959 chế độ Ba-tix-ta sụp đổ, nước Cộng hoà Cu-ba ra đời.
- Tháng 8 - 1961, Mĩ đề xướng việc tổ chức "Liên minh vì tiến bộ" để lôi kéo các nước Mĩ La-tinh. Từ thập niên 60-70 thế kỉ XX, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực càng phát triển và thu nhiều thắng lợi.
- Từ những hình thức bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất, đấu tranh nghị trường, đến cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ La-tinh nên khu vực này được gọi là "lục địa bùng cháy".

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

- Sau khi giành được chủ quyền, các nước Mĩ La-tinh bước vào thời kì xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới như Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô.

- Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, nhiều nước Mĩ La-tinh rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế nặng nề, lạm phát tăng nhanh, khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài chồng chất.

- Bước sang thập niên 90, nền kinh tế Mĩ La-tinh có chuyển biến tích cực hơn. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của nhiều nước Mĩ La-tinh còn gặp không ít khó khăn, mâu thuẫn xã hội là vấn đề nổi bật, tham nhũng đã trở thành quốc nạn và ngăn cản sự phát triển kinh tế.

Chương IV

MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 - 2000)

Bài 7

NƯỚC MĨ

A. Hệ thống hóa kiến thức

Thời gian	*Kinh tế*	*Khoa học – kĩ thuật*	*Chính trị, đối ngoại*
TỪ 1945 ĐẾN 1973	Trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất thế giới.	Đi đầu trong chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới; năng lượng mới; sản xuất vũ khí...	- Hai đảng Cộng hòa và Dân chủ thay nhau cầm quyền. - Thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng.
TỪ 1973 ĐẾN 1991	Từ 1973 đến 1982, khủng hoảng, từ 1984 phục hồi nhưng ở mức trung bình.	Phát triển nhưng bị cạnh tranh bởi Tây Âu, Nhật.	- Không ổn định, bê bối. - Sau 1975, tiếp tục "Chiến tranh lạnh". Đến 1989 chấm dứt "Chiến tranh lạnh".
TỪ 1991 ĐẾN 2000	Lâm vào một đợt suy thoái kéo dài.	- Tiếp tục phát triển với đội ngũ các chuyên gia đông nhất thế giới.	- Cố gắng thực hiện chính sách ba giá trị. - Triển khai chiến lược "Cam kết mở rộng".

B. Minh họa kiến thức theo bảng hệ thống

I. Nước Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973

1. Sự phát triển kinh tế:

Trong khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

- Nguyên nhân:

+ Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, khí hậu khá thuận lợi.

+ Có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo.

+ Lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí.

+ Là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại của thế giới.

+ Trình độ tập trung tư bản và sản xuất ở Mĩ rất cao.

+ Các chính sách và hoạt động điều tiết của Nhà nước cũng có vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

2. Thành tựu khoa học - kĩ thuật

- Mĩ là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới; năng lượng mới; sản xuất vũ khí; chinh phục vũ trụ và đi đầu cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp v.v...

- Những thành tựu đó không chỉ thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển, mà còn có ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới.

3. Tình hình chính trị - xã hội

- Mĩ là nước cộng hoà liên bang theo chế độ tổng thống. Hai đảng Dân chủ và Cộng hoà thay nhau cầm quyền.

- Từ 1945 đến đầu những năm 70, nước Mĩ đã trải qua 5 đời tổng thống (từ H.Tru-man đến R.Ních-xơn), mỗi tổng thống đều đưa ra một chương trình cải cách những vấn đề xã hội.

- Chính sách đối nội của các chính quyền Mĩ là tập trung duy trì, bảo vệ và phát triển chế độ tư bản Mĩ.

- Về mặt đối ngoại, Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Chiến lược toàn cầu của Mĩ nhằm thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu:

+ Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

+ Đàn áp phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới.

+ Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

- Xã hội Mĩ vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn giai cấp, xã hội, sắc tộc... Phong trào đấu tranh của nhân dân Mĩ là một trong những nguyên nhân buộc chính quyền Mĩ phải có những nhượng bộ có lợi cho quần chúng.

II. Nước Mĩ từ năm 1973 đến năm 1991

1. Tình hình kinh tế và khoa học - kĩ thuật

- Năm 1973, kinh tế Mĩ lâm vào một cuộc khủng hoảng và suy thoái, kéo dài tới năm 1982

- Từ năm 1983 trở đi, kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại, nhưng cũng chỉ ở tốc độ trung bình so với Tây Âu và Nhật Bản.

- Khoa học - kĩ thuật Mĩ tiếp tục sự phát triển, nhưng ngày càng bị cạnh tranh ráo riết bởi Tây Âu, Nhật Bản.

2. Tình hình chính trị - xã hội

- Từ năm 1974 đến năm 1991, chính trị không ổn định, thường xảy ra các vụ bê bối.

- Về đối ngoại, sau khi bị thất bại ở Việt Nam (1975), Mĩ vẫn tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu và theo đuổi "Chiến tranh lạnh", tăng cường chạy đua vũ trang, can thiệp vào các công việc quốc tế ở hầu hết các địa bàn chiến lược và điểm nóng trên thế giới.

- Tháng 12-1989, Mĩ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh".

III. Nước Mĩ từ năm 1991 đến năm 2000

1. Tình hình kinh tế, khoa học - kĩ thuật và văn hoá

- Bước vào những năm đầu tiên của thập niên 90, kinh tế Mĩ lại lâm vào một đợt suy thoái nặng nề. Mĩ vẫn là nước có nền kinh tế hàng đầu thế giới.

- Khoa học - kĩ thuật của Mĩ tiếp tục phát triển với đội ngũ chuyên gia đông nhất thế giới.

2. Tình hình chính trị - xã hội

a. Chính sách đối nội:

- Chính quyền B.Clin-tơn "cố gắng ứng dụng ba giá trị: cơ hội, trách nhiệm và cộng đồng để vượt qua những thử thách".

- Theo đó, chính quyền cố gắng tạo cơ hội thêm nhiều việc làm, mở rộng thị trường và tập trung đầu tư cho con người; đồng thời đòi hỏi việc nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, của chính phủ và của toàn xã hội trên cơ sở đoàn kết cộng đồng gia đình, láng giềng, dân tộc.

b. Chính sách đối ngoại:

- Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình, ở thập niên 90 thế kỉ XX Mĩ đã triển khai chiến lược "Cam kết và mở rộng" với ba trụ cột chính là:

  + Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao.

  + Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

  + Sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" ở nước ngoài như một công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

Bài 8

TÂY ÂU

A. Hệ thông hóa kiến thức

Thời gian	*Kinh tế - khoa học kĩ thuật*	*Chính trị, đối ngoại*
Từ 1945 - 1950	- Bị Chiến tranh thế giới thứ hai làm cho thiệt hại nặng nề. - Đến khoảng năm 1950, kinh tế đã cơ bản phục hồi, đạt mức trước chiến tranh. .	- Thực hiện nền chuyên chính của giai cấp tư sản. - Nhiều nước tham gia khối quân sự NATO do Mĩ đứng đầu.

Từ 1950 - 1973	- Đều có sự phát triển nhanh. - Từ đầu thập niên 70 trở đi, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. - Có nền khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.	- Tiếp tục phát triển nền dân chủ tư sản. - Tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ, mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại.
Từ 1973 - 1991	- Lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định. - Sự phát triển xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái và lạm phát, thất nghiệp. - Luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs).	- Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn. Các tệ nạn xã hội thường xuyên xảy ra. - Chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU).
Từ 1991 - 2000	- Nền kinh tế nhiều nước Tây Âu đã trải qua một đợt suy thoái ngắn. Sau đó phục hồi. - Khoa học - kĩ thuật tiên tiến hiện đại; đạt nhiều thành tựu về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật, thể thao.	- Trong thập niên cuối cùng của thế kỉ XX cơ bản là ổn định. - Mở rộng quan với các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ La-tinh, Liên Xô cũ.

B. Minh họa kiến thức theo bảng hệ thống

I. Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1950

- Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho các nước Tây Âu nhiều hậu quả nặng nề.

- Tuy nhiên, với sự cố gắng của từng bước và viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ "Kế hoạch Mác-san", đến khoảng năm 1950, nền kinh tế của hầu hết các nước tư bản Tây Âu đã cơ bản phục hồi, đạt mức trước chiến tranh.

- Về mặt chính trị, tuy các nước Tây Âu có những thể chế khác nhau nhưng đều theo chế độ đại nghị, đều là nền chuyên chính của giai cấp tư sản.

- Nhiều nước Tây Âu đã tham gia khối quân sự NATO do Mĩ đứng đầu, trở thành lực lượng đối trọng với khối XHCN Đông Âu vừa mới hình thành.

II. Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973

1. Sự phát triển kinh tế và khoa học - kĩ thuật

- Từ thập niên 50 đến đầu những năm 70, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh.

- Từ đầu thập niên 70 trở đi, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu như Anh, Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Thuỵ Điển, Phần Lan v.v... đều có nền khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

- Sở dĩ các nước Tây Âu phát triển kinh tế nhanh như vậy là do một số yếu tố sau:

+ Áp dụng thành công các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

+ Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

+ Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài để phát triển.

+ Sự nỗ lực lao động của các tầng lớp nhân dân.

2. Tình hình chính trị

- Đánh dấu sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản ở Tây Âu, đồng thời cũng ghi nhận những biến động đáng chú ý trên chính trường nhiều nước trong khu vực.
- Về mặt đối ngoại, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ, mặt khác đã nỗ lực mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại.
- Sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ của Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha... trên phạm vi toàn thế giới.

III. Tây Âu từ năm 1973 đến năm 1991

1. Tình hình kinh tế

- Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới năm 1973, Tây Âu bị lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định kéo dài đến đầu thập niên 90 thế kỉ XX.
- Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, nhưng kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu gặp không ít khó khăn. Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái và lạm phát, thất nghiệp.
- Tây Âu luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs).

2. Tình hình chính trị - xã hội

- Bên cạnh sự phát triển, xã hội Tây Âu vẫn bộc lộc những mặt trái của nó. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn. Các tệ nạn xã hội như hối hộ, tham nhũng, bạo lực, ma tuý, mại dâm vẫn thường xuyên xảy ra.
- Về mặt đối ngoại, tháng 11-1972 hai nước Đức kí "Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức"; tham gia Định ước Hen-xinh-ki (1975) về An ninh và Hợp tác châu Âu. Trong năm 1991, 12 nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Ma-xtrích đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU).

IV. Tây Âu từ năm 1991 đến năm 2000

1. Tình hình kinh tế

- Bước vào đầu thập niên 90, nền kinh tế nhiều nước Tây Âu đã trải qua một đợt suy thoái ngắn.
- Từ khoảng 1994 trở đi kinh tế Tây Âu đã bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại.
- Cùng với điều đó, các nước tư bản phát triển ở Tây Âu đều có nền khoa học - kĩ thuật tiên tiến hiện đại; đạt nhiều thành tựu về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật, thể thao.

2. Tình hình chính trị - xã hội

- Về chính trị đối nội, các nước Tây Âu trong thập niên cuối cùng của thế kỉ XX cơ bản là ổn định.
- Về đối đối ngoại, chú ý mở rộng quan hệ không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn cả với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ La-tinh cũng như với các nước Đông Âu và Liên Xô cũ.

V. Liên minh châu ÂU (EU)

- Ngày 18 - 4 – 1951, sáu nước Tây Âu đã thành lập "Cộng đồng than - thép châu Âu" (ECSC) nhằm phối hợp đảm bảo việc sản xuất và tiêu thụ than, thép của các nước thành viên.
- Ngày 25 - 3 – 1957, sáu nước này lại kí Hiệp ước Rô-ma thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" (EURATOM) và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).
- Ngày 1 - 7 - 1967, ba tổ chức trên đã được hợp nhất lại thành "Cộng đồng châu Âu" (EC), và tháng 12 - 1991 các nước thành viên EC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Ma-xtrích (Hà Lan), có hiệu lực từ ngày 1 - 1 - 1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU).
- Như vậy, EU đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế vào hàng lớn nhất thế giới, chiếm khoảng hơn 1/4 năng lực sản xuất của toàn thế giới.

Bài 9

NHẬT BẢN

A. Hệ thống hóa kiến thức

Thời gian	*Kinh tế, khoa học - kĩ thuật*	*Chính trị, đối ngoại*
Từ 1945 - 1952	- Thực hiện ba cuộc cải cách lớn: thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung; cải cách ruộng đất; dân chủ hoá lao động.	Liên minh chặt chẽ với Mĩ, kí kết Hiệp ước hoà bình Xan Phran-xi-cô (9 - 1951). - Kết thúc chế độ chiếm đóng của Đồng minh vào năm 1952.
Từ 1952 - 1973	- Từ năm 1952 đến năm 1960, có bước phát triển nhanh. - Từ năm 1960 đến năm 1973, phát triển "thần kì". Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.	- Đảng Dân chủ Tự do liên tục cầm quyền. - Liên minh chặt chẽ với Mĩ. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô.
Từ 1973 - 1991	- Phát triển kinh tế thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái.	- Đảng Dân chủ Tự do tiếp tục cầm quyền. - Đưa ra chính sách đối ngoại riêng của mình. - Sự ra đời của "Học thuyết

		Phu-cu-đa" là mốc đánh dấu sự "trở về" châu Á nhưng quan hệ Nhật với Mĩ, Tây Âu.
Từ 1991 - 2000	- Có suy thoái kinh tế nhưng vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính. - Tiếp tục phát triển khoa học - kĩ thuật ở trình độ cao, tập trung vào lĩnh vực sản xuất phục vụ nhu cầu dân dụng.	- Tình hình xã hội có phần không ổn định. - Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ. Coi trọng quan hệ với Tây Âu và mở rộng đối ngoại với các đối tác khác trên phạm vi toàn cầu.

B. Minh hoạ kiến thức theo bảng hệ thống

I. Nhật Bản trong giai đoạn bị chiếm đóng (1945 - 1952)

- Sự thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho Nhật Bản những hậu quả hết sức nặng nề.

- Về kinh tế, trong thời kì bị chiếm đóng (1945 - 1952), thực hiện ba cuộc cải cách lớn:

  + Thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung, trước hết là giải tán các "Dai-bát-xư" (các tập đoàn, công ti độc quyền còn mang nhiều tính chất dòng tộc);

  + Cải cách ruộng đất (quy định địa chủ chỉ được có không quá 3 hécta ruộng, số còn lại Chính phủ đem bán cho nông dân);

  + Dân chủ hoá lao động (thông qua và thực hiện các đạo luật về lao động).

- Chính sách đối ngoại, liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật kí kết Hiệp ước hoà bình Xan Phran-xi-cô (9 - 1951) và kết thúc chế độ chiếm đóng của Đồng minh vào năm 1952.

- Theo Hiến pháp mới, Nhật Bản tiến hành cải cách giáo dục trên nhiều mặt, năm 1947 ban hành Luật Giáo dục.

II. Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973

- Từ năm 1952 đến năm 1960, Nhật có bước phát triển nhanh.

- Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật bước vào giai đoạn phát triển "thần kì". Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

- Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản rất coi trọng phát triển giáo dục và khoa học - kĩ thuật.

- Đến giữa thập niên 70, chi phí nghiên cứu phát triển của Nhật trong tỉ lệ GNP đứng hàng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ). Khoa học - kĩ thuật và công nghệ Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất phục vụ nhu cầu dân dụng, đạt được nhiều thành tựu lớn.

- Từ một nước bại trận, chịu hậu quả chiến tranh rất nặng nề, chỉ sau một thời gian ngắn, Nhật Bản đã vươn lên thành một siêu cường kinh tế (sau Mĩ) là do một số yếu tố sau:

  + Con người được coi là vốn quý nhất, đồng thời là "công nghệ cao nhất".

+ Nhà nước Nhật đã quản lý kinh tế một cách hiệu quả, có vai trò rất lớn trong việc phát triển nền kinh tế ở tầm vĩ mô.

+ Các công ti Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

+ Nhật Bản luôn áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại, không ngừng nâng cao năng suất, cải tiến mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm.

+ Chi phí cho quốc phòng của Nhật ít.

+ Biết tận dụng các yếu tố bên ngoài để làm giàu.

- Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn phải đối mặt với những thách thức:

+ Lãnh thổ Nhật Bản không lớn, dân số đông, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, thường xảy ra thiên tai (động đất, núi lửa).

+ Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối.

+ Luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới (NICs).

+ Không thể giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản nằm ngay trong bản thân nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- Về mặt chính trị,. từ 1955 trở đi, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền ở Nhật.

- Về đối ngoại, Nhật liên minh chặt chẽ với Mĩ. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Chính phủ Nhật đã đứng về phía Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

III. Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 1991

- Về kinh tế, từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái.

- Về chính trị, từ năm 1973 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do tiếp tục cầm quyền đưa Nhật Bản vượt qua khó khăn để tiếp tục phát triển.

- Về đối ngoại, từ nửa năm sau những năm 70, Nhật Bản cố gắng đưa ra chính sách đối ngoại riêng của mình.

+ Sự ra đời của "Học thuyết Phucuđa" tháng 8 - 1977 được coi như là mốc đánh dấu sự "trở về" châu Á của Nhật Bản, trong khi vẫn coi trọng quan hệ Nhật - Mĩ, Nhật - Tây Âu.

+ Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21 - 9 - 1973.

IV. Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2000

- Về kinh tế, trong thập niên 90 thế kỉ XX, dù có suy thoái kinh tế nhưng Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

- Về khoa học - kĩ thuật, Nhật Bản tiếp tục phát triển trình độ cao, tập trung vào lĩnh vực sản xuất phục vụ nhu cầu dân dụng.

- Về chính trị, từ năm 1993 đến năm 2000, các Đảng đối lập hoặc liên minh các đảng phái khác nhau đã tham gia chấp chính, tình hình xã hội Nhật có phần không ổn định.

- Về đối ngoại:
  - + Tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ.
  - + Coi trọng quan hệ với Tây Âu và mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác trên phạm vi toàn cầu.
  - + Từ đầu thập niên 90 thế kỉ XX đến nay, các quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản với các nước NICs và ASEAN tiếp tục gia tăng với tốc độ ngày càng mạnh mẽ.
- Về văn hóa, Nhật Bản vẫn lưu giữ được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của mình.

SƠ ĐỒ HÓA KIẾN THỨC MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN

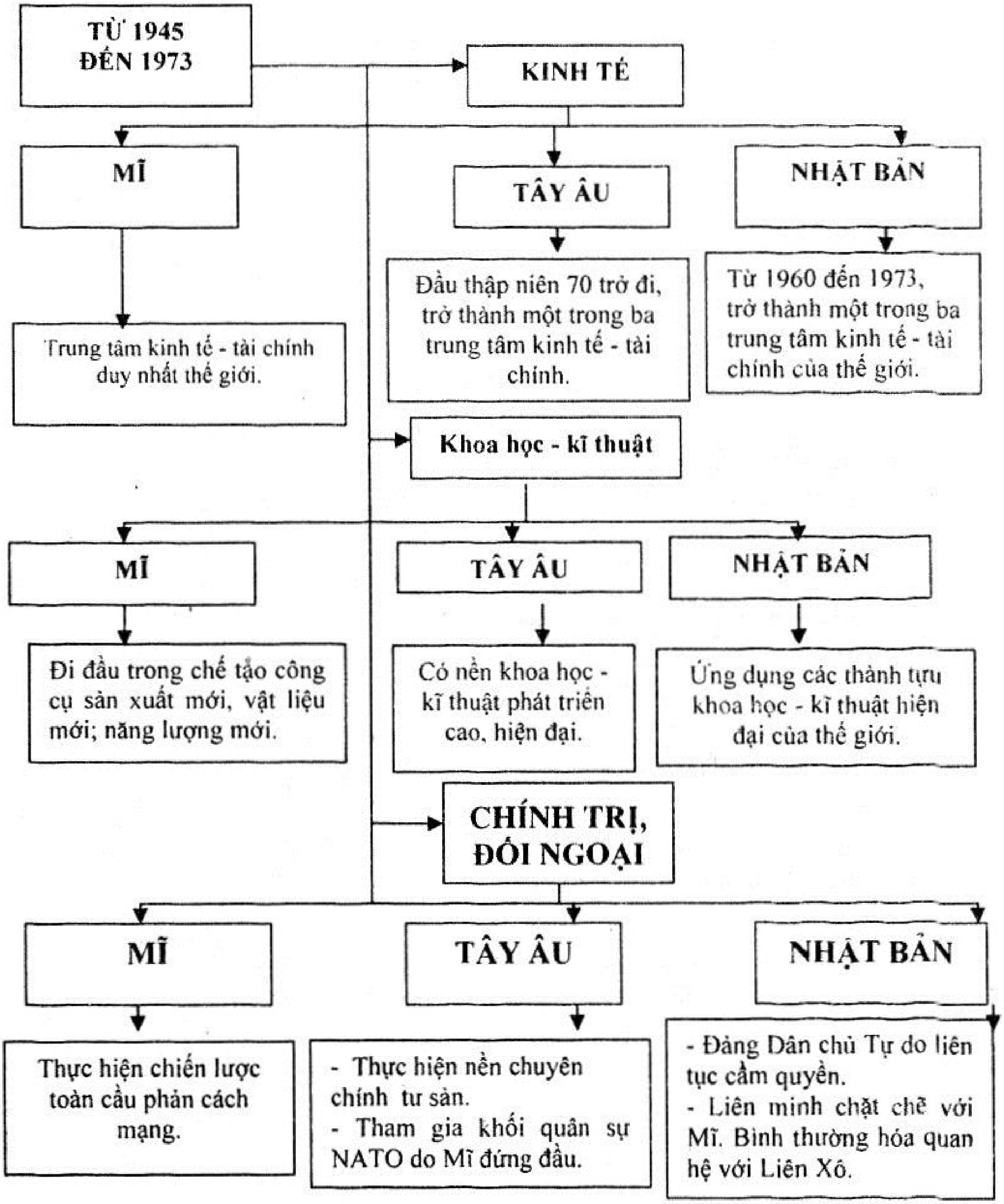

TỪ 1945 ĐẾN 1973

KINH TẾ

MĨ: Trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất thế giới.

TÂY ÂU: Đầu thập niên 70 trở đi, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính.

NHẬT BẢN: Từ 1960 đến 1973, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

Khoa học - kĩ thuật

MĨ: Đi đầu trong chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới; năng lượng mới.

TÂY ÂU: Có nền khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

NHẬT BẢN: Ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại của thế giới.

CHÍNH TRỊ, ĐỐI NGOẠI

MĨ: Thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng.

TÂY ÂU:
- Thực hiện nền chuyên chính tư sản.
- Tham gia khối quân sự NATO do Mĩ đứng đầu.

NHẬT BẢN:
- Đảng Dân chủ Tự do liên tục cầm quyền.
- Liên minh chặt chẽ với Mĩ. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô.

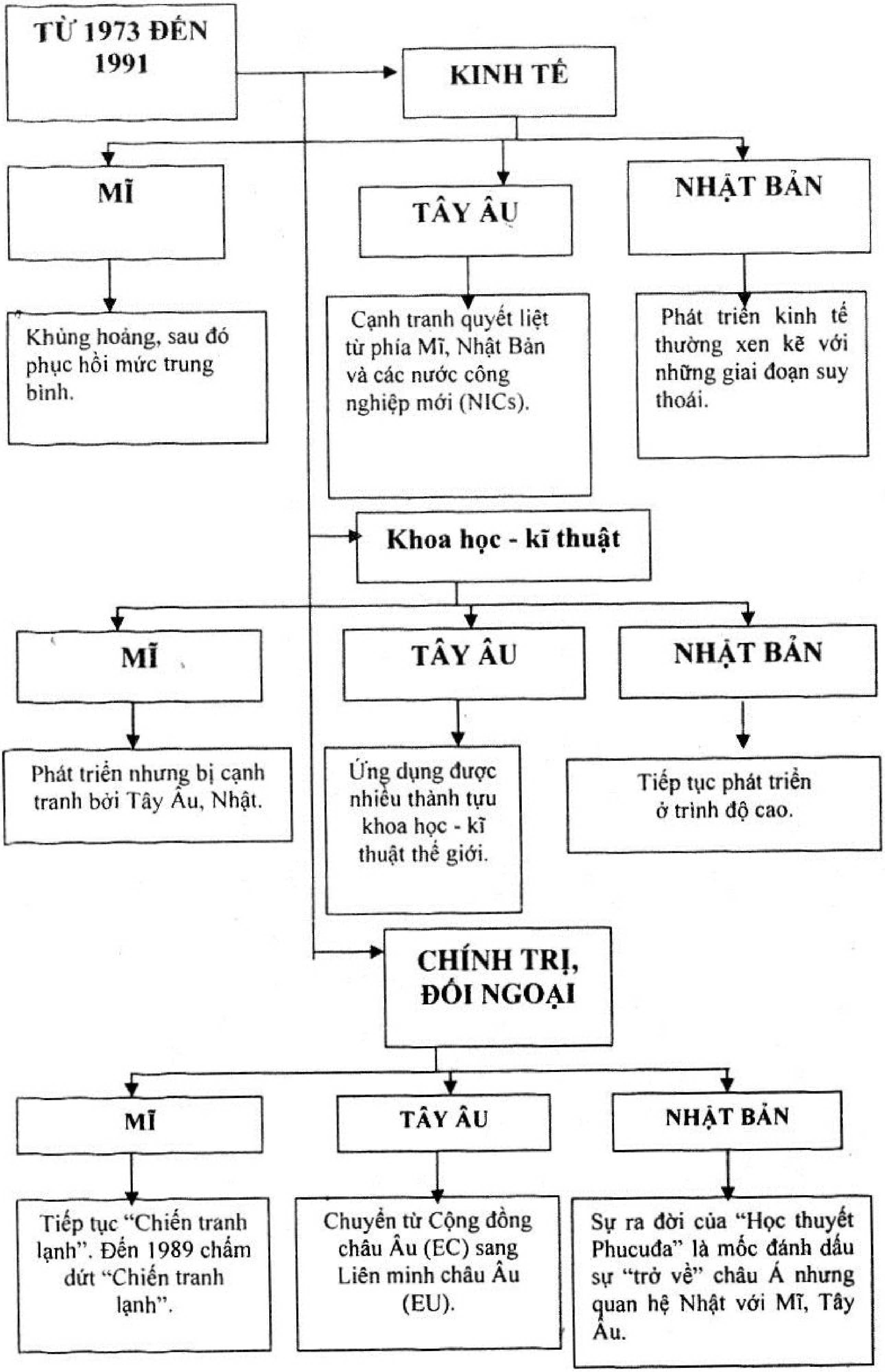

TỪ 1973 ĐẾN 1991

KINH TẾ

MĨ

Khủng hoảng, sau đó phục hồi mức trung bình.

TÂY ÂU

Cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs).

NHẬT BẢN

Phát triển kinh tế thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái.

Khoa học - kĩ thuật

MĨ

Phát triển nhưng bị cạnh tranh bởi Tây Âu, Nhật.

TÂY ÂU

Ứng dụng được nhiều thành tựu khoa học - kĩ thuật thế giới.

NHẬT BẢN

Tiếp tục phát triển ở trình độ cao.

CHÍNH TRỊ, ĐỐI NGOẠI

MĨ

Tiếp tục "Chiến tranh lạnh". Đến 1989 chấm dứt "Chiến tranh lạnh".

TÂY ÂU

Chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU).

NHẬT BẢN

Sự ra đời của "Học thuyết Phucuđa" là mốc đánh dấu sự "trở về" châu Á nhưng quan hệ Nhật với Mĩ, Tây Âu.

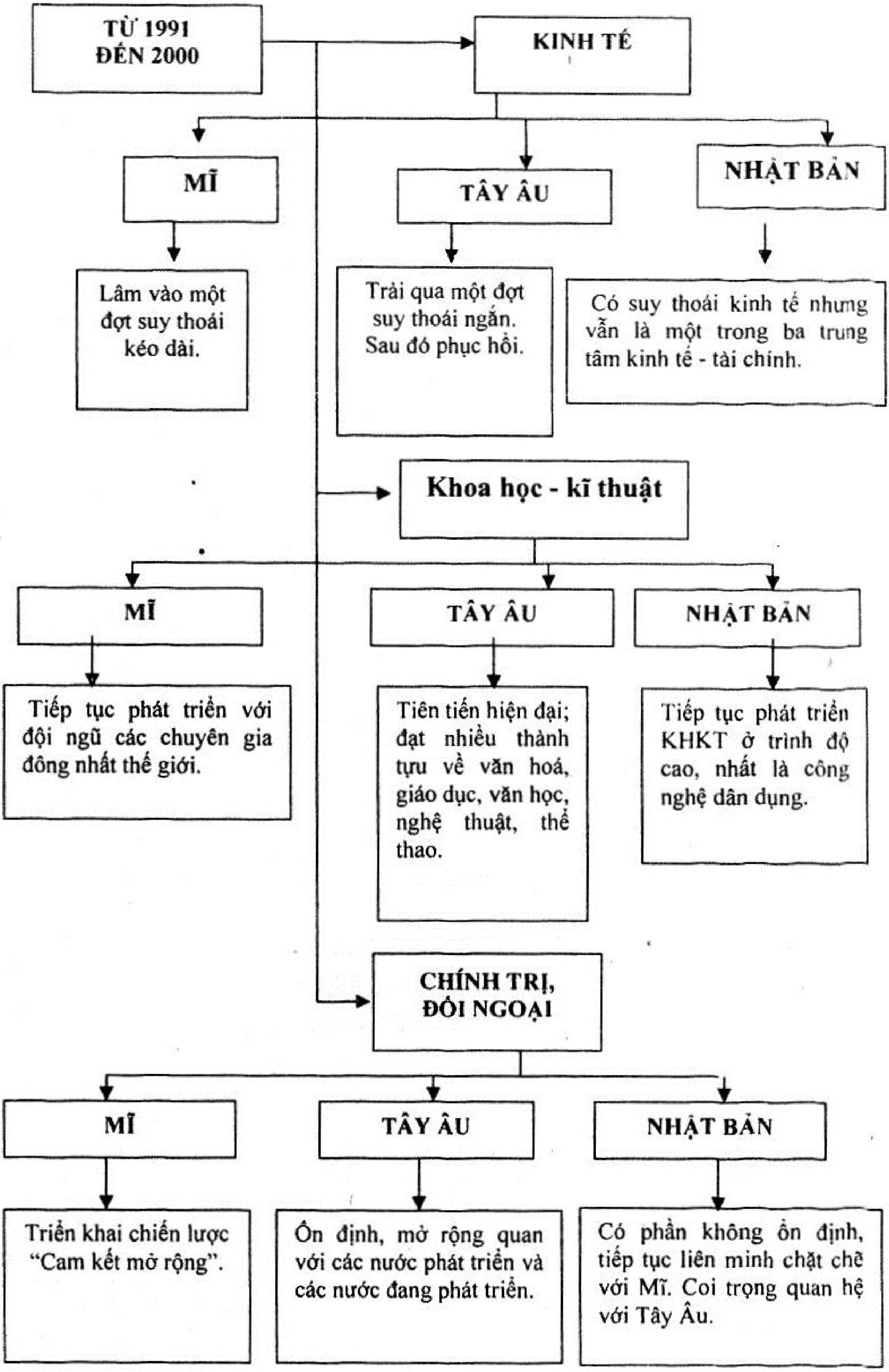

TỪ 1991 ĐẾN 2000

KINH TẾ

MĨ

Lâm vào một đợt suy thoái kéo dài.

TÂY ÂU

Trải qua một đợt suy thoái ngắn. Sau đó phục hồi.

NHẬT BẢN

Có suy thoái kinh tế nhưng vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính.

Khoa học - kĩ thuật

MĨ

Tiếp tục phát triển với đội ngũ các chuyên gia đông nhất thế giới.

TÂY ÂU

Tiên tiến hiện đại; đạt nhiều thành tựu về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật, thể thao.

NHẬT BẢN

Tiếp tục phát triển KHKT ở trình độ cao, nhất là công nghệ dân dụng.

CHÍNH TRỊ, ĐỐI NGOẠI

MĨ

Triển khai chiến lược "Cam kết mở rộng".

TÂY ÂU

Ổn định, mở rộng quan với các nước phát triển và các nước đang phát triển.

NHẬT BẢN

Có phần không ổn định, tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ. Coi trọng quan hệ với Tây Âu.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 - 2000)

Bài 10

QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

A. Sơ đồ hóa kiến thức

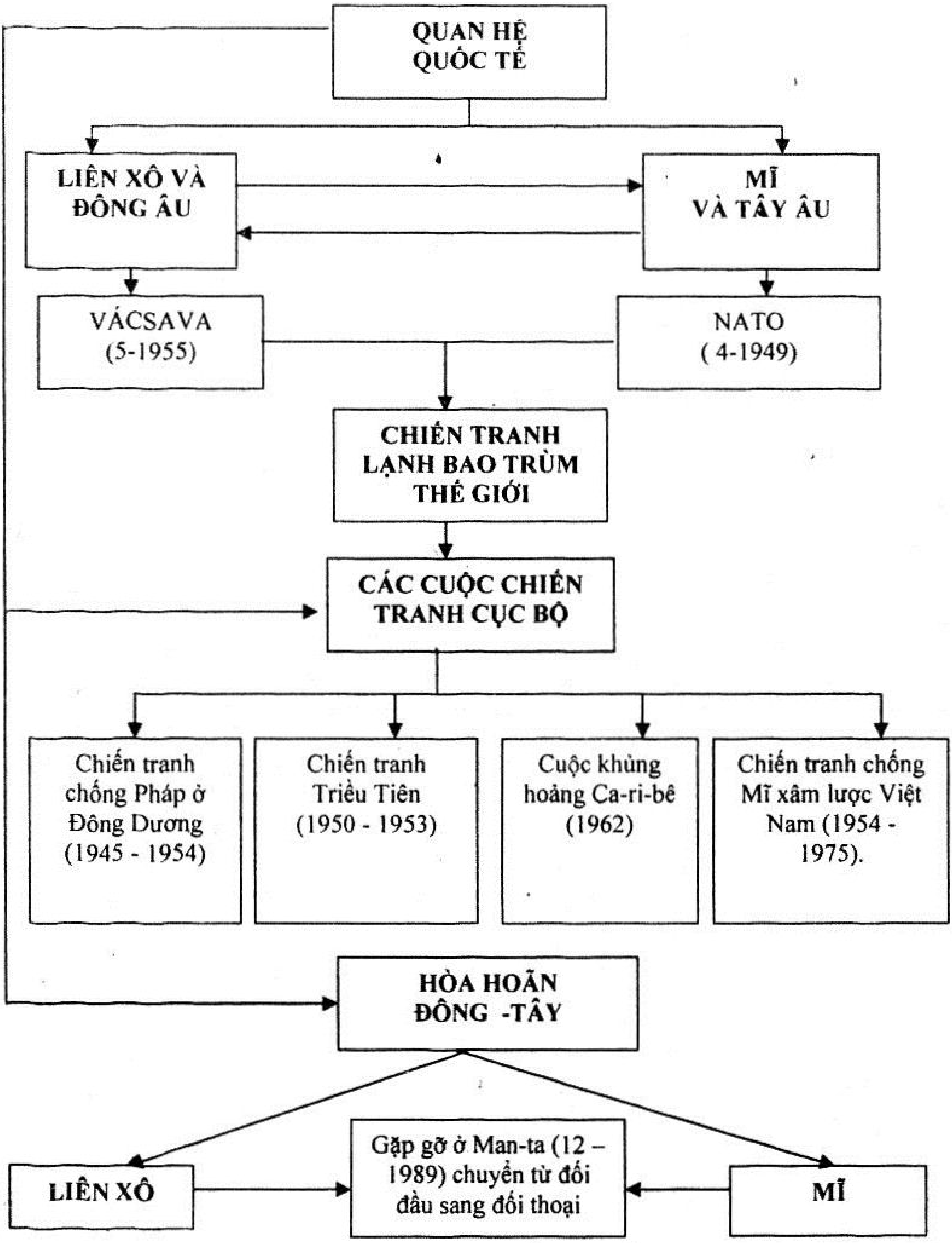
QUAN HỆ QUỐC TẾ
LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU
MĨ VÀ TÂY ÂU
VÁCSAVA (5-1955)
NATO (4-1949)
CHIẾN TRANH LẠNH BAO TRÙM THẾ GIỚI
CÁC CUỘC CHIẾN TRANH CỤC BỘ
Chiến tranh chống Pháp ở Đông Dương (1945 - 1954)
Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)
Cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê (1962)
Chiến tranh chống Mĩ xâm lược Việt Nam (1954 - 1975).
HÒA HOÃN ĐÔNG -TÂY
LIÊN XÔ
Gặp gỡ ở Man-ta (12 – 1989) chuyển từ đối đầu sang đối thoại
MĨ

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Mâu thuẫn Đông - Tây và sự khởi đầu của Chiến tranh lạnh

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai cường quốc Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu, dần dần đi tới tình trạng "Chiến tranh lạnh".

- Trước hết, đó là sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.

+ Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình an ninh thế giới, bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới.

+ Mĩ ra sức chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

- Ngày 12 - 3 - 1947, Học thuyết Tru-man ra đời, khởi đầu tình trạng "chiến tranh lạnh". Đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "kế hoạch Mác-san". Ngày 4 - 4 -1949, Mĩ thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO).

- Trước những hoạt động đe dọa đó, tháng 5 - 1955 Liên Xô và các nước Đông Âu đã thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va, một liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

- Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là những sự kiện cuối cùng đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh đã bao trùm cả thế giới.

II. Sự đối đầu Đông - Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ

1. Cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương (1945 - 1954)

- Từ tháng 12 - 1946, nhân dân ba nước Đông Dương tiến hành kháng chiến chống Pháp lần thứ hai.

- Cuộc kháng chiến của Việt Nam có điều kiện liên lạc và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1950, Mĩ viện trợ cho Pháp và can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Từ đó, cuộc chiến tranh Đông Dương ngày càng chịu sự tác động của hai phe.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (1954), Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương đã được triệu tập. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (21-7-1954) đã công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Cuộc chiến ở Đông Dương đã chấm dứt.

2. Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)

- Năm 1948, hai chính quyền được thành lập riêng rẽ là Cộng hòa Dân chủ của nhân dân Triều Tiên ở phía bắc và Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) ở phía nam được Liên Xô và Mĩ bảo trợ cho mỗi bên.

- Ngày 27 - 7 - 1953 Hiệp định đình chiến được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ - Hàn Quốc. Theo đó, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền Bắc, Nam Triều Tiên. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là sự đụng đầu đầu tiên giữa hai phe, không phân thắng bại.

3. Cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê (1962)

- Sau khi cách mạng Cu-ba thắng lợi, Mĩ không ngừng chống phá công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân Cu-ba.

- Tháng 10 - 1962, tình hình trở nên căng thẳng nghiêm trọng do "cuộc khủng hoảng Caribê".

4. Cuộc chiến tranh chống Mĩ xâm lược Việt Nam (1954 - 1975).

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. Nhưng mưu đồ của Mĩ đã vấp phải ý chí quật cường và cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam.

- Chiến tranh Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe.

- Tháng 1 - 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết. Theo đó, Mĩ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân khỏi Việt Nam, cam kết không dính líu hoặc can thiệp về quân sự đối với nước ta. Đến năm 1975, cách mạng Việt Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

III. Xu thế hoà hoãn đông - tây và Chiến tranh lạnh chấm dứt

- Đầu những năm 70 thế kỉ XX xu hướng hòa hoãn Đông - Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô - Mĩ.

+ Ngày 9 -11-1972, hai nước Đức - Cộng hòa Dân chủ và Cộng hòa Liên bang đã kí kết tại Bon Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

+ Năm 1972, hai siêu cường Liên Xô, Mĩ đã thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược.

+ Đầu tháng 8 - 1975, 35 nước châu Âu và Mĩ, Ca-na-đa đã kí kết Định ước Hen-xinh-ki, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia như bình đẳng, chủ quyền, sự bền vững của đường biên giới, giải quyết hòa bình các tranh chấp.

+ Tháng 12 - 1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải). Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh".

- "Chiến tranh lạnh" chấm dứt đã mở ra nhiều hướng và những điều kiện giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

IV. Thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Những năm 1989 - 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị tan rã ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết.

- Ngày 28 - 6 - 1991, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể và sau đó ngày 1 - 7 - 1991, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động.

- Từ sau năm 1991, trật tự thế giới hai cực đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành.

- Sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới một cực để Mĩ làm bá chủ thế giới.

- Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của loài người. Nhưng cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11 - 9 - 2001 đã mở đầu cho một thời kì biến động lớn trong tình hình thế giới.

Chương VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Bài 11

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

A. Sơ đồ hóa kiến thức

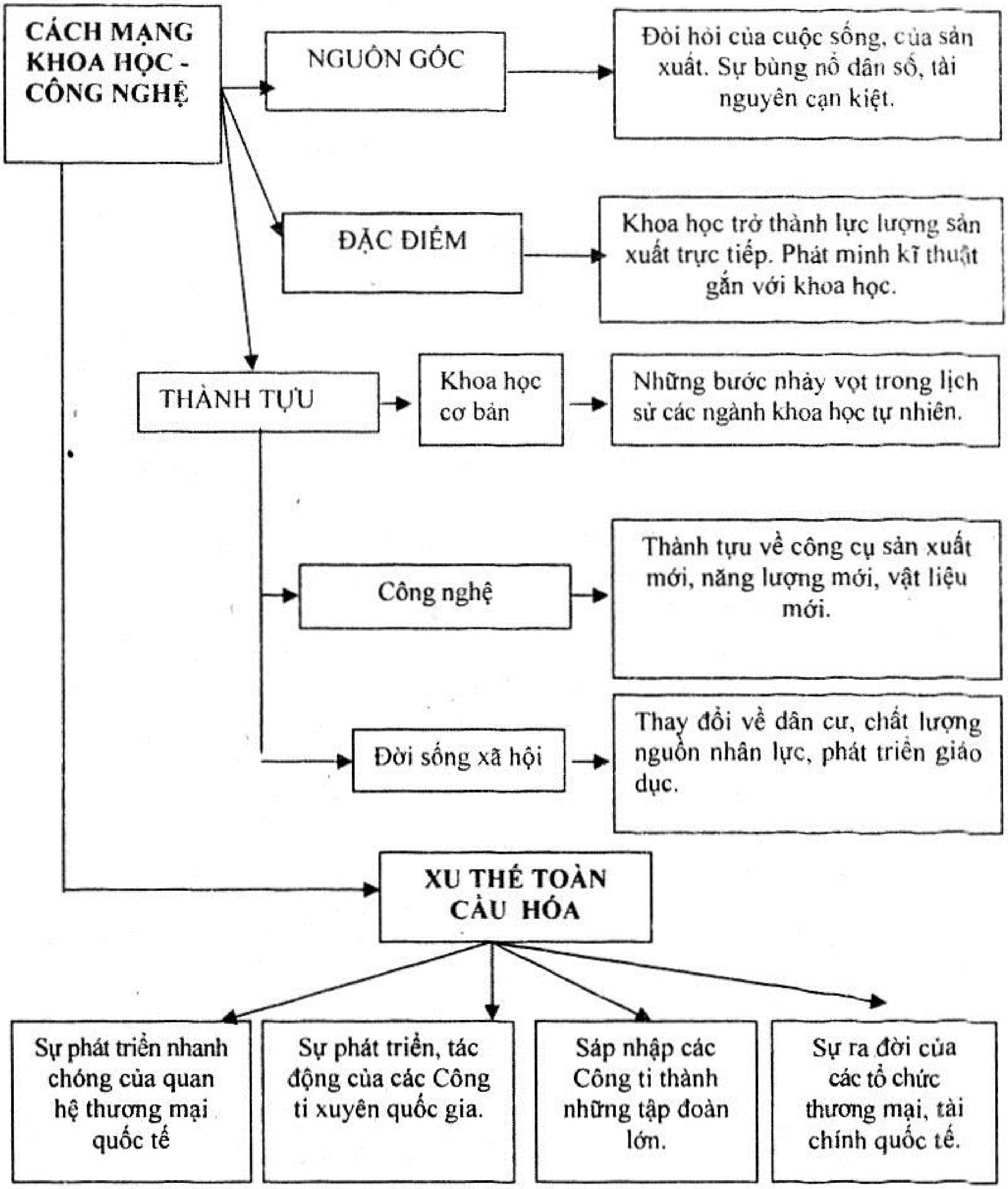
CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ
NGUỒN GỐC

Đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất. Sự bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt.

ĐẶC ĐIỂM

Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Phát minh kĩ thuật gắn với khoa học.

THÀNH TỰU
Khoa học cơ bản

Những bước nhảy vọt trong lịch sử các ngành khoa học tự nhiên.

Công nghệ

Thành tựu về công cụ sản xuất mới, năng lượng mới, vật liệu mới.

Đời sống xã hội

Thay đổi về dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục.

XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế

Sự phát triển, tác động của các Công ti xuyên quốc gia.

Sáp nhập các Công ti thành những tập đoàn lớn.

Sự ra đời của các tổ chức thương mại, tài chính quốc tế.

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ

1. Nguồn gốc và đặc điểm

a. Nguồn gốc:

- Do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người, nhất là trong tình hình bùng nổ dân số thế giới và sự vơi cạn nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Những đòi hỏi bức thiết đó đặt ra cho cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phải giải quyết, trước hết là chế tạo và tìm kiếm những công cụ sản xuất mới có kĩ thuật và năng suất cao, tạo ra những vật liệu mới.

b. Đặc điểm:

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khác với cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII.
- Trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại, mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho sản xuất. Như vậy khoa học đã tham gia trực tiếp vào sản xuất, trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ.

2. Những thành tựu

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, có những bước nhảy vọt chưa từng thấy trong lịch sử các ngành toán học, vật lý học, hóa học, sinh học... Dựa vào những phát minh lớn của các ngành khoa học cơ bản, con người đã ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất phục vụ cuộc sống của mình.
- Trong lĩnh vực công nghệ, đã xuất hiện những phát minh quan trọng, những thành tựu to lớn trong các lĩnh vực: những công cụ sản xuất mới; những nguồn năng lượng mới; những vật liệu mới; công nghệ sinh học với những đột phá phi thường trong công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh và công nghệ enzim; những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải; chinh phục vũ trụ.
- Những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, sự hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.
- Tuy nhiên, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ cũng gây nên những hậu quả tiêu cực như tình trạng ô nhiễm môi trường trên Trái Đất cũng như trong vũ trụ, những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới... và nhất là việc chế tạo những loại vũ khí hiện đại có sức công phá hủy diệt khủng khiếp có thể tiêu diệt nhiều lần sự sống trên hành tinh.

II. Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó

- Một hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học - công nghệ là từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, nhất là sau Chiến tranh lạnh, trên thế giới đã diễn ra xu thế toàn cầu hóa.
- Xét về bản chất, toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.

- Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa ngày nay là:
  + Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
  + Sự phát triển và tác động to lớn của các Công ti xuyên quốc gia.
  + Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.
  + Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

- Toàn cầu hóa vừa là cơ hội rất to lớn cho sự phát triển mạnh mẽ của các nước, đồng thời cũng tạo ra thách thức là nếu bỏ lỡ thời cơ thì sẽ bị tụt hậu rất xa.

- Việt Nam cũng nằm trong xu thế chung đó. Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định: "Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kì mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta".

Bài 12

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NĂM 2000

A. Sơ đồ hóa kiến thức

NỘI DUNG LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945

- Thế giới chia làm hai phe theo thể hai cực I-an-ta do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.
- Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới, đối trọng với phe tư bản chủ nghĩa.
- Hệ thống TBCN có những biến chuyển quan trọng, Mĩ vươn lên giàu nhất thế giới.
- Cao trào giải phóng dân tộc phát riển mạnh mẽ ở Á, Phi và Mĩ La-tinh.
- Các quan hệ quốc tế mở rộng và đa dạng.
- Cách mạng khoa học - kĩ thuật phát triển với tốc độ và quy mô chưa từng thấy.

XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- Các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.
- Quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực triếp.
- Nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột. Nhiều nơi lại diễn ra những chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố.
- Toàn cầu hóa là xu thế phát triển khách quan. Đối với các nước đang phát triển, đây vừa là thời cơ thuận lợi, vừa là thách thức.
- Sang thế kỉ XXI, các dân tộc ngày càng có tiếng nói chung, đoàn kết đấu tranh vì thế giới hòa bình ổn định và phát triển.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945

1. Trật tự thế giới đã được xác lập. Đó là trật tự thế giới hai cực I-an-ta, thế giới chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu.

2. Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới.

3. Cao trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh.

4. Hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng.

- Mĩ đã vươn lên trở thành nước đế quốc giàu mạnh nhất.

- Kinh tế các nước tư bản đã tăng trưởng khá liên tục, đưa lại những thay đổi về chất trong cơ cấu cũng như xu hướng phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

5. Các quan hệ quốc tế mở rộng và đa dạng trong nửa sau thế kỉ XX.

- Những nét nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

  + Tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe mà đỉnh cao là tình trạng *"Chiến tranh lạnh"* kéo dài tới hơn bốn thập niên.

  + Các quốc gia vẫn *cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác.*

- Xu thế toàn cầu hóa đã diễn ra như một làn sóng nhanh ra thế giới.

II. Xu thế phát triển của thế giới ngày nay

- Sau Chiến tranh lạnh, hầu như tất cả các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

- Sau Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực triếp nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi giúp họ vươn lên mạnh mẽ, xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới.

- Tuy nhiên, ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột. Nguy cơ này càng trở nên trầm trọng khi ở nhiều nơi lại diễn ra những chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố.

- Toàn cầu hóa là xu thế phát triển khách quan. Đối với các nước đang phát triển, đây vừa là thời cơ thuận lợi, vừa là thách thức gay gắt trong sự vươn lên của đất nước.

- Sang thế kỉ XXI, các dân tộc ngày càng có tiếng nói chung, đoàn kết cùng nhau đấu tranh vì một thế giới hòa bình ổn định, hợp tác phát triển vì công bằng hạnh phúc cho mỗi con người, cho mỗi dân tộc trên hành tinh.

Phần II

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 13

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

A. Sơ đồ hóa kiến thức

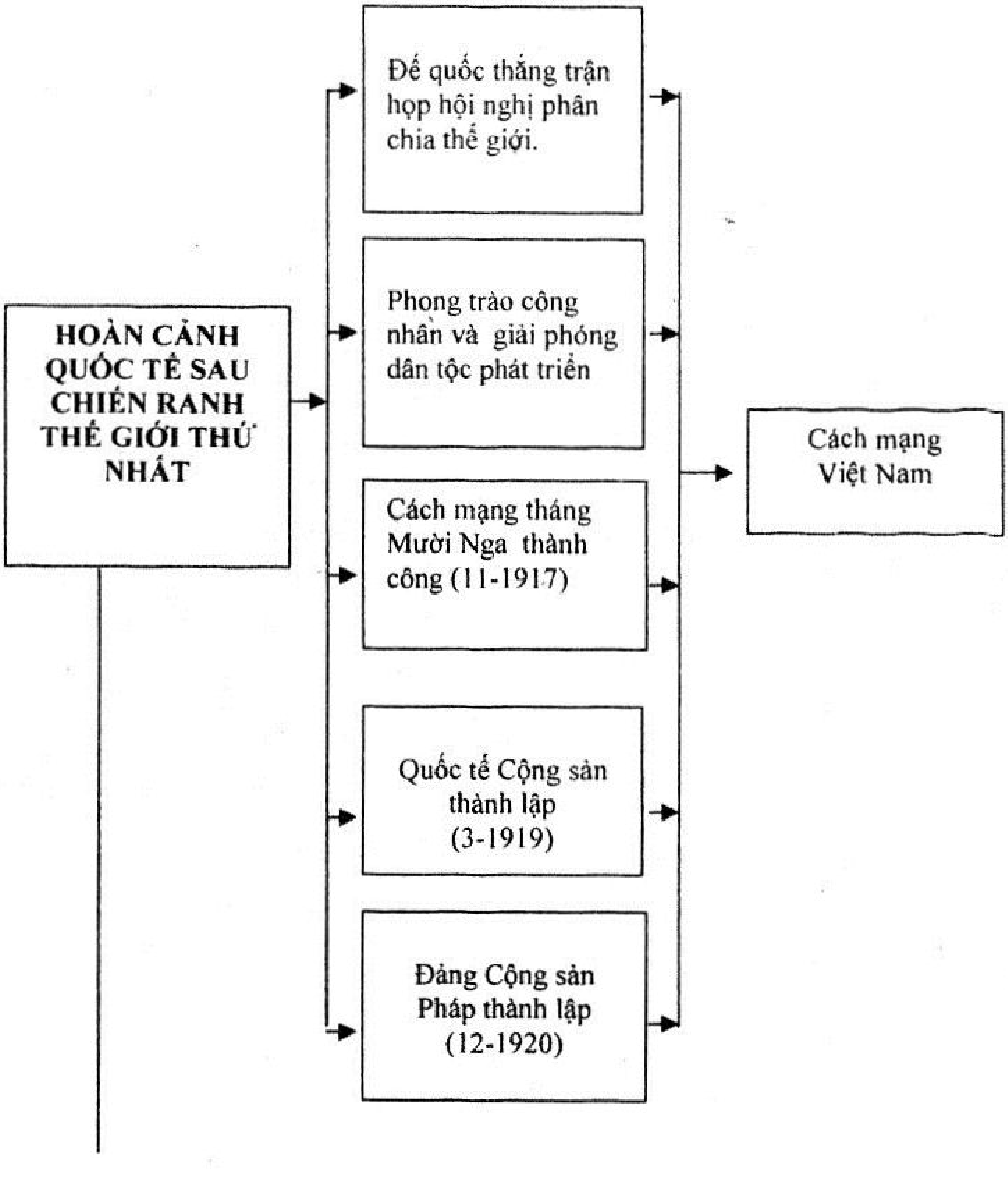
HOÀN CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN RANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT
Đế quốc thắng trận họp hội nghị phân chia thế giới.
Phong trào công nhân và giải phóng dân tộc phát triển
Cách mạng tháng Mười Nga thành công (11-1917)
Quốc tế Cộng sản thành lập (3-1919)
Đảng Cộng sản Pháp thành lập (12-1920)
Cách mạng Việt Nam

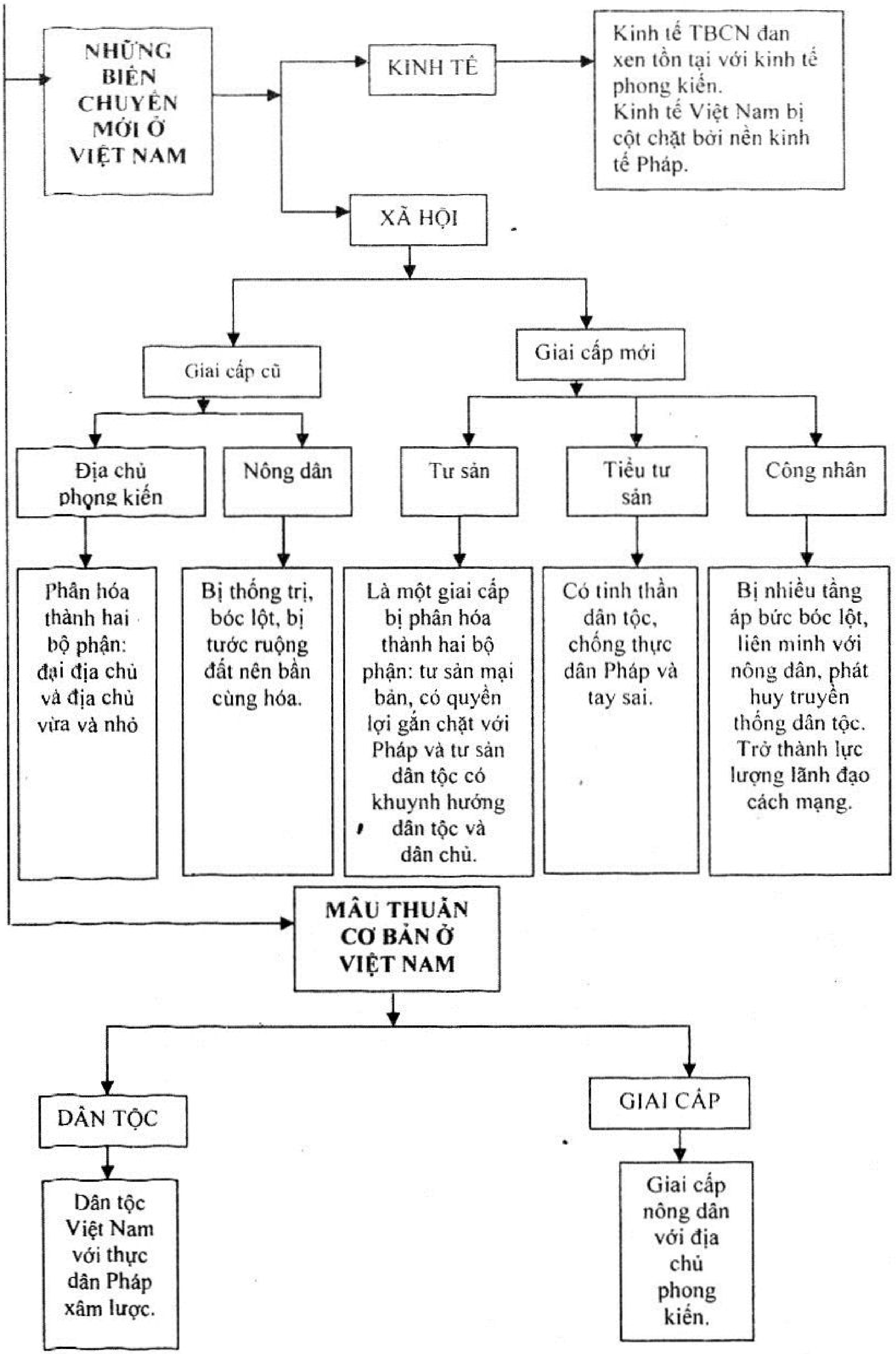
NHỮNG BIẾN CHUYỂN MỚI Ở VIỆT NAM
KINH TẾ
Kinh tế TBCN đan xen tồn tại với kinh tế phong kiến.
Kinh tế Việt Nam bị cột chặt bởi nền kinh tế Pháp.
XÃ HỘI
Giai cấp cũ
Giai cấp mới
Địa chủ phong kiến
Nông dân
Tư sản
Tiểu tư sản
Công nhân
Phân hóa thành hai bộ phận: đại địa chủ và địa chủ vừa và nhỏ
Bị thống trị, bóc lột, bị tước ruộng đất nên bần cùng hóa.
Là một giai cấp bị phân hóa thành hai bộ phận: tư sản mại bản, có quyền lợi gắn chặt với Pháp và tư sản dân tộc có khuynh hướng dân tộc và dân chủ.
Có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai.
Bị nhiều tầng áp bức bóc lột, liên minh với nông dân, phát huy truyền thống dân tộc. Trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng.
MÂU THUẪN CƠ BẢN Ở VIỆT NAM
DÂN TỘC
GIAI CẤP
Dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.
Giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.

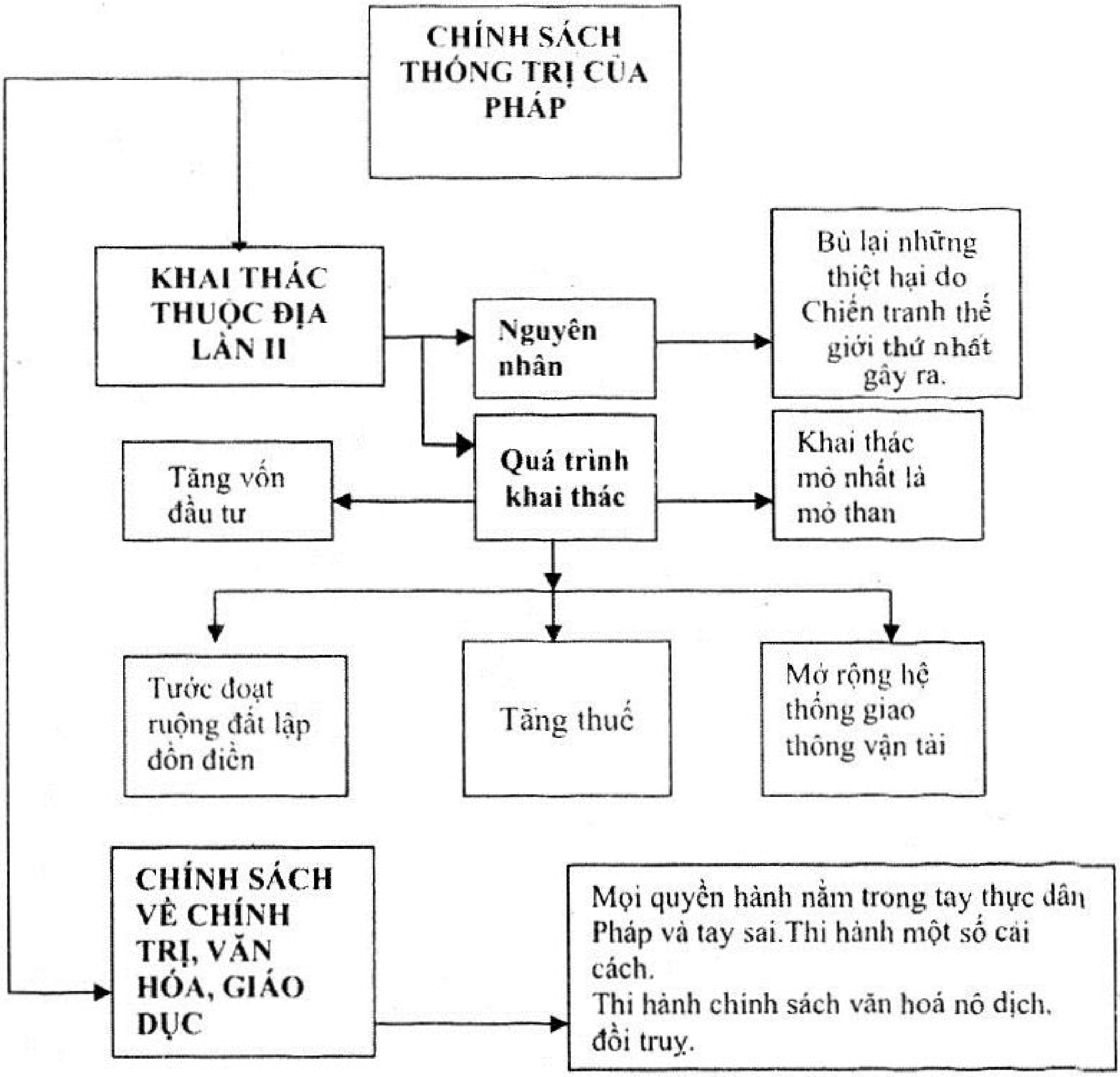
CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHÁP
KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN II
Nguyên nhân
Bù lại những thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
Quá trình khai thác
Tăng vốn đầu tư
Khai thác mỏ nhất là mỏ than
Tước đoạt ruộng đất lập đồn điền
Tăng thuế
Mở rộng hệ thống giao thông vận tải
CHÍNH SÁCH VỀ CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, GIÁO DỤC
Mọi quyền hành nằm trong tay thực dân Pháp và tay sai.Thi hành một số cải cách.
Thi hành chính sách văn hoá nô dịch, đồi truy.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Hoàn cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

- Các nước đế quốc thắng trận đã cùng nhau phân chia lại thế giới, thiết lập một trật tự hòa bình, an ninh mới.

- Hậu quả của chiến tranh, khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga (tháng 11 - 1917).

- Giai cấp công nhân các nước đã thành lập những tổ chức riêng của mình. Các Đảng Cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lần lượt ra đời.

- Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập ở Mát-xcơ-va (tháng 3-1919) đảm nhận sứ mệnh tập hợp và lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trên thế giới.

Các điều kiện khách quan đó của thế giới đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

II. Chính sách thống trị của thực dân pháp ở Việt Nam

1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

a. Nguyên nhân:

- Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm cho nền kinh tế của Pháp bị tổn thất nặng nề.

- Để hàn gắn và khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh, nhà cầm quyền Pháp vừa tìm cách thúc đẩy sản xuất trong nước, vừa tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa, trước hết là các nước ở Đông Dương.

b. Quá trình khai thác:

- Vốn đầu tư: trong vòng 6 năm (1924 - 1929), số vốn đầu tư vào Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam lên đến 4 tỉ phrăng.

- Các lĩnh vực khai thác:

+ Nông nghiệp, đầu tư vốn nhiều nhất vào nông nghiệp, chủ yếu là lập các đồn điền trồng cây công nghiệp và thành lập các công ti: Đất đỏ, Misơlanh…

+ Công nghiệp, chú trọng đầu tư vào khai thác mỏ, trước hết là mỏ than. Nhiều công ti khai thác mỏ than được thành lập như công ti than Hạ Long - Đồng Đăng, Tuyên Quang, Đông Triều.

+ Thương nghiệp, trước hết là ngoại thương có sự tăng tiến hơn trước. Quan hệ giao lưu buôn bán nội địa cũng được đẩy mạnh.

+ Giao thông vận tải phát triển nhằm phục vụ công cuộc khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu, lưu thông hàng hoá trong và ngoài nước. Ngân hàng Đông Dương nắm trọn quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành giấy bạc và cho vay lãi.

+ Cùng với chính sách khai thác nông, công, thương nghiệp… thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp tăng thuế nặng nên ngân sách Đông Dương thu được năm 1930 tăng gấp 3 lần so với năm 1912.

2. Chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp

a. Về chính trị:

- Thực hiện chính sách chuyên chế, mọi quyền hành đều nằm trong tay thực dân Pháp và bọn tay sai trung thành của chúng.

- Thi hành một vài cải cách chính trị - hành chính như mở rộng các công sở cho người Việt, tăng thêm số người Việt trong các phòng thương mại và canh nông ở các thành phố lớn, lập Viện Dân biểu Trung Kì (tháng 2-1926), Viện Dân biểu Bắc Kì (tháng 4-1926)…

b. Về văn hóa, giáo dục:

- Hệ thống giáo dục được mở rộng gồm các cấp tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học.

- Cơ sở xuất bản, in ấn xuất hiện ngày càng nhiều với hàng chục tờ báo, tạp chí chữ Pháp và chữ Quốc ngữ.

- Sử dụng báo chí, văn hóa… để phục vụ công cuộc khai thác và thống trị của chúng.

III. Những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam

1. Những chuyển biến về kinh tế

- Nền kinh tế của tư bản thực dân Pháp tiếp tục được mở rộng, song vẫn duy trì và bao trùm lên là nền kinh tế phong kiến Việt Nam.

- Cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối. Sự chuyển biến ít nhiều về kinh tế có tính chất cục bộ ở một số vùng, còn phổ biến vẫn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn.

- Kinh tế Đông Dương vẫn bị cột chặt vào kinh tế Pháp và Đông Dương vẫn là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

2. Chuyển biến về giai cấp

- Giai cấp địa chủ bị phân hóa thành hai bộ phận khá rõ rệt: tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Một bộ phận không ít tiểu và trung địa chủ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

- Giai cấp nông dân bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hóa, phá sản, không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân với đế quốc Pháp và tay sai hết sức gay gắt.

- Giai cấp tiểu tư sản thành thị, sau chiến tranh đã có sự phát triển nhảy vọt về số lượng. Họ có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai.

- Giai cấp tư sản bị phân hóa làm hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Tư sản mại bản có quyền lợi, kinh tế gắn chặt với thực dân Pháp, do vậy là đối tượng của cách mạng. Còn tư sản dân tộc ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đi vào con đường phát triển kinh tế tư bản dân tộc, nhìn chung, họ là một giai cấp có khuynh hướng dân tộc và dân chủ. Họ là một lực lượng đóng vai trò đáng kể, một thành phần trong mặt trận đoàn kết dân tộc.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Đến năm 1929, giai cấp công nhân có trên 22 vạn người. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, có truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

III. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam

Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Trong đó mâu thuẫn dân tộc là chủ yếu, nên cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống đế quốc và tay sai diễn ra ngày càng gay gắt.

Bài 14

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

A. Sơ đồ hóa kiến thức

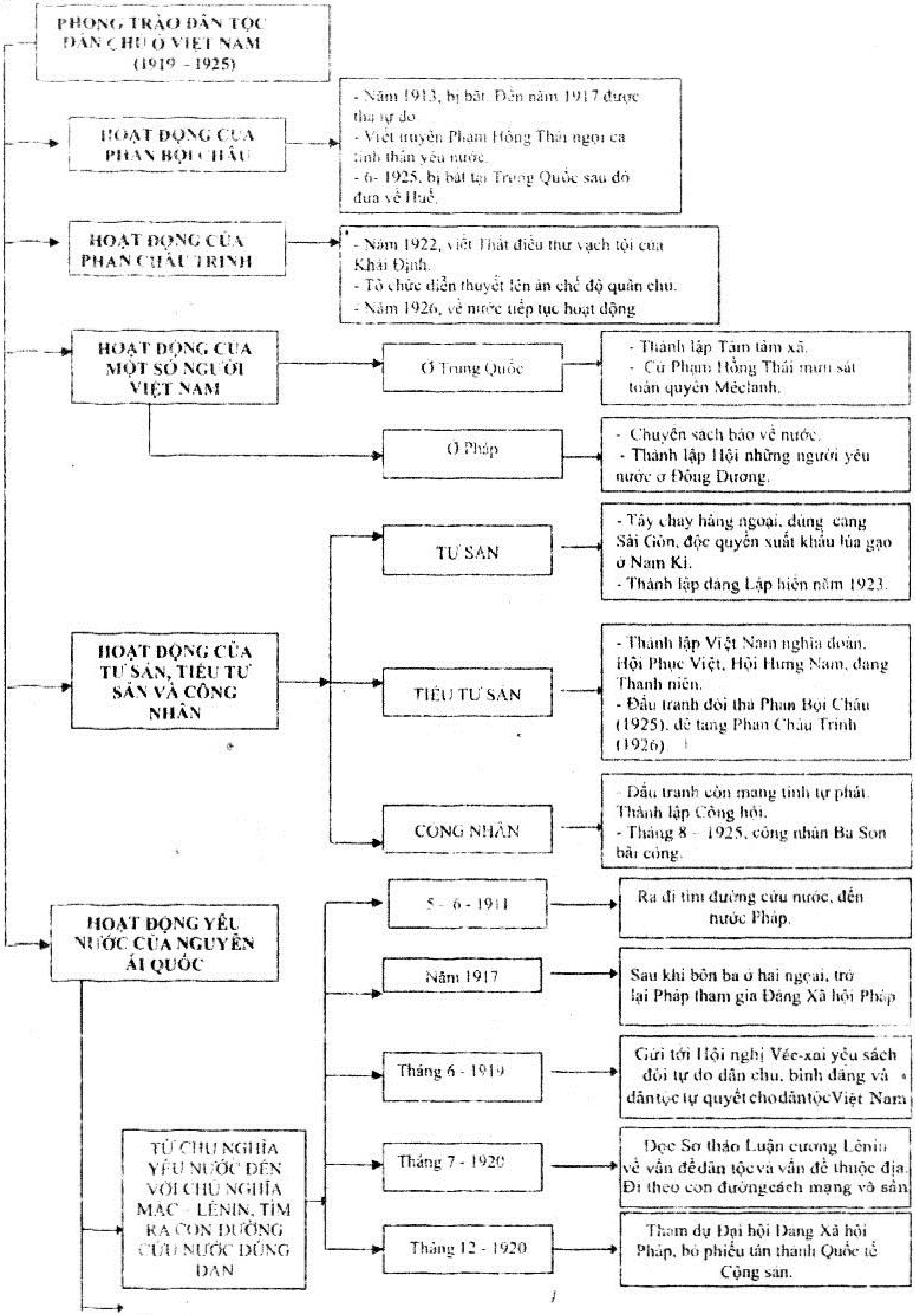

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM (1919 - 1925)

- **HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN BỘI CHÂU**
  - - Năm 1913, bị bắt. Đến năm 1917 được thả tự do.
  - - Viết truyện Phạm Hồng Thái ngợi ca tinh thần yêu nước.
  - - 6- 1925, bị bắt tại Trung Quốc sau đó đưa về Huế.
- **HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN CHÂU TRINH**
  - - Năm 1922, viết Thất điều thư vạch tội của Khải Định.
  - - Tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ.
  - - Năm 1926, về nước tiếp tục hoạt động
- **HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT SỐ NGƯỜI VIỆT NAM**
  - Ở Trung Quốc
    - - Thành lập Tâm tâm xã.
    - - Cử Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méclanh.
  - Ở Pháp
    - - Chuyển sách báo về nước.
    - - Thành lập Hội những người yêu nước ở Đông Dương.
- **HOẠT ĐỘNG CỦA TƯ SẢN, TIỂU TƯ SẢN VÀ CÔNG NHÂN**
  - TƯ SẢN
    - - Tẩy chay hàng ngoại, dùng cảng Sài Gòn, độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì.
    - - Thành lập đảng Lập hiến năm 1923.
  - TIỂU TƯ SẢN
    - - Thành lập Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, đảng Thanh niên.
    - - Đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), để tang Phan Châu Trinh (1926).
  - CÔNG NHÂN
    - - Đấu tranh còn mang tính tự phát. Thành lập Công hội.
    - - Tháng 8 - 1925, công nhân Ba Son bãi công.
- **HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC**
  - TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TÌM RA CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC ĐÚNG ĐẮN
    - 5 - 6 - 1911: Ra đi tìm đường cứu nước, đến nước Pháp.
    - Năm 1917: Sau khi bôn ba ở hải ngoại, trở lại Pháp tham gia Đảng Xã hội Pháp
    - Tháng 6 - 1919: Gửi tới Hội nghị Véc-xai yêu sách đòi tự do dân chủ, bình đẳng và dân tộc tự quyết cho dân tộc Việt Nam
    - Tháng 7 - 1920: Đọc Sơ thảo Luận cương Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Đi theo con đường cách mạng vô sản
    - Tháng 12 - 1920: Tham dự Đại hội Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản.

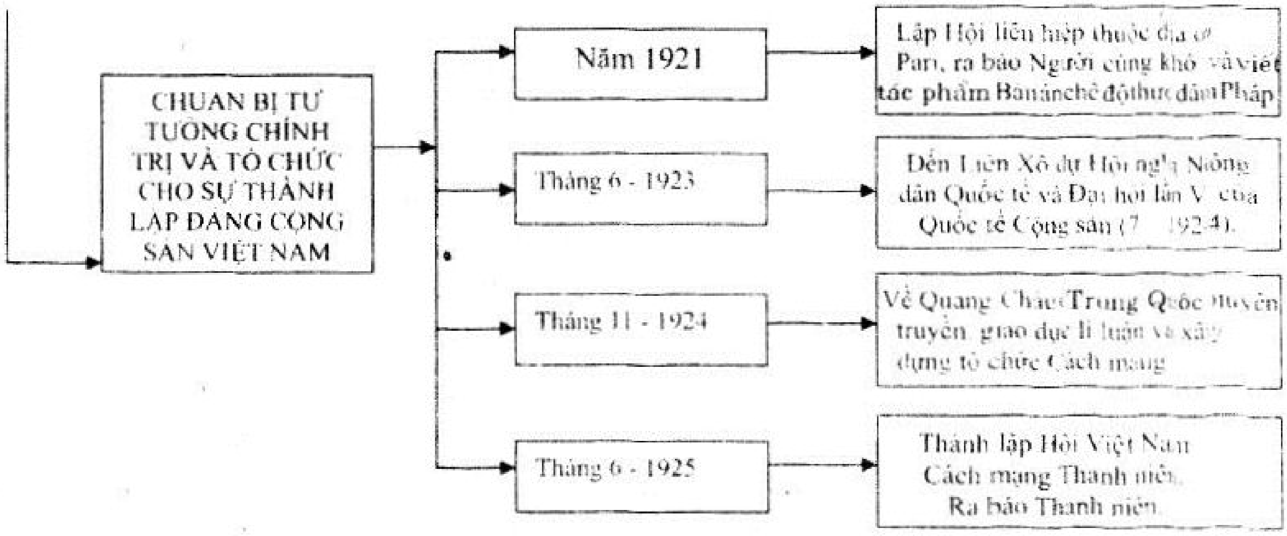
CHUẨN BỊ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHO SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Năm 1921
Lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari, ra báo Người cùng khổ và việ tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp
Tháng 6 - 1923
Đến Liên Xô dự Hội nghị Nông dân Quốc tế và Đại hội lần V của Quốc tế Cộng sản (7 - 1924).
Tháng 11 - 1924
Về Quảng Châu(Trung Quốc)tuyên truyền, giáo dục lí luận và xây dựng tổ chức Cách mạng
Tháng 6 - 1925
Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ra báo Thanh niên.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Hoạt động của phan bội châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở Trung Quốc, Pháp

1. Hoạt động của Phan Bội Châu và một số thanh niên Việt Nam trên đất Trung Quốc

- Hoạt động của Phan Bội Châu:

Năm 1913, Phan Bội Châu bị quân phiệt Trung Quốc bắt, đến năm 1917 được thả tự do.

Giữa lúc đó, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của nước Nga Xô viết đã bắt đầu đến với ông như một ánh sáng mới. Cuối năm 1920, Phan Bội Châu viết truyện Phạm Hồng Thái, ngợi ca tinh thần yêu nước, hi sinh anh dũng của người thanh niên họ Phạm.

Tháng 6 – 1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Hàng Châu (Trung Quốc) đưa về nước, bị kết án tù rồi đưa về an trí ở Huế. Từ đó trở đi, Phan Bội Châu không thể tiến theo nhịp sống đấu tranh mới của dân tộc.

- Hoạt động của một số người Việt Nam:

Nhóm thanh niên Việt Nam yêu nước sang Quảng Châu (Trung Quốc) tìm đường cứu nước, trong đó có Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Công Viễn v.v... Năm 1923, họ lập ra tổ chức *Tâm tâm xã.*

Tâm tâm xã cử Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền méclanh ở Sa Diện (Quảng Châu) ngày 19 - 6 - 1924. Sự việc không thành, Phạm Hồng Thái đã anh dũng hi sinh trên dòng Châu Giang. Tiếng bom Phạm Hồng Thái đã nhóm lại ngọn lửa chiến đấu, khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, nhất là thanh niên. Sự kiện lịch sử đó tuy nhỏ nhưng nó "*như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân*".

2. Hoạt động của Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam trên đất Pháp

- Hoạt động của Phan Châu Trinh: năm 1922, Phan Châu Trinh hoạt động ở Pháp, Phan Châu Trinh viết *Thất điều thư* vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định. Phan Châu Trinh còn tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ và quan trường ở Việt Nam, tiếp tục hô hào "*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân khí*"... Tháng 6 - 1925, Phan Châu Trinh về nước tiếp tục hoạt động, đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền.

- Hoạt động của một số người Việt ở Pháp:

Việt kiều tại Pháp đã tham gia hoạt động yêu nước, chuyển tài liệu, sách báo tiến bộ về nước. Một số thủy thủ Việt Nam đã hoạt động trong Hội liên hiệp thuộc địa.

Nhiều trí thức và lao động Việt Nam ở Pháp đã đoàn kết tập hợp trong các tổ chức yêu nước. Năm 1925, *Hội những người lao động trí óc* ở Đông Dương ra đời.

Một số thanh niên, sinh viên yêu nước xuất thân trong các gia đình địa chủ, tư sản lập ra *Đảng Việt Nam độc lập*, xuất bản báo *Tái sinh*.

II. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam

1. Hoạt động của tư sản và tiểu tư sản

a. Phong trào của giai cấp tư sản:

- Năm 1919, tư sản Việt Nam tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều ở một số tỉnh và thành phố như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định…

- Năm 1923, họ đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì.

- Ngoài ra, giai cấp tư sản đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình trong phong trào chống độc quyền.

- Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kì (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long...) đã thành *Đảng Lập hiến* (1923). Khi được thực dân Pháp nhượng bộ cho ít quyền lợi họ đã thỏa hiệp với chúng.

b. Phong trào của tiểu tư sản:

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các tầng lớp tiểu tư sản trí thức sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ, hăng hái chống lại cường quyền áp bức. Họ được tập hợp trong những tổ chức chính trị như *Việt Nam nghĩa đoàn*, hội *Phục Việt*, đảng *Thanh niên* với nhiều hoạt động phong phú sôi động, nhiều tờ báo tiến bộ lần lượt ra đời. Báo tiếng Pháp có các tờ *Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê;* báo tiếng Việt có tờ *Hữu thanh, Tiếng dân, Đông Pháp thời báo, thực nghiệp dân báo*... Họ lập ra những nhà xuất bản tiến bộ như *Nam đồng thư xã* (Hà Nội), *Cường học thư xã* (Sài Gòn), *Quan tải tùng thư* (Huế).

- Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai hồi đó có một số sự kiện nổi bật là cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925), các cuộc truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926). Riêng ở Sài Gòn, đám tang Phan Châu Trinh đã thu hút khoảng 14 vạn người tham dự.

2. Các cuộc đấu tranh của công nhân

- Ngay từ năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập Công hội do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

- Năm 1922, công nhân Bắc Kì đòi chủ tư bản người Pháp phải cho họ nghỉ ngày chủ nhật có trả lương. Cùng năm đó còn có cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay xát gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương v.v...

- Tháng 8 - 1925, thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn không chịu sửa chữa chiến hạm Mi-sơ-lê của Pháp trước khi chiến hạm này chở lính sang tham gia đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc. Cuộc bãi công Ba Son thắng lợi đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam.

III. Hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc

- Sau hơn 8 năm bôn ba khắp các châu lục trên thế giới, năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

- Ngày 18 - 6 - 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai *Bản yên sách của nhân dân An Nam.* Bản yêu sách đòi chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của nhân dân An Nam.

- Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp. Luận cương của Lê-nin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc là phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Ngày 25 - 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Người đã biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời là một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-di... Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pari để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo *Người cùng khổ* do Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân* (của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp)... và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp.* Các sách báo nói trên được bí mật chuyển về Việt Nam đã góp phần thúc đẩy phong trào dân tộc trong nước phát triển mạnh mẽ hơn.

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự *Hội nghị Quốc tế nông dân.* Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế của* Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

- Tháng 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để trang bị chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho họ.

Bài 15

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

A. Sơ đồ hóa kiến thức

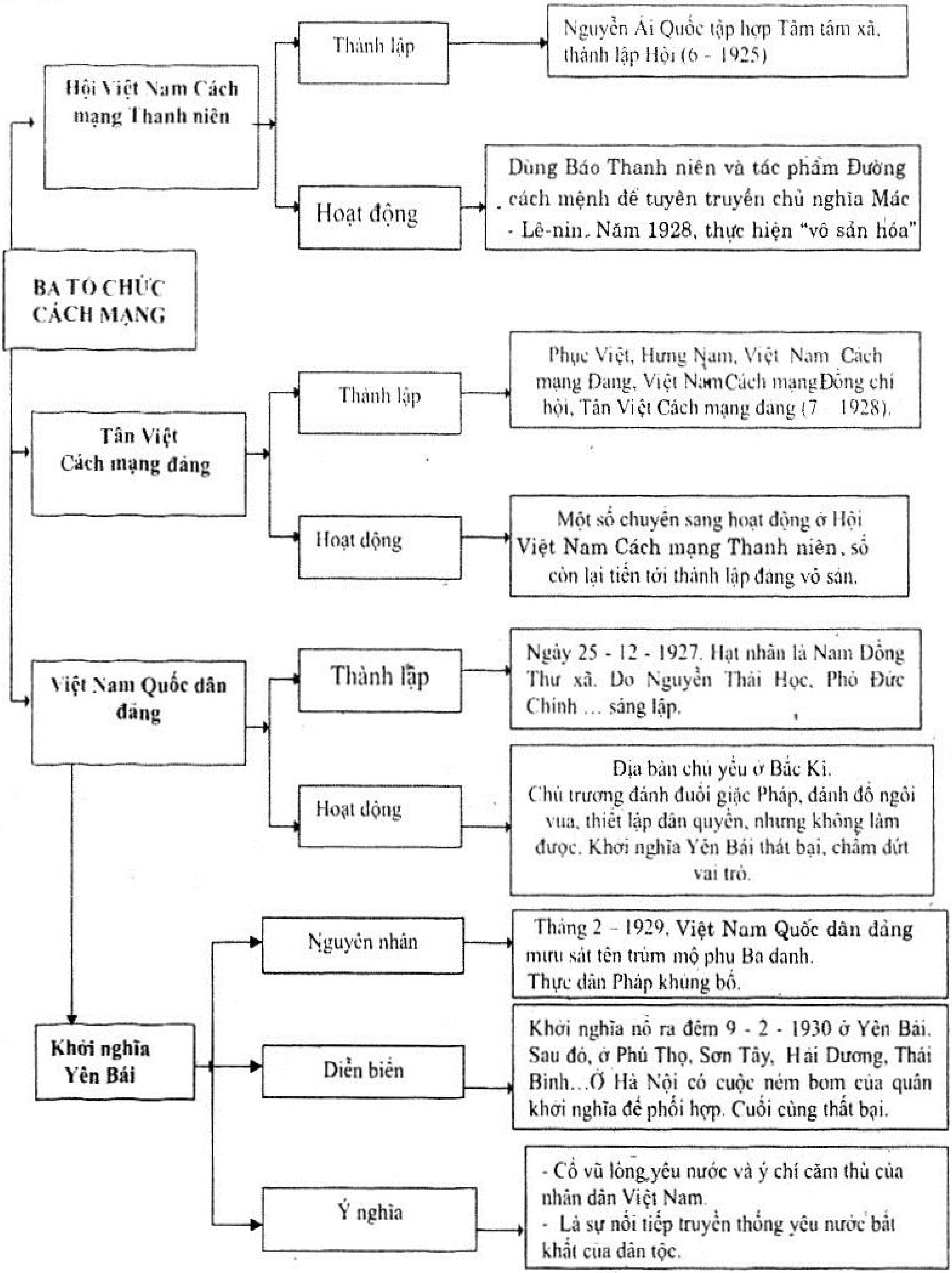

BA TỔ CHỨC CÁCH MẠNG

- **Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên**
  - Thành lập: Nguyễn Ái Quốc tập hợp Tâm tâm xã, thành lập Hội (6 - 1925)
  - Hoạt động: Dùng Báo Thanh niên và tác phẩm Đường cách mệnh để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Năm 1928, thực hiện "vô sản hóa"
- **Tân Việt Cách mạng đảng**
  - Thành lập: Phục Việt, Hưng Nam, Việt Nam Cách mạng Đảng, Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội, Tân Việt Cách mạng đảng (7 - 1928).
  - Hoạt động: Một số chuyển sang hoạt động ở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, số còn lại tiến tới thành lập đảng vô sản.
- **Việt Nam Quốc dân đảng**
  - Thành lập: Ngày 25 - 12 - 1927. Hạt nhân là Nam Đồng Thư xã. Do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính ... sáng lập.
  - Hoạt động: Địa bàn chủ yếu ở Bắc Kì. Chủ trương đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền, nhưng không làm được. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, chấm dứt vai trò.

Khởi nghĩa Yên Bái

- Nguyên nhân: Tháng 2 - 1929, Việt Nam Quốc dân đảng mưu sát tên trùm mộ phu Ba danh. Thực dân Pháp khủng bố.
- Diễn biến: Khởi nghĩa nổ ra đêm 9 - 2 - 1930 ở Yên Bái. Sau đó, ở Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương, Thái Bình...Ở Hà Nội có cuộc ném bom của quân khởi nghĩa để phối hợp. Cuối cùng thất bại.
- Ý nghĩa:
  - Cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân Việt Nam.
  - Là sự nối tiếp truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.

Niên biểu về sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Thời gian	Nội dung sự kiện	Ý nghĩa sự kiện
Tháng 6-1925	Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Sự chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
21 - 6 - 1925	Xuất bản báo "Thanh niên" làm cơ quan ngôn luận của Hội	Tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối cách mạng giải phóng dân tộc.
1927	Xuất bản tác phẩm "Đường kách mệnh"	Trang bị lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội để tuyên truyền giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.
1928	Phát động phong trào "vô sản hoá", các hội viên đi vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền làm việc và sinh sống cùng công nhân.	Tuyên truyền và vận động cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào phong trào công nhân.
9 - 7 - 1925	Nguyễn Ái Quốc cùng với một số nhà yêu nước các thuộc địa lập ra "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông".	Tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

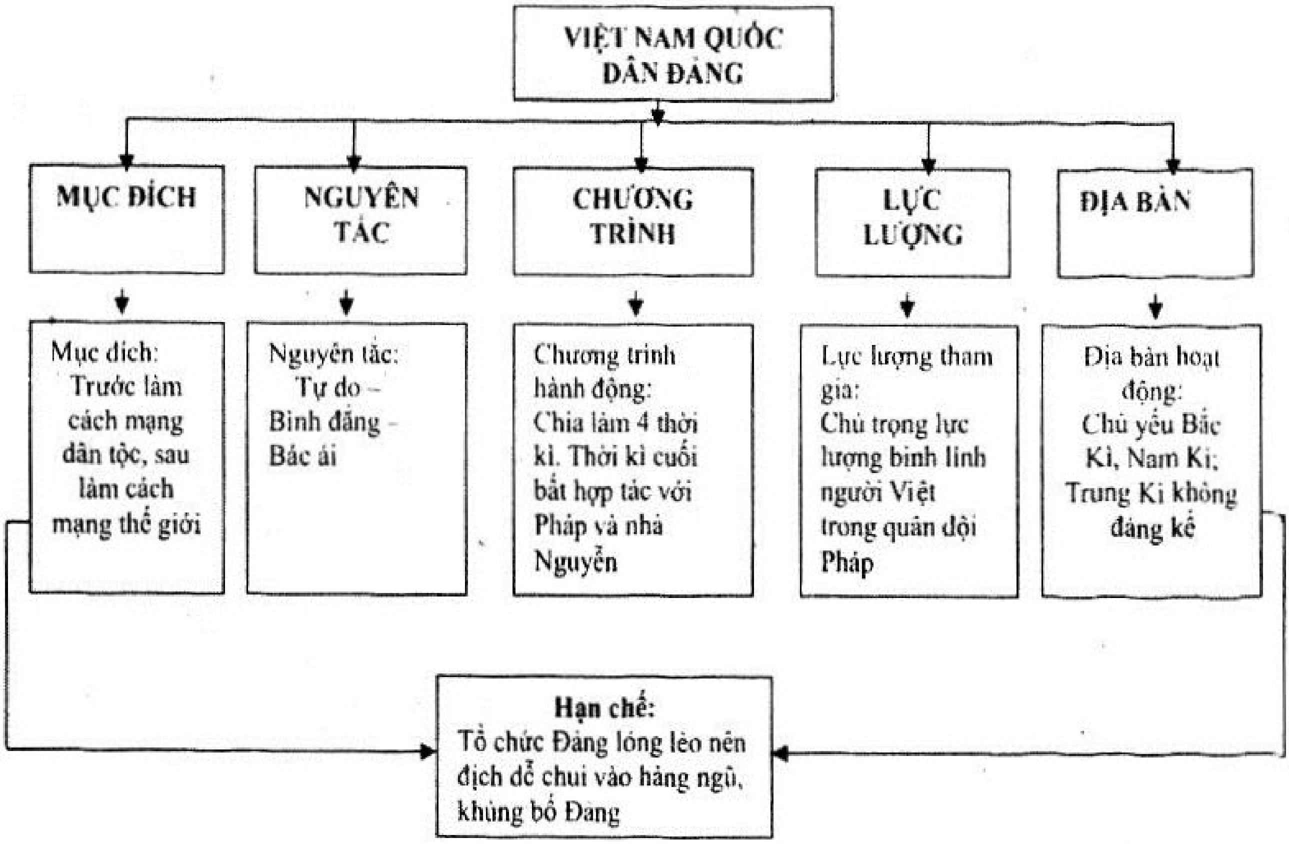
VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG
MỤC ĐÍCH
NGUYÊN TẮC
CHƯƠNG TRÌNH
LỰC LƯỢNG
ĐỊA BÀN
Mục đích: Trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới
Nguyên tắc: Tự do – Bình đẳng – Bác ái
Chương trình hành động: Chia làm 4 thời kì. Thời kì cuối bất hợp tác với Pháp và nhà Nguyễn
Lực lượng tham gia: Chú trọng lực lượng binh lính người Việt trong quân đội Pháp
Địa bàn hoạt động: Chủ yếu Bắc Kì, Nam Kì; Trung Kì không đáng kể
Hạn chế:
Tổ chức Đảng lỏng lẻo nên địch dễ chui vào hàng ngũ, khủng bố Đảng

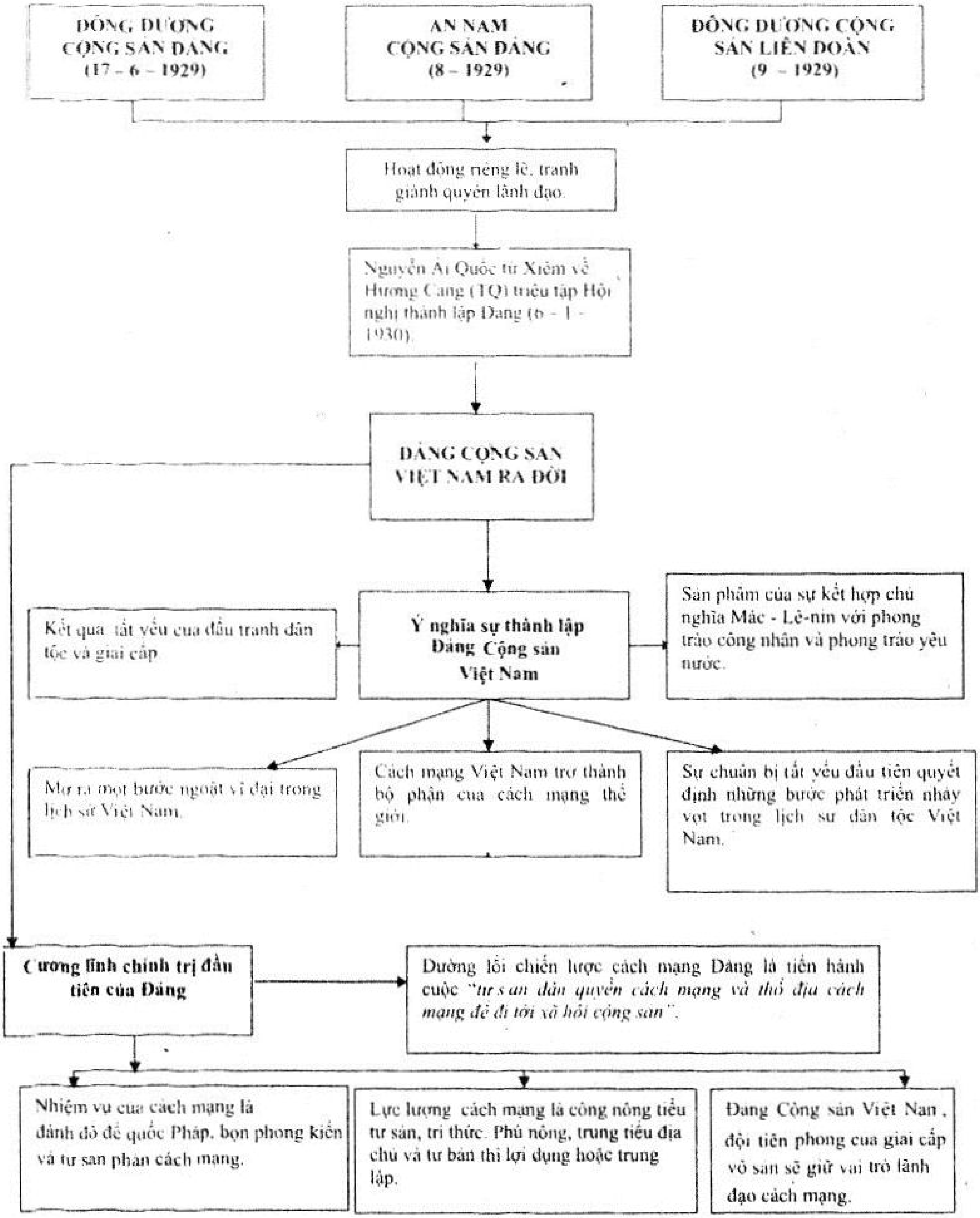
ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG (17 - 6 - 1929)
AN NAM CỘNG SẢN ĐẢNG (8 - 1929)
ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN LIÊN ĐOÀN (9 - 1929)
Hoạt động riêng lẻ, tranh giành quyền lãnh đạo.
Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm về Hương Cảng (TQ) triệu tập Hội nghị thành lập Đảng (6 - 1 - 1930).
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI
Kết quả tất yếu của đấu tranh dân tộc và giai cấp
Ý nghĩa sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
Sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
Mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam.
Cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận của cách mạng thế giới.
Sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên quyết định những bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
Đường lối chiến lược cách mạng Đảng là tiến hành cuộc "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".
Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng.
Lực lượng cách mạng là công nông tiểu tư sản, trí thức. Phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập.
Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cách mạng

1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

- Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc), liên hệ với tổ chức Tâm tâm xã, mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ.

- Tháng 2 – 1925, một số người được gửi sang học tại Trường đại học Phương Đông ở Mát-xcơ-va (Liên Xô) hoặc Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc). Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã để tổ chức thành nhóm Cộng sản đoàn.

- Tháng 6 - 1925 Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết lại, kịch liệt tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu mình.

- Ngày 21 - 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập báo *Thanh niên* là cơ quan ngôn luận của Hội.

- Đầu năm 1927, tác phẩm *Đường Kách mệnh* được xuất bản.

Báo *Thanh niên* và sách *Đường Kách mệnh* đã trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

- Từ cuối năm 1928, sau khi có chủ trương *"vô sản hóa"*, nhiều cán bộ của Hội đã đi sâu vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ.

2. Tân Việt Cách mạng đảng

- Ngày 14 - 7 - 1925, một số tù chính trị cũ ở Trung Kì cùng một nhóm sinh viên Trường Cao đẳng ở Hà Nội lập ra Hội Phục Việt, sau đó đổi thành Hội Hưng Nam, rồi đến Việt Nam Cách mạng đảng và tháng 7 - 1927, lại đổi tên là Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội.

- Đến 14 - 7 - 1928, Hội họp Đại hội tại Huế, quyết định đổi tên thành Tân Việt Cách mạng đảng.

- Đảng Tân Việt tập hợp những trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước để đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc, thành lập một xã hội bình đẳng. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

- Đảng Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh nên có ảnh hưởng cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến của Đảng Tân Việt.

- Một số đảng viên tiên tiến đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng theo tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, của học thuyết Mác - Lê-nin.

3. Việt Nam Quốc dân đảng

- Thành lập ngày 25 - 12 - 1927. Hạt nhân đầu tiên là Nam Đồng thư xã.

- Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính ... sáng lập, là một chính đảng theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam.

- Lúc mới thành lập, Đảng chưa có mục đích tôn chỉ rõ rệt mà chỉ nêu chung chung là: *"Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng"*.

- Chương trình hoạt động của Đảng chia thành 4 thời kì, thời kì cuối cùng là *đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền*.

- Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương tiến hành cách mạng bạo lực. Tổ chức cơ sở của Đảng trong quần chúng rất ít. Địa bàn hoạt động của Đảng chỉ bó hẹp trong một số địa phương ở Bắc Kì.

- Đảng thành lập chưa được bao lâu, hệ thống tổ chức mới xây dựng được ở một số địa phương, thì đã bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội. Đảng lâm vào tình trạng thế bị động đối phó, nguy cơ tan rã đang đến gần.

II. Bãi công của công nhân và khởi nghĩa Yên Bái

1. Các cuộc bãi công của công nhân

- Từ năm 1926 đến năm 1929, nhiều cuộc của công nhân nổ ra. Lớn nhất là cuộc bãi công của 1.000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao su Tam Hiệp, đồn điền cao su Phú Riềng.
- Cuối năm 1928, khi có chủ trương "vô sản hoá" phong trào công nhân phát triển mạnh.
- Năm 1929, bãi công của công nhân nổ ra ở Hải Phòng, Nghệ An, Nam Định, Đà Nẵng, Sài Gòn v.v...
- Các cuộc bãi công đó đã bắt đầu có sự liên kết thành phong trào chung.

2. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

- Tháng 2 - 1929, Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức vụ ám sát tên trùm khủng bố như Ba-danh ở Hà Nội. Thực dân Pháp đã tiến hành cuộc khủng bố dã man. Hàng loạt đảng viên và quần chúng bị bắt.
- Bị động trước tình thế, những cán bộ lãnh đạo chủ chốt còn lại Đảng đã quyết định dốc hết lực lượng để thực hiện cuộc bạo động cuối cùng với ý tưởng: "Không thành công cũng thành nhân!".
- Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 9 - 2 - 1930 ở Yên Bái. Cùng đêm, khởi nghĩa nổ ra ở Phú Thọ, Sơn Tây, sau đó là Hải Dương, Thái Bình... Ở Hà Nội có cuộc ném bom của quân khởi nghĩa để phối hợp.
- Cuộc khởi nghĩa bị thất bại nhanh chóng, song đã cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp và tay sai. Là sự nối tiếp truyền thống yêu nước bất khất của dân tộc. Khởi nghĩa thất bại đã chấm dứt vai trò của Việt Nam Quốc dân đảng.

III. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929

- Năm 1929, phong trào công nhân, nông dân, tiểu tư sản... kết thành một làn sóng dân tộc dân chủ ngày càng lan rộng.
- Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên.
- Tháng 5 - 1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng. Tại Đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kì đặt vấn đề thành lập ngay Đảng Cộng sản để thay thế Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, song không được đại hội chấp nhận nên đã bỏ đại hội về nước.
- Ngày 17 - 6 - 1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*.

- Khoảng tháng 8 - 1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kì cũng đã quyết định lập *An Nam Cộng sản đảng*.

- Tháng 9 – 1929, một số đảng viên tiên tiến của Đảng Tân Việt cũng tích cực vận động lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*.

- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản lúc bấy giờ là một xu thế khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

- Các tổ chức cộng sản đã nhanh chóng phát triển tổ chức cơ sở đảng và quần chúng trong nhiều địa phương, tiếp tục tổ chức và lãnh đạo các cuộc đấu tranh của quần chúng.

- Nhưng các cuộc tổ chức đó đều hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, thậm chí công kích lẫn nhau làm cho phong trào cách mạng trong cả nước có nguy cơ chia rẽ lớn.

2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Hoàn cảnh lịch sử:

- Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929 đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải thống nhất các tổ chức lại thành một đảng duy nhất.

- Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc) để bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng. Hội nghị bắt đầu họp từ ngày 6 – 1 – 1930, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Dự hội nghị có đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng, đại biểu của An Nam Cộng sản đảng.

b. Nội dung Hội nghị:

- Nguyễn Ái Quốc đã phê phán những quan điểm sai lầm của mỗi tổ chức cộng sản riêng rẽ và nêu rõ chương trình của Hội nghị.

- Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng… do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

- Nội dung của cương lĩnh:

  + Xác định đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam là tiến hành cuộc "*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*".

  + Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông.

  + Lực lượng cách mạng là công nông tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc với các dân tộc bị áp bức và vô sản hóa thế giới.

  + Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng chủ yếu của cương lĩnh này.

c. Ý nghĩa của sự thành lập Đảng:

- Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời đại mới.
- Mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam.
- Làm cho cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.
- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Niên biểu so sánh ba tổ chức cách mạng xuất hiện ở Việt Nam (1925-1927)

Tên của các tổ chức	**Thời gian**	**Thành phần**	**Phương châm hoạt động**	**Mục đích đấu tranh**
Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Tháng 6-1925	Tiểu tư sản, trí thức yêu nước (lớp dưới).	Đi vào quần chúng công - nông để gây dựng cơ sở cách mạng, vận động quần chúng đấu tranh.	Sau khi đánh đổ ách thống trị sẽ đưa nước nhà tiến lên chủ nghĩa cộng sản.
Tân Việt Cách mạng đảng	Tháng 7-1925 đến tháng 7-1928.	Tiểu tư sản, trí thức bậc trung và chính trị phạm ở Trung Kì.	Đi vào quần chúng công - nông để gây dựng cơ sở cách mạng, tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh.	Sau khi đánh đổ ách thống trị sẽ tiến lên chủ nghĩa cộng sản.
Việt Nam Quốc dân đảng	Ngày 25 – 12 1927	Tiểu tư sản, trí thức (lớp trên), tư sản, hào phú, binh lính.	- Bạo động, ám sát cá nhân. - Cơ sở chủ yếu là binh lính.	Sau khi đánh đổ ách thống trị sẽ tiến lên chủ nghĩa tư bản.

Chương II

VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Bài 16

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

A. Sơ đồ hóa kiến thức

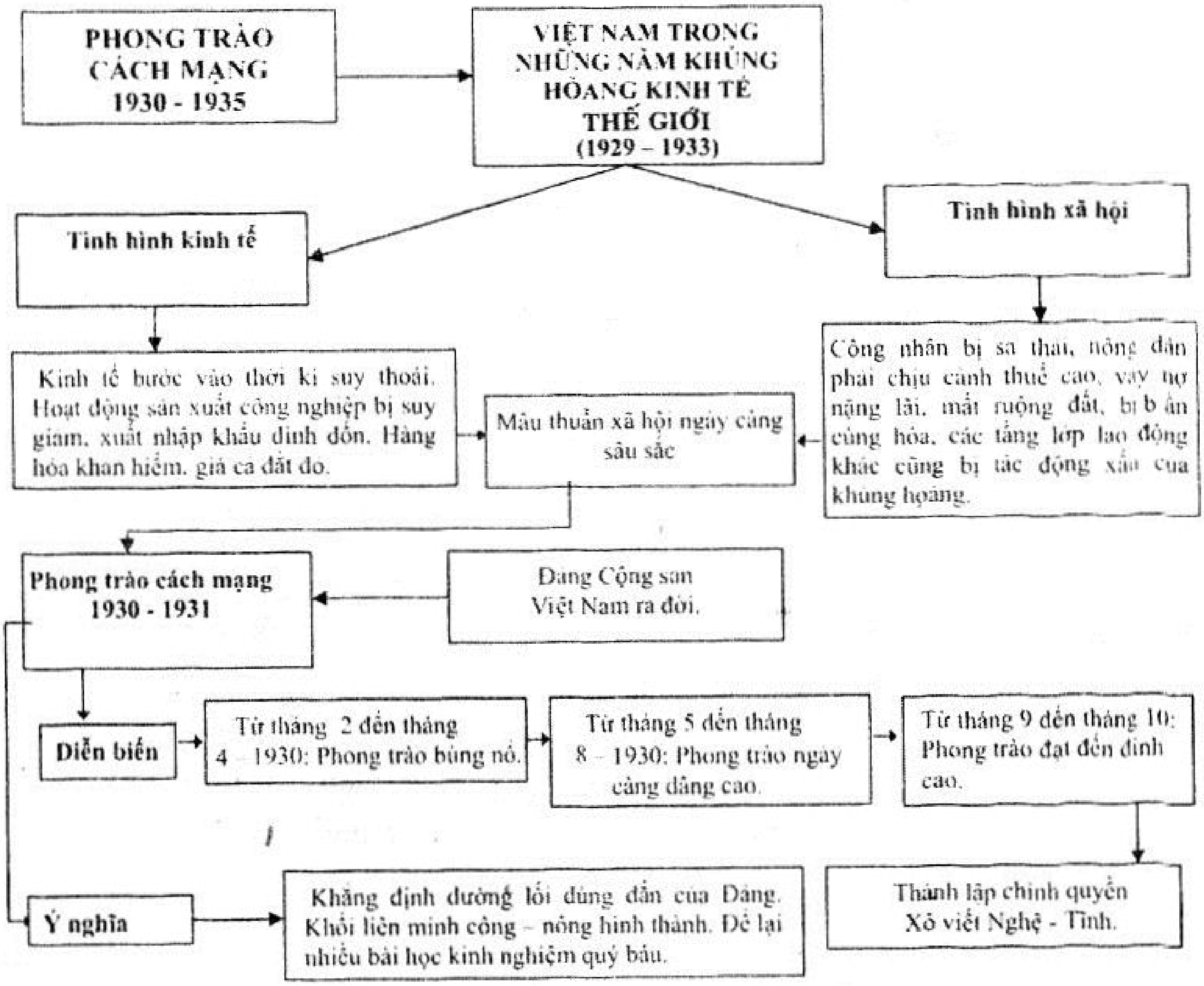

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI (1929 – 1933)

Tình hình kinh tế

Kinh tế bước vào thời kì suy thoái. Hoạt động sản xuất công nghiệp bị suy giảm, xuất nhập khẩu đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

Tình hình xã hội

Công nhân bị sa thải, nông dân phải chịu cảnh thuế cao, vay nợ nặng lãi, mất ruộng đất, bị bần cùng hóa, các tầng lớp lao động khác cũng bị tác động xấu của khủng hoảng.

Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc

Phong trào cách mạng 1930 - 1931

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Diễn biến

Từ tháng 2 đến tháng 4 – 1930: Phong trào bùng nổ.

Từ tháng 5 đến tháng 8 – 1930: Phong trào ngày càng dâng cao.

Từ tháng 9 đến tháng 10: Phong trào đạt đến đỉnh cao.

Thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Ý nghĩa

Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng. Khối liên minh công – nông hình thành. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

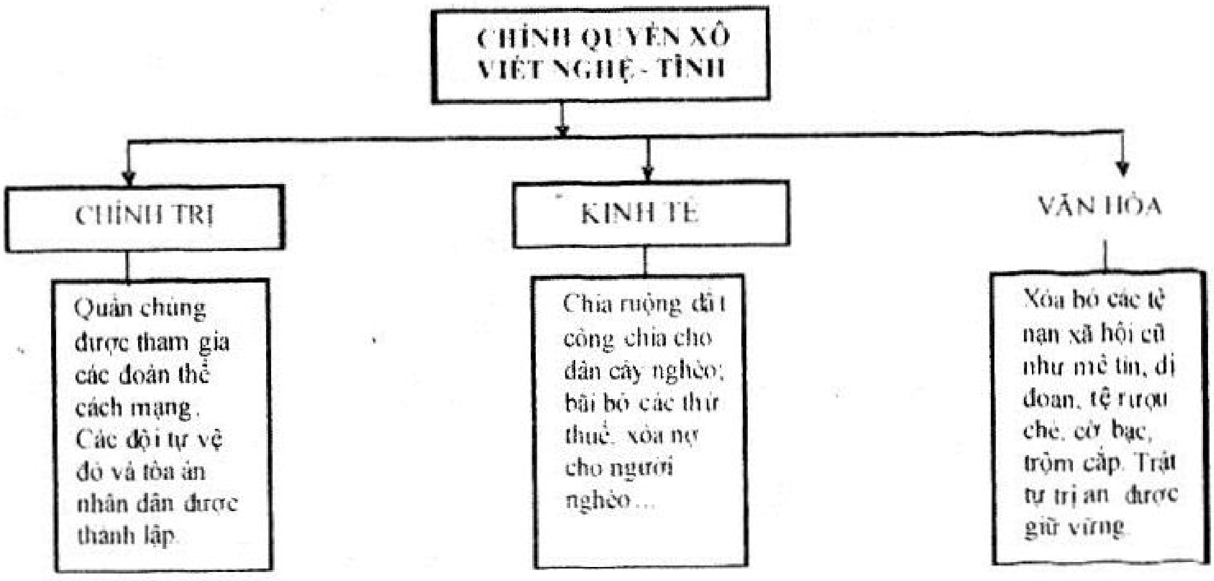

CHÍNH QUYỀN XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH

CHÍNH TRỊ

Quần chúng được tham gia các đoàn thể cách mạng. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.

KINH TẾ

Chia ruộng đất công chia cho dân cày nghèo; bãi bỏ các thứ thuế, xóa nợ cho người nghèo...

VĂN HÓA

Xóa bỏ các tệ nạn xã hội cũ như mê tín, dị đoan, tệ rượu chè, cờ bạc, trộm cắp. Trật tự trị an được giữ vững.

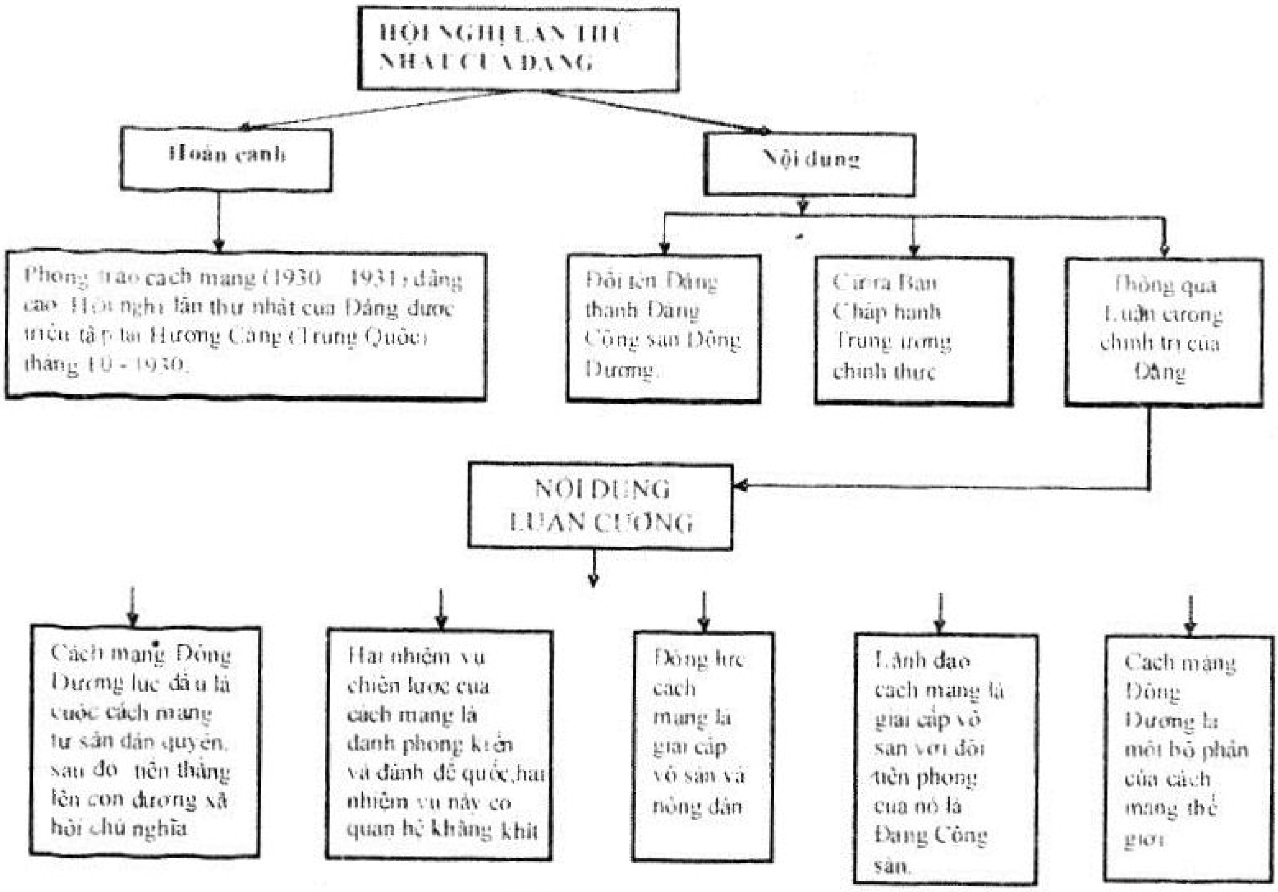
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẢNG
Hoàn cảnh
Nội dung
Phong trào cách mạng (1930 - 1931) dâng cao. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng được triệu tập tại Hương Cảng (Trung Quốc) tháng 10 - 1930.
Đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương.
Cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức
Thông qua Luận cương chính trị của Đảng
NỘI DUNG LUẬN CƯƠNG
Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa
Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh phong kiến và đánh đế quốc, hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít
Động lực cách mạng là giai cấp vô sản và nông dân
Lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.
Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới

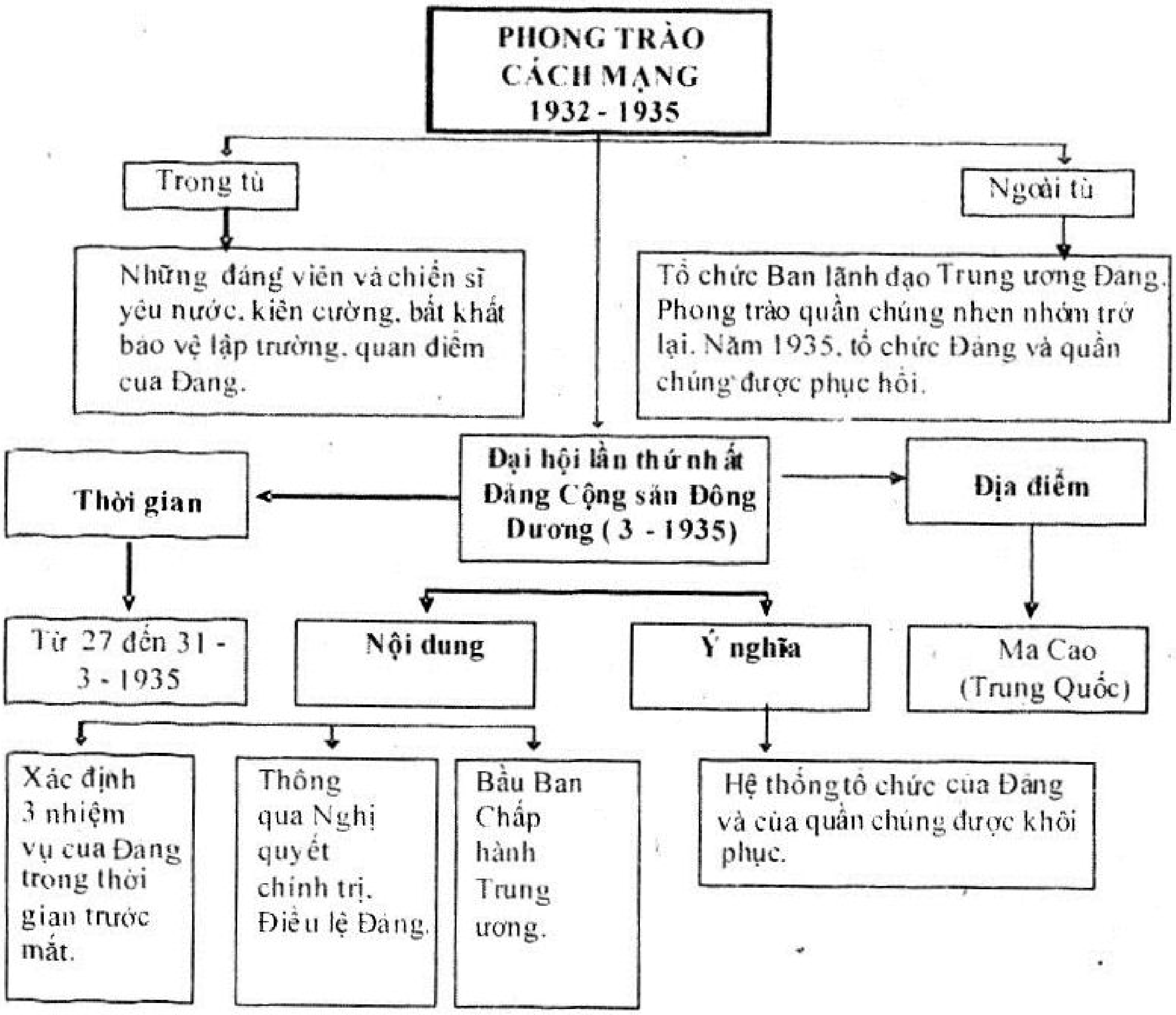
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1932 - 1935
Trong tù
Ngoài tù
Những đảng viên và chiến sĩ yêu nước, kiên cường, bất khuất bảo vệ lập trường, quan điểm của Đảng.
Tổ chức Ban lãnh đạo Trung ương Đảng. Phong trào quần chúng nhen nhóm trở lại. Năm 1935, tổ chức Đảng và quần chúng được phục hồi.
Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (3 - 1935)
Thời gian
Địa điểm
Từ 27 đến 31 - 3 - 1935
Nội dung
Ý nghĩa
Ma Cao (Trung Quốc)
Xác định 3 nhiệm vụ của Đảng trong thời gian trước mắt.
Thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng.
Bầu Ban Chấp hành Trung ương.
Hệ thống tổ chức của Đảng và của quần chúng được khôi phục.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933

1. Tình hình kinh tế

- Từ năm 1930, kinh tế Việt Nam bước vào thời kì suy thoái.
- Hoạt động sản xuất công nghiệp bị suy giảm.
- Trong thương nghiệp, xuất nhập khẩu đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.
- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam rất nặng nề so với các thuộc địa khác của Pháp cũng như so với các nước trong khu vực.

2. Tình hình xã hội

- Nhiều công nhân bị sa thải. Cuộc sống của thợ thuyền ngày càng khó khăn.
- Nông dân phải chịu cảnh thuế cao, vay nợ nặng lãi. Ruộng đất bị địa chủ người Pháp và người Việt chiếm đoạt. Họ bị bần cùng hóa.
- Các tầng lớp nhân dân lao động khác cũng không tránh khỏi tác động xấu của khủng hoảng kinh tế. Các nghề thủ công bị phá sản, nhà buôn nhỏ phải đóng cửa, viên chức bị sa thải, học sinh ra trường không có việc. Một số đông tư sản dân tộc cũng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.
- Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

II. Phong trào cách mạng 1930-1931 và Xô Viết Nghệ - Tĩnh

1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931

- Nguyên nhân:
  + Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933).
  + Thực dân Pháp đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
  + Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh.
- Diễn biến: Tóm tắt diễn biến các phong trào đấu tranh 1930 - 1931

Thời gian	Sự kiện
3 - 2 - 1930	Bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng.
10 - 2 - 1930	Bãi công của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng.
22 - 2 - 1930	Cờ đỏ búa liềm được treo ở một số nơi trên đường phố Hà Nội.
25 - 2 - 1930	Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định.
17 - 4 - 1930	Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy diêm Bến Thuỷ.
1 - 5 - 1930	Đấu tranh bùng nổ trên phạm vi cả nước.
12 - 9 - 1930	Cuộc biểu tình của nhân dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An). Thực dân Pháp cho máy bay đàn áp làm cho 217 người chết và 126 người bị thương.
10 - 1930	Các cuộc đấu tranh của nông dân huyện Đức Phổ, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), ở Bà Chiểu (Sài Gòn), Chợ Lớn, Cao Lãnh (Sa Đéc).

2. Xô viết Nghệ - Tĩnh

- Tại Nghệ An, Xô viết ra đời ngay sau các cuộc biểu tình từ tháng 9 - 1930. Ở Hà Tĩnh, Xô viết hình thành vào cuối năm 1930, đầu năm 1931. Các Xô viết đã tổ chức, lãnh đạo quần chúng làm các việc sau đây:

+ Về chính trị, quần chúng được tự do tham gia hoạt động trong các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.

+ Về kinh tế, tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày nghèo; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối, xóa nợ cho người nghèo...

+ Về văn hóa - xã hội, xóa bỏ các tệ nạn xã hội cũ như mê tín, dị đoan, tệ rượu chè, cờ bạc, trộm cắp. Trật tự trị an được giữ vững.

Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.

** Ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ - Tĩnh:*

- Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước ở Đông Dương.

- Khối liên minh công – nông hình thành, công nhân và nông dân đã đoàn kết với nhau trong đấu tranh cách mạng.

- Để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh..vv.

Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

3. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 10 - 1930)

- Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10 - 1930.

- Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương; cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú là Tổng Bí thư và thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

- Nội dung của Luận cương:

+ Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh phong kiến và đánh đế quốc, hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít với nhau.

+ Động lực cách mạng là giai cấp vô sản và nông dân.

+ Lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.

+ Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới.

- Hạn chế của Luận cương:

+ Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương là mâu thuẫn dân tộc nên không gương cao được ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

+ Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp, tầng lớp khác ngoài công nhân và nông dân.

III. Phong trào cách mạng 1932 - 1935

1. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng

Từ năm 1931 đến giữa năm 1932, hầu hết các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì bị bắt.

- Tháng 6 - 1932, Ban lãnh đạo Trung ương thảo ra chương trình hành động của Đảng. Dựa vào chương trình hành động, phong trào đấu tranh của quần chúng được nhen nhóm trở lại với các tổ chức như Hội cấy, Hội cày, Hội hiếu hỉ, Hội đọc sách báo v.v...

- Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Gia Định. Nông dân các tỉnh Gia Định, Long Xuyên, Trà Vinh, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Cao Bằng, Lạng Sơn liên tiếp có các cuộc đấu tranh.

- Năm 1935, một số đảng viên hoạt động hợp pháp đã sử dụng báo chí công khai đấu tranh chống những quan điểm chính trị, triết học, văn học, nghệ thuật tư sản, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối chủ trương của Đảng.

- Đầu năm 1935, các tổ chức Đảng và phong trào được phục hồi.

2. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3 - 1935)

- Từ ngày 27 đến ngày 31 - 3 - 1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc).

- Đại hội xác định 3 nhiệm vụ của Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố sự phát triển Đảng; tranh thủ quần chúng rộng rãi; chống chiến tranh đế quốc.

- Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ; về công tác trong các dân tộc thiểu số, về đội tự vệ và cứu tế đỏ.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và bầu Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư của Đảng. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng đánh dấu mốc quan trọng: Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước đến ngoài nước, đã khôi phục được các tổ chức quần chúng.

Bài 17

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

SƠ ĐỒ HOÁ KIẾN THỨC

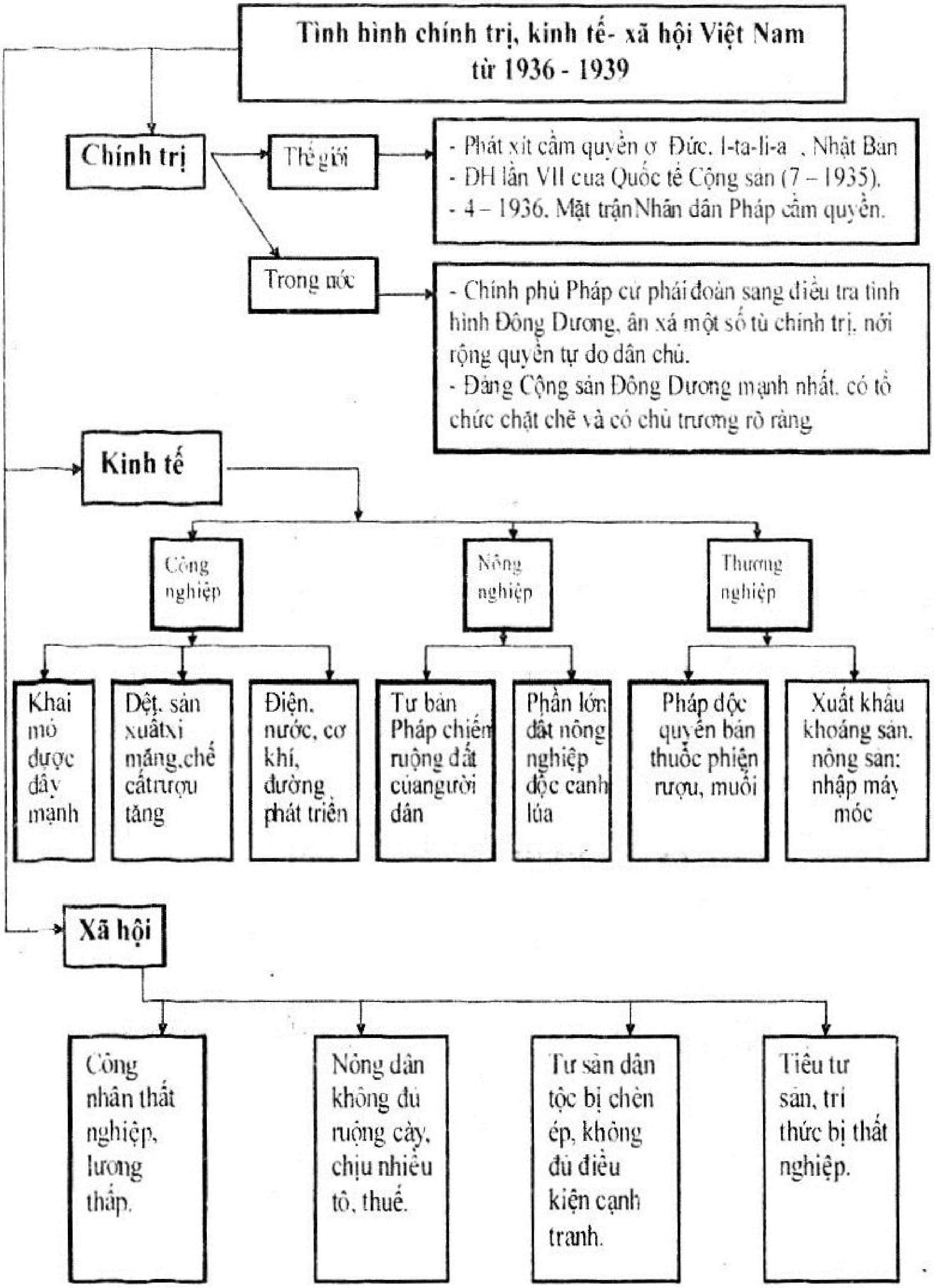

Tình hình chính trị, kinh tế- xã hội Việt Nam từ 1936 - 1939

- **Chính trị**
  - Thế giới
    - Phát xít cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a , Nhật Bản
    - ĐH lần VII của Quốc tế Cộng sản (7 – 1935).
    - 4 – 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp cầm quyền.
  - Trong nước
    - Chính phủ Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do dân chủ.
    - Đảng Cộng sản Đông Dương mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.
- **Kinh tế**
  - Công nghiệp
    - Khai mỏ được đẩy mạnh
    - Dệt, sản xuất xi măng, chế cất rượu tăng
    - Điện, nước, cơ khí, đường phát triển
  - Nông nghiệp
    - Tư bản Pháp chiếm ruộng đất của người dân
    - Phần lớn đất nông nghiệp độc canh lúa
  - Thương nghiệp
    - Pháp độc quyền bán thuốc phiện rượu, muối
    - Xuất khẩu khoáng sản, nông sản; nhập máy móc
- **Xã hội**
  - Công nhân thất nghiệp, lương thấp.
  - Nông dân không đủ ruộng cày, chịu nhiều tô, thuế.
  - Tư sản dân tộc bị chèn ép, không đủ điều kiện cạnh tranh.
  - Tiểu tư sản, trí thức bị thất nghiệp.

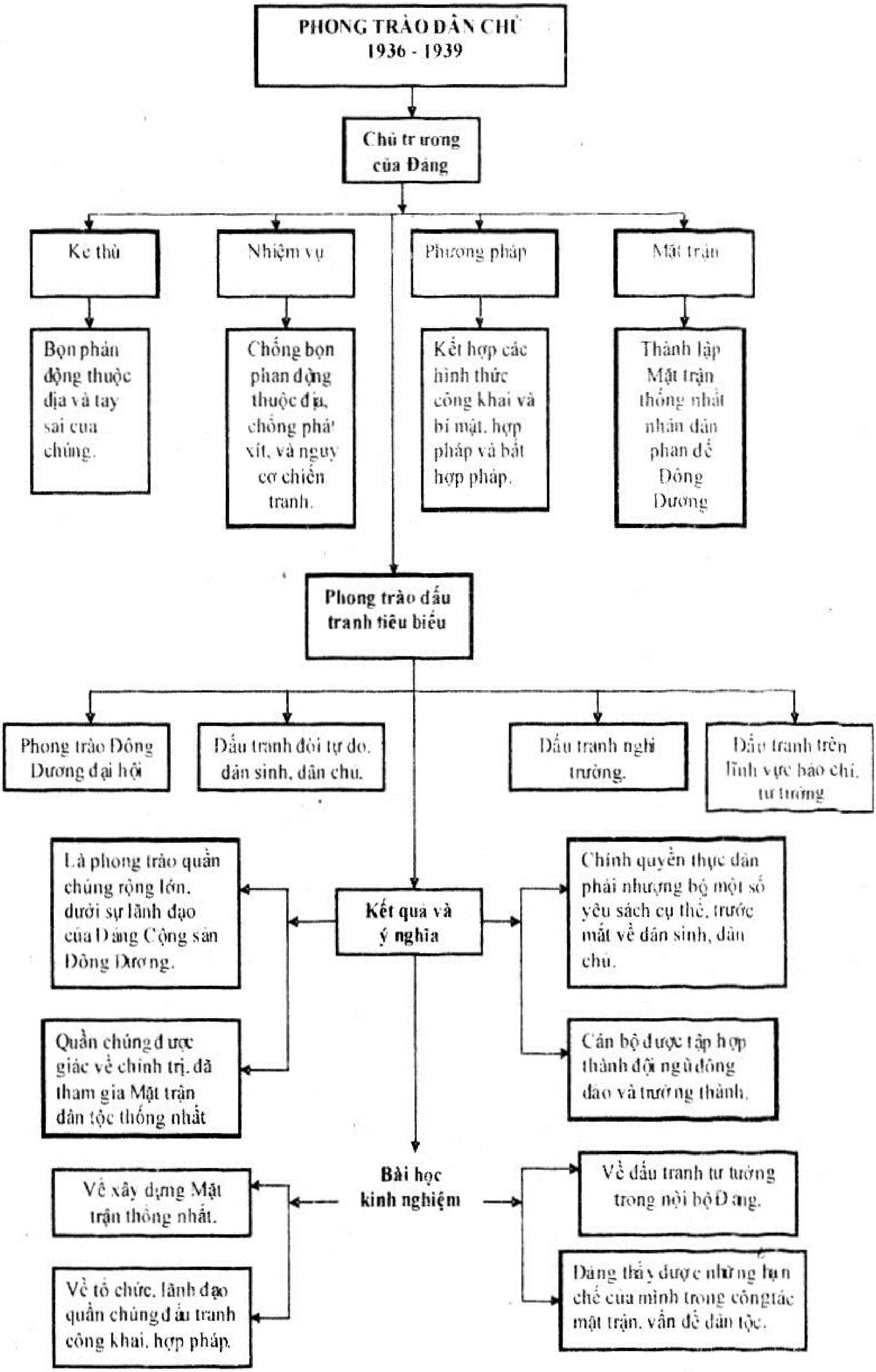

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

Chủ trương của Đảng

Kẻ thù

Bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

Nhiệm vụ

Chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, và nguy cơ chiến tranh.

Phương pháp

Kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Mặt trận

Thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương

Phong trào đấu tranh tiêu biểu

Phong trào Đông Dương đại hội

Đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.

Đấu tranh nghị trường.

Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí, tư tưởng.

Kết quả và ý nghĩa

Là phong trào quần chúng rộng lớn, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Quần chúng được giác về chính trị, đã tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất

Chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể, trước mắt về dân sinh, dân chủ.

Cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo và trưởng thành.

Bài học kinh nghiệm

Về xây dựng Mặt trận thống nhất.

Về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

Về đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng.

Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Việt Nam trong những năm 1936 - 1939

1. Tình hình chính trị

- Từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, bọn phát xít cầm quyền một số nước như Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

- Tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản họp Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ-va (Liên Xô). Đại hội xác định kẻ thù và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít bảo vệ hòa bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

- Tháng 4 - 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số cải cách tiến bộ ở thuộc địa.

- Chính phủ Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, thực hiện việc ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do dân chủ.

- Lúc này ở Việt Nam Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933, chính quyền thực dân Pháp tập trung đầu tư, khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế "chính quốc".

  + Về nông nghiệp, chính sách của Nhà nước thực dân tạo mọi điều kiện cho tư bản Pháp chiếm đoạt ruộng đất của nông dân.

  + Về công nghiệp, ngành khai thác mỏ được đẩy mạnh.

  + Về thương nghiệp, Pháp độc quyền bán thuốc phiện, rượu, muối, thu được lợi nhuận rất cao.

- Nhìn chung, những năm 1936 - 1939 là thời kì phục hồi và phát triển nền kinh tế ở Việt Nam, nhưng chỉ tập trung vào một số ngành đáp ứng có nhu cầu chiến tranh. Nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và lệ thuộc kinh tế Pháp.

- Đời sống đa số nhân dân khó khăn, cực khổ. Chính vì thế họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

II. Phong trào dân chủ 1936 - 1939

1. Chủ trương của Đảng trong những năm 1936 - 1939

- Tháng 7- 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị quyết định:

- Nhiệm vụ nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. Đến tháng 3 - 1938, đổi thành *Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương*, gọi tắt là *Mặt trận dân chủ Đông Dương*.

2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

a) Phong trào Đông Dương Đại hội

- Nhân dịp phái đoàn Mặt trận Nhân dân Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng phát động và tổ chức quần chúng nhân dân họp hội thảo, ra bản nguyện vọng để gửi tới phái đoàn.

- Bọn phản động thuộc địa đàn áp và chia rẽ quần chúng, giải tán Ủy ban hành động, cấm hội họp, tịch thu các báo cổ động cho Đông Dương Đại hội.

- Qua phong trào Đông Dương Đại hội quần chúng được giác ngộ, đoàn kết đấu tranh đòi quyền sống. Đảng thu được một số kinh nghiệm về phát động và lãnh đạo phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp.

b) Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ

Thời gian	**Các cuộc đấu tranh tiêu biểu**
Tháng 6 đến 12 năm 1936	Cả nước có 361 cuộc đấu tranh, trong đó có 236 cuộc đấu tranh của công nhân.
23 - 11 - 1937	Cuộc bãi công của công nhân Hòn Gai, Cẩm Phả, Mông Dương…
Năm 1937	Có 400 cuộc bãi công của công nhân, 15 cuộc đấu tranh của nông dân và các cuộc đấu tranh của tiểu thương.
9 - 7 - 1937	Cuộc đấu tranh của công nhân xe lửa Nam Đông Dương.
28 - 9 - 1937	Cuộc đấu tranh của công nhân mỏ than Vàng Danh.
Tháng 1 và 2 - 1937	Các cuộc mít tinh và biểu tình lớn của công nhân cả nước nhằm biểu dương lực lượng.
Năm 1938	Có 131 cuộc bãi công của công nhân.
Tháng 10 -1938	Cuộc biểu tình của hơn 1.000 nông dân Cà Mau.
1 - 5 - 1938	Các cuộc mít tinh để kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động được công khai ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều nơi khác.
Năm 1939	Phong trào phát triển mạnh từ tháng 4, tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn.

c) Đấu tranh nghị trường

- Trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Trung Kì năm 1937 và cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kì năm 1938, Đảng và Mặt trận vận động những người tiến bộ trong hàng ngũ trí thức ra ứng cử. Năm 1939, diễn ra cuộc tuyển cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kì.

- Đấu tranh công khai ở nghị trường nhằm mục đích mở rộng lực lượng của Mặt trận dân chủ và vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi của nhân dân.

d) Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí, tư tưởng

- Từ năm 1937, báo chí công khai của Đảng phát triển nhanh chóng.

- Các báo của Đảng tuyên truyền, giới thiệu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng Cộng sản Đông Dương, Liên Xô, Quốc tế Cộng sản, Mặt trận Nhân dân Pháp v.v...

- Những năm 1936 - 1939, nhiều sách chính trị - lí luận được xuất bản công khai hoặc đưa từ Pháp về. Nhiều tác phẩm hiện thực phê phán ra đời.

- Cuộc đấu tranh đã thu được kết quả to lớn, trước hết về văn hóa - tư tưởng. Đông đảo các tầng lớp nhân dân được giác ngộ về con đường cách mạng của Đảng.

e. Đấu tranh chống bọn Tơ-rốt-kít

- Trong những năm 1936 - 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đấu tranh chống đối thủ nguy hiểm nhất là bọn *Tơ-rốt-kít.* Chúng mang chiêu bài cách mạng để phá hoại cách mạng, lừa bịp quần chúng, chia rẽ hàng ngũ công nhân và Mặt trận dân tộc thống nhất, phá hoại những tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản.

- Đảng Cộng sản Đông Dương đã đấu tranh kiên quyết với bọn *Tơ-rốt-kít.* Cuộc đấu tranh đó đã giúp quần chúng nhận rõ bộ mặt thật của bọn *Tơ-rốt-kít,* kịp thời ngăn chặn âm mưu phá hoại của chúng.

4. Kết quả và ý nghĩa của phong trào

- Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là một phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, đã buộc chính quyền của thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể, trước mắt về dân sinh, dân chủ.

- Qua phong trào, quần chúng được giác về chính trị, đã tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo và trưởng thành.

5. Bài học kinh nghiệm

Trong quá trình đấu tranh, Đảng Cộng sản Đông Dương tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm:

- Bài học về xây dựng Mặt trận thống nhất.

- Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

- Bài học về đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với đảng phái chính trị phản động.

- Đồng thời, Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

Có thể nói, phong trào dân chủ 1936 - 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Bài 18

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 - 1945

A. Sơ đồ hóa kiến thức

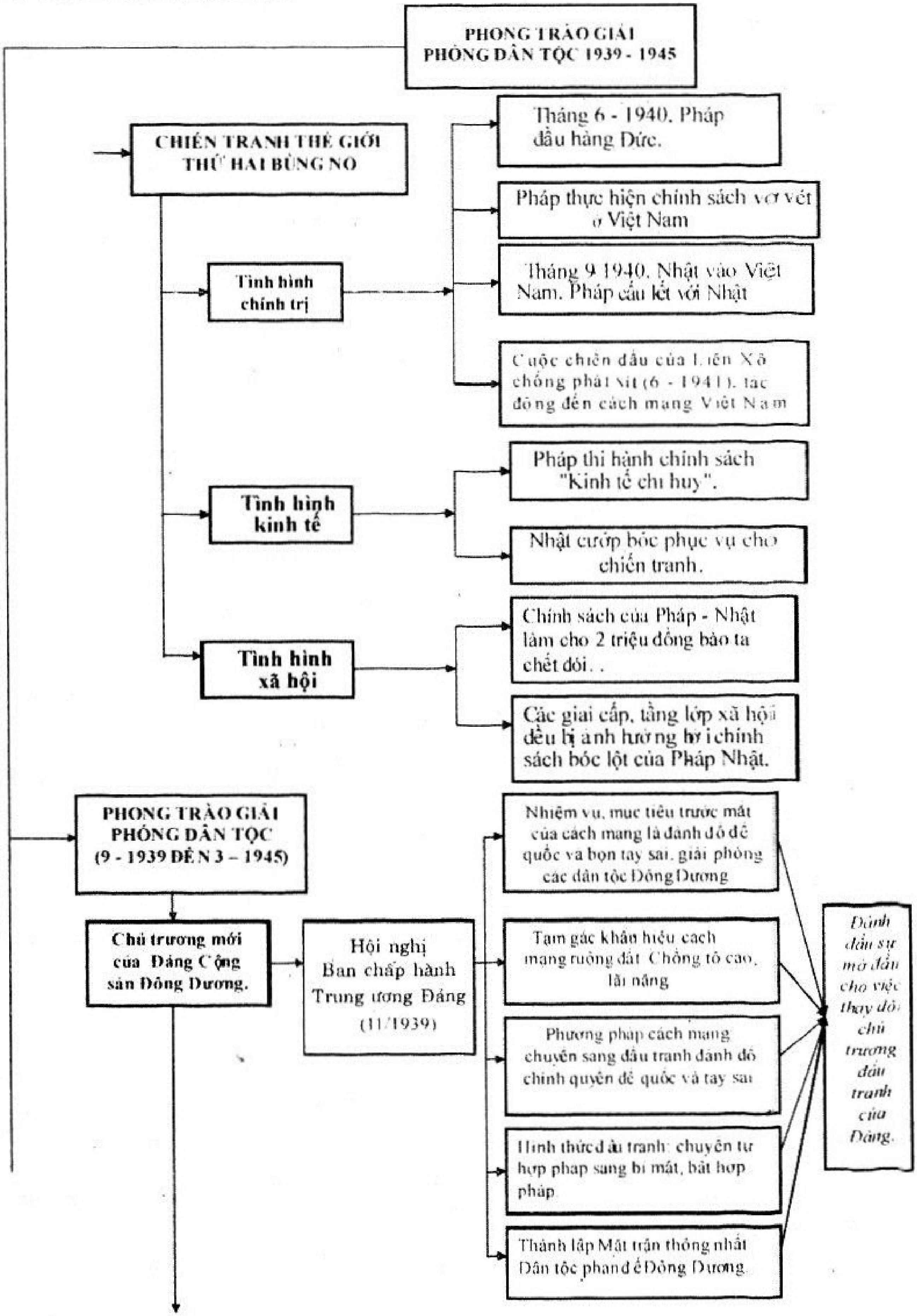
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 - 1945
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI BÙNG NỔ
Tình hình chính trị
Tháng 6 - 1940, Pháp đầu hàng Đức.
Pháp thực hiện chính sách vơ vét ở Việt Nam
Tháng 9 1940, Nhật vào Việt Nam. Pháp cấu kết với Nhật
Cuộc chiến đấu của Liên Xô chống phát xít (6 - 1941), tác động đến cách mạng Việt Nam
Tình hình kinh tế
Pháp thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy".
Nhật cướp bóc phục vụ cho chiến tranh.
Tình hình xã hội
Chính sách của Pháp - Nhật làm cho 2 triệu đồng bào ta chết đói. .
Các giai cấp, tầng lớp xã hội đều bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của Pháp Nhật.
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (9 - 1939 ĐẾN 3 – 1945)
Chủ trương mới của Đảng Cộng sản Đông Dương.
Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (11/1939)
Nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt của cách mạng là đánh đổ đế quốc và bọn tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương
Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Chống tô cao, lãi nặng
Phương pháp cách mạng chuyển sang đấu tranh đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai
Hình thức đấu tranh: chuyển từ hợp pháp sang bí mật, bất hợp pháp.
Thành lập Mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương.
Đánh dấu sự mở đầu cho việc thay đổi chủ trương đấu tranh của Đảng.

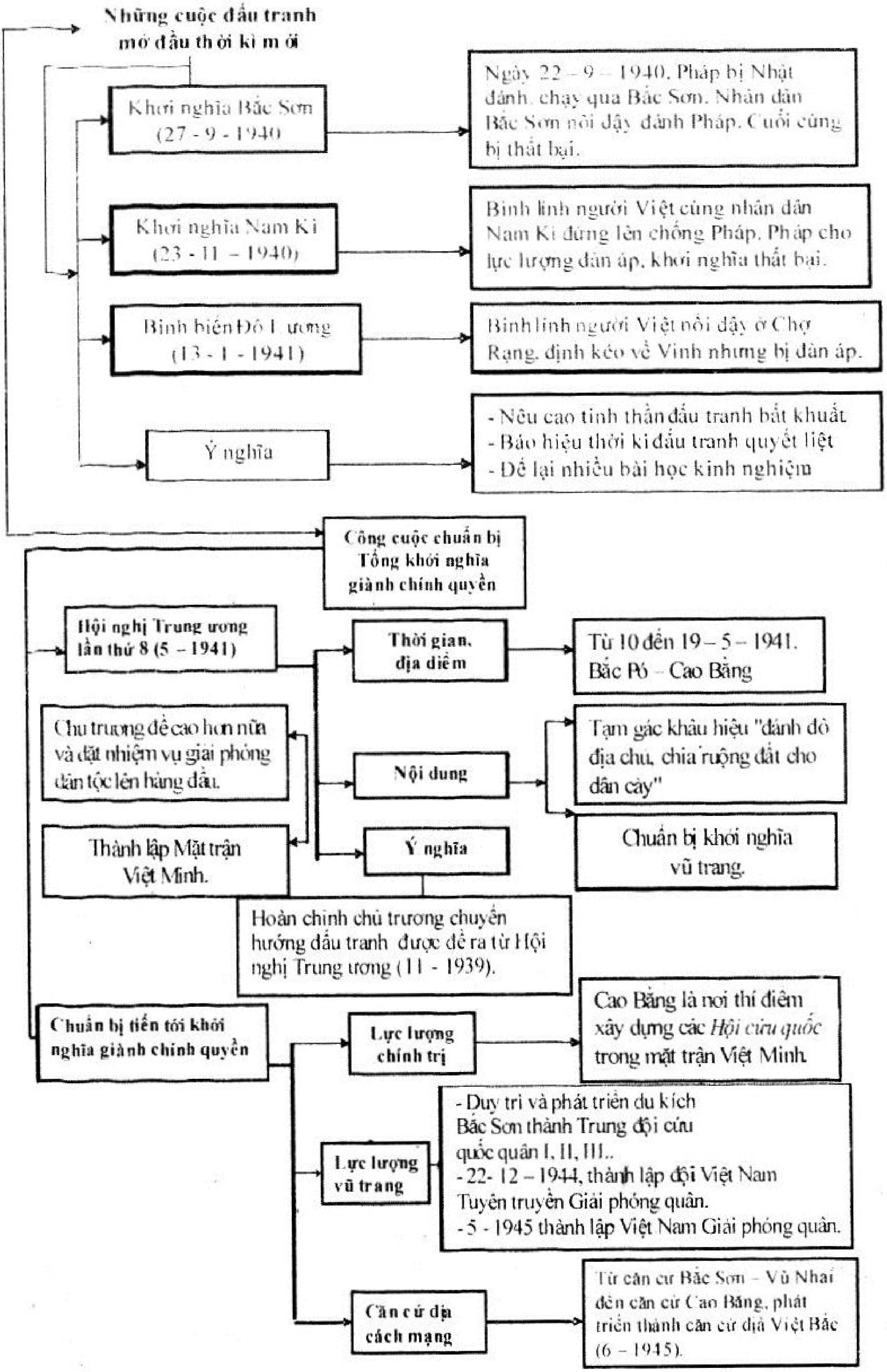

Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)

Ngày 22 – 9 – 1940, Pháp bị Nhật đánh, chạy qua Bắc Sơn. Nhân dân Bắc Sơn nổi dậy đánh Pháp. Cuối cùng bị thất bại.

Khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 – 1940)

Binh lính người Việt cùng nhân dân Nam Kì đứng lên chống Pháp. Pháp cho lực lượng đàn áp, khởi nghĩa thất bại.

Binh biến Đô Lương (13 - 1 - 1941)

Binh lính người Việt nổi dậy ở Chợ Rạng, định kéo về Vinh nhưng bị đàn áp.

Ý nghĩa

- Nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất
- Báo hiệu thời kì đấu tranh quyết liệt
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm

Công cuộc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941)

Thời gian, địa điểm

Từ 10 đến 19 – 5 – 1941. Bắc Pó – Cao Bằng

Nội dung

Chủ trương đề cao hơn nữa và đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Thành lập Mặt trận Việt Minh.

Tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày"

Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Ý nghĩa

Hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ Hội nghị Trung ương (11 - 1939).

Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

Lực lượng chính trị

Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các *Hội cứu quốc* trong mặt trận Việt Minh.

Lực lượng vũ trang

- Duy trì và phát triển du kích Bắc Sơn thành Trung đội cứu quốc quân I, II, III..
- 22- 12 – 1944, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
- 5 - 1945 thành lập Việt Nam Giải phóng quân.

Căn cứ địa cách mạng

Từ căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai đến căn cứ Cao Bằng, phát triển thành căn cứ địa Việt Bắc (6 – 1945).

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)

1. Tình hình chính trị

- Ngày 1 - 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 6 - 1940, Pháp đầu hàng Đức.
- Ở Đông Dương, chính quyền mới của Pháp thực hiện một loạt chính sách vơ vét sức người, sức của của Việt Nam dốc vào cuộc chiến tranh.
- Cuối tháng 9 - 1940, quân Nhật vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng và cấu kết với phát xít Nhật. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp.
- Tháng 6 - 1941, Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng Việt Nam.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

a. Kinh tế:

- Thực dân Pháp thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy". Chúng tăng mức thuế cũ, đặt thêm mức thuế mới..., đồng thời sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm... Chúng kiểm soát gắt gao sản xuất và phân phối, ấn định giá cả...
- Khi Nhật vào Đông Dương, cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trông đay, thầu dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

b. Xã hội:

- Chính sách vơ vét bóc lột của Pháp - Nhật làm cho 2 triệu đồng bào ta chết đói vào cuối năm 1944 đầu năm 1945 .
- Tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội ở nước ta, trừ bọn tay sai đế quốc, đại địa chủ, tư sản mại bản đều bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của Pháp - Nhật.

Những biến chuyển đó của tình hình thế giới và trong nước đặt ra cho Đảng ta phải nắm bắt kịp thời tình hình có đánh giá chính xác, đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.

II. Phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9 - 1939 đến tháng 3 - 1945

1. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì giải phóng dân tộc 1939 - 1941

a) Chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương

Tháng 11 - 1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định).

- Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và bọn tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập
- Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công - nông - binh được thay thế bằng khẩu hiệu Chính quyền dân chủ cộng hòa.

- Về phương pháp đấu tranh, Đảng chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.

- Đảng chủ chương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11 - 1939) đánh dấu sự mở đầu cho việc thay đổi chủ trương đấu tranh của Đảng.

b) Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

** Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)*

- Ngày 22 - 9 - 1940, quân Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, quân Pháp bị tổn thất nặng nề. Số lớn quân Pháp đầu hàng, số còn lại rút chạy về Thái Nguyên qua đường Bắc Sơn.

- Đêm ngày 27 - 9 - 1940, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy đánh quân Pháp, chiếm đồn Mỏ Nhài. Ngụy quyền ở Bắc Sơn tan rã. Nhân dân làm chủ châu lị và các vùng lân cận. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

- Pháp nhanh chóng cấu kết với Nhật đàn áp khởi nghĩa, làm cho khởi nghĩa nhanh chóng thất bại.

- *Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của khởi nghĩa Bắc Sơn:*

+ Mở đầu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sau khi có chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng.

+ Giúp Đảng ta rút ra những bài học quý báu về khởi nghĩa vũ trang, chọn thời cơ, quyết tâm giành thắng lợi.

** Khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 - 1940)*

- Chính quyền thực dân Pháp bắt thanh niên Việt Nam và Cao Miên đi làm bia đỡ đạn. Nhân dân Nam Kì và binh lính đấu tranh không đưa lính ra mặt trận.

- Trong bối cảnh đó, Xứ ủy Nam Kì chuẩn bị phát động nhân dân khởi nghĩa và cử đại biểu ra Bắc xin chỉ thị của Trung ương, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 được triệu tập quyết định đình chỉ khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kì vì thời cơ chưa chín muồi, nhưng lệnh đình chỉ về không kịp nên cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra đúng thời gian quy định là rạng sáng 23 - 11 - 1940.

- Khởi nghĩa bùng nổ từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ; Biên Hòa, Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Mĩ Tho, Vĩnh Long. Chính quyền cách mạng đã thành lập ở nhiều nơi. Từ trong khởi nghĩa, lần đầu tiên xuất hiện cờ đỏ sao vàng.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kì chứng tỏ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân Việt Nam, sẵn sàng đứng lên chiến đấu chống quân thù.

** Binh biến Đô Lương (13 - 1 - 1941)*

Binh lính người Việt trong quân đội Pháp đã làm binh biến, chống lại việc Pháp đưa binh lính người Việt sang Lào đánh nhau với quân Thái Lan.

- Ngày 13 - 1 - 1941, binh lính đồn Chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã nổi dậy. Tối hôm đó, họ đã đánh chiếm đồn Đô Lương rồi định kéo về Vinh nhưng kế hoạch không thực hiện được.

- Ngày 24 - 4 - 1941, thực dân Pháp xử bắn Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông.

c) Ý nghĩa của ba sự kiện trên:

- Nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta.
- Báo hiệu một thời kì đấu tranh quyết liệt với kẻ thù.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá về thời cơ cách mạng, khởi nghĩa vũ trang và xây dựng lực lượng cách mạng.

2. Công cuộc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

a) Nguyễn Ái Quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng, hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh.

- Ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau một thời gian chuẩn bị, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pắc Bó (Hà Quảng - Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 - 1941.
- Hội nghị khẳng định chủ trương đề cao hơn nữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đưa nó lên hàng đầu. "*Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng*".
- Hội nghị tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày" thay bằng khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo", thực hiện giảm tô, giảm tức
- Hội nghị chủ trương thành lập mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho mỗi nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Ở Việt Nam thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh.
- Hội nghị quyết định xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Đó là nhiệm vụ trung tâm của Đảng giai đoạn hiện tại.
- Hội chính thức bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Hội nghị lần thứ 8 của Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11 - 1939).

- Ngày 19 - 5 - 1941, *Việt Nam Độc lập Đồng minh* (gọi tắt là *Việt Minh)* ra đời. Năm tháng sau, *Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ Việt Minh* được công bố chính thức. Chương trình cứu nước của Việt Minh được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ.

b) Công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

** Xây dựng lực lượng chính trị:*

- Đảng đã vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các *Hội cứu quốc* trong mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có hội cứu quốc, trong cả ba châu "hoàn toàn". Tiếp đó, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập.
- Ở nhiều tỉnh miền Bắc, miền Trung, *Hội cứu quốc* được thành lập. Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương Văn hóa Việt Nam*, vận động thành lập *Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam.*

** Xây dựng lực lượng vũ trang:*

- Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, một bộ phận lực lượng khởi nghĩa vũ trang chuyển sang xây dựng thành những đội du kích hoạt động ở những căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai.

- Du kích Bắc Sơn lớn mạnh lên và thống nhất lại thành *Trung đội Cứu quốc quân I* (1 - 5 - 1941). Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 - 1941 đến tháng 2 - 1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15 - 9 - 1941, *Trung đội Cứu quốc II* ra đời.

* *Xây dựng căn cứ địa cách mạng:*

- Vùng Bắc Sơn - Vũ Nhai được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng.

- Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển. Đó là hai trung tâm căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta.

* *Công cuộc chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa:*

- Từ đầu năm 1943, Chiến tranh thế giới chuyển biến có lợi cho cách mạng. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

- Từ ngày 25 đến 28 - 2 - 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh - Phúc Yên). Hội nghị đã vạch ra một kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị toàn diện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

- Tại các tỉnh vùng núi phía Bắc công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương. Ở căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai, Cứu quốc quân hoạt động mạnh, tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Trong quá trình đó, *Trung đội Cứu quốc III* ra đời (25 - 2 - 1944). Ở căn cứ Cao Bằng, những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập. Năm 1943, Ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng lập ra 19 ban "*xung phong Nam tiến*" để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ngày 7 - 5 - 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp "*Sửa soạn khởi nghĩa*" và kêu gọi nhân dân "*Sắm vũ khí đuổi thù chung*".

- Ngày 22 - 12 - 1944, theo ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập.* Sau khi ra đời, đội đã đánh thắng liên tiếp ở hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng). Căn cứ Cao - Bắc - Lạng được củng cố và mở rộng.

- Giữa tháng 5 - 1945, hai đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân hợp nhất thành *Việt Nam Giải phóng quân.*

Bài 19

CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

A. Sơ đồ hoá kiến thức

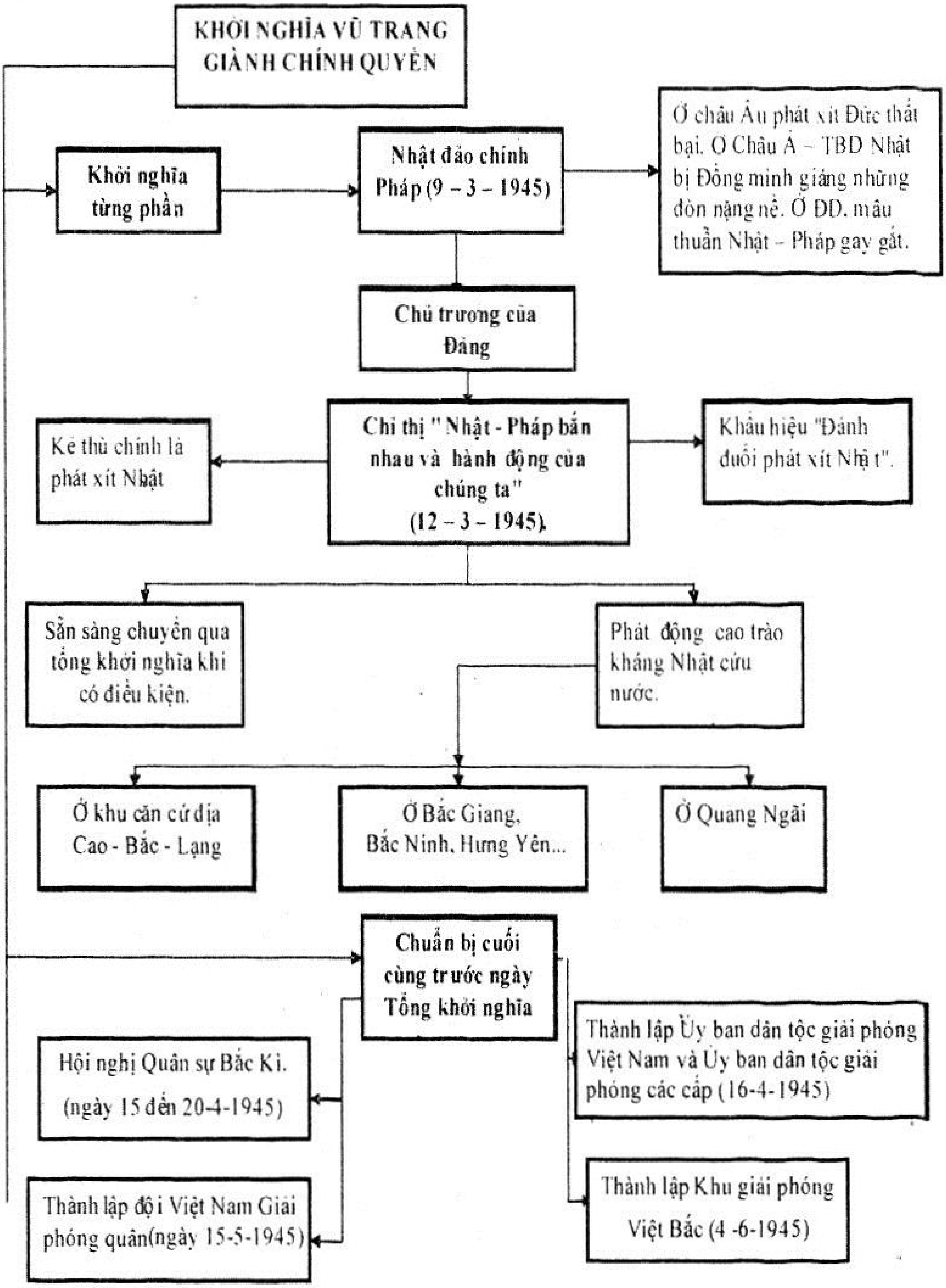
KHỞI NGHĨA VŨ TRANG GIÀNH CHÍNH QUYỀN
Khởi nghĩa từng phần
Nhật đảo chính Pháp (9 – 3 – 1945)
Ở châu Âu phát xít Đức thất bại. Ở Châu Á – TBD Nhật bị Đồng minh giáng những đòn nặng nề. Ở ĐD, mâu thuẫn Nhật – Pháp gay gắt.
Chủ trương của Đảng
Kẻ thù chính là phát xít Nhật
Chỉ thị " Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12 – 3 – 1945).
Khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật".
Sẵn sàng chuyển qua tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.
Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.
Ở khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng
Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên...
Ở Quảng Ngãi
Chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa
Thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp (16-4-1945)
Hội nghị Quân sự Bắc Kì. (ngày 15 đến 20-4-1945)
Thành lập Khu giải phóng Việt Bắc (4 -6-1945)
Thành lập đội Việt Nam Giải phóng quân(ngày 15-5-1945)

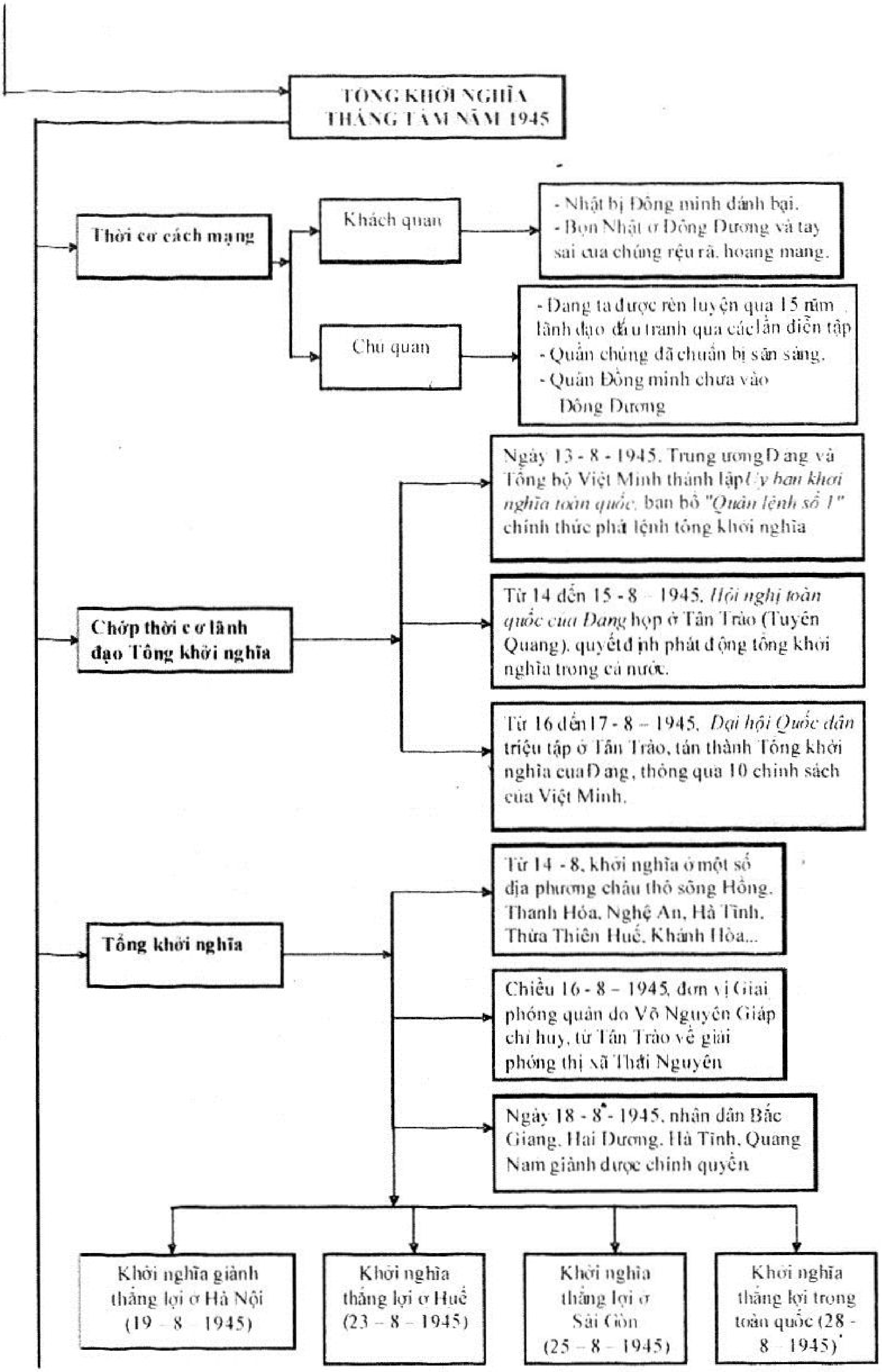

TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

Thời cơ cách mạng

Khách quan

- Nhật bị Đồng minh đánh bại.
- Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai của chúng rệu rã, hoang mang.

Chủ quan

- Đảng ta được rèn luyện qua 15 năm lãnh đạo đấu tranh qua các lần diễn tập
- Quần chúng đã chuẩn bị sẵn sàng.
- Quân Đồng minh chưa vào Đông Dương

Chớp thời cơ lãnh đạo Tổng khởi nghĩa

Ngày 13 - 8 - 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập *Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc*, ban bố *"Quân lệnh số 1"* chính thức phát lệnh tổng khởi nghĩa

Từ 14 đến 15 - 8 – 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Từ 16 đến 17 - 8 – 1945, *Đại hội Quốc dân* triệu tập ở Tân Trào, tán thành Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh.

Tổng khởi nghĩa

Từ 14 - 8, khởi nghĩa ở một số địa phương châu thổ sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa...

Chiều 16 - 8 – 1945, đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào về giải phóng thị xã Thái Nguyên

Ngày 18 - 8 - 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền

Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội (19 – 8 – 1945)

Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế (23 – 8 – 1945)

Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn (25 – 8 – 1945)

Khởi nghĩa thắng lợi trong toàn quốc (28 - 8 – 1945)

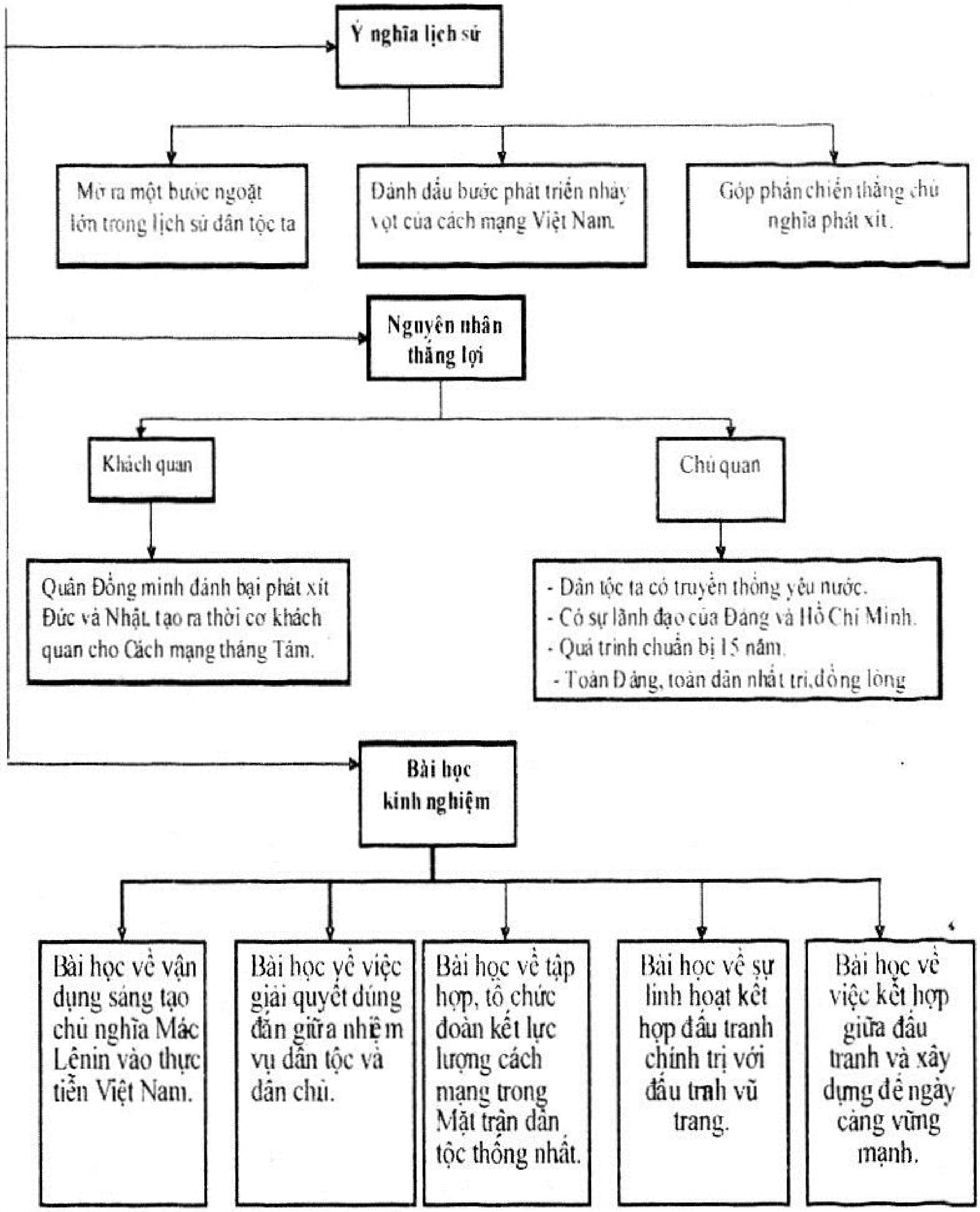
Ý nghĩa lịch sử
Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta
Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam.
Góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít.
Nguyên nhân thắng lợi
Khách quan
Chủ quan
Quân Đồng minh đánh bại phát xít Đức và Nhật, tạo ra thời cơ khách quan cho Cách mạng tháng Tám.
- Dân tộc ta có truyền thống yêu nước.
- Có sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh.
- Quá trình chuẩn bị 15 năm.
- Toàn Đảng, toàn dân nhất trí, đồng lòng
Bài học kinh nghiệm
Bài học về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin vào thực tiễn Việt Nam.
Bài học về việc giải quyết đúng đắn giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.
Bài học về tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc thống nhất.
Bài học về sự linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
Bài học về việc kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng để ngày càng vững mạnh.

KHÁI QUÁT THỜI KÌ CÁCH MẠNG 1939 – 1945

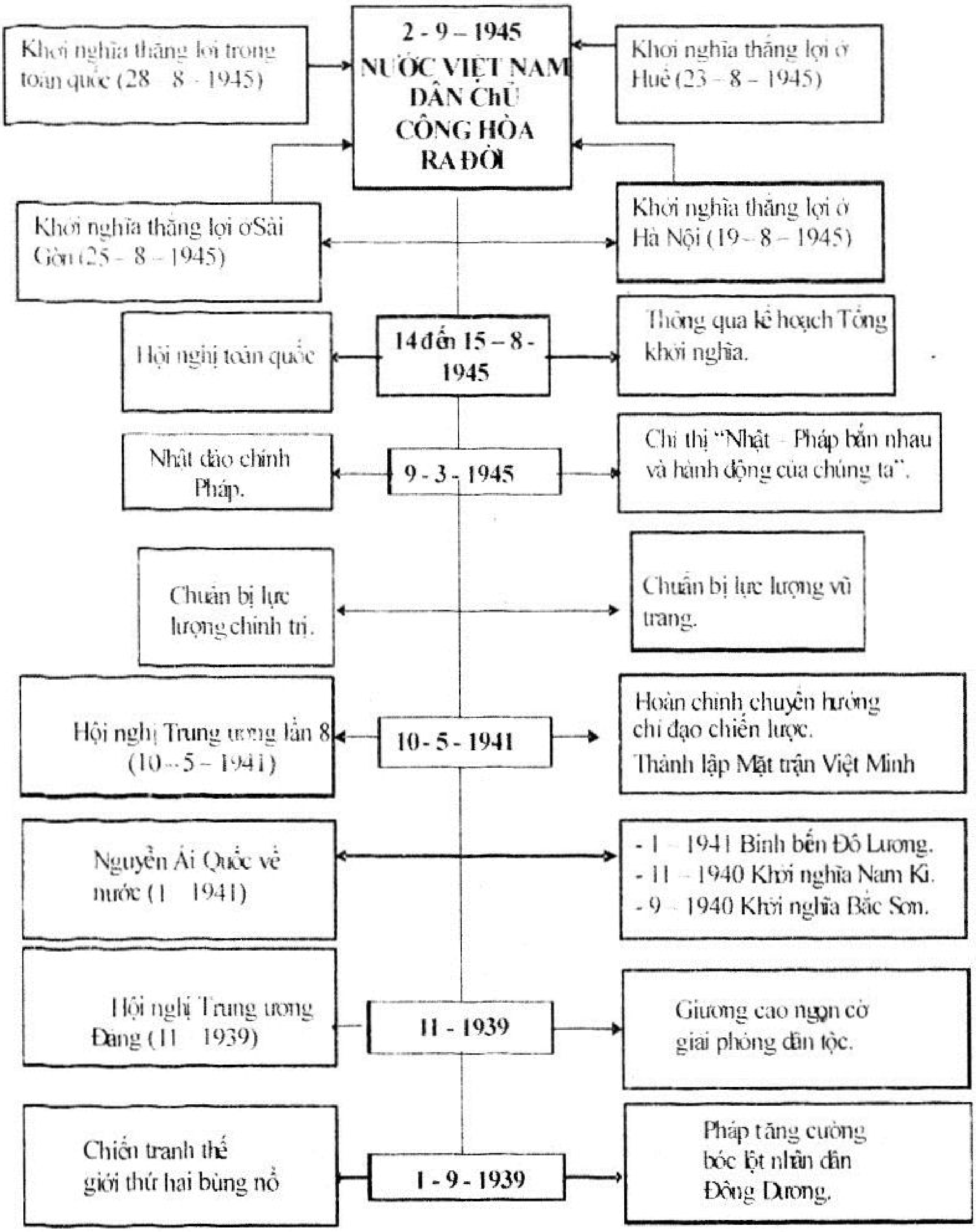
2 - 9 – 1945
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA RA ĐỜI
Khởi nghĩa thắng lợi trong toàn quốc (28 – 8 - 1945)
Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế (23 – 8 – 1945)
Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn (25 – 8 – 1945)
Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội (19 – 8 – 1945)
14 đến 15 – 8 - 1945
Hội nghị toàn quốc
Thông qua kế hoạch Tổng khởi nghĩa.
9 - 3 - 1945
Nhật đảo chính Pháp.
Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
Chuẩn bị lực lượng chính trị.
Chuẩn bị lực lượng vũ trang.
10 - 5 - 1941
Hội nghị Trung ương lần 8 (10 – 5 – 1941)
Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.
Thành lập Mặt trận Việt Minh
Nguyễn Ái Quốc về nước (1 – 1941)
- 1 – 1941 Binh biến Đô Lương.
- 11 – 1940 Khởi nghĩa Nam Kì.
- 9 – 1940 Khởi nghĩa Bắc Sơn.
11 - 1939
Hội nghị Trung ương Đảng (11 – 1939)
Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
1 - 9 - 1939
Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ
Pháp tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

KHÁI QUÁT GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG 1930 – 1945

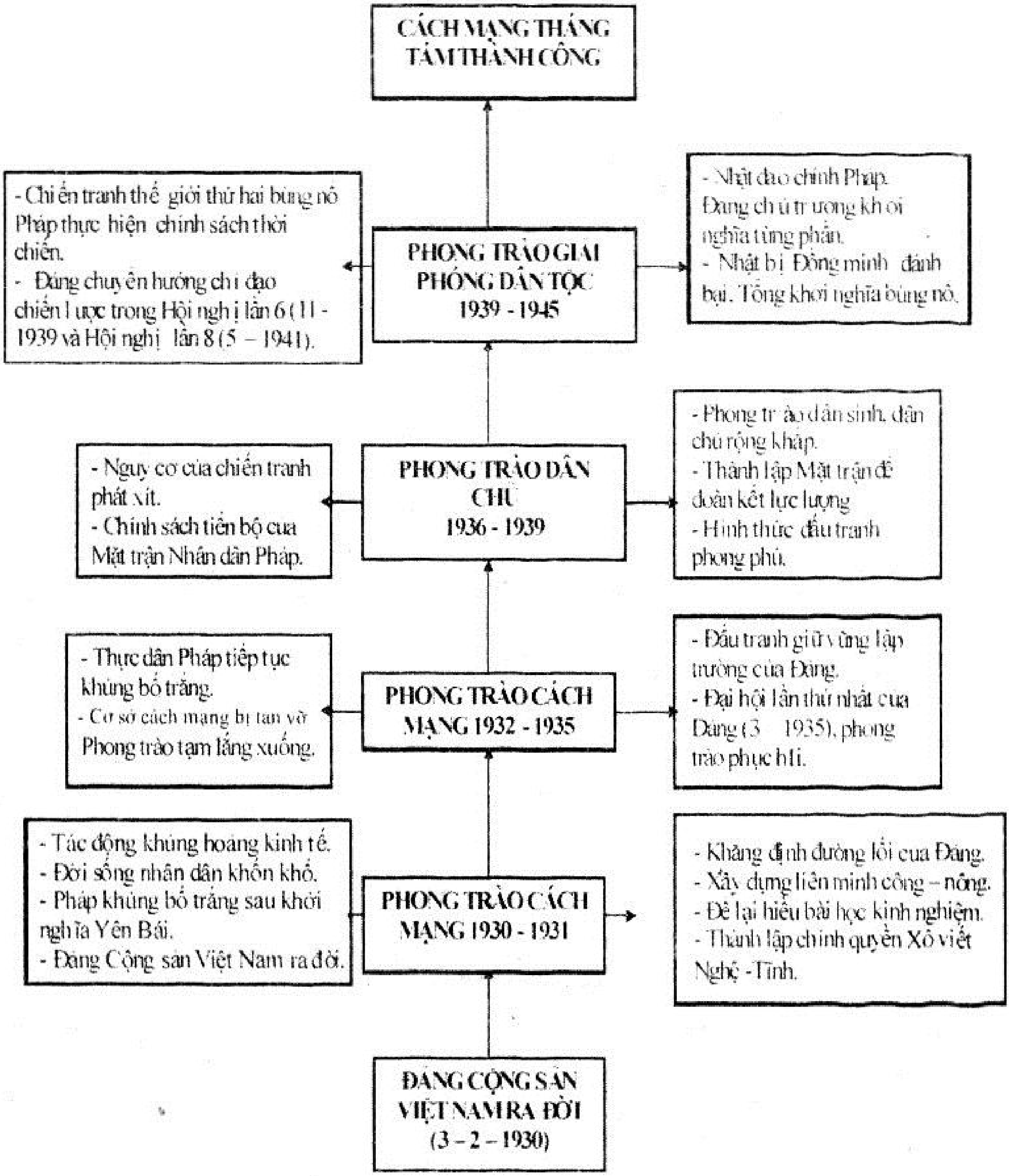
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG
- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ Pháp thực hiện chính sách thời chiến.
- Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong Hội nghị lần 6 (11 - 1939 và Hội nghị lần 8 (5 – 1941).
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 - 1945
- Nhật đảo chính Pháp. Đảng chủ trương khởi nghĩa từng phần.
- Nhật bị Đồng minh đánh bại. Tổng khởi nghĩa bùng nổ.
- Nguy cơ của chiến tranh phát xít.
- Chính sách tiến bộ của Mặt trận Nhân dân Pháp.
PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939
- Phong trào dân sinh, dân chủ rộng khắp.
- Thành lập Mặt trận để đoàn kết lực lượng
- Hình thức đấu tranh phong phú.
- Thực dân Pháp tiếp tục khủng bố trắng.
- Cơ sở cách mạng bị tan vỡ Phong trào tạm lắng xuống.
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1932 - 1935
- Đấu tranh giữ vững lập trường của Đảng.
- Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3 – 1935), phong trào phục hồi.
- Tác động khủng hoảng kinh tế.
- Đời sống nhân dân khốn khổ.
- Pháp khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931
- Khẳng định đường lối của Đảng.
- Xây dựng liên minh công – nông.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm.
- Thành lập chính quyền Xô viết Nghệ -Tĩnh.
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI (3 - 2 - 1930)

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8 - 1945)

** Nhật đảo chính Pháp:*

- Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béc-lin, sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức. Một loạt nước Đông Âu được giải phóng.

- Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, quân Đồng minh giáng cho Nhật những đòn nặng nề.

- Ở Đông Dương, lực lượng Pháp ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật, mâu thuẫn Nhật - Pháp trở nên gay gắt.

- Trước tình hình đó, quân Nhật ra tay trước. Vào lúc 20 giờ ngày 9 - 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp.

* *Chủ trương của Đảng:*

- Đang lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), ngày 12 - 3 - 1945, Chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*.

- Nội dung chỉ thị:

+ Xác định kẻ thù chính là phát xít Nhật.

+ Đề ra khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật".

+ Xác định hình thức đấu tranh từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

+ Phát động "cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa".

* *Cao trào kháng Nhật cứu nước:*

- Ở khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt, châu, huyện.

- Ở Bắc Kì, Đảng đề ra khẩu hiệu *"Phá kho thóc giải quyết nạn đói"*, đã đáp ứng nguyện vọng cấp bách nhất của nông dân, nên tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có.

- Khởi nghĩa từng phần dâng lên mạnh mẽ ở Hiệp Hòa (Bắc Giang), Tiên Du (Bắc Ninh), Bần - Yên Nhân (Hưng Yên)...

- Ở Quảng Ngãi, ngày 11 – 3 – 1945, tù chính trị Ba Tơ nổi dậy giành chính quyền, tổ chức đội kích Ba Tơ.

2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

- Từ ngày 15 đến ngày 20 - 4 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì. Hội nghị quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang; mở trường đào tạo cấp tốc cán bộ quân sự và chính trị; tích cực phát triển chiến tranh du kích; xây dựng căn cứ địa cách mạng chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

- Ngày 16 - 4 - 1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp.

- Ngày 15 - 5 - 1945, Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành *Việt Nam Giải phóng quân*.

- Trong tháng 5 - 1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang) chỉ đạo phong trào cách mạng cả nước.

- Ngày 4 - 6 - 1945, thành lập *Khu giải phóng Việt Bắc*, gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên...

Công cuộc chuẩn bị được gấp rút hoàn thành. Toàn dân tộc đã sẵn sàng, đón chờ thời cơ vùng dạy tổng khởi nghĩa.

3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

a) Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

- Sau khi tiêu diệt hoàn thành phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô bắt đầu tiến công quân Nhật. Ngày 9 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

- Ngày 14 - 8 - 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

- Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng bọn tay sai của Nhật hoang mang. Điều kiện khách quan có lợi cho tổng khởi nghĩa đã đến.

- Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc*, ban bố "*Quân lệnh số 1*" chính thức phát lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 – 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 – 1945, *Đại hội Quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào, tán thành Tổng khởi nghĩa của Đảng thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Đại hội quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kì, bài hát *Tiến quân ca* làm Quốc ca.

b) Diễn biến của Tổng khởi nghĩa

- Từ ngày 14 - 8, khởi nghĩa ở nhiều xã, huyện thuộc các tỉnh châu thổ sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa...

- Chiều 16 - 8 – 1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.

- Ngày 18 - 8 - 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị.

* *Ở Hà Nội:*

- Chiều 17 - 8 quần chúng nội, ngoại thành tổ chức mit tinh ở Nhà hát Thành phố, sau đó xếp thành đội ngũ, đi từ nhà hát lớn qua các trung tâm, hô vang các khẩu hiệu: *"Ủng hộ Việt Minh"*, *"Đả đảo bù nhìn"*, *"Việt Nam độc lập"*... Ủy ban khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19 - 8 - 1945.

- Ngày 19 - 8, hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai, Bắc Bộ phủ, Sở Cảnh Sát Trung ương, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh...Tối 19 - 8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

* *Ở Huế:*

- Ngày 20 - 8, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh được thành lập. Ủy ban quyết định giành chính quyền vào ngày 23 - 8. Hàng chục vạn nhân dân nội, ngoại thành kéo về thị ủy chiếm các công sở, chính quyền về tay nhân dân.

- Chiều 30 - 8, trước cuộc mít tinh lớn có hàng vạn quần chúng tham gia, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

* *Tại Sài Gòn:*

- Xứ ủy Nam Kì quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh vào ngày 25 - 8.

- Sáng 25 - 8, các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong" công nhân, nông dân các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Mĩ Tho kéo về thành phố. Quần chúng chiếm Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Nhà ga, Bưu điện, Nhà máy điện... và giành chính quyền.

- Đến ngày 28 - 8, tổng khởi thắng lợi trong toàn quốc.

II. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập

- Ngày 25 - 8 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng từ Tân Trào về Hà Nội.

- Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành *Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.*

- Ngày 2 - 9 - 1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.*

III. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng thánh Tám năm 1945

1. Ý nghĩa lịch sử

- Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc Lào và Cam-pu-chia.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân khách quan:

Chiến thắng của Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống bọn phát xít, đặc biệt là việc đánh bại phát xít Đức và bọn quân phiệt Nhật Bản của Hồng quân Liên Xô đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên Tổng khởi nghĩa.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập, tự do.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, sáng tạo.

+ Quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm kể từ khi Đảng ra đời, đã đúc rút được những bài học kinh nghiệm thành công và thất bại.

+ Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân nhất trí, đồng lòng, không sợ hi sinh, gian khổ, quyết tâm giành độc lập, tự do.

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam, nắm bắt được tình hình thế giới và cách mạng trong nước để thay đổi chủ trương chỉ đạo chiến lược cho phù hợp.

- Bài học về việc giải quyết đúng đắn giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đề cao vấn đề dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Bài học về tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, trên cơ sở liên minh công nông, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

- Bài học về sự kết hợp linh hoạt đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp với chiến tranh du kích và khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị tiến tới Tổng khởi nghĩa.

- Bài học về việc kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng để ngày càng vững mạnh về tổ chức, tư tưởng, chính trị trong nội bộ Đảng.

Chương III

VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 20

VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

(Từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 19 - 12 - 1946)

A. Sơ đồ hóa kiến thức

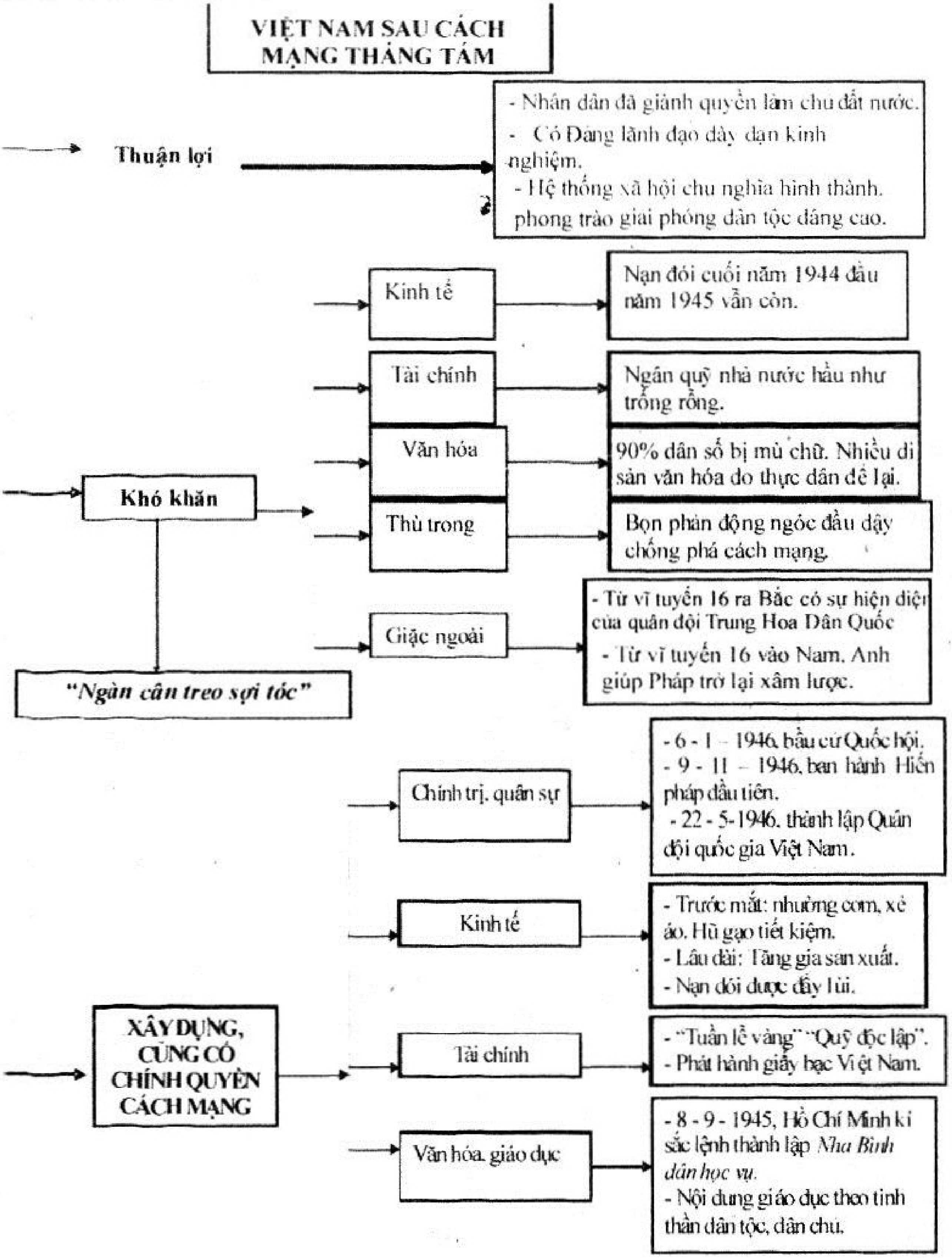

VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Thuận lợi
- Nhân dân đã giành quyền làm chủ đất nước.
- Có Đảng lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm.
- Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao.

Khó khăn
- Kinh tế: Nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn còn.
- Tài chính: Ngân quỹ nhà nước hầu như trống rỗng.
- Văn hóa: 90% dân số bị mù chữ. Nhiều di sản văn hóa do thực dân để lại.
- Thù trong: Bọn phản động ngóc đầu dậy chống phá cách mạng.
- Giặc ngoài:
  - Từ vĩ tuyến 16 ra Bắc có sự hiện diện của quân đội Trung Hoa Dân Quốc
  - Từ vĩ tuyến 16 vào Nam, Anh giúp Pháp trở lại xâm lược.

"Ngàn cân treo sợi tóc"

XÂY DỰNG, CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG
- Chính trị, quân sự:
  - 6 - 1 - 1946, bầu cử Quốc hội.
  - 9 - 11 - 1946, ban hành Hiến pháp đầu tiên.
  - 22 - 5-1946, thành lập Quân đội quốc gia Việt Nam.
- Kinh tế:
  - Trước mắt: nhường cơm, xẻ áo. Hũ gạo tiết kiệm.
  - Lâu dài: Tăng gia sản xuất.
  - Nạn đói được đẩy lùi.
- Tài chính:
  - "Tuần lễ vàng" "Quỹ độc lập".
  - Phát hành giấy bạc Việt Nam.
- Văn hóa, giáo dục:
  - 8 - 9 - 1945, Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập *Nha Bình dân học vụ*.
  - Nội dung giáo dục theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

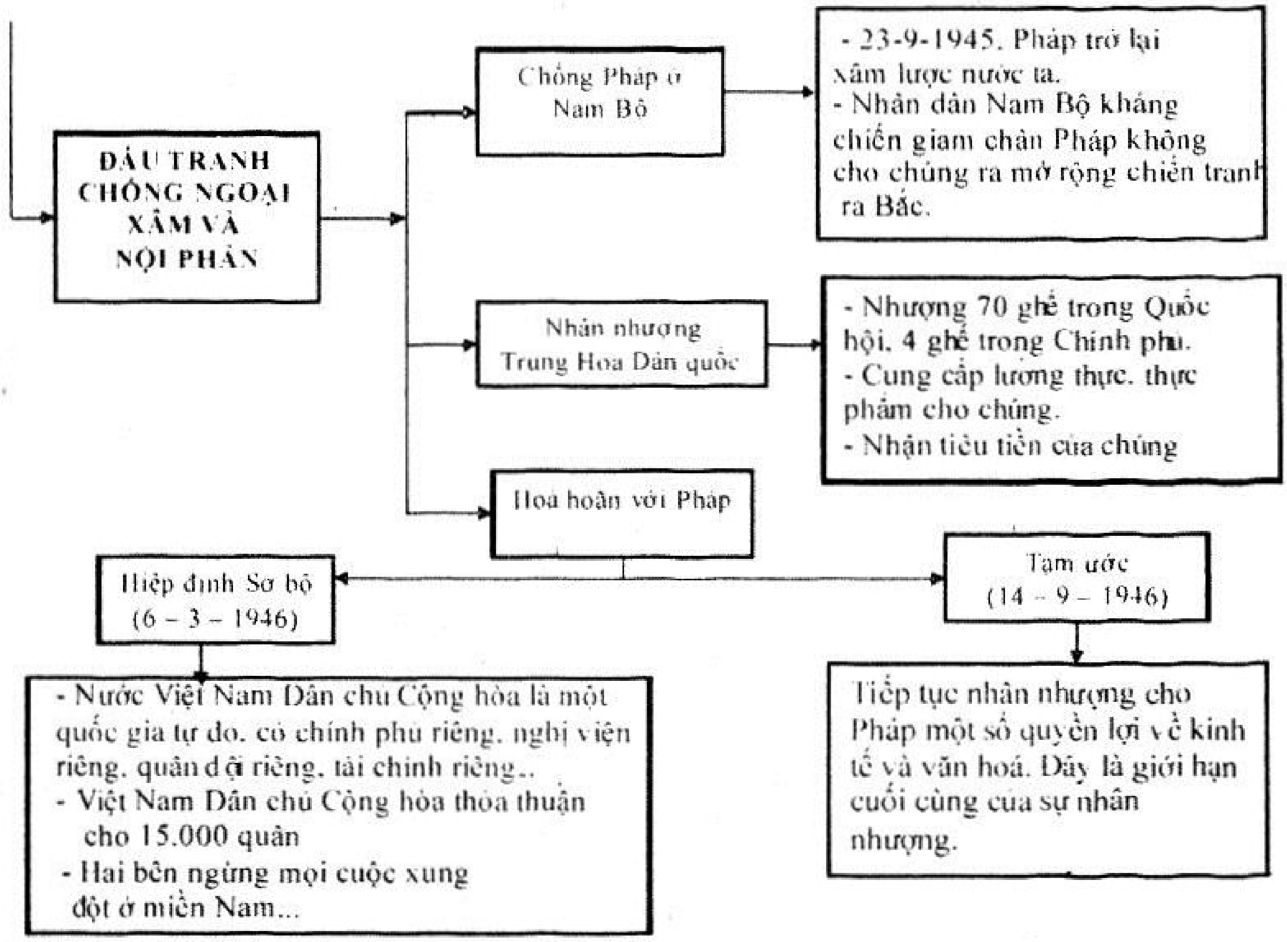

ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN

Chống Pháp ở Nam Bộ

- 23-9-1945, Pháp trở lại xâm lược nước ta.
- Nhân dân Nam Bộ kháng chiến giam chân Pháp không cho chúng ra mở rộng chiến tranh ra Bắc.

Nhân nhượng Trung Hoa Dân quốc

- Nhượng 70 ghế trong Quốc hội, 4 ghế trong Chính phủ.
- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho chúng.
- Nhận tiêu tiền của chúng

Hoà hoãn với Pháp

Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946)

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng..
- Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân
- Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam...

Tạm ước (14 – 9 – 1946)

Tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá. Đây là giới hạn cuối cùng của sự nhân nhượng.

B. Minh họa kến thức theo sơ đồ

I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám

1. Thuận lợi

- Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng tự do, nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.

- Cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm, có lãnh tụ sáng suốt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao, phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

2. Khó khăn

** Về đối ngoại:*

- Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc có 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Chúng kéo theo bọn tay chân từ các tổ chức phản động như Việt Nam Quốc dân đảng (Việt quốc), Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt cách).

- Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội Anh cho trà trộn thêm một số quân Pháp nhằm tạo điều kiện cho quân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Lợi dụng tình hình đó bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng.

** Về đối nội:*

- Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố; lực lượng vũ trang còn non yếu.

- Nền kinh tế nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục.

- Về tài chính, ngân sách nhà nước lúc này hầu như trống rỗng. Trung Hoa Dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.

- Về văn hoá, di sản văn hóa lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân số không biết chữ, các tệ nạn xã hội gia tăng.

Nước ta đứng trước tình thế hiểm nghèo, khác nào "ngàn cân treo sợi tóc".

II. Bước đầu công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng

1. Về chính trị - quân sự

- Chính phủ cách mạng lâm thời công bố lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước (8 - 9 - 1945).

- Ngày 6 - 1 - 1946, hơn 90% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu vào Quốc hội 333 đại biểu khắp Bắc – Trung - Nam.

- Ngày 2 - 3 - 1946, tại phiên họp đầu tiên tại Hà Nội, Quốc hội thông qua danh sách *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và lập ra *Ban Dự thảo Hiến pháp.*

- Ngày 9 - 11 - 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua.

- Lực lượng vũ trang được xây dựng. Ngày 22-5-1946, Quân đội quốc gia Việt Nam thành lập.

2. Về kinh tế - tài chính

a. Kinh tế:

- Biện pháp cấp thời: Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước *"Nhường cơm sẻ áo"*, lập *"Hũ gạo cứu đói"*, tổ chức *"Ngày đồng tâm"*; không dùng gạo, ngô, khoai, sắn... nấu rượu.

- Biện pháp lâu dài: tăng gia sản xuất là biện pháp hàng đầu và có tính chất lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi *"Tăng gia sản xuất! Tăng sản xuất ngay! Tăng sản xuất nữa!".*

- Phong trào thi đua tăng gia sản xuất dấy lên khắp cả nước. Dưới khẩu hiệu *"không một tấc đất bỏ hoang".*

- Nhờ những biện pháp tích cực trên đây, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi một bước.

b. Tài chính:

- Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân cả nước. Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng *"Quỹ độc lập"*, phong trào *"Tuần lễ vàng"* do Chính phủ phát động, nhân dân ta hăng hái đóng góp tiền, của, vàng, bạc, ủng hộ nền độc lập của Tổ quốc.

- Ngày 31 - 1 - 1946, Chính phủ ra Sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam và đến ngày 23 - 11 - 1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước thay cho tiền Đông Dương của Pháp trước đây.

3. Về văn hóa - giáo dục

- Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập *Nha Bình dân học vụ*, là cơ quan chuyên lo việc chống *"giặc dốt"*, và kêu gọi nhân dân trong cả nước tham gia phong trào xóa nạn mù chữ.

- Đến ngày 8 - 9 - 1946, trên toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học, xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.

- Trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng nhằm đào tạo những công dân và cán bộ trung thành, có năng lực phụng sự Tổ quốc. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

III. Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản bảo vệ chính quyền cách mạng

1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam

- Ngày 2 - 9 - 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn - Chợ lớn tổ chức mít tinh chào mừng "*Ngày độc lập*", thực dân Pháp xả súng vào đoàn mít tinh.

- Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống xâm lược. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp, đánh kho tàng, phá nhà giam.

- Phối hợp với lực lượng vũ trang đánh địch, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đấu tranh giam chân địch trong thành phố.

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh huy động lực lượng cả nước chi viện cho Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến. Nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền, gạo, áo, quần, thuốc men... gửi ủng hộ nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc

- Thực hiện sách lược hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc.

    + Nhượng cho các Đảng Việt quốc, Việt cách tay sai của Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc hội không thông qua bầu cử, 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp chính thức.

    + Cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông vận tải, cho phép tiền Trung Quốc lưu hành trên thị trường Việt Nam.

- Đối với tổ chức phản cách mạng, kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng.

Những biện pháp sách lược nhân nhượng trên đây đã hạn chế các hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của quần chúng.

3. Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta

- Đầu năm 1946, Pháp lập kế hoạch tiến quân ra Bắc nhằm thôn tính cả nước ta.

- Ngày 28 – 2 – 1946, Pháp kí với Trung Hoa Dân quốc Hiệp ước Hoa - Pháp, theo đó Trung Hoa Dân quốc được Pháp trả lại các tô giới và nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc và được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng và Hoa Nam không phải đóng thuế. Để đổi lại, Pháp được đưa quân ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải quân Nhật.

- Hiệp ước Hoa - Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp; hoặc hòa hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó với một lúc với nhiều kẻ thù.

- Ngày 3 - 3 - 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã chọn giải pháp "hòa để tiến".

- Chiều 6 - 3 - 1946, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính Phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với đại diện Chính phủ Pháp - bản *Hiệp định Sơ bộ.*

- *Nội dung hiệp định:*

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng, và là thành viên Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải pháp quận Nhật, số quân này sẽ đóng ở những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

+ Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam, tạo không khí thuận lợi cho đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn về các vấn đề ngoại giao của Việt Nam.

Kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946, tạm thời hòa hoãn với Pháp, ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta, giành thêm thời gian hòa bình củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

- Trong lúc đó tại Đông Dương, quân Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích. Quan hệ Việt - Pháp ngày càng căng thẳng, có nguy cơ nổ ra chiến tranh.

- Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Chính phủ Pháp bản *Tạm ước* ngày 14 - 9 - 1946, nhân nhượng Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hóa ở Việt Nam. Bản Tạm ước đã tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp lâu dài.

Bài 21

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1946 - 1950)

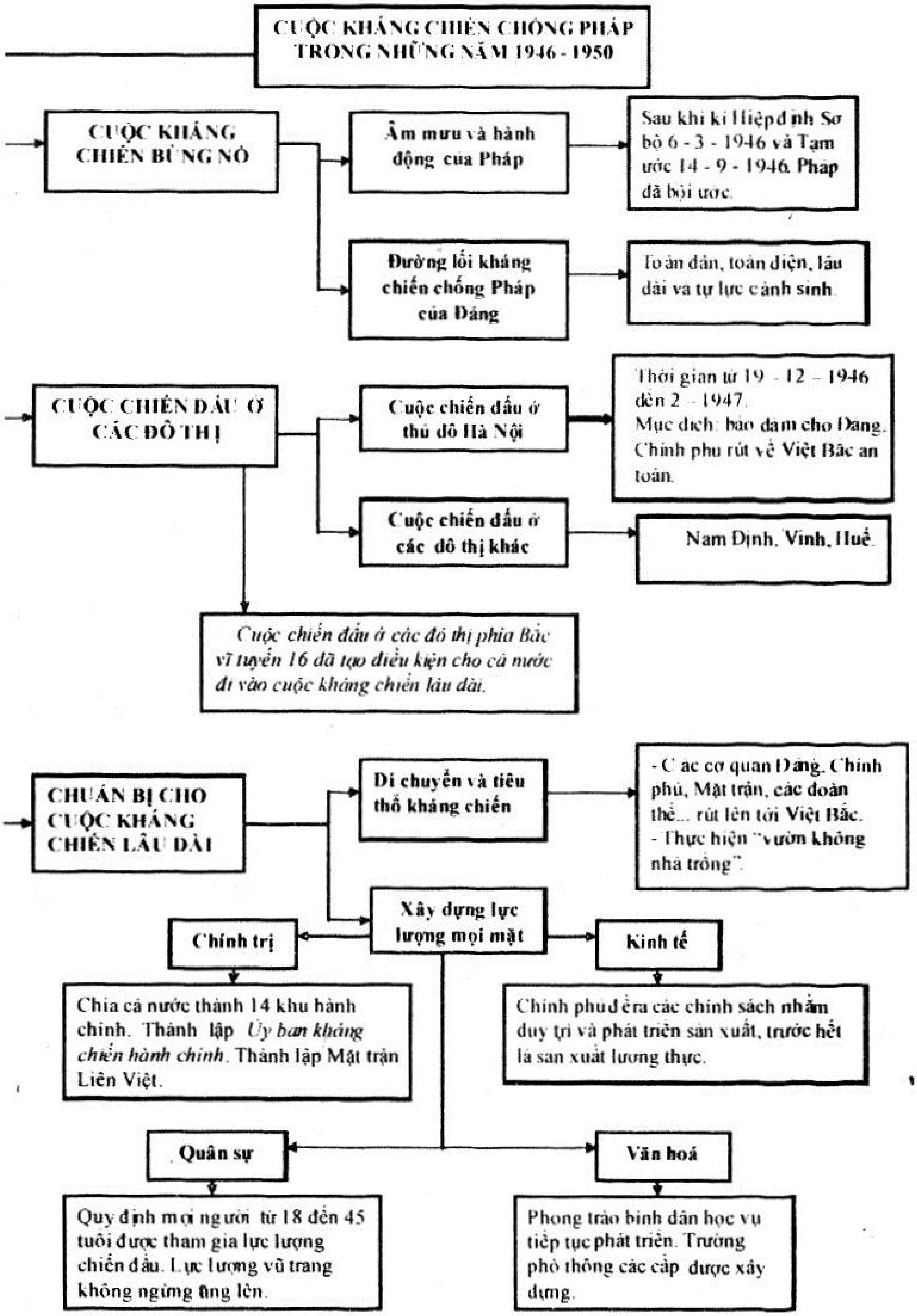

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM 1946 - 1950

CUỘC KHÁNG CHIẾN BÙNG NỔ

Âm mưu và hành động của Pháp

Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước 14 - 9 - 1946, Pháp đã bội ước.

Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh.

CUỘC CHIẾN ĐẤU Ở CÁC ĐÔ THỊ

Cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội

Thời gian từ 19 - 12 - 1946 đến 2 - 1947.
Mục đích: bảo đảm cho Đảng, Chính phủ rút về Việt Bắc an toàn.

Cuộc chiến đấu ở các đô thị khác

Nam Định, Vinh, Huế.

Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

CHUẨN BỊ CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI

Di chuyển và tiêu thổ kháng chiến

- Các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận, các đoàn thể... rút lên tới Việt Bắc.
- Thực hiện "vườn không nhà trống".

Xây dựng lực lượng mọi mặt

Chính trị

Chia cả nước thành 14 khu hành chính. Thành lập *Ủy ban kháng chiến hành chính*. Thành lập Mặt trận Liên Việt.

Kinh tế

Chính phủ đề ra các chính sách nhằm duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.

Quân sự

Quy định mọi người từ 18 đến 45 tuổi được tham gia lực lượng chiến đấu. Lực lượng vũ trang không ngừng lớn lên.

Văn hoá

Phong trào bình dân học vụ tiếp tục phát triển. Trường phổ thông các cấp được xây dựng.

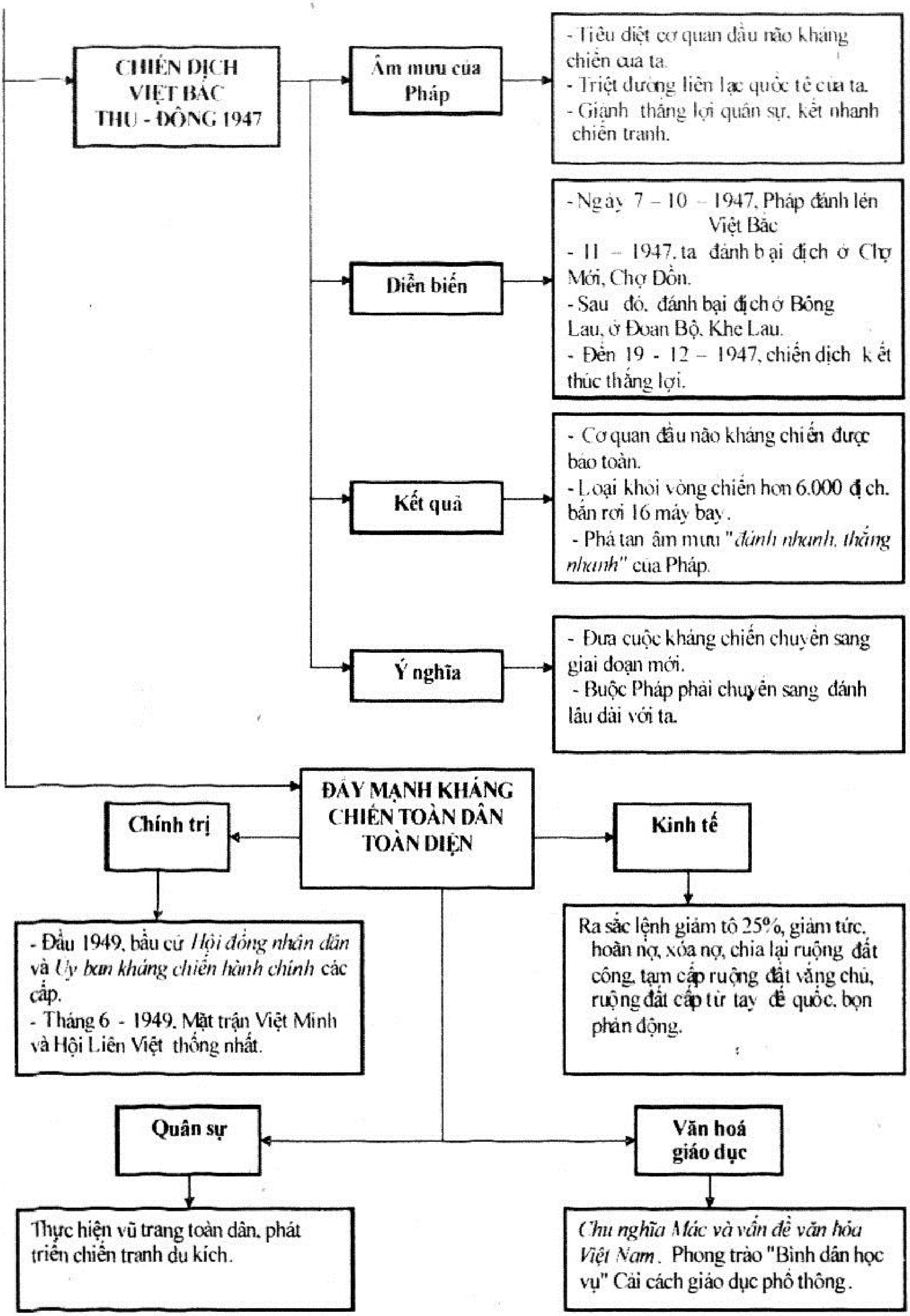

CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU - ĐÔNG 1947

Âm mưu của Pháp

- Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
- Triệt đường liên lạc quốc tế của ta.
- Giành thắng lợi quân sự, kết nhanh chiến tranh.

Diễn biến

- Ngày 7 – 10 – 1947, Pháp đánh lên Việt Bắc
- 11 – 1947, ta đánh bại địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn.
- Sau đó, đánh bại địch ở Bông Lau, ở Đoan Bộ, Khe Lau.
- Đến 19 - 12 – 1947, chiến dịch kết thúc thắng lợi.

Kết quả

- Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn.
- Loại khỏi vòng chiến hơn 6.000 địch, bắn rơi 16 máy bay.
- Phá tan âm mưu "*đánh nhanh, thắng nhanh*" của Pháp.

Ý nghĩa

- Đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới.
- Buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN TOÀN DIỆN

Chính trị

- Đầu 1949, bầu cử *Hội đồng nhân dân* và *Ủy ban kháng chiến hành chính* các cấp.
- Tháng 6 - 1949, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất.

Kinh tế

Ra sắc lệnh giảm tô 25%, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ, chia lại ruộng đất công, tạm cấp ruộng đất vắng chủ, ruộng đất cấp từ tay đế quốc, bọn phản động.

Quân sự

Thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

Văn hoá giáo dục

Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam. Phong trào "Bình dân học vụ" Cải cách giáo dục phổ thông.

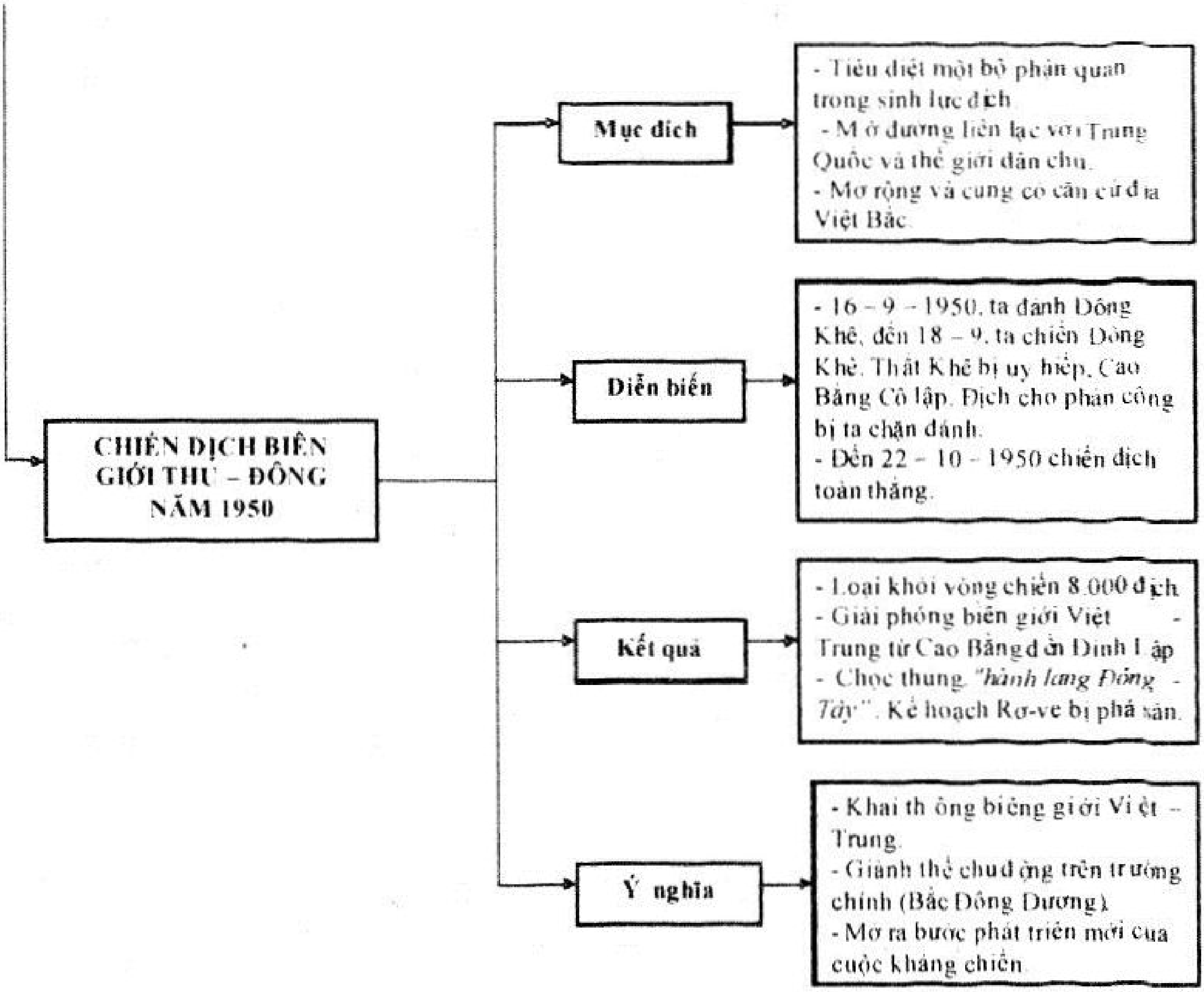

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- Mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ.
- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

- 16 – 9 – 1950, ta đánh Đông Khê, đến 18 – 9, ta chiếm Đông Khê. Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng Cô lập. Địch cho phản công bị ta chặn đánh.
- Đến 22 – 10 – 1950 chiến dịch toàn thắng.

- Loại khỏi vòng chiến 8.000 địch
- Giải phóng biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập
- Chọc thủng *"hành lang Đông - Tây"*. Kế hoạch Rơ-ve bị phá sản.

- Khai thông biêng giới Việt – Trung.
- Giành thế chủ động trên trường chính (Bắc Đông Dương).
- Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ

1. Âm mưu và hành động chiến tranh của Pháp

Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, Pháp đã bội ước:

- Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp tiến đánh các vùng tự do của ta.
- Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Pháp khiêu khích ở Hải Phòng và Lạng Sơn...
- Trắng trợn hơn, ngày 18 - 12 - 1946, chúng gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ trật tự ở Hà Nội. Nếu không thì chậm nhất là vào sáng 20 - 12 - 1946, quân Pháp sẽ chuyển sang hành động.

2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

- Ngày 18 và 19 - 12 - 1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng họp tại Vạn Phúc (Hà Đông) đã quyết định phát động cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
- Đêm 19 - 12 - 1946, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*
- Từ tháng 3 - 1947, tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh ra đời, giải thích cụ thể về đường lối kháng chiến.
- Cùng với Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (12 – 12 – 1946) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và tác phẩm *Kháng chiến*

nhất định thắng lợi là những văn kiện lịch sử quan trọng về đường lối kháng chiến, nêu rõ tính chất, mục đích, nội dung và phương châm của kháng chiến chống Pháp, đó là: *toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.*

II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

1. Cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội

- Khoảng 20 giờ ngày 19 - 12 - 1946, cuộc chiến đấu bắt đầu. Vệ quốc quân, công an xung phong, tự vệ chiến đấu đồng loạt tiến công các vị trí của quân Pháp.

- Từ ngày 19 - 12 đến 29 - 12 – 1946, đã diễn ra những cuộc đấu tranh quyết liệt ở nội thành, hai bên giành nhau từng khu nhà, góc phố.

- Từ ngày 30 - 2 - 1946 đến ngày 17 - 2 - 1947, địch phản công, ta phải thu hẹp phạm vi chiến đấu, chuyển lực lượng về Liên khu I. Trong quá trình chiến đấu, *Trung đoàn Thủ đô* chính thức thành lập.

2. Cuộc chiến đấu ở các đô thị khác

- Ở thành phố Nam Định, quân dân ta bao vây địch từ ngày 19 - 12 - 1946 đến 12 - 3 - 1947, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 400 tên.

- Ở thành phố Vinh, ngay từ đầu cuộc chiến đấu, quân dân ta đã buộc địch đầu hàng.

- Ở thành phố Huế, trong 50 ngày đêm quân dân ta bao vây, cô lập sân bay, đánh lùi nhiều cuộc chiến tranh phá vây của địch.

Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

III. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài

1. Công tác di chuyển, thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến"

- Hơn hai tháng sau khi rút khỏi Hà Nội, các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận, các đoàn thể... lên tới Việt Bắc.

- Nhân dân ở các đô thị nhanh chóng tản cư ra các vùng hậu phương và tiến hành phá hoại nhà cửa, đường sá, cầu cống, với những khẩu hiệu *"Vườn không nhà trống", "Tản cư cũng là kháng chiến", "Phá hoại để kháng chiến"* v.v..

2. Xây dựng lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài

- *Về chính trị*, Chính phủ quyết định chia cả nước thành 14 khu hành chính. Các Ủy ban hành chính chuyển thành *Ủy ban kháng chiến hành chính* để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng, thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).

- *Về kinh tế*, Chính phủ đề ra các chính sách nhằm duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.

- *Về quân sự*, Chính phủ quy định mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi được tuyển chọn tham gia các lực lượng chiến đấu. Lực lượng vũ trang không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị.

- *Về văn hóa*, phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và phát triển. Trường phổ thông các cấp được xây dựng. Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng.

IV. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947

1. Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc

- Tháng 4 - 1947, Chính phủ Pháp cử Bô-la-éc sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương, thay Đác-giăng-li-ơ. Bô-la-éc vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc nhằm:

+ Đánh phá căn cứ địa, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta.

+ Triệt đường liên lạc quốc tế của ta.

+ Giành giành thắng lợi quân sự, tiến tới thành lập chính phủ bù nhìn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

- Thực dân Pháp huy động 12.000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương tiến công Việt Bắc từ ngày 7 - 10 - 1947.

2. Quân dân ta chiến đấu chống cuộc tiến công Việt Bắc của địch

Khi địch vừa tiến công Việt Bắc, Đảng ta đã có chi thị "*Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp*".

- Ở mặt trận Đường số 3, quân ta đánh trên 20 trận lớn nhỏ buộc Pháp phải rút lui khỏi Chợ Đồn, Chợ Mới vào cuối tháng 11 - 1947.

- Ở mặt trận Đường số 4, quân ta tiêu hao nhiều lực lượng địch. Đặc biệt trận phục kích ở Bảo Sao - đèn Bông Lau (30 - 10 - 1947).

- Ở mặt trận sông Lô, quân ta chặn đánh địch ở Đoan Hùng, ở Khe Lau.

- Cuộc chiến đấu hơn hai tháng giữa ta và địch đã kết thúc bằng cuộc rút chạy của đại đội quân Pháp khỏi Việt Bắc ngày 19 - 12 - 1947.

* *Kết quả:*

- Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn. Bộ đội chủ lực của ta đã trưởng thành.

- Đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

- Phá tan âm mưu "*đánh nhanh, thắng nhanh*" của Pháp.

* *Ý nghĩa:*

- Đưa cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

- Buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân toàn diện

1. Âm mưu của Pháp sau thất bại ở Việt Bắc

- Tiếp tục chi phí cho cuộc chiến tranh Đông Dương.

- Thay đổi chiến lược từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh lâu dài", thực hiện chính sách"dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

2. Cuộc kháng chiến của ta sau thắng lợi ở Việt Bắc

- Đảng và Chính phủ chủ trương tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân, đẩy mạnh cuộc kháng chiến kiến quốc.

+ Trên mặt trận chính trị: Đầu năm 1949, tổ chức bầu cử *Hội đồng nhân dân* và *Ủy ban kháng chiến hành chính* các cấp. Tháng 6 - 1949, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất.

+ *Trên mặt trận quân sự:* thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích, tiến hành du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, rồi từ du kích đến tiến dần lên vận động chiến.

+ *Trên mặt trận kinh tế:* Chính phủ ra các sắc lệnh giảm tô 25%, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ, chia lại ruộng đất công, tạm cấp ruộng đất vắng chủ, ruộng đất cấp từ tay đế quốc, bọn phản động.

+ *Trên mặt trận văn hóa, giáo dục:* Năm 1948, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, đồng chí Trường Chinh đọc báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam*. Phong trào "Bình dân học vụ" được duy trì và phát triển. Tháng 7 - 1950, chủ trương cải cách giáo dục phổ thông.

VI. Hoàn cảnh lịch sử mới và chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến có thêm nhiều thuận lợi nhưng cũng phải đối mặt với những thách thức mới:

- Ngày 1 - 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

- Ngày 18 - 1 - 1950, Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, ngày 30 - 1 - 1950 Chính phủ Liên Xô và trong vòng một tháng sau, các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Ngày 13 - 5 - 1949, có sự đồng ý của Mĩ, Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơve. Với kế hoạch Rơ-ve, Mĩ từng bước can thiệp sâu và *"dính líu trực tiếp"* vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

- Ngày 7 - 2 - 1950, Mĩ công nhận Chính phủ bù nhìn Bảo Đại; ngày 8 - 5 - 1950, Mĩ đồng ý viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp, nhằm từng bước nắm quyền điều khiển chiến tranh ở Đông Dương.

- Thực hiện kế hoạch Rơ-ve, từ tháng 6 - 1949, Pháp đưa nhiều vũ khí mới vào Việt Nam, tập trung quân ở Nam Bộ, Trung Bộ ra Bắc, tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập *"Hành lanh Đông - Tây"* . Trên cơ sở đó, Pháp chuẩn bị một kế hoạch quy mô lớn tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

2. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

a. Mục đích mở chiến dịch của ta:

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

- Mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ.

- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc khánh chiến tiến lên.

b. Diễn biến của chiến dịch:

- Ngày 16 - 9 - 1950, các đơn vị quân đội ta nổ súng mở đầu chiến dịch bằng trận đánh vào vị trí Đông Khê và đã giành thắng lợi. Mất Đông Khê, quân địch ở Thất Khê lâm vào tình thế bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng theo Đường số 4. Để yểm trợ cho cuộc rút quân này, Pháp huy động quân từ Thất Khê tiến lên Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng rút về; đồng thời cho quân đánh lên Thái Nguyên để thu hút bớt chủ lực của ta. Đoán được ý định của địch, quân ta chủ động mai phục, chặn đánh địch nhiều nơi trên Đường số 4, khiến cho hai cánh quân này không gặp nhau được.

- Quân Pháp hoảng loạn, phải rút chạy, đường số 4 được giải phóng ngày 22 – 10 – 1950.

c. Kết quả:

- Chiến dịch Biên giới kết thúc, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

- Giải phóng tuyến biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập dài 750 km với 35 vạn dân; chọc thủng *"hành lang Đông - Tây"* của Pháp. Kế hoạch Rơ-ve bị phá sản.

d. Ý nghĩa:

Với chiến thắng Biên giới, con đường nối nước ta với các nước XHCN được khai thông; quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên trường chính (Bắc Đông Dương), mở bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Bài 22

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1950 - 1953)

A. Sơ đồ hóa kiến thức

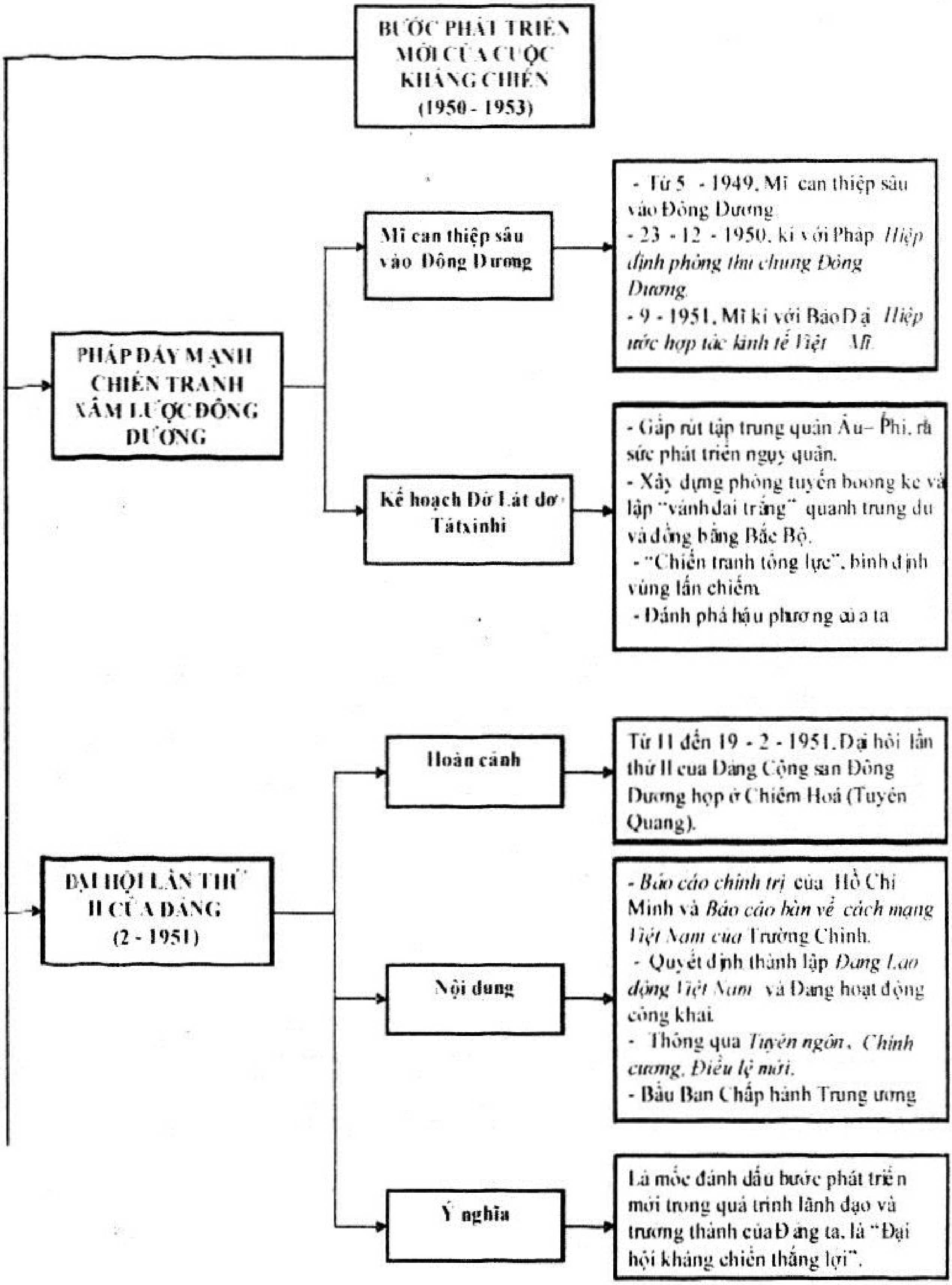

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN (1950 - 1953)

PHÁP ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG

- **Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương**
  - Từ 5 - 1949, Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương.
  - 23 - 12 - 1950, kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương*.
  - 9 - 1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mĩ*.
- **Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi**
  - Gấp rút tập trung quân Âu – Phi, ra sức phát triển ngụy quân.
  - Xây dựng phòng tuyến boong ke và lập "vành đai trắng" quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
  - "Chiến tranh tổng lực", bình định vùng lấn chiếm.
  - Đánh phá hậu phương của ta.

ĐẠI HỘI LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG (2 - 1951)

- **Hoàn cảnh**
  - Từ 11 đến 19 - 2 - 1951, Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang).
- **Nội dung**
  - *Báo cáo chính trị* của Hồ Chí Minh và *Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam* của Trường Chinh.
  - Quyết định thành lập *Đảng Lao động Việt Nam* và Đảng hoạt động công khai.
  - Thông qua *Tuyên ngôn*, *Chính cương*, *Điều lệ mới*.
  - Bầu Ban Chấp hành Trung ương
- **Ý nghĩa**
  - Là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".

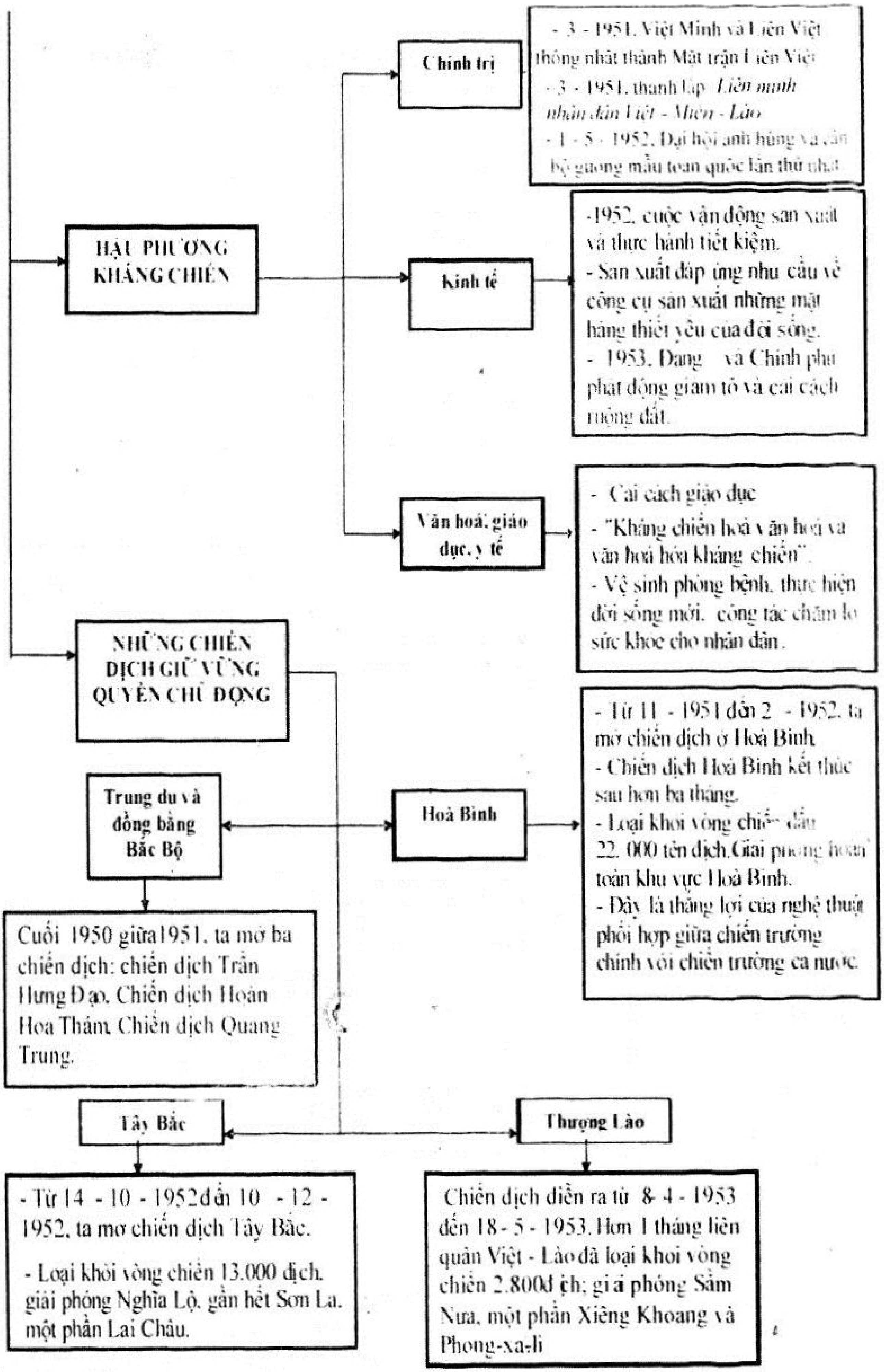

HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

Chính trị

- 3 - 1951, Việt Minh và Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt
- 3 - 1951, thành lập *Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào*
- 1 - 5 - 1952, Đại hội anh hùng và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất

Kinh tế

-1952, cuộc vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm.
- Sản xuất đáp ứng nhu cầu về công cụ sản xuất những mặt hàng thiết yếu của đời sống.
- 1953, Đảng và Chính phủ phát động giảm tô và cải cách ruộng đất.

Văn hoá, giáo dục, y tế

- Cải cách giáo dục
- "Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hóa kháng chiến".
- Vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

NHỮNG CHIẾN DỊCH GIỮ VỮNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG

Trung du và đồng bằng Bắc Bộ

Cuối 1950 giữa 1951, ta mở ba chiến dịch: chiến dịch Trần Hưng Đạo, Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, Chiến dịch Quang Trung.

Hoà Bình

- Từ 11 - 1951 đến 2 - 1952, ta mở chiến dịch ở Hoà Bình.
- Chiến dịch Hoà Bình kết thúc sau hơn ba tháng.
- Loại khỏi vòng chiến đấu 22. 000 tên địch. Giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình.
- Đây là thắng lợi của nghệ thuật phối hợp giữa chiến trường chính với chiến trường cả nước.

Tây Bắc

- Từ 14 - 10 - 1952 đến 10 - 12 - 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc.
- Loại khỏi vòng chiến 13.000 địch, giải phóng Nghĩa Lộ, gần hết Sơn La, một phần Lai Châu.

Thượng Lào

Chiến dịch diễn ra từ 8- 4 - 1953 đến 18 - 5 - 1953. Hơn 1 tháng liên quân Việt - Lào đã loại khỏi vòng chiến 2.800địch; giải phóng Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và Phong-xa-li

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương

1. Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương

- Từ tháng 5 - 1949, Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

- Ngày 23 - 12 - 1950, Mĩ kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.*

- Tháng 9 - 1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mĩ* nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi

- Ngày 6 - 12 - 1950, Chính phủ Pháp cử Đại tướng Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương, kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi ra đời.

- Nội dung của kế hoạch gồm 4 điểm chính:

+ Gấp rút tập trung quân Âu - Phi nhằm xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời ra sức phát triển ngụy quân để xây dựng "quân đội quốc gia".

+ Xây dựng phòng tuyến công sự bằng xi măng cốt sắt, thành lập "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm ngăn chặn quân chủ lực của ta và kiểm soát ta đưa nhân, tài vật lực ra vùng tự do.

+ Tiến hành "chiến tranh tổng lực", bình định vùng lấn chiếm, vơ vét sức người sức của của nhân dân ta để tăng cường lực lượng của chúng.

+ Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, kết hợp oanh tạc bằng phi pháo với chiến tranh tâm lí, chiến tranh kinh tế.

II. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 - 1951)

a. Hoàn cảnh

Từ ngày 11 đến 19 - 2 - 1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang), với sự tham gia của 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết.

b. Nội dung Đại hội

Đại hội thông qua một số báo cáo quan trọng:

- *Báo cáo chính trị* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp.

- *Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày về nội dung đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chính sách của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, về Đảng Lao động Việt Nam.

- Quyết định thành lập *Đảng Lao động Việt Nam* và Đảng hoạt động công khai, đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam.

- Thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới*; Quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan Trung ương Đảng.

- Bầu Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".

III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt

1. Về chính trị

- Tháng 3-1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt.
- Ngày 11-3 -1951, thành lập *Liên minh Nhân dân Việt - Miên - Lào*
- Ngày 1-5-1952, Đại hội anh hùng và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất.

2. Về kinh tế

- Năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm.
- Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp về cơ bản đáp ứng nhu cầu về công cụ sản xuất những mặt hàng thiết yếu của đời sống.
- Đầu năm 1953, Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.
- Từ tháng 4 - 1953 đến tháng 7 - 1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và một đợt cải cách ruộng đất.

3. Về văn hoá, giáo dục, y tế

- Tiếp tục cuộc cải cách giáo dục theo ba phương châm: *phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.*
- Hưởng ứng lời dạy của Hồ Chí Minh *"Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hóa kháng chiến".*
- Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân được coi trọng.

IV. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên chiến trường

1. Các chiến dịch ở Trung du và đồng bằng Bắc Bộ (cuối năm 1950 đến giữa năm 1951)

- Cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, ta mở ba chiến dịch: chiến dịch Trần Hưng Đạo (Chiến dịch Trung du), Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Chiến dịch Đường số 18), Chiến dịch Quang Trung (Chiến dịch Hà - Nam - Ninh)
- Đây là những chiến dịch đầu tiên của bộ đội chủ lực ta đánh vào tuyến kiên cố của Pháp ở Trung du và đồng bằng Bắc Bộ, kết quả chiến đấu bị hạn chế. Ta chuyển sang mở những chiến dịch ở rừng núi.

2. Chiến dịch Hoà Bình đông - xuân năm 1951 - 1952

- Ngày 14 - 11 - 1951, Pháp tiến đánh Hoà Bình.
- Từ giữa tháng 11 - 1951 đến cuối tháng 2 - 1952, ta mở chiến dịch phản công địch ở Hoà Bình.
- Chiến dịch Hoà Bình kết thúc sau hơn ba tháng.
- Kết quả:
  + Loại khỏi vòng chiến đấu 22. 000 tên địch.
  + Giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình.
- Ý nghĩa: Thắng lợi của chiến dịch Hoà Bình là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo chiến đấu phối hợp giữa chiến trường chính với chiến trường cả nước.

3. Chiến dịch Tây Bắc thu - đông 1952

- Từ ngày 14 - 10 - 1952 đến ngày 10 - 12 - 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc.

- Kết thúc chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 13.000 địch, giải phóng toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La, một phần tỉnh Lai Châu.

4. Chiến dịch Thượng Lào xuân - hè 1953

- Chiến dịch đã diễn ra từ ngày 8 - 4 - 1953 đến ngày 18 - 5 - 1953. Trong hơn 1 tháng chiến đấu, liên quân Việt - Lào đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.800 địch; giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong-xa-lì với trên 30 vạn dân.

Phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, từ năm 1951 đến năm 1953, ở các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, quân dân ta đã tận dụng các hình thức chiến tranh du kích, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều tổ chức tề ngụy, nhiều cơ sở kinh tế của chúng.

Bài 23

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

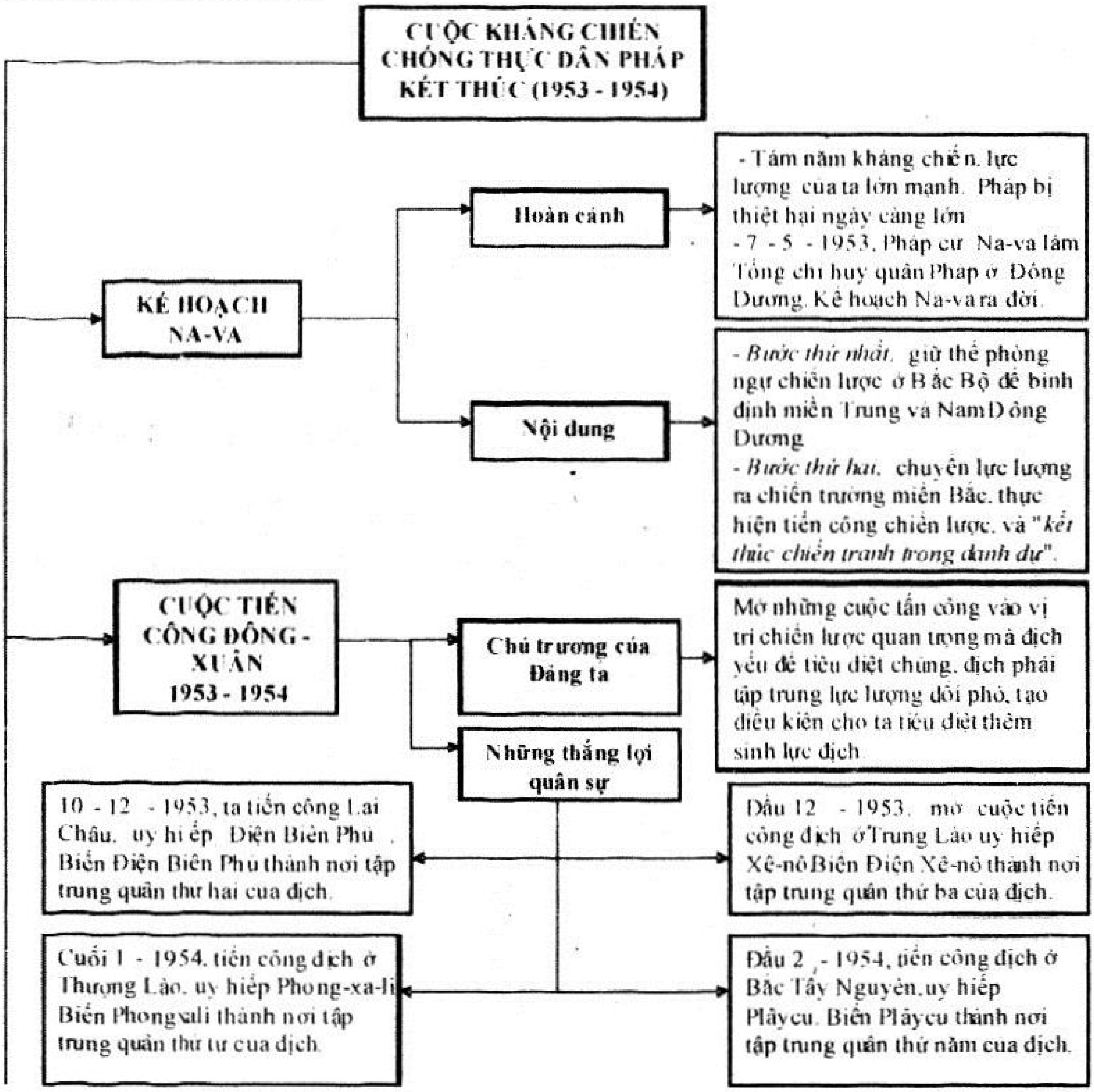
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)
KẾ HOẠCH NA-VA
Hoàn cảnh
Nội dung
CUỘC TIẾN CÔNG ĐÔNG - XUÂN 1953 - 1954
Chủ trương của Đảng ta
Những thắng lợi quân sự

- Tám năm kháng chiến, lực lượng của ta lớn mạnh. Pháp bị thiệt hại ngày càng lớn
- 7 - 5 - 1953, Pháp cử Na-va làm Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch Na-va ra đời.

- *Bước thứ nhất,* giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ để bình định miền Trung và Nam Đông Dương
- *Bước thứ hai,* chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, và "*kết thúc chiến tranh trong danh dự*".

Mở những cuộc tấn công vào vị trí chiến lược quan trọng mà địch yếu để tiêu diệt chúng, địch phải tập trung lực lượng đối phó, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt thêm sinh lực địch.

10 - 12 - 1953, ta tiến công Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ. Biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

Đầu 12 - 1953, mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào uy hiếp Xê-nô. Biến Xê-nô thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

Cuối 1 - 1954, tiến công địch ở Thượng Lào, uy hiếp Phong-xa-lì. Biến Phongxali thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

Đầu 2 - 1954, tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, uy hiếp Plâycu. Biến Plâycu thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

- **Âm mưu của địch**
  - Na-va cố gắng xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.
  - Địch bố trí thành 3 phân khu: phân khu Bắc: phân khu Trung tâm và phân khu phía Nam. Tổng cộng có 49 cứ điểm.
- **Chủ trương của ta**
  - Đầu tháng 12-1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và địch.
  - Đầu tháng 3 - 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất.
- **Diễn biến**
  - *Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17-3 - 1954:* quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.
  - *Đợt 2: từ 30 - 3 đến 26 - 4 - 1954:* ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E_1, D_1, C_1, A_1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch.
  - *Đợt 3: từ 1 - 5 đến 7 - 5 - 1945:* quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam. Ngày 7 - 5, tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

Kết quả

- Cả Đông - Xuân 1953 - 1954 và Điện Biên Phủ, ta loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 địch.
- Riêng Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 địch trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại.

Ý nghĩa

- Thắng lợi Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va.
- Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

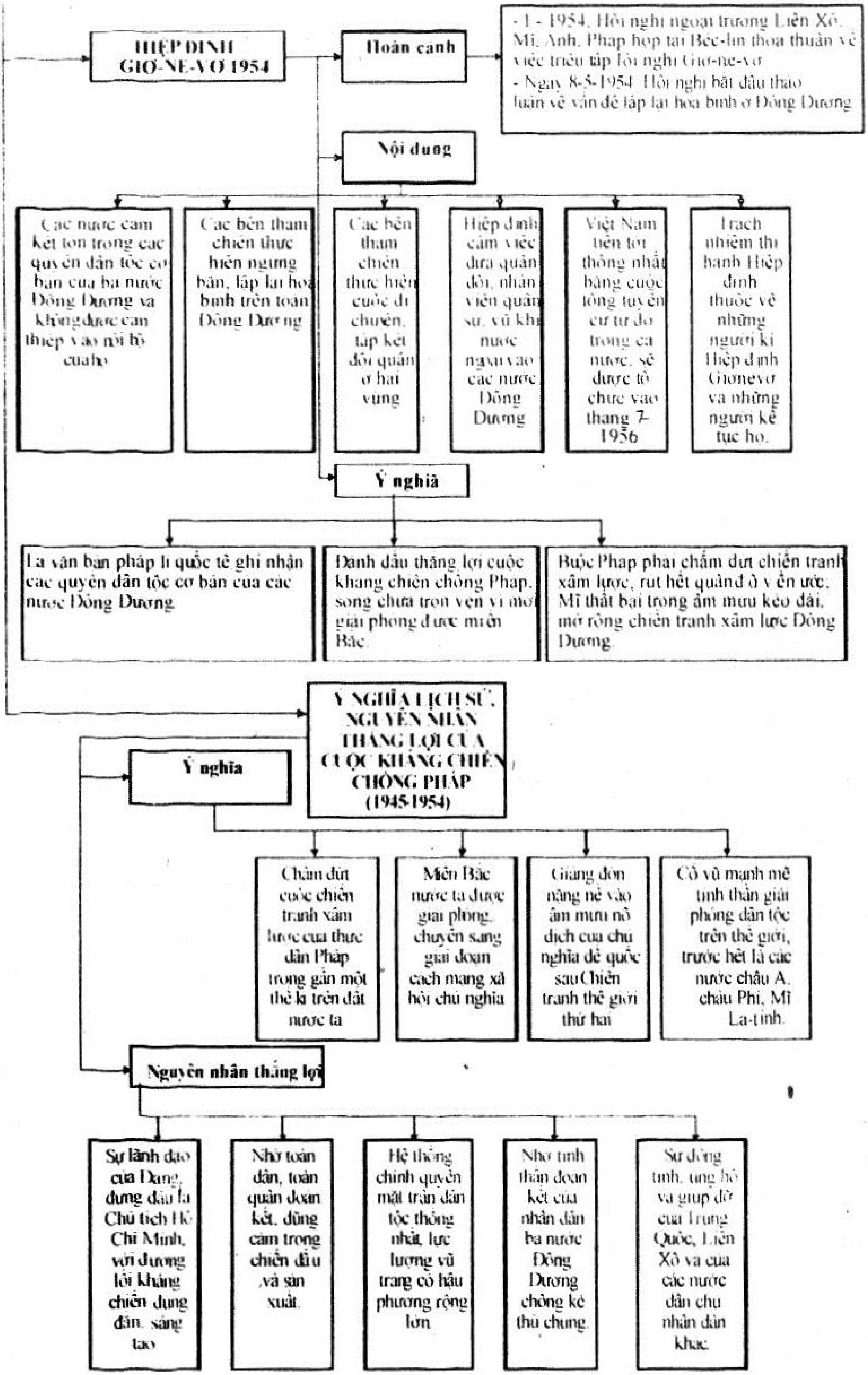

HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ 1954

Hoàn cảnh

- 1 - 1954, Hội nghị ngoại trưởng Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp họp tại Béc-lin thỏa thuận về việc triệu tập Hội nghị Giơ-ne-vơ
- Ngày 8-5-1954 Hội nghị bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương

Nội dung

- Các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương và không được can thiệp vào nội bộ của họ
- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương
- Các bên tham chiến thực hiện cuộc di chuyển, tập kết đội quân ở hai vùng
- Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương
- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956
- Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định Giơnevơ và những người kế tục họ.

Ý nghĩa

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương
- Đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc.
- Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước; Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

Ý nghĩa

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta
- Miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa
- Giáng đòn nặng nề vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai
- Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi, Mĩ La-tinh.

Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo
- Nhờ toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu và sản xuất.
- Hệ thống chính quyền mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang có hậu phương rộng lớn
- Nhờ tình thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.
- Sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và của các nước dân chủ nhân dân khác.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Âm mưu mới của Pháp - Mĩ ở Đông Dương: kế hoạch Na-va

1. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch Na-va

- Trải qua tám năm kháng chiến và kiến quốc, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lớn mạnh đáng kể. Trong khi đó, phía Pháp bị thiệt hại ngày càng lớn.

- Ngày 7 - 5 - 1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp cử tướng Na-va làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh của Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch Nava ra đời.

2. Nội dung kế hoạch Na-va

Kế hoạch Na-va được chia thành hai bước:

- *Bước thứ nhất,* trong thu - đông năm 1953 và xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ để bình định miền Trung và Nam Đông Dương.

- *Bước thứ hai,* từ thu - đông năm 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, và "*kết thúc chiến tranh trong danh dự*".

- Để thực hiện kế hoạch, Na-va tập trung quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ, tiến hành những cuộc càn quét bình định vùng chiếm đóng, mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi biên giới.

II. Cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953 - 1954

1. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954

- Cuối tháng 9 - 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954.

- *"Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch của chúng".*

- Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong Đông - Xuân 1953 - 1954 quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp chiến trường Đông Dương.

+ Ngày 10 - 12 - 1953, ta tiến công Lai Châu, giải phóng toàn bộ Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ. Biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

+ Đầu tháng 12 - 1953, liên quân Lào - Việt mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào giải phóng một phần thị xã Thà Khẹt; bao vây uy hiếp căn cứ Xênô. Biến Xê-nô thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

+ Cuối tháng 1 - 1954, liên quân Lào - Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phong-xa-li. Biến Phong-xa-li thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

+ Đầu tháng 2 - 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, bao vây, uy hiếp Plâycu. Biến Plâycu thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

- Phối hợp với mặt trận chính khi quân chủ lực địch bị giam chân và phân tán nhiều nơi, tại các vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh.

Thắng lợi trong Đông - Xuân 1953 - 1954 đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân dân ta mở rộng cuộc tiến công quyết định Điện Biên Phủ.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

a. Âm mưu của địch

- Điện Biên Phủ có vị trị chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á, nên Pháp cố nắm giữ.

- Na-va cố gắng xây dựng Điện Biên Phủ thành lập toàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

- Địch bố trí thành 3 phân khu: phân khu Bắc; phân khu Trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, và phân khu phía Nam. Tổng cộng có 49 cứ điểm.

b. Chủ trương của ta

- Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

- Đầu tháng 3-1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

c. Diễn biến của chiến dịch

Được chia làm ba đợt:

- *Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954;* quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

- *Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954:* quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E_1, D_1, C_1, A_1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch.

- *Đợt 3, từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1945:* quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam. Ngày 7 - 5, tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

d. Kết quả

- Cả Đông - Xuân 1953 - 1954 và Điện Biên Phủ, ta loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 địch, thu 19.000 súng các loại, phá 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.

- Riêng mặt trận Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 địch trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

e. Ý nghĩa

- Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va.

- Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

III. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương

1. Hội nghị Giơ-ne-vơ

- Tháng 1 - 1954, Hội nghị ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp họp tại Béc-lin đã thỏa thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ.

- Ngày 8 - 5 - 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Hiệp định Giơ-ne-vơ ký vào ngày 21 - 7 - 1954.

2. Nội dung Hiệp định

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương .

- Các bên tham chiến thực hiện cuộc di chuyển, tập kết đội quân ở hai vùng.

- Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7 – 1956.

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định Giơ-ne-vơ và những người kế tục họ.

** Ý nghĩa của Hiệp định:*

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.

- Nó đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Với Hiệp định Giơ-ne-vơ, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước; đế quốc Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương

VI. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

1. Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta; miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi, Mĩ La-tinh.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Nhờ lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

- Nhờ toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu và sản xuất.

- Nhờ hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, có lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

- Nhờ tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và của các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

Chương IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 24

MIỀN BẮC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ - DIỆM GIỮ HOÀ BÌNH (1954 - 1960)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

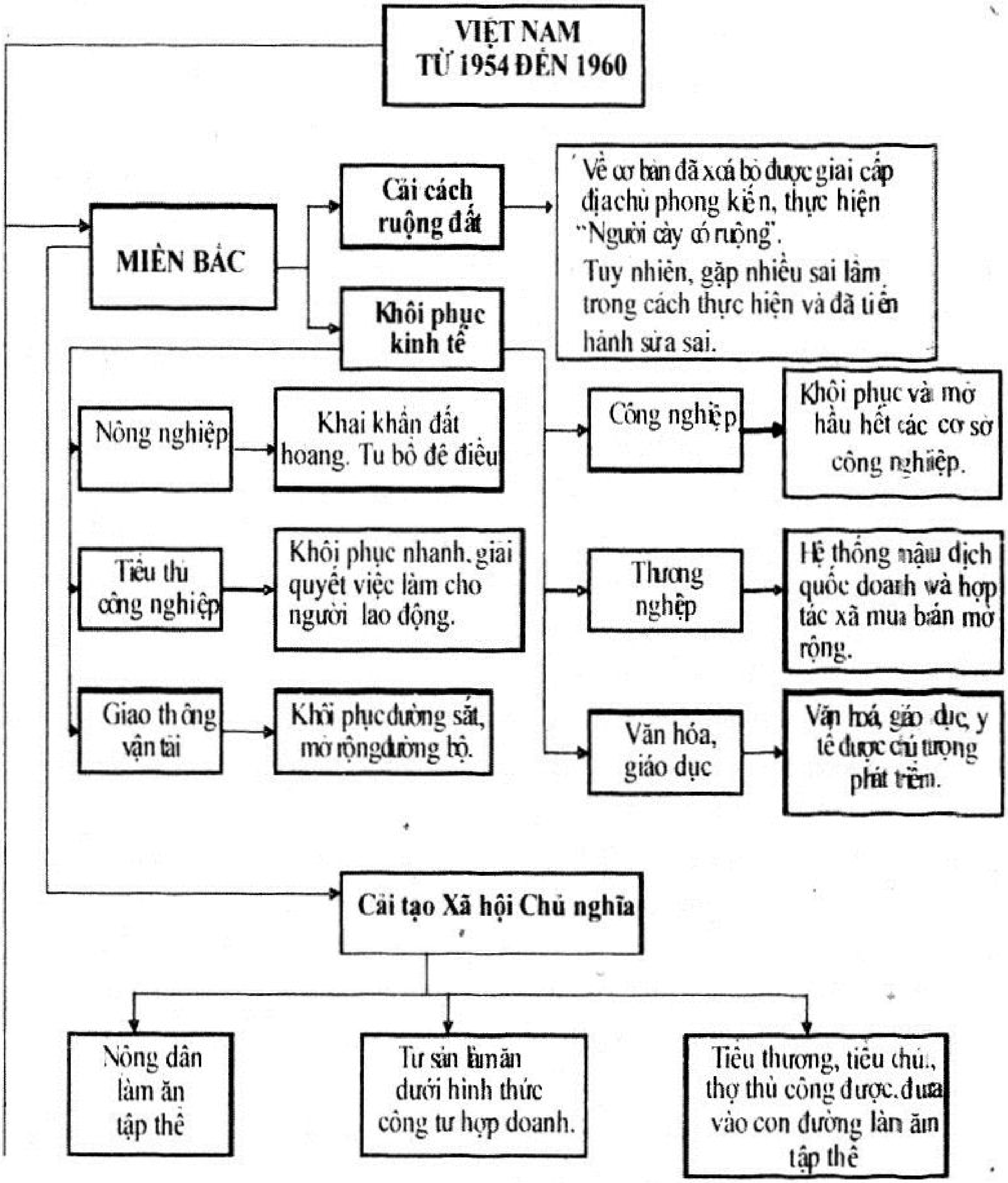
VIỆT NAM TỪ 1954 ĐẾN 1960
MIỀN BẮC
Cải cách ruộng đất
Về cơ bản đã xoá bỏ được giai cấp địa chủ phong kiến, thực hiện "Người cày có ruộng".
Tuy nhiên, gặp nhiều sai lầm trong cách thực hiện và đã tiến hành sửa sai.
Khôi phục kinh tế
Nông nghiệp
Khai khẩn đất hoang. Tu bổ đê điều
Tiểu thủ công nghiệp
Khôi phục nhanh, giải quyết việc làm cho người lao động.
Giao thông vận tải
Khôi phục đường sắt, mở rộng đường bộ.
Công nghiệp
Khôi phục và mở hầu hết các cơ sở công nghiệp.
Thương nghiệp
Hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán mở rộng.
Văn hóa, giáo dục
Văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển.
Cải tạo Xã hội Chủ nghĩa
Nông dân làm ăn tập thể
Tư sản làm ăn dưới hình thức công tư hợp doanh.
Tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công được đưa vào con đường làm ăn tập thể

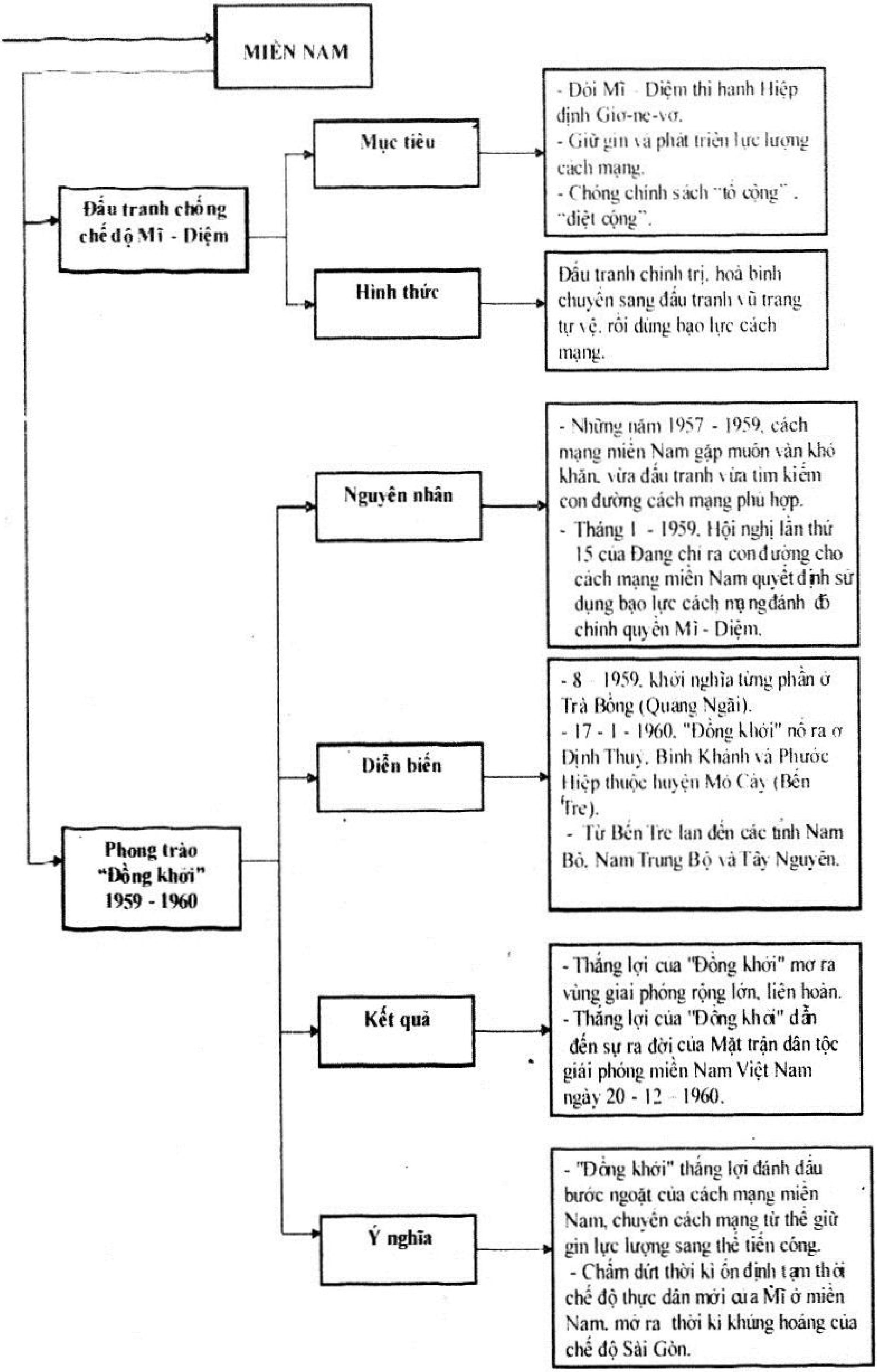

MIỀN NAM

- **Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm**
  - **Mục tiêu**
    - Đòi Mĩ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
    - Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
    - Chống chính sách "tố cộng", "diệt cộng".
  - **Hình thức**
    - Đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.
- **Phong trào "Đồng khởi" 1959 - 1960**
  - **Nguyên nhân**
    - Những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, vừa đấu tranh vừa tìm kiếm con đường cách mạng phù hợp.
    - Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 của Đảng chỉ ra con đường cho cách mạng miền Nam quyết định sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm.
  - **Diễn biến**
    - 8 - 1959, khởi nghĩa từng phần ở Trà Bồng (Quảng Ngãi).
    - 17 - 1 - 1960, "Đồng khởi" nổ ra ở Định Thuỷ, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày (Bến Tre).
    - Từ Bến Tre lan đến các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
  - **Kết quả**
    - Thắng lợi của "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn.
    - Thắng lợi của "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.
  - **Ý nghĩa**
    - "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
    - Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương

- Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết, đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.
- Về phía ta: Ngày 10 - 10 - 1954, quân ta tiến vào tiếp quản Hà Nội trong không khí tưng bừng của ngày hội giải phóng. Ngày 1 - 1 - 1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô.
- Về phía Pháp: Ngày 13 - 5 - 1955, toán lính Pháp cuối cùng rời khỏi Hải Phòng và đến ngày 16 - 5 - 1955, rút khỏi đảo Cát Bà. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.
- Về phía Mĩ: Âm mưu của đế quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm là nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và nước ta bị chia cắt lâu dài.

II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 - 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957)

a. Hoàn thành cải cách ruộng đất

- Trong hai năm (1954 - 1956), miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất.
- Kết quả: Đã tịch thu khoảng 81vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn con trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem cho trên 2 triệu hộ nông dân lao động.
- Giai cấp địa chủ căn bản bị xoá bỏ. Nông dân đã làm chủ nông thôn, nguyện vọng lâu đời của nông dân là *"người cày có ruộng"* đã được thực hiện.
- Tuy nhiên, công cuộc cải cách trong những năm này đã phạm phải nhiều sai lầm trong quá trình thực hiện, gây nên nhiều tổn thất lớn. Nhận thức được vấn đề này ngay sau đó, Đảng, Chính phủ đã thự hiện công việc phê bình và sửa chữa sai lầm

b. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

- Trong nông nghiệp, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm công cụ. Hệ thống đê điều đã được tu bổ. Nhiều công trình thuỷ nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước.
- Trong công nghiệp, giai cấp công nhân đã nhanh chóng khôi phục và mở hầu hết các cơ sở công nghiệp.
- Các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được khôi phục nhanh chóng, giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.
- Trong thương nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác mua bán được mở rộng, đã cung cấp ngày càng nhiều mặt hàng cho nhân dân; giao lưu hàng hoá giữa các địa phương ngày càng phát triển: hoạt động ngoại thương dần dần tập trung vào tay Nhà nước.

- Giao thông vận tải được chú trọng, khôi phục gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm một số cảng mới.

- Văn hoá - giáo dục được đẩy mạnh. Nền giáo dục được phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm đã được khẳng định, giáo dục đại học được chú ý phát triển.

- Hệ thống y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng. Nếp sống lành mạnh, giữ gìn vệ sinh được vận động thực hiện ở khắp mọi nơi.

2. Cải cách quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958 - 1960)

- Trong 3 năm 1958 - 1960, miền Bắc lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm: cải tạo đối với công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

- Cuộc vận động hợp tác xã nông nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ: từng bước đưa người nông dân vào làm ăn tập thể đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp đến hợp tác xã bậc cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

- Đối với tư sản dân tộc, cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của tư sản dân tộc, đưa họ vào làm ăn tập thể dưới hình thức công tư hợp doanh.

- Đối với lực lượng tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, đưa vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán.

- Kết quả cải tạo đã xoá bỏ cơ bản chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh, hợp tác xã đã bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho những người ra đi chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới "Đồng khởi" (1954 - 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1960).

- Ngay từ tháng 7 - 1954, Trung ương Đảng đề ra cho cách mạng miền Nam nhiệm vụ chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, giữ gìn và phát triển cách mạng.

- Mở đầu là *"phong trào hoà bình"* của trí thức và của tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tháng 8 - 1954.

- Tháng 11 - 1954, Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo phong trào. Nhưng phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc ít người...hình thành nên mặt trận chống Mĩ - Diệm.

- *Mục tiêu phong trào:*

+ Đấu tranh vừa đòi Mĩ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước.

+ Chống cái gọi là *"trưng cầu dân ý"* của Diệm, chống Mĩ - Diệm khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" của chúng, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.

- *Hình thức:* Đấu tranh giữ gìn chính trị, hoà bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

2. Phong trào "Đồng Khởi" (1959 - 1960)

** Nguyên nhân bùng nổ:*

- Trong những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương quyết định sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm.

- Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

** Diễn biến:*

- Ngày 17 - 1 - 1960, cuộc "Đồng khởi" nổ ra ở ba xã điểm là Định Thuỷ, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày (Bến Tre).

- Hoà nhịp với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Mĩ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường... đồng loạt nổi dậy, làm chủ 2/3 xã, ấp. Từ giữa năm 1960 trở đi, phong trào "Đồng khởi" lan ra khắp các tỉnh từ Cà Mau đến các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên.

** Kết quả:*

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.

** Ý nghĩa:*

- Phong trào "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công thể hiện sự đúng đắn của Đảng trong việc xác định tiến hành cách mạng miền Nam bằng con đường bạo lực qua nghị quyết 15..

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

Bài 25

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1961 - 1965)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

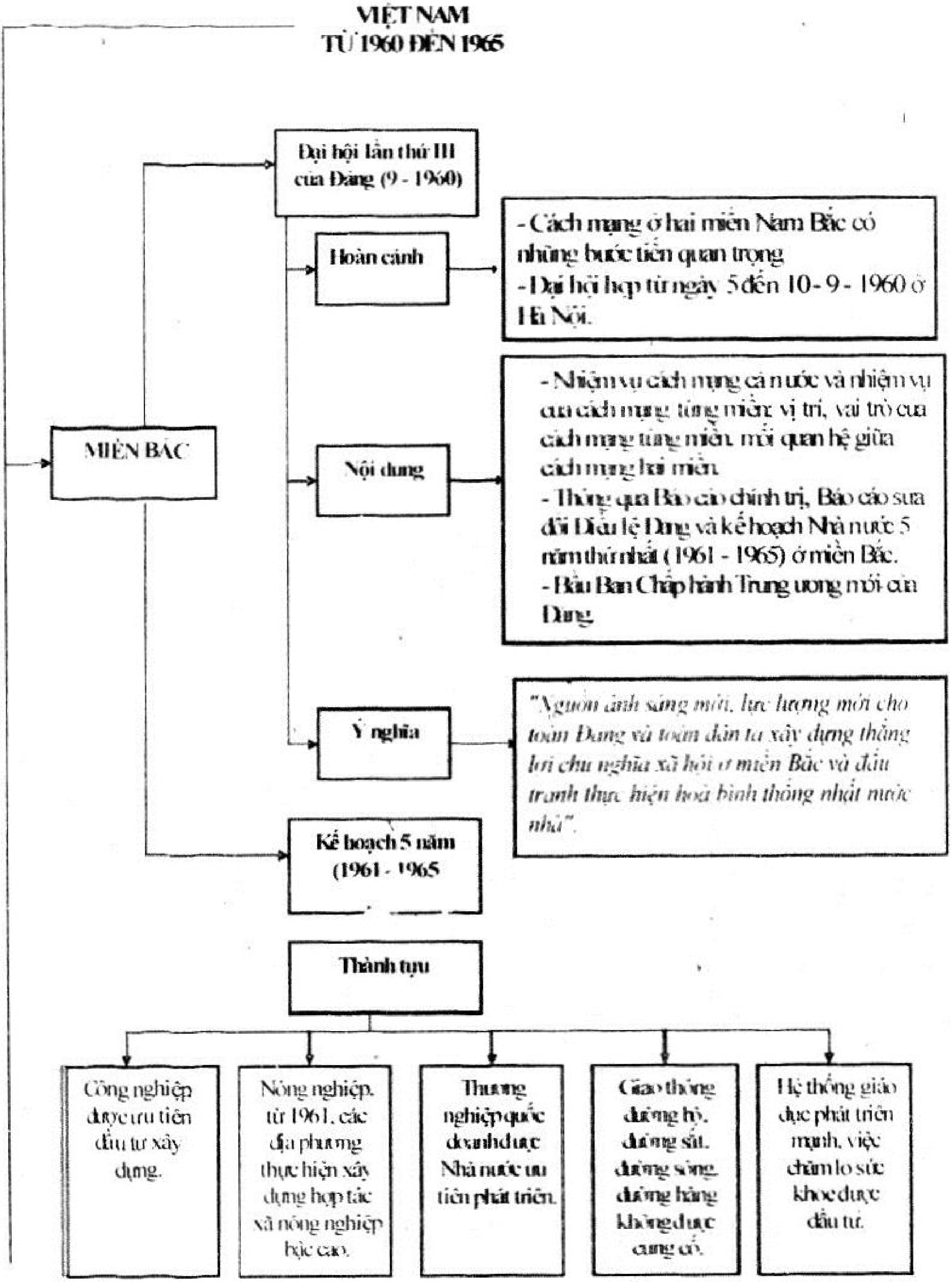

VIỆT NAM TỪ 1960 ĐẾN 1965

MIỀN BẮC

Đại hội lần thứ III của Đảng (9 - 1960)

Hoàn cảnh

- Cách mạng ở hai miền Nam Bắc có những bước tiến quan trọng
- Đại hội họp từ ngày 5 đến 10 - 9 - 1960 ở Hà Nội.

Nội dung

- Nhiệm vụ cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.
- Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất (1961 - 1965) ở miền Bắc.
- Bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng.

Ý nghĩa

"Nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà".

Kế hoạch 5 năm (1961 - 1965

Thành tựu

- Công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng.
- Nông nghiệp, từ 1961, các địa phương thực hiện xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc cao.
- Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển.
- Giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không được củng cố.
- Hệ thống giáo dục phát triển mạnh, việc chăm lo sức khoẻ được đầu tư.

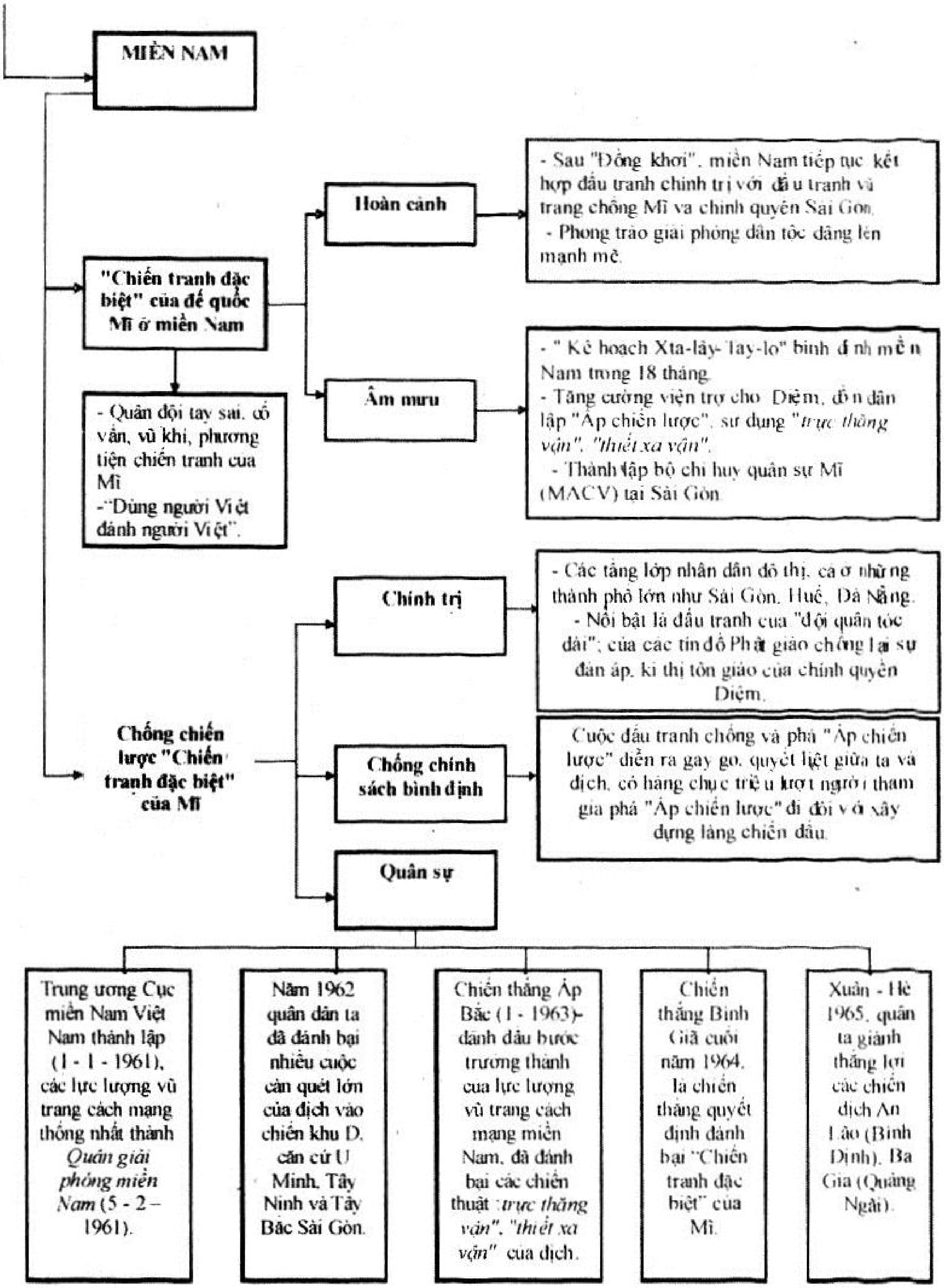

MIỀN NAM

"Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

Hoàn cảnh

- Sau "Đồng khởi", miền Nam tiếp tục kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn.
- Phong trào giải phóng dân tộc dâng lên mạnh mẽ.

Âm mưu

- "Kế hoạch Xta-lây-Tay-lo" bình định miền Nam trong 18 tháng.
- Tăng cường viện trợ cho Diệm, dồn dân lập "Ấp chiến lược", sử dụng *"trực thăng vận", "thiết xa vận"*.
- Thành lập bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) tại Sài Gòn.

- Quân đội tay sai, cố vấn, vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mĩ
- "Dùng người Việt đánh người Việt".

Chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ

Chính trị

- Các tầng lớp nhân dân đô thị, cả ở những thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.
- Nổi bật là đấu tranh của "đội quân tóc dài"; của các tín đồ Phật giáo chống lại sự đàn áp, kì thị tôn giáo của chính quyền Diệm.

Chống chính sách bình định

Cuộc đấu tranh chống và phá "Ấp chiến lược" diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "Ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu.

Quân sự

Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập (1 - 1 - 1961), các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành *Quân giải phóng miền Nam* (5 - 2 – 1961).

Năm 1962 quân dân ta đã đánh bại nhiều cuộc càn quét lớn của địch vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh và Tây Bắc Sài Gòn.

Chiến thắng Ấp Bắc (1 - 1963)- đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, đã đánh bại các chiến thuật *"trực thăng vận", "thiết xa vận"* của địch.

Chiến thắng Bình Giã cuối năm 1964, là chiến thắng quyết định đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

Xuân - Hè 1965, quân ta giành thắng lợi các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi).

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9 - 1960)

** Hoàn cảnh:*

- Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam - Bắc có những bước tiến quan trọng. Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

- Đại hội họp từ ngày 5 đến ngày 10 - 9 - 1960 ở Hà Nội.

* *Nội dung Đại hội:*

- Đại hội đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

  + Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

  + Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

  + Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó với tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước.

- Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất (1961 - 1965) ở miền Bắc.

- Bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng.

* *Ý nghĩa:* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng "*nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà*".

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965)

- Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.

- Trong công nghiệp, được ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Trong nông nghiệp, sau khi đưa đại bộ phận nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.

- Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế. Củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

- Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố.

- Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển mạnh.

- Hệ thống y tế, chăm lo sức khoẻ được đầu tư phát triển. Những loại dịch bệnh ở miền Bắc cơ bản được xoá bỏ.

- Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng từng bước thành quân đội chính quy.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) và nói chung trong 10 năm (1954 - 1964) đã thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Tại *Hội nghị Chính trị đặc biệt tháng 3 - 1964*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "*Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến hành bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới*".

II. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ (1961 - 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

* *Hoàn cảnh:*

- Sau phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960), nhân dân ta ở miền Nam tiếp tục nổi dậy, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

- Trong khi đó trên thế giới, phong trào giải phóng dân tộc dâng lên mạnh mẽ, trực tiếp đe doạ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

* *Âm mưu của Mĩ:*

- Mĩ đề ra "kế hoạch Xta-lây - Tay-lo" với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

- Thực hiện kế hoạch, Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập "Ấp chiến lược", sử dụng phổ biến các chiến thuật mới "*trực thăng vận*", "*thiết xa vận*".

- Viện trợ quân sự của Mĩ tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn ngày 8 - 2 - 1962.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ

- Đáp ứng yêu cầu của cách mạng từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng, chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

- Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời (20 - 12 - 1960), Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập (1 - 1 - 1961), các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành *Quân giải phóng miền Nam* (5 - 2 - 1961).

- Quân giải phóng miền Nam cùng với nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận.

- Năm 1962 quân dân ta đã đánh bại nhiều cuộc càn quét lớn của địch vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh và Tây Bắc Sài Gòn.

- Cuộc đấu tranh chống và phá "Ấp chiến lược" diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "Ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu.

- Chiến thắng Ấp Bắc (1 - 1963) đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, đã đánh bại các chiến thuật: *trực thăng vận*", "*thiết xa vận*" của địch, đánh sập lòng tin của quân đội Sài Gòn vào trang bị vũ khí hiện đại của Mĩ. Chiến thắng này cũng chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, sau trận Ấp Bắc, phong trào "*thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công*" dấy lên khắp miền Nam.

- Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị, cả ở những thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, có những bước phát triển mạnh mẽ, nổi bật là đấu tranh của "đội quân tóc dài" của các bà mẹ và các chị; của các tín đồ Phật giáo chống lại sự đàn áp, kì thị tôn giáo của chính quyền Diệm.

- Phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị cùng với phong trào phá "Ấp chiến lược" ở nông thôn và những đòn tiến công liên tiếp của các lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

- Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn. Cuối năm 1964, quân và dân Đông Nam Bộ mở chiến dịch tiến công Đông - Xuân 1964 - 1965 với trận mở màn đánh vào ấp Bình Giã.

- Thừa thắng sau chiến thắng Bình Giã, quân giải phóng và nhân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công Xuân - Hè 1965 và giành nhiều thắng lợi trong các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà). Từng đơn vị lớn của địch bị tiêu diệt gọn, hoặc thiệt hại nặng. Quân đội Sài Gòn, lực lượng nòng cốt của "Chiến tranh đặc biệt", không còn đủ sức đương đầu với cuộc tiến công lớn của quân giải phóng và đứng trước nguy cơ tan rã.

Bài 26

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1965 - 1968)

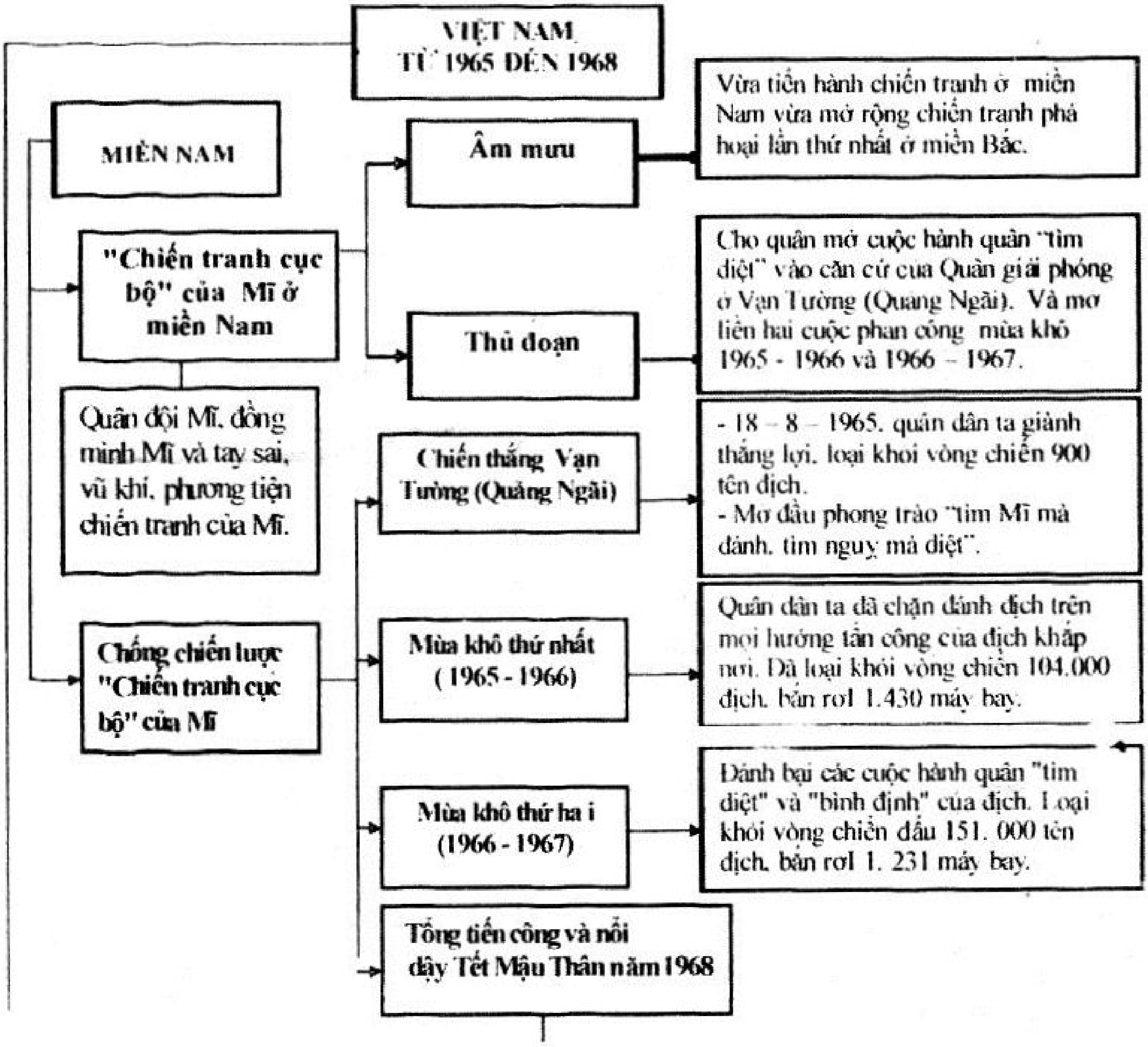
VIỆT NAM TỪ 1965 ĐẾN 1968
MIỀN NAM
"Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam
Âm mưu
Thủ đoạn
Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)
Chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ
Mùa khô thứ nhất (1965 - 1966)
Mùa khô thứ hai (1966 - 1967)
Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968

Quân đội Mĩ, đồng minh Mĩ và tay sai, vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

Vừa tiến hành chiến tranh ở miền Nam vừa mở rộng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc.

Cho quân mở cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Và mở liền hai cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.

- 18 - 8 - 1965, quân dân ta giành thắng lợi, loại khỏi vòng chiến 900 tên địch.
- Mở đầu phong trào "tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

Quân dân ta đã chặn đánh địch trên mọi hướng tấn công của địch khắp nơi. Đã loại khỏi vòng chiến 104.000 địch, bắn rơi 1.430 máy bay.

Đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. Loại khỏi vòng chiến đấu 151. 000 tên địch, bắn rơi 1. 231 máy bay.

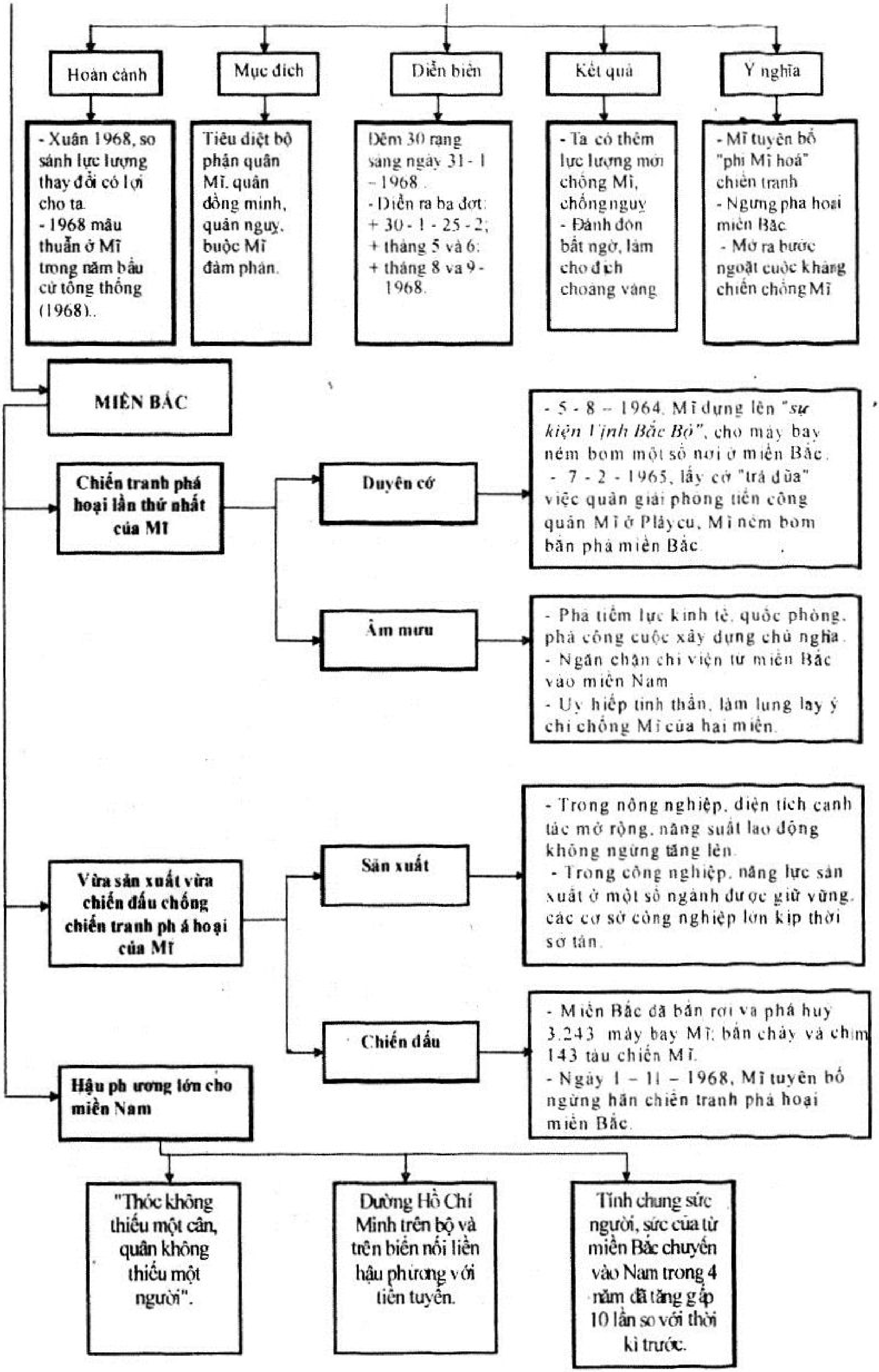

Hoàn cảnh

- Xuân 1968, so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.
- 1968 mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968)..

Mục đích

Tiêu diệt bộ phận quân Mĩ, quân đồng minh, quân nguỵ, buộc Mĩ đàm phán.

Diễn biến

Đêm 30 rạng sáng ngày 31 - 1 - 1968 .
- Diễn ra ba đợt:
+ 30 - 1 - 25 - 2;
+ tháng 5 và 6;
+ tháng 8 và 9 - 1968.

Kết quả

- Ta có thêm lực lượng mới chống Mĩ, chống nguỵ
- Đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng

Ý nghĩa

- Mĩ tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh
- Ngừng phá hoại miền Bắc
- Mở ra bước ngoặt cuộc kháng chiến chống Mĩ

MIỀN BẮC

Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ

Duyên cớ

- 5 - 8 – 1964, Mĩ dựng lên *"sự kiện Vịnh Bắc Bộ"*, cho máy bay ném bom một số nơi ở miền Bắc.
- 7 - 2 - 1965, lấy cớ "trả đũa" việc quân giải phóng tiến công quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ ném bom bắn phá miền Bắc.

Âm mưu

- Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa.
- Ngăn chặn chi viện từ miền Bắc vào miền Nam
- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của hai miền.

Vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ

Sản xuất

- Trong nông nghiệp, diện tích canh tác mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên.
- Trong công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững, các cơ sở công nghiệp lớn kịp thời sơ tán.

Chiến đấu

- Miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3.243 máy bay Mĩ, bắn cháy và chìm 143 tàu chiến Mĩ.
- Ngày 1 – 11 – 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Hậu phương lớn cho miền Nam

"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

Đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển nối liền hậu phương với tiền tuyến.

Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1965 - 1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

- Từ năm 1965 đến năm 1968, Mĩ chuyển sang chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc.

- "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Để thực hiện "Chiến tranh cục bộ", vừa mới vào miền Nam, Mĩ đã cho quân mở ra ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông - xuân) 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng "đất thánh Việt Cộng" .

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

- Ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

- Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào "*Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt*" trên khắp miền Nam. Nhiều "*Vành đai diệt Mĩ*" xuất hiện như ở Hoà Vang, Chu Lai (Quảng Nam), Củ Chi (Sài Gòn)... Một phong trào thi đua trở thành "*Dũng sĩ diệt Mĩ*" và "*Đơn vị anh hùng diệt Mĩ*" sôi nổi khắp nơi.

- Sau trận Vạn Tường khả năng chiến thắng Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta còn tiếp tục được chứng minh trong hai mùa khô.

- Bước vào khô thứ nhất (Đông - Xuân 1965 - 1966), Quân dân ta đã chặn đánh địch trên mọi hướng tấn công của địch khắp nơi. Quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 địch, bắn rơi 1.430 máy bay.

- Bước vào mùa khô thứ hai (Đông - Xuân 1966 - 1967), quân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. Loại khỏi vòng chiến đấu 151.000 tên địch, bắn rơi 1.231 máy bay.

- Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "*Ấp chiến lược*". Trong hầu khắp các thành thị, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968

** Hoàn cảnh:*

- Bước vào mùa xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

- Năm 1968 lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị.

* *Mục đích:* Nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

** Diễn biến:*

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31-1-1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân).

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30-1 - 25-2; tháng 5 và 6; tháng 8 và 9 - 1968.

- Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Toà đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

** Kết quả:*

- Ta có thêm nhiều lực lượng mới chống Mĩ, chống chính quyền Sài Gòn xuất hiện, mặt trận đoàn kết dân tộc, chống Mĩ cứu nước được mở rộng.

- Đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng.

** Ý nghĩa:*

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược.

- Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

- Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 - 1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

- Ngày 5 - 8 - 1964, sau khi dựng lên *"sự kiện Vịnh Bắc Bộ"*, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc.

- Ngày 7 - 2 - 1965, lấy cớ "trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá miền Bắc.

- *Âm mưu:*

+ Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc;

+ Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam;

+ Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

2. Miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại

- Miền Bắc chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân.

- Miền Bắc vừa sẵn sàng chống lại hành động đánh phá của Mĩ vừa lao động sản xuất.

- Trong chiến đấu, miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3.243 máy bay Mĩ; bắn cháy và chìm 143 tàu chiến Mĩ. Ngày 1 – 11 – 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Trong sản xuất, miền Bắc lập được những thành tích quan trọng:

+ Trong nông nghiệp, diện tích canh tác mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên.

+ Trong công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững, các cơ sở công nghiệp lớn kịp thời sơ tán. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển.

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

- Miền Bắc phấn đấu "*Mỗi người làm việc bằng hai*". Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*"

- Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc dãy núi Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5 - 1959, dài hàng nghìn cây số, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

- Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, trong 4 năm (1965 - 1968) miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Bài 27

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 - 1973)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

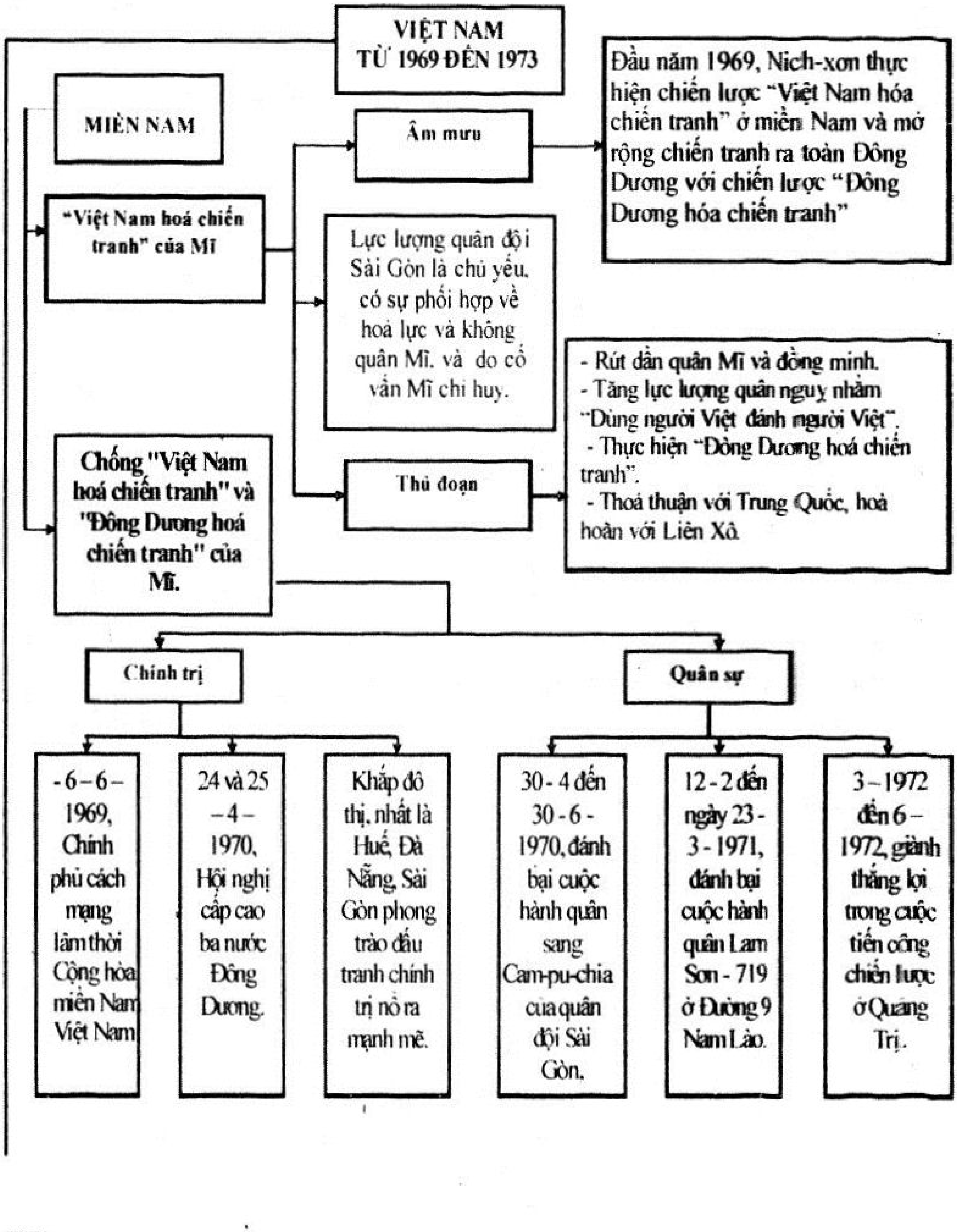

VIỆT NAM TỪ 1969 ĐẾN 1973

MIỀN NAM

"Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ

Âm mưu

Đầu năm 1969, Nich-xơn thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương với chiến lược "Đông Dương hóa chiến tranh"

Lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, và do cố vấn Mĩ chỉ huy.

Thủ đoạn

- Rút dần quân Mĩ và đồng minh.
- Tăng lực lượng quân nguỵ nhằm "Dùng người Việt đánh người Việt".
- Thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".
- Thoả thuận với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô.

Chống "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

Chính trị

- 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam

24 và 25 – 4 – 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

Khắp đô thị, nhất là Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn phong trào đấu tranh chính trị nổ ra mạnh mẽ.

Quân sự

30 - 4 đến 30 - 6 - 1970, đánh bại cuộc hành quân sang Cam-pu-chia của quân đội Sài Gòn.

12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn - 719 ở Đường 9 Nam Lào.

3 – 1972 đến 6 – 1972, giành thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược ở Quảng Trị.

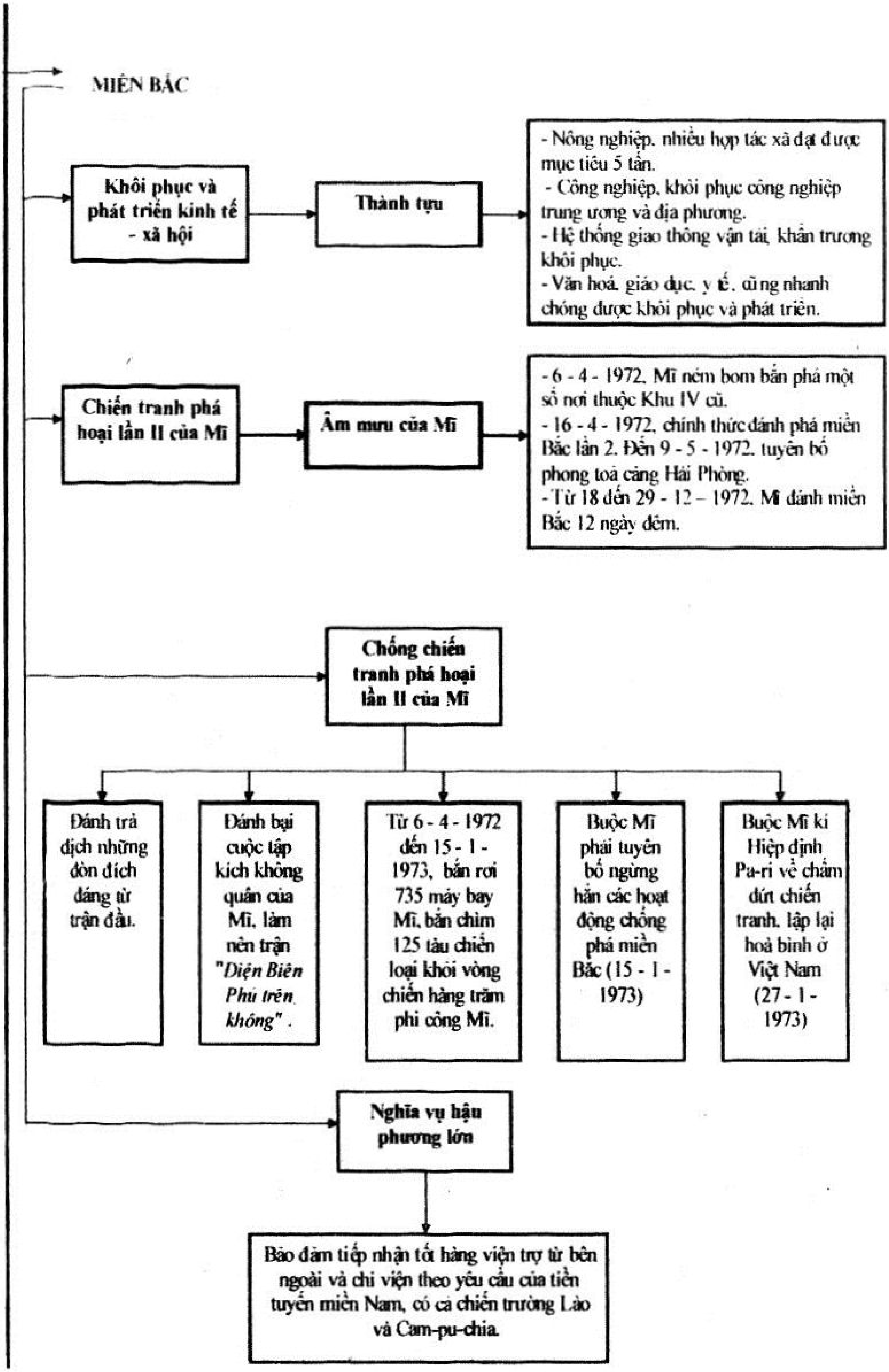

MIỀN BẮC

Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội

Thành tựu

- Nông nghiệp, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn.
- Công nghiệp, khôi phục công nghiệp trung ương và địa phương.
- Hệ thống giao thông vận tải, khẩn trương khôi phục.
- Văn hoá, giáo dục, y tế, cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển.

Chiến tranh phá hoại lần II của Mĩ

Âm mưu của Mĩ

- 6 - 4 - 1972, Mĩ ném bom bắn phá một số nơi thuộc Khu IV cũ.
- 16 - 4 - 1972, chính thức đánh phá miền Bắc lần 2. Đến 9 - 5 - 1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng.
- Từ 18 đến 29 - 12 – 1972, Mĩ đánh miền Bắc 12 ngày đêm.

Chống chiến tranh phá hoại lần II của Mĩ

Đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu.

Đánh bại cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận *"Điện Biên Phủ trên không"*.

Từ 6 - 4 - 1972 đến 15 - 1 - 1973, bắn rơi 735 máy bay Mĩ, bắn chìm 125 tàu chiến loại khỏi vòng chiến hàng trăm phi công Mĩ.

Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15 - 1 - 1973)

Buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 - 1 - 1973)

Nghĩa vụ hậu phương lớn

Bảo đảm tiếp nhận tốt hàng viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, có cả chiến trường Lào và Cam-pu-chia.

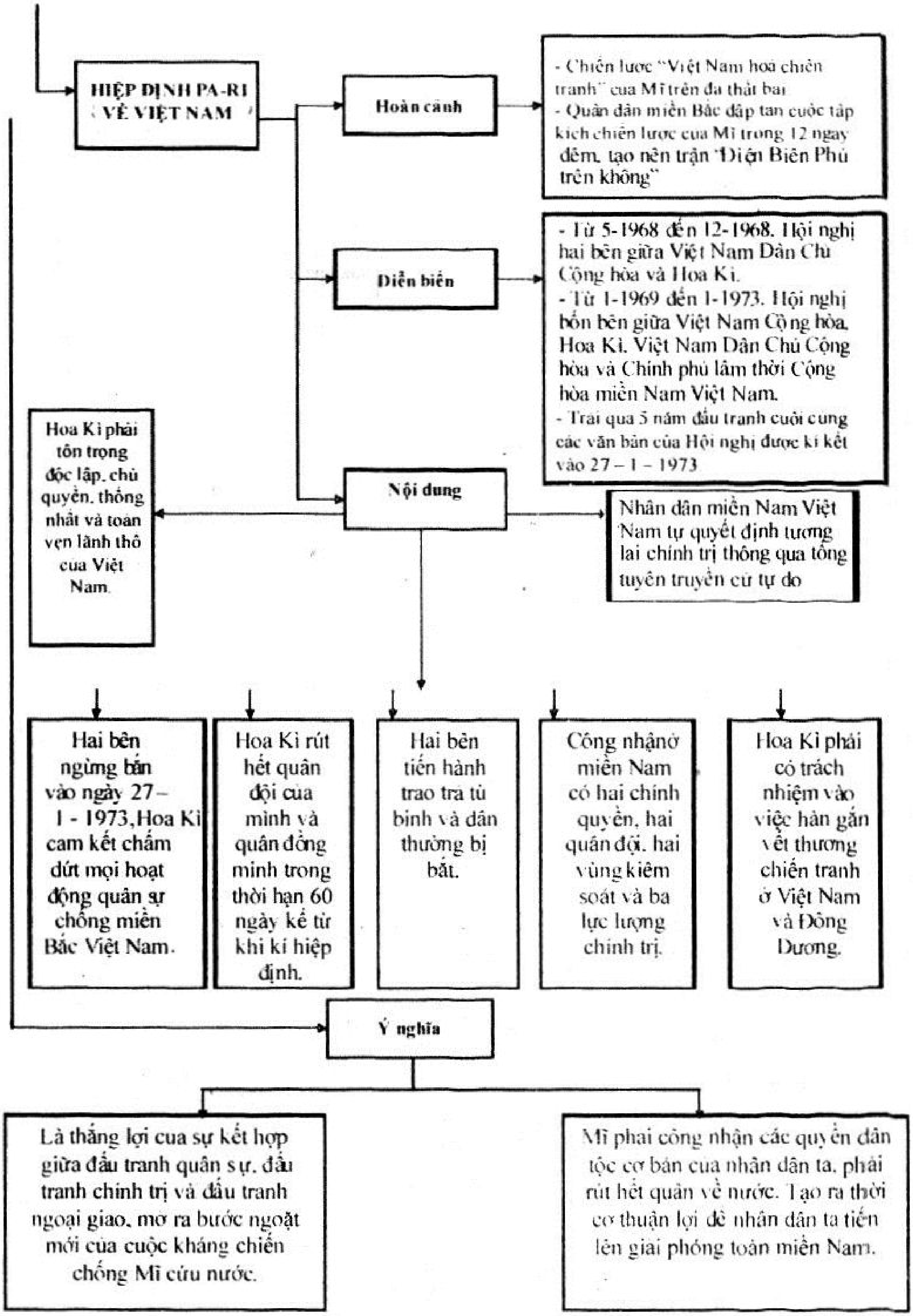

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ trên đà thất bại
- Quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm, tạo nên trận "Điện Biên Phủ trên không"

- Từ 5-1968 đến 12-1968. Hội nghị hai bên giữa Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa và Hoa Kì.
- Từ 1-1969 đến 1-1973. Hội nghị bốn bên giữa Việt Nam Cộng hòa, Hoa Kì, Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa và Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- Trải qua 5 năm đấu tranh cuối cùng các văn bản của Hội nghị được kí kết vào 27 – 1 – 1973

Hoa Kì phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển truyền cử tự do

Hai bên ngừng bắn vào ngày 27 – 1 - 1973, Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí hiệp định.

Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Công nhận ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Hoa Kì phải có trách nhiệm vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng toàn miền Nam.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

- Đầu năm 1969, Ních-xơn thực hiện chiến lược "*Việt Nam hoá chiến tranh*" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương với chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", Mĩ đã:

+ Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh khỏi chiến tranh để giảm xương máu.

+ Tăng quân đội Sài Gòn, thực hiện âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt".

- Mĩ dùng lực lượng quân đội Sài Gòn để thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Mĩ còn dùng thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt như thoả thuận với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó đối với cuộc kháng chiến của ta.

2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

- Thắng lợi chính trị mở đầu là sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ngày 6 - 6 - 1969.

- Ngày 2 - 9 - 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đó là một tổn thất lớn, không gì có thể bù đắp đối với dân tộc ta, đối với cách mạng nước ta.

- Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ở hai miền đẩy mạnh kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

+ Trong hai ngày 24 và ngày 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn đất đai với 4,5 triệu dân.

+ Từ ngày 12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn - 719" chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 địch, đuổi hết quân Mĩ và quân đội Sài Gòn khỏi Đường 9 - Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

- Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, chống "bình định".

+ Ở khắp nơi các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên nổ ra rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia. Phong trào tuổi trẻ, học sinh, sinh viên có vai trò quan trọng, thường là *"Phong trào châm ngòi nổ"* cho phong trào chung của tầng lớp nhân dân thành thị.

+ Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, khắp nơi có phong trào của quần chúng nổi dậy chống "bình định", phá "ấp chiến lược" của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành quyền làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân.

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Bước vào năm 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược từ ngày 30 - 3 - 1972 đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam, kéo dài trong năm 1972.

- Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô lớn, trên hầu khắp các địa bàn chiến lược quan trọng. Chỉ trong thời gian ngắn (đến cuối tháng 6 - 1972), quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch, là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ đã phản công lại, gây cho ta nhiều thiệt hại; còn Mĩ trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Việt Nam hoá chiến tranh").

II. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1969 - 1973)

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội

- Trong *nông nghiệp*, chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật, nhiều biện pháp thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn, một số hợp tác xã đạt từ 6 đến 7 tấn.

- Trong *công nghiệp*, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhiều công trình đang làm dang dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp, đưa vào hoạt động.

- *Hệ thống giao thông vận tải,* nhất là các tuyến giao thông chiến lược, bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.

- *Văn hoá, giáo dục, y tế,* cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đời sống nhân dân ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lí kinh tế - xã hội bước đầu được khắc phục.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại vừa sản xuất

- Ngày 6-4-1972, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc Khu IV cũ. Ngày 16-4-1972, Ních-xơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai); đến ngày 9-5-1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

- Ngày 14 - 12 - 1972,Ních-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 - 12 - 1972.

- Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận *"Điện Biên Phủ trên không"*. Ta đã bắn rơi 81 máy, bắt sống 43 phi công Mĩ. Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ 6 - 4 - 1972 đến 15 - 1 - 1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ, bắn chìm 125 tàu chiến loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

- *"Điện Biên Phủ trên không"* là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15 - 1 - 1973) và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 - 1 - 1973).

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

Trong điều kiện tương đối hoà bình, cả trong chiến tranh phá hoại, miền Bắc đã tập trung lớn khả năng về lực lượng và phương tiện để khắc phục kịp thời hậu quả của những trận đánh phá ác liệt, vượt qua những cuộc bao vây phong toả gắt gao của địch, bảo đảm tiếp nhận tốt hàng viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, có cả chiến trường Lào và Cam-pu-chia.

III. Đấu tranh trên mặt ngoại giao, Hiệp định Pa-ri 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam

1. Đấu tranh đòi Mĩ xuống thang chiến tranh và thương lượng ở Hội nghị Pa-ri

- Sau thắng lợi trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967, ta chủ trương mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao, nhằm tố cáo tội ác của bọn xâm lược Mĩ, nêu tính chất chính nghĩa, lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

- Mục tiêu đấu tranh ngoại giao trước mắt của ta là đòi Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, coi đó là điều kiện tiên quyết để đi đến thương lượng ở bàn hội nghị.

- Ngày 31 - 3 - 1968, sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân ta, Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

- Ngày 13 - 5 - 1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên, giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kì ở Pa-ri họp phiên đầu tiên.

- Ngày 1 - 11 - 1968, Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá trên toàn miền Bắc. Từ đây, đấu tranh giữa ta và Mĩ chủ yếu xoay quanh vấn đề hình thức, thành phần hội nghị và đã đi đến thống nhất về hình thức và Hội nghị bốn bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam) Hoa Kì và Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn).

- Hội nghị bốn bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên ngày 25 - 1 - 1969 tại Pa-ri.

2. Hiệp định Pa-ri 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

- Quan điểm của ta: đòi Mĩ rút hết quân của mình và quân đồng minh khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Phía Mĩ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam, và từ chối kí dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10 - 1972) để mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mĩ đưa ra.

- Nhưng Mĩ đã thất bại, Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận trận *"Điện Biên Phủ trên không"*, sau đó buộc Mĩ trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra trước đó.

- Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23 -1 - 1973 giữa đại diện hai Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kì, và kí chính thức ngày 27- 1 - 1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự Hội nghị tại Pa-ri. Hiệp định Pari bắt đầu có hiệu lực từ ngày kí chính thức.

- *Nội dung Hiệp định gồm những điều khoản cơ bản:*

+ Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Cuộc ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam được thực hiện vào 24 giờ ngày 27 - 1 - 1973. Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam .

+ Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí hiệp định, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

+ Hai miền Nam - Bắc Việt Nam sẽ thương lượng về việc thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.

+ Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+ Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chính quyền Sài Gòn).

+ Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương tiến tới thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa hai nước.

- *Ý nghĩa:*

+ Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

+ Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng toàn miền Nam.

Bài 28

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN BẮC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

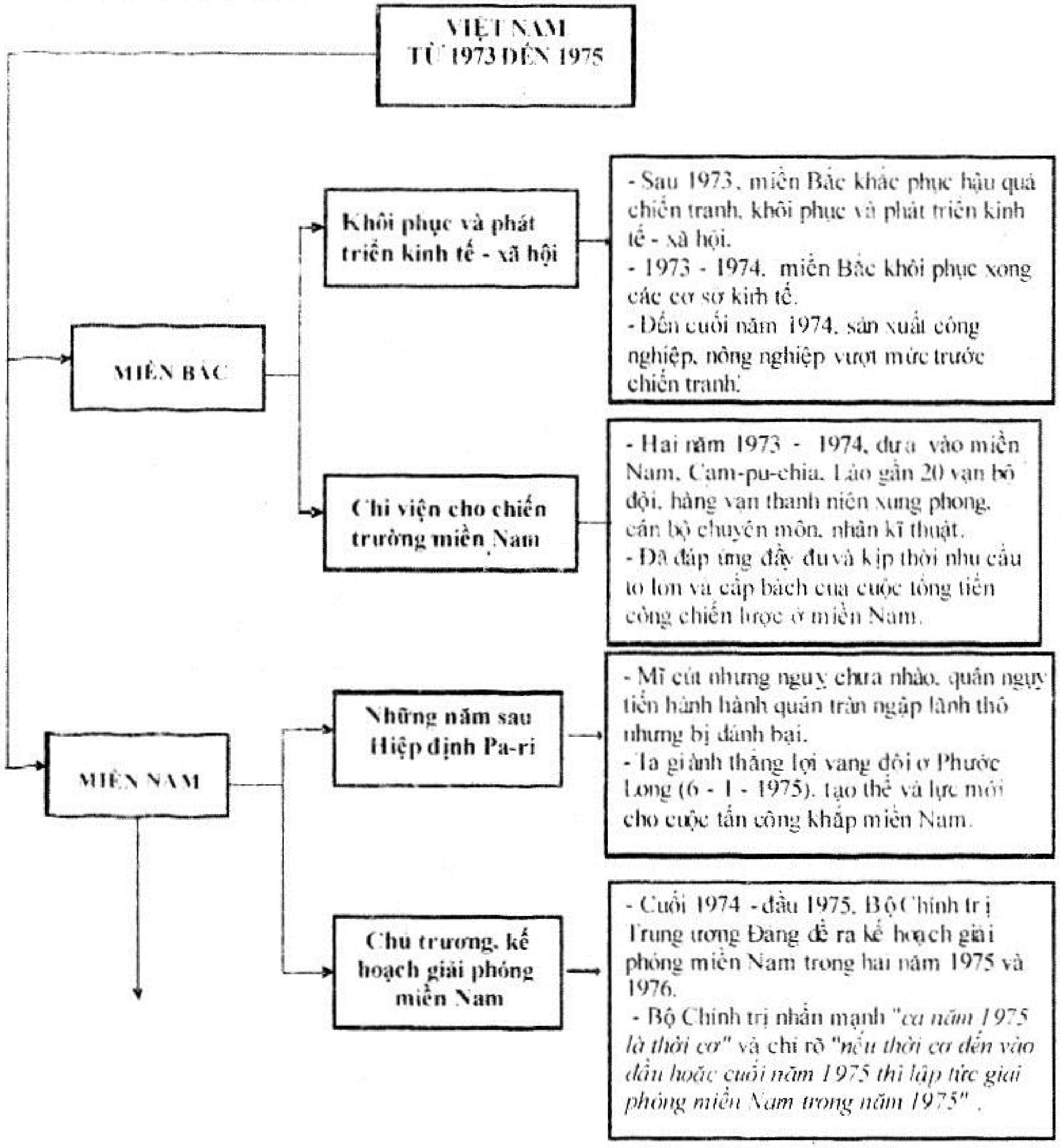
VIỆT NAM
TỪ 1973 ĐẾN 1975
MIỀN BẮC
Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội
Chi viện cho chiến trường miền Nam
MIỀN NAM
Những năm sau Hiệp định Pa-ri
Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam

- Sau 1973, miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.
- 1973 - 1974, miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế.
- Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh.

- Hai năm 1973 - 1974, đưa vào miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân kĩ thuật.
- Đã đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

- Mĩ cút nhưng nguỵ chưa nhào, quân nguỵ tiến hành hành quân tràn ngập lãnh thổ nhưng bị đánh bại.
- Ta giành thắng lợi vang dội ở Phước Long (6 - 1 - 1975), tạo thế và lực mới cho cuộc tấn công khắp miền Nam.

- Cuối 1974 - đầu 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.
- Bộ Chính trị nhấn mạnh "*cả năm 1975 là thời cơ*" và chỉ rõ "*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*".

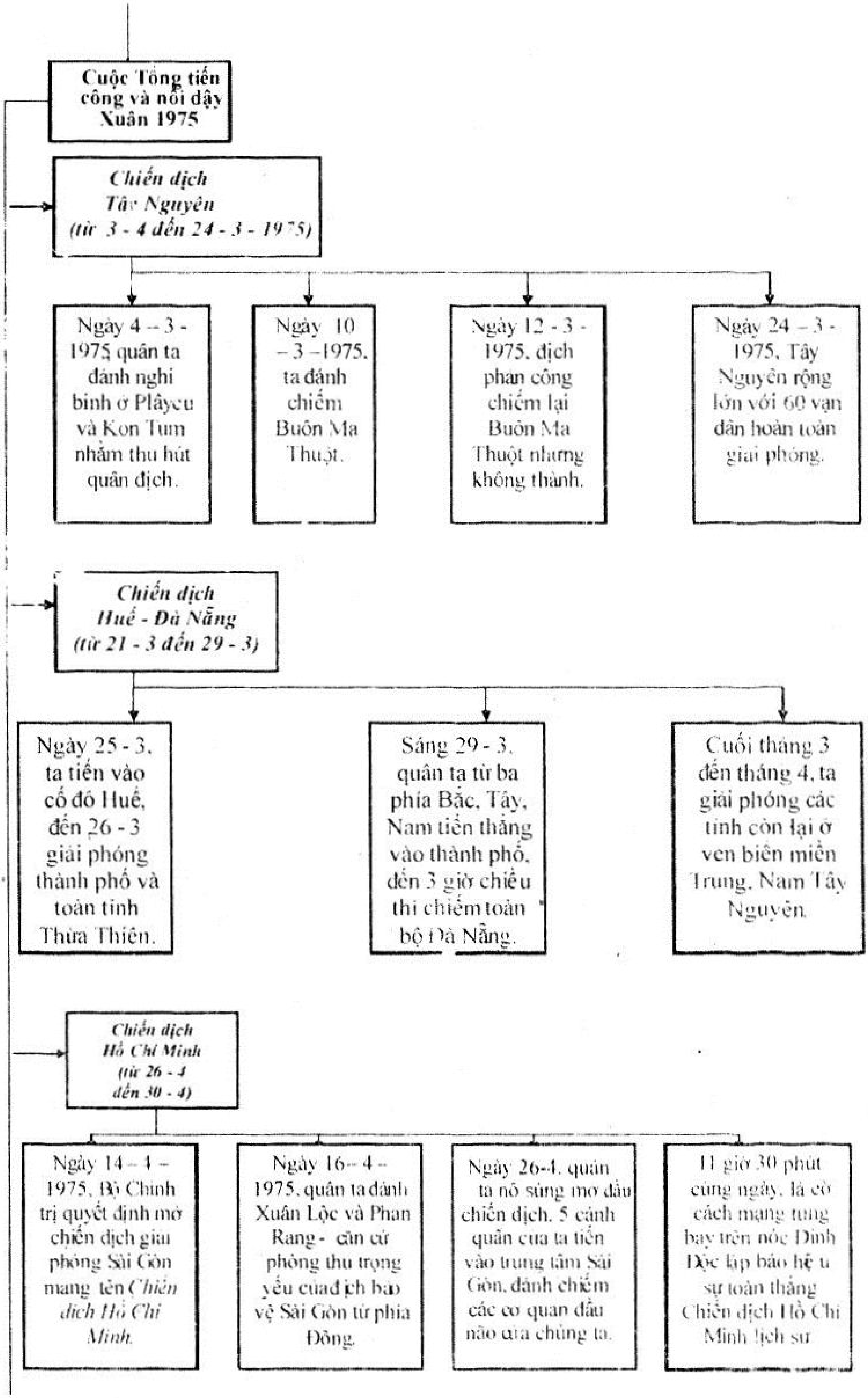

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Chiến dịch Tây Nguyên (từ 3 - 4 đến 24 - 3 - 1975)

Ngày 4 – 3 - 1975, quân ta đánh nghi binh ở Plâycu và Kon Tum nhằm thu hút quân địch.

Ngày 10 – 3 – 1975, ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột.

Ngày 12 - 3 - 1975, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành.

Ngày 24 – 3 - 1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3)

Ngày 25 - 3, ta tiến vào cố đô Huế, đến 26 - 3 giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

Sáng 29 - 3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

Cuối tháng 3 đến tháng 4, ta giải phóng các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên.

Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4)

Ngày 14 – 4 – 1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh.*

Ngày 16 – 4 – 1975, quân ta đánh Xuân Lộc và Phan Rang - căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

Ngày 26-4, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch. 5 cánh quân của ta tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng ta.

11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc lập báo hiệu sự toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

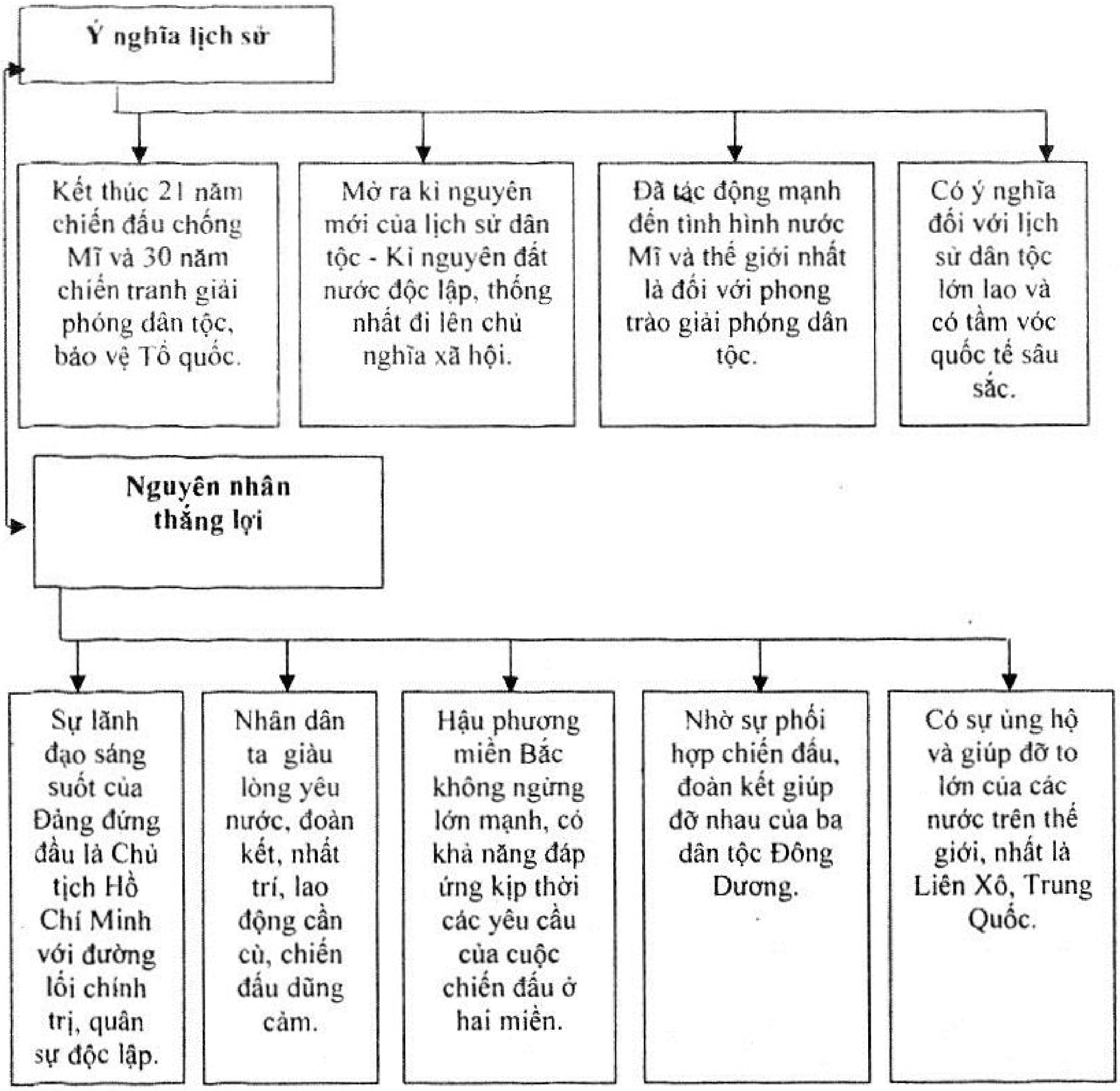

Ý nghĩa lịch sử

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.
- Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc - Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.
- Có ý nghĩa đối với lịch sử dân tộc lớn lao và có tầm vóc quốc tế sâu sắc.

Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập.
- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.
- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
- Nhờ sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc Đông Dương.
- Có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các nước trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam

- Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam, miền Bắc trở lại hoà bình, tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

- Sau hai năm (1973 - 1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế, kinh tế có bước phát triển.

- Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt trận quan trọng đã đạt vượt mức năm 1964 và năm 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, công nhân kĩ thuật.

- Về vật chất - kĩ thuật, miền Bắc đã có những nỗ lực phi thường, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

II. Miền Nam đấu tranh chống địch "bình định - lấn chiếm" tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn

- Với Hiệp định Pa-ri năm 1973, ta *"đánh cho Mĩ cút"* nhưng ngụy chưa nhào. Mĩ vẫn tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.
- Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri, chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch *"tràn ngập lãnh thổ"*, liên tiếp mở những cuộc hành quân *"Bình định - lấn chiếm"* vùng giải phóng.
- Về phía ta, việc kí Hiệp định Pa-ri, đã tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ở miền Nam.
- Trong cuộc đấu tranh chống địch *"bình định - lấn chiếm"*, chống âm mưu *"tràn ngập lãnh thổ"*, quân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định.
- Tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21. Hội nghị nhấn mạnh *trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.*
- Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long (6 - 1 - 1975).
- Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định Pa-ri.

III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ Quốc

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam

- Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.
- Tuy nhiên, Bộ Chính trị nhấn mạnh *"cả năm 1975 là thời cơ"* và chỉ rõ *"nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975"* Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá ... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

a. Chiến dịch Tây Nguyên (từ 3 - 4 đến 24 - 3)

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của quân dân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở. Căn cứ vào đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

- Thực hiện kế hoạch, ta tập trung quân chủ lực mạnh với vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên. Trận then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột ngày 10 - 3 - 1975 đã giành thắng lợi, (trước đó, ngày 4 - 3, quân ta đánh nghi binh ở Plâycu và Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó). Ngày 12 - 3 - 1975, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành.

- Sau hai đòn ở Buôn Ma Thuột (vào các ngày 10 và 12 - 3), hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

- Ngày 14 - 3 - 1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân Tây Nguyên về giữ vững duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân truy kích tiêu diệt. Đến ngày 24 - 3 - 1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21 - 3 đến ngày 29 - 3)

- Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên tiến hành chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

- Ngày 21 - 3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vậy chúng trong thành phố Huế. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25 - 3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26 - 3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ và quân đội Sài Gòn rơi vào thế cô lập. Hơn 10 vạn địch dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất khả năng chiến đấu. Sáng 29 - 3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

- Trong cùng thời gian trên, từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy giành quyền làm chủ.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 - 4 đến ngày 30 - 4)

- Sau thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định "*Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam*"; từ đó đi đến quyết định "*Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 - 1975)*". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh* (14 - 4 - 1975).

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

- 17 giờ ngày 26 - 4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch. 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28 - 4 đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)

1. Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc - Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại đế quốc Mĩ đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi đó *"Mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".*

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ.

- Nhân dân ta ở hai miền giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc Đông Dương.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Chương V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 29

VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

A. Sơ đồ hoá kiến thức

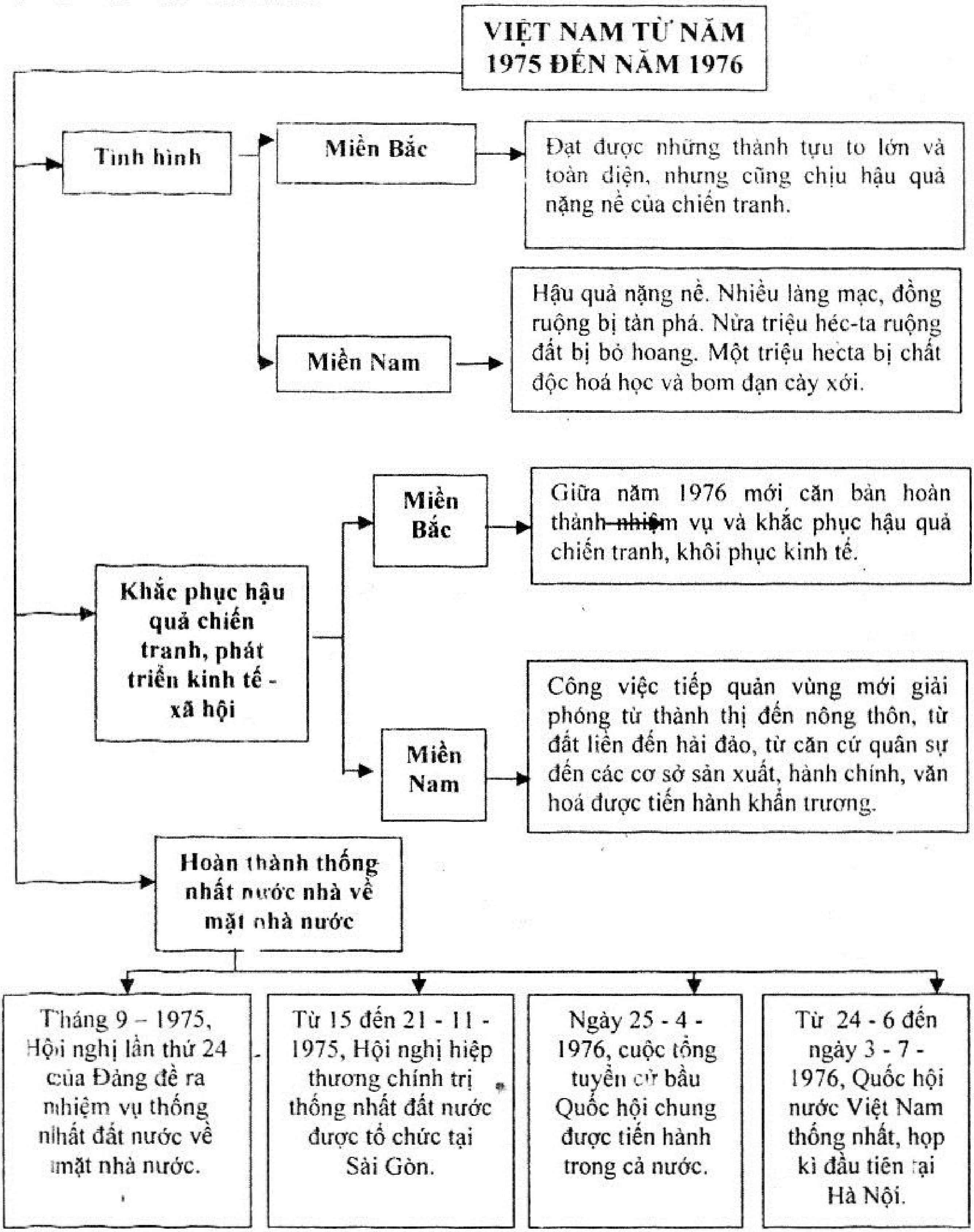

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1976

Tình hình

Miền Bắc

Đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, nhưng cũng chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

Miền Nam

Hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu héc-ta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu hecta bị chất độc hoá học và bom đạn cày xới.

Khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội

Miền Bắc

Giữa năm 1976 mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.

Miền Nam

Công việc tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hoá được tiến hành khẩn trương.

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước

Tháng 9 – 1975, Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Từ 15 đến 21 - 11 - 1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn.

Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.

Từ 24 - 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Tình hình hai miền Bắc - Nam sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975

- Từ năm 1954 đến năm 1975, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, nhưng cũng chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

- Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, nhưng cuộc chiến tranh của Mĩ gây ra hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu hécta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu hécta bị chất độc hoá học và bom đạn cày xới. Nền kinh tế ở miền Nam về cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước

- *Ở miền Bắc*, đến giữa năm 1976 mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế. Miền Bắc còn làm nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia trong giai đoạn mới

- *Ở miền Nam,* công việc tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hoá được tiến hành khẩn trương.

III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976)

- Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

- Đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, đồng thời phù hợp với thực tế lịch sử dân tộc - "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một", Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 - 1975) đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21 - 11 - 1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn. Hội nghị nhất trí hoàn toàn các vấn đề chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.

- Từ ngày 24 - 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

  + Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

  + Quyết định tên nước là *Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (từ ngày 2-7-1976), quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là *Tiến quân ca*, Thủ đô Hà Nội, thành phố Sài Gòn đổi tên là *Thành phố Hồ Chí Minh.*

  + Quốc hội bầu ra các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban Dự thảo Hiến pháp.

- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

- Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa thành lập (2 - 7 - 1976) đã có 94 nước chính thức chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Ngày 20 - 9 - 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của Liên hiệp quốc.

Bài 30

VIỆT NAM XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1986)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

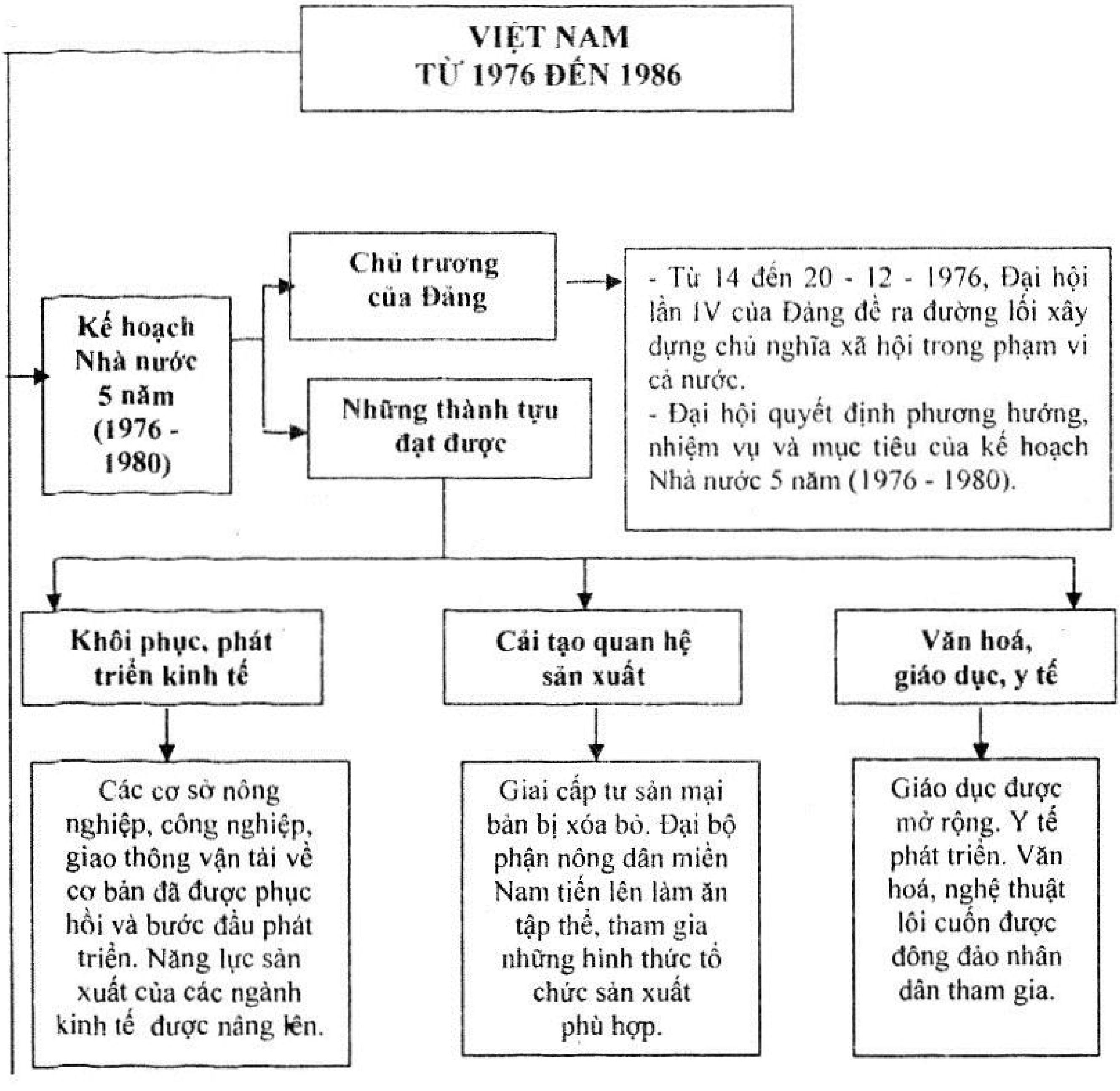

VIỆT NAM TỪ 1976 ĐẾN 1986

Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

Chủ trương của Đảng

- Từ 14 đến 20 - 12 - 1976, Đại hội lần IV của Đảng đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.
- Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

Những thành tựu đạt được

Khôi phục, phát triển kinh tế

Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu phát triển. Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên.

Cải tạo quan hệ sản xuất

Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. Đại bộ phận nông dân miền Nam tiến lên làm ăn tập thể, tham gia những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp.

Văn hoá, giáo dục, y tế

Giáo dục được mở rộng. Y tế phát triển. Văn hoá, nghệ thuật lôi cuốn được đông đảo nhân dân tham gia.

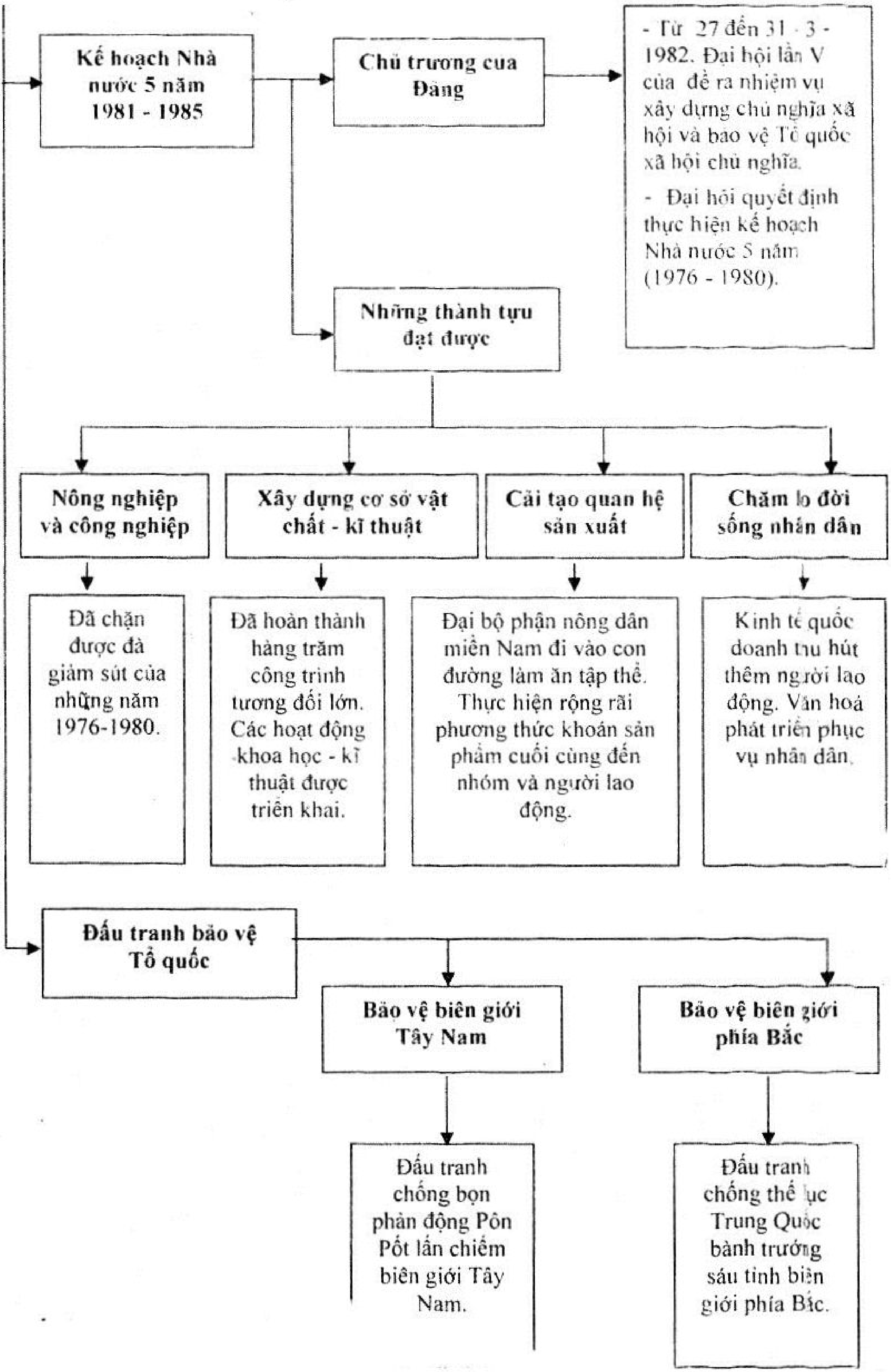

Kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985

Chủ trương của Đảng

- Từ 27 đến 31 - 3 - 1982. Đại hội lần V của đề ra nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
- Đại hội quyết định thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

Những thành tựu đạt được

Nông nghiệp và công nghiệp

Đã chặn được đà giảm sút của những năm 1976-1980.

Xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật

Đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn. Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai.

Cải tạo quan hệ sản xuất

Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể. Thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động.

Chăm lo đời sống nhân dân

Kinh tế quốc doanh thu hút thêm người lao động. Văn hoá phát triển phục vụ nhân dân.

Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc

Bảo vệ biên giới Tây Nam

Đấu tranh chống bọn phản động Pôn Pốt lấn chiếm biên giới Tây Nam.

Bảo vệ biên giới phía Bắc

Đấu tranh chống thế lực Trung Quốc bành trướng sáu tỉnh biên giới phía Bắc.

B. Minh hoạ kiến thức theo sơ đồ

I. Việt Nam bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986)

1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới

- Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn *đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.*

- Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ đảm bảo cho độc lập dân tộc và thống nhất của đất nước thêm bền vững.

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 14 đến ngày 20 - 12 - 1976 đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ.

- Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), là xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhằm hai mục tiêu cơ bản: *xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.*

- Thực hiện kế hoạch 5 năm, nhân dân ta đạt được những thành tựu quan trọng:

  + *Khôi phục và phát triển kinh tế*

Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu phát triển. Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên.

Trong *công nghiệp*, có nhiều nhà máy được gấp rút xậy dựng, như các nhà máy xi măng, điện, cơ khí động lực, đường, giấy kéo, kéo sợi, *giao thông vận tải* được khôi phục và xây dựng mới 1.700 kilômét đường sắt, 3.800 kilômet đường bộ, 30.000 mét cầu, 4.000 mét bến cảng, bổ sung thêm nhiều phương tiện vận tải. Tuyến đường sắt thống nhất từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm bị gián đoạn đã hoạt động trở lại.

  + *Cải tạo quan hệ sản xuất*

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh với tốc độ nhanh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam. Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, như tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã sản xuất.

+ *Văn hoá, giáo dục, y tế*

Ngành giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp phát triển mạnh, phong trào bình dân học vụ đã thu hút được nhiều người tham gia.

Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám chữa bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao đã tạo thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học

Bên cạnh những thành tựu, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

+ Kinh tế của ta mất cân đối lớn, kinh tế quốc doanh và tập thể trong sản xuất luôn bị thua lỗ, không phát huy được tác dụng;

+ Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm, không thể phát triển.

+ Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31 - 3 - 1982 đề ra nhiệm vụ cách mạng giai đoạn tiếp theo nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau.

- Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển, cụ thể hoá cho từng chặng đường, từng giai đoạn phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

- Kế hoạch 5 năm có nhiệm vụ: *phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân" nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.*

Thực hiện kế hoạch, nhân dân ta đạt được những thành tựu về tiến bộ đáng kể:

+ *Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp* đã chặn được đà giảm sút của những năm 1976 - 1980.

+ *Về xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật*, trong 5 năm đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có những cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí giao thông, thủy lợi, dệt ... Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất , nhất là sản xuất nông nghiệp.

+ *Trong cải tạo quan hệ sản xuất*, đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể. Cùng với việc áp dụng những thành tựu về khoa học - kĩ thuật. việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 (năm 1981) của Ban Bí Thư trung ương Đảng tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót. song đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng cho việc củng cố quan hệ kinh tế mới ở nông thôn.

+ *Chăm lo đời sống của nhân* là nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập. dân số tăng nhanh. Các nền kinh tế quốc dân đã có thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn học nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.

II. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979)

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam

- Do có âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt - đại diện cho phái "Khơ-me đỏ" ở Cam-pu-chia lên nắm quyền sau thắng lợi trong kháng chiến chống Mĩ đã quay súng bắn vào nhân dân ta, người bạn chiến đấu thân thiết, thủy chung vừa góp phần làm nên chiến thắng ngày 17 - 4 - 1975 của nhân dân Cam-pu-chia.
- Quân Pôn Pốt mở đường cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Ngày 3 - 5 - 1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, đến ngày 10 - 5 - 1975 đánh chiếm đảo Thổ Chu.
- Ngày 22 - 12 - 1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh, cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng... đến biên giới phía đông, tiến vào khu vực bến sỏi thuộc tỉnh Tây Ninh, bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn, với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.
- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân ta tổ chức phản công, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vào nước ta. Tiếp đó quân ta thừa thắng phát triển cuộc tiến công tiêu diệt làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của địch tại nơi xuất phát.
- Cuộc tiến công với quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Toàn bộ quân xâm lược bị đuổi khỏi bờ cõi nước ta, hoà bình lập lại trên biên giới Tây Nam Tổ quốc.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

Từ sáng 17 - 2 - 1979, Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu) dài hơn nghìn cây số.

- Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, quân và dân ta ở sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Đến ngày 18 - 3 - 1979, quân Trung Quốc rút ra khỏi nước ta.

Bài 31

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)

A. Sơ đồ hoá kiến thức

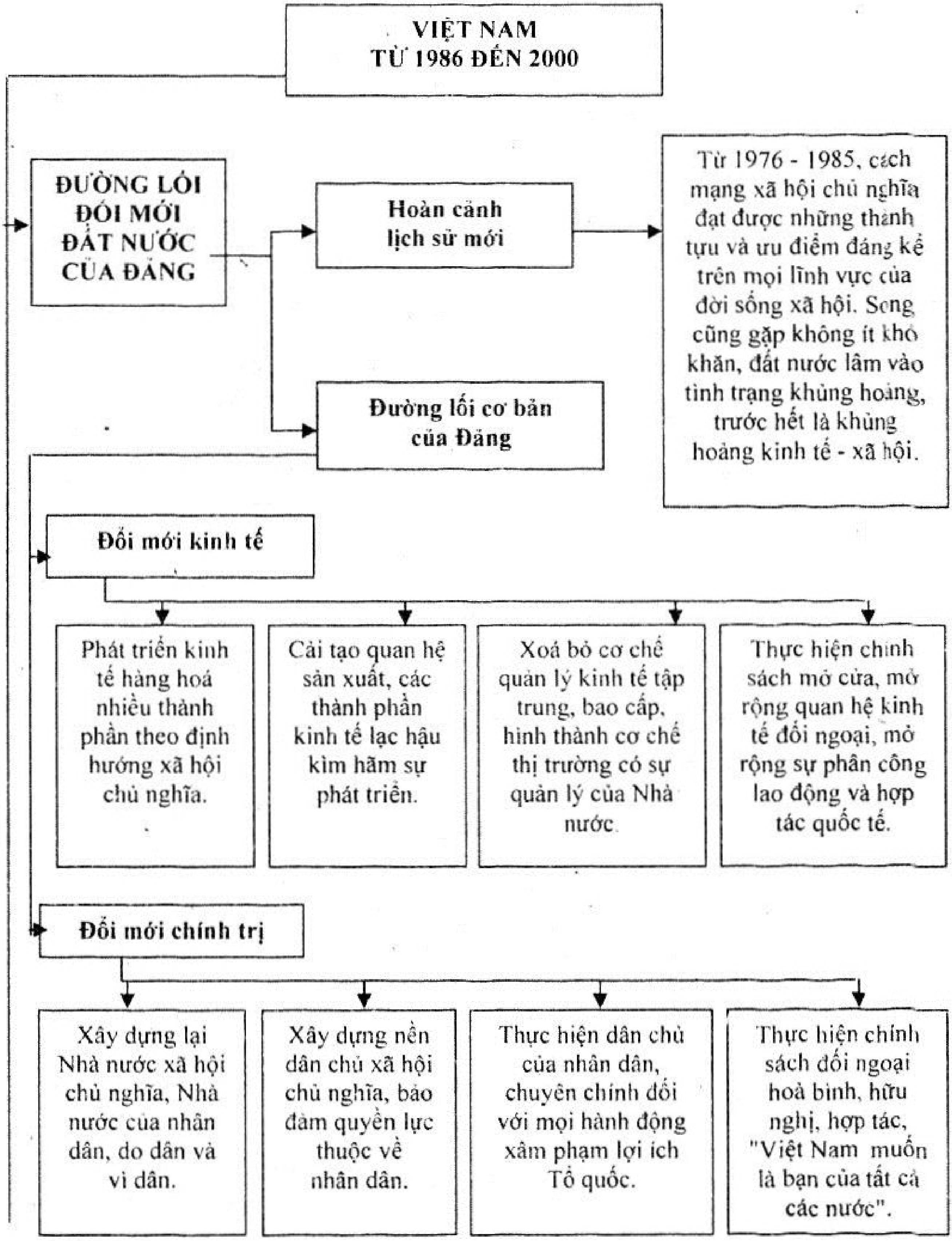

VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2000

ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC CỦA ĐẢNG

Hoàn cảnh lịch sử mới

Từ 1976 - 1985, cách mạng xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Song cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đường lối cơ bản của Đảng

Đổi mới kinh tế

- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển.
- Xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác quốc tế.

Đổi mới chính trị

- Xây dựng lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân.
- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
- Thực hiện dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc.
- Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác, "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước".

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 2000)

- **Kế hoạch 5 năm 1986-1990: Bước đầu công cuộc đổi mới**
  - **Nhiệm vụ** → Tập trung sức người, sức của thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
  - **Kết quả** →
    - Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.
    - Hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi.
    - Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh.
    - Đã kìm chế được một bước đà lạm phát.
    - Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.
- **Kế hoạch 5 năm 1991 - 1995: Tiếp tục sự nghiệp đổi mới**
  - **Nhiệm vụ** → Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội. Cải thiện đời sống nhân dân, bắt đầu có tích luỹ.
  - **Kết quả** →
    - Nhịp độ phát triển kinh tế đẩy mạnh, nhiều mục tiêu hoàn thành vượt mức.
    - Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng.
    - Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hoá xã hội có những chuyển biến tích cực.
    - Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được củng cố.
    - Mở rộng quan hệ đối ngoại, tham gia tích cực hoạt động cộng đồng quốc tế.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng

1. Hoàn cảnh lịch sử mới

- Trong hơn một thập kỉ thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985), cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên lĩnh vực của đời sống xã hội. Song cách mạng cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém trên là do mắc phải "*sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*".
- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt quan khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Như vậy, đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại

2. Đường lối cơ bản của Đảng

Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12 - 1986), được điều chỉnh, bổ sung phát triển Đại hội VII (6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), Đại hội IX (4 - 2001)

a) Đổi mới kinh tế

- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế và tạo sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần.
- Cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển. Cải tạo đi đôi với sử dụng và thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cải tạo phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kì quá độ.
- Xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, khai thác công nghệ khai thác thị trường

b) Đổi mới chính trị

- Xây dựng lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân lấy liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng của Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
- Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc của nhân dân.
- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác, "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước".

II. Quá trình đất nước thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000)

1. Kế hoạch 5 năm 1986-1990: Bước đầu công cuộc đổi mới

a) Đại hội VI (12 - 1986) của Đảng và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (họp từ ngày 15 đến ngày 18 - 12 - 1986) đã đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lí của Nhà nước trong thập niên đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ đó xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kì đổi mới.

- Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra.

- Tuy nhiên, đến Đại hội VI, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kì quá độ tiếp tục được cụ thể hoá trên cơ sở nâng cao nhận thức về đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là *cả một thời kì lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng và hiện đang ở chặng đường đầu tiên.* Trước mắt, trong 5 năm từ năm 1986 đến năm 1990, cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*

- Muốn thực hiện những mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế*, thì *nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí là mặt trận hàng đầu* và được ưu tiên nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lực, vật lực, lao động, kĩ thuật v.v...

b) Kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới

- Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất - nhập khẩu.

- Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi.

- Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức... đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Đã kìm chế được một bước đà lạm phát.

- Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Những thành tựu, ưu điểm, tiến bộ đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Công cuộc đổi mới như một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

2. Kế hoạch 5 năm 1991 - 1995: Tiếp tục sự nghiệp đổi mới

a) Đại hội VII (6 - 1991) của Đảng và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (họp ngày 24 đến ngày 24 - 6 - 1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu, ưu điểm đã đạt được; khắc phục những khó khăn, yếu kém mắc phải trong bước đầu đổi mới; ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh trong quá trình đó; điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới (do Đại hội VI đề ra) để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

- Ngoài việc quyết định những nhiệm vụ cách mạng trong nhiệm kì, Đại hội VII của Đảng còn quyết định một số vấn đề về chiến lược lâu dài. Đó là thông qua *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội"* và *"Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000"*.

- Xuất phát từ đặc điểm tình hình, căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (do Đại hội VI đề ra), Đại hội VII của Đảng đề ra nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995) là: *Đẩy lùi và kiềm soát được lạm phát. Ổn định phát triển nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội. Ổn định và từng bước cải thiện nâng cao đời sống nhân dân. Bắt đầu có tích lũy nội bộ kinh tế.*

- Để thực hiện mục tiêu trên, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh *Ba chương trình kinh tế* với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hoá.

b) Thành tựu và hạn chế của việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995

* Thành tựu:

- Nhịp độ phát triển kinh tế đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm hoàn thành vượt mức.

- Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh.

- Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hoá xã hội có những chuyển biến tích cực.

- Tình hình chính trị - xã hội được giữ vững ổn định, quốc phòng và an ninh được củng cố.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế.

* Hạn chế: Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, bên cạnh thành tựu và tiến bộ, còn nhiều khó khăn và hạn chế chưa được giải quyết.

- Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, hậu quả kinh tế thấp, chưa có tích lũy nội bộ nền kinh tế.

- Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của một bộ phận người dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.

- Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp. Nhiều hiện tượng tiêu cực còn nặng nề và phổ biến.

3. Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

a) Đại hội VIII (6 - 1996) của Đảng và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (họp từ ngày 28 - 6 đến ngày 1 - 7 - 1996) đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đất nước thực hiện đường lối đổi mới, đề ra chủ trương, nhiệm vụ trong nhiệm kì mới.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình, từ nhận định *nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội*, căn cứ vào *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội"*, Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh *"nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá"*.

- Đại hội VIII của Đảng đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 là: *Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.*

b) Những thành tựu, tiến bộ và khó khăn hạn chế của bước đầu của công cuộc đổi mới

- Những thành tựu đạt được:
  + Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực.
  + Cán cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp.
  + Kinh tế đối ngoại phát triển.
  + Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng. Hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.
  + Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có bước phát triển đáng kể.
  + Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.
- Bên cạnh những thành tựu và ưu điểm, chúng ta gặp không ít khó khăn và yếu kém:
  + Nếu nền kinh tế phát triển chưa vững chắc; năng suất lao động hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.
  + Một số về văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.
  + Tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.

Bài 32

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

Sơ đồ hoá kiến thức

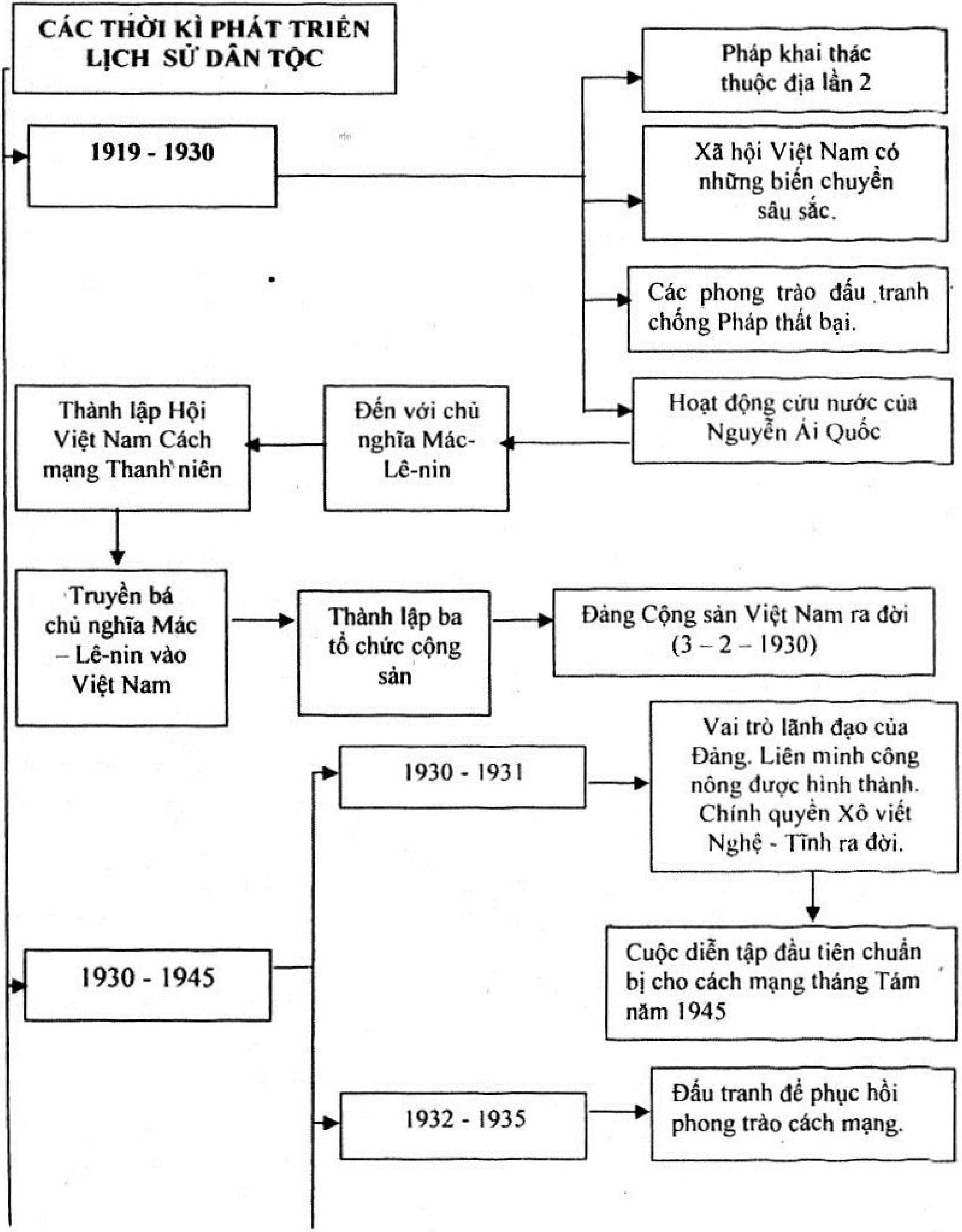
CÁC THỜI KÌ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ DÂN TỘC
1919 - 1930
Pháp khai thác thuộc địa lần 2
Xã hội Việt Nam có những biến chuyển sâu sắc.
Các phong trào đấu tranh chống Pháp thất bại.
Hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc
Đến với chủ nghĩa Mác-Lê-nin
Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam
Thành lập ba tổ chức cộng sản
Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3 – 2 – 1930)
1930 - 1945
1930 - 1931
Vai trò lãnh đạo của Đảng. Liên minh công nông được hình thành. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh ra đời.
Cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám năm 1945
1932 - 1935
Đấu tranh để phục hồi phong trào cách mạng.

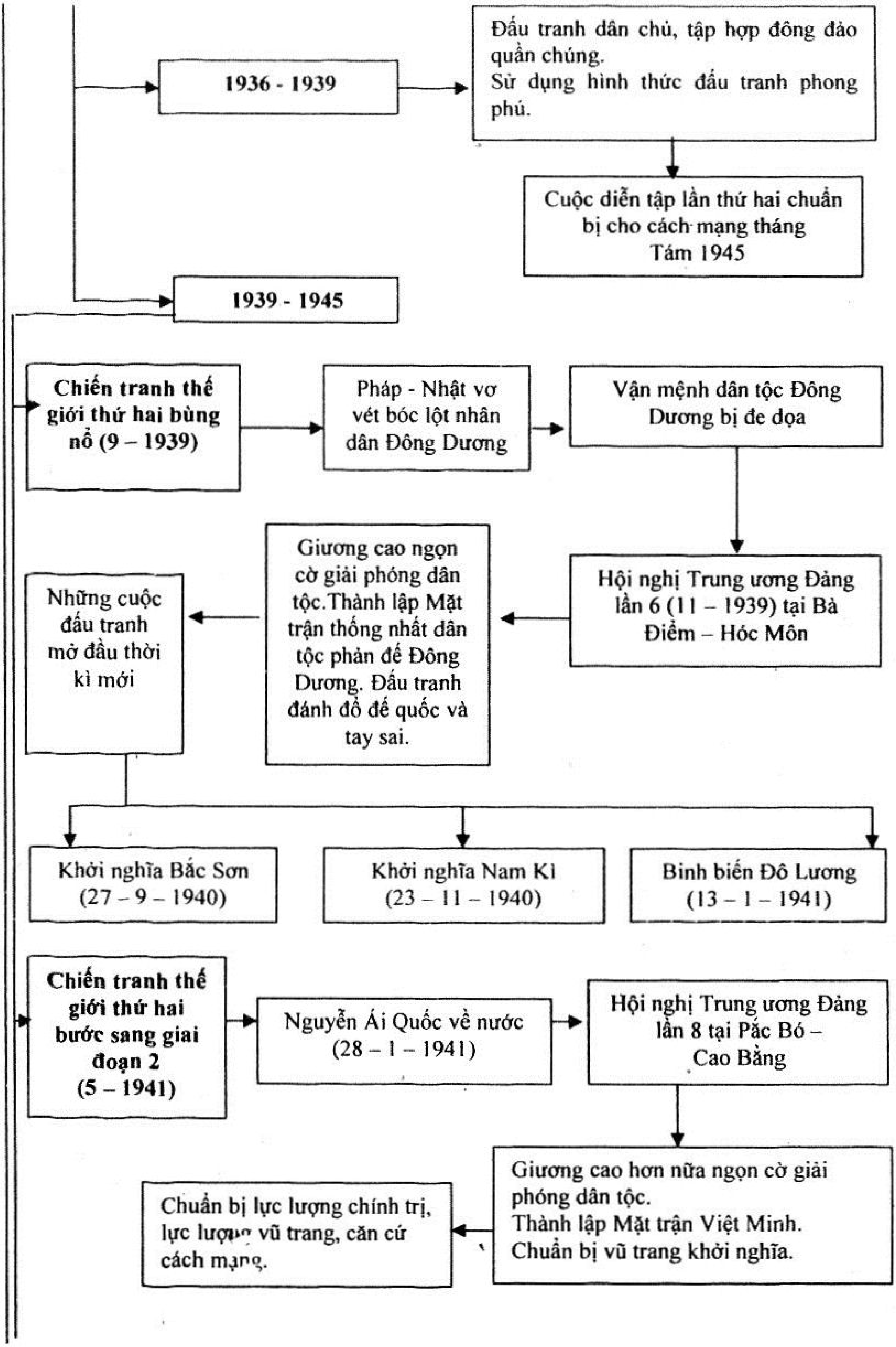
1936 - 1939
Đấu tranh dân chủ, tập hợp đông đảo quần chúng.
Sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.
Cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945
1939 - 1945
Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9 – 1939)
Pháp - Nhật vơ vét bóc lột nhân dân Đông Dương
Vận mệnh dân tộc Đông Dương bị đe dọa
Hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11 – 1939) tại Bà Điểm – Hóc Môn
Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai.
Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới
Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 – 9 – 1940)
Khởi nghĩa Nam Kì (23 – 11 – 1940)
Binh biến Đô Lương (13 – 1 – 1941)
Chiến tranh thế giới thứ hai bước sang giai đoạn 2 (5 – 1941)
Nguyễn Ái Quốc về nước (28 – 1 – 1941)
Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 tại Pác Bó – Cao Bằng
Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.
Thành lập Mặt trận Việt Minh.
Chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.
Chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ cách mạng.

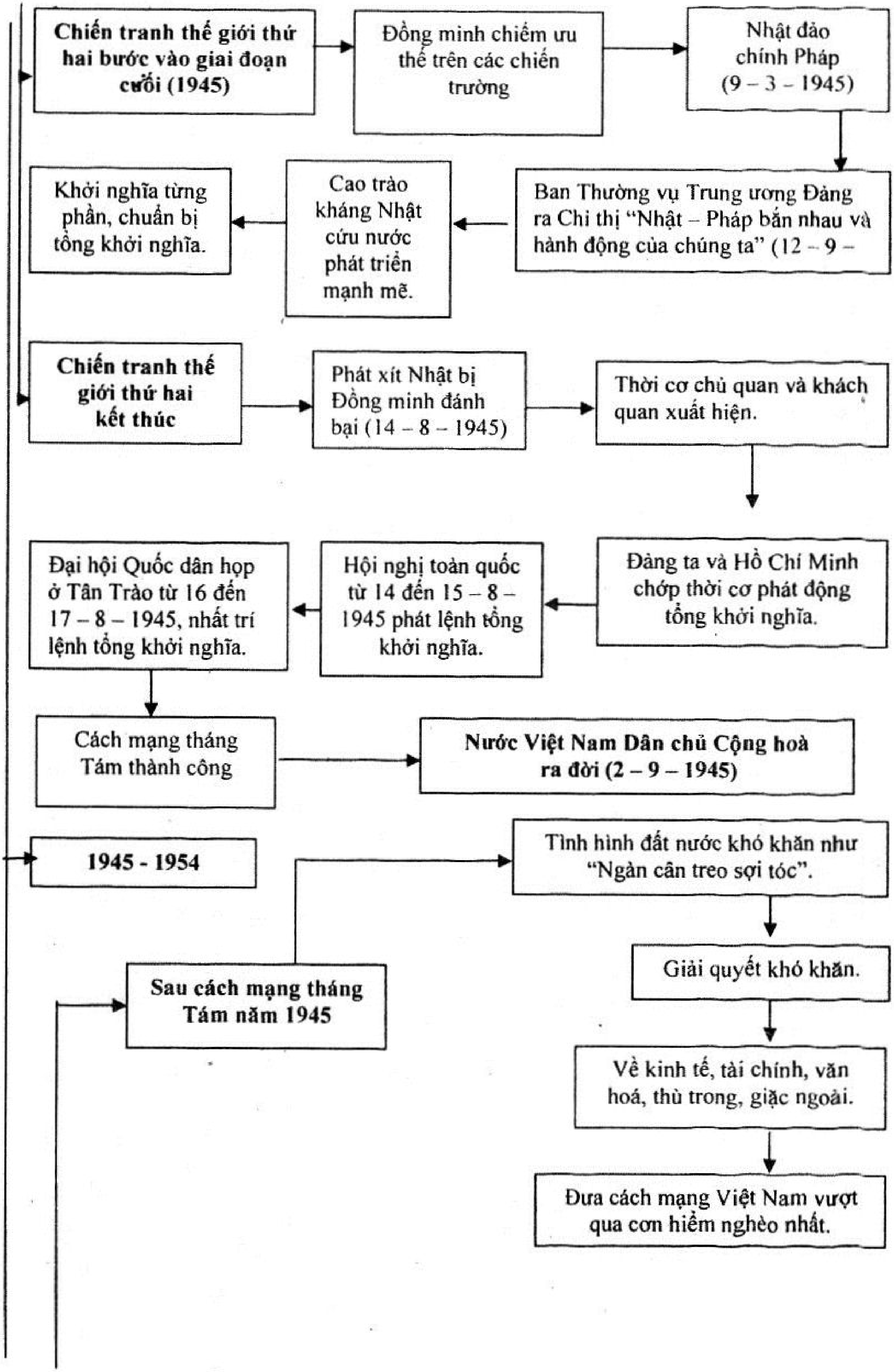

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối (1945)

Đồng minh chiếm ưu thế trên các chiến trường

Nhật đảo chính Pháp (9 – 3 – 1945)

Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12 – 9 –

Cao trào kháng Nhật cứu nước phát triển mạnh mẽ.

Khởi nghĩa từng phần, chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc

Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại (14 – 8 – 1945)

Thời cơ chủ quan và khách quan xuất hiện.

Đảng ta và Hồ Chí Minh chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa.

Hội nghị toàn quốc từ 14 đến 15 – 8 – 1945 phát lệnh tổng khởi nghĩa.

Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào từ 16 đến 17 – 8 – 1945, nhất trí lệnh tổng khởi nghĩa.

Cách mạng tháng Tám thành công

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (2 – 9 – 1945)

1945 - 1954

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945

Tình hình đất nước khó khăn như "Ngàn cân treo sợi tóc".

Giải quyết khó khăn.

Về kinh tế, tài chính, văn hoá, thù trong, giặc ngoài.

Đưa cách mạng Việt Nam vượt qua cơn hiểm nghèo nhất.

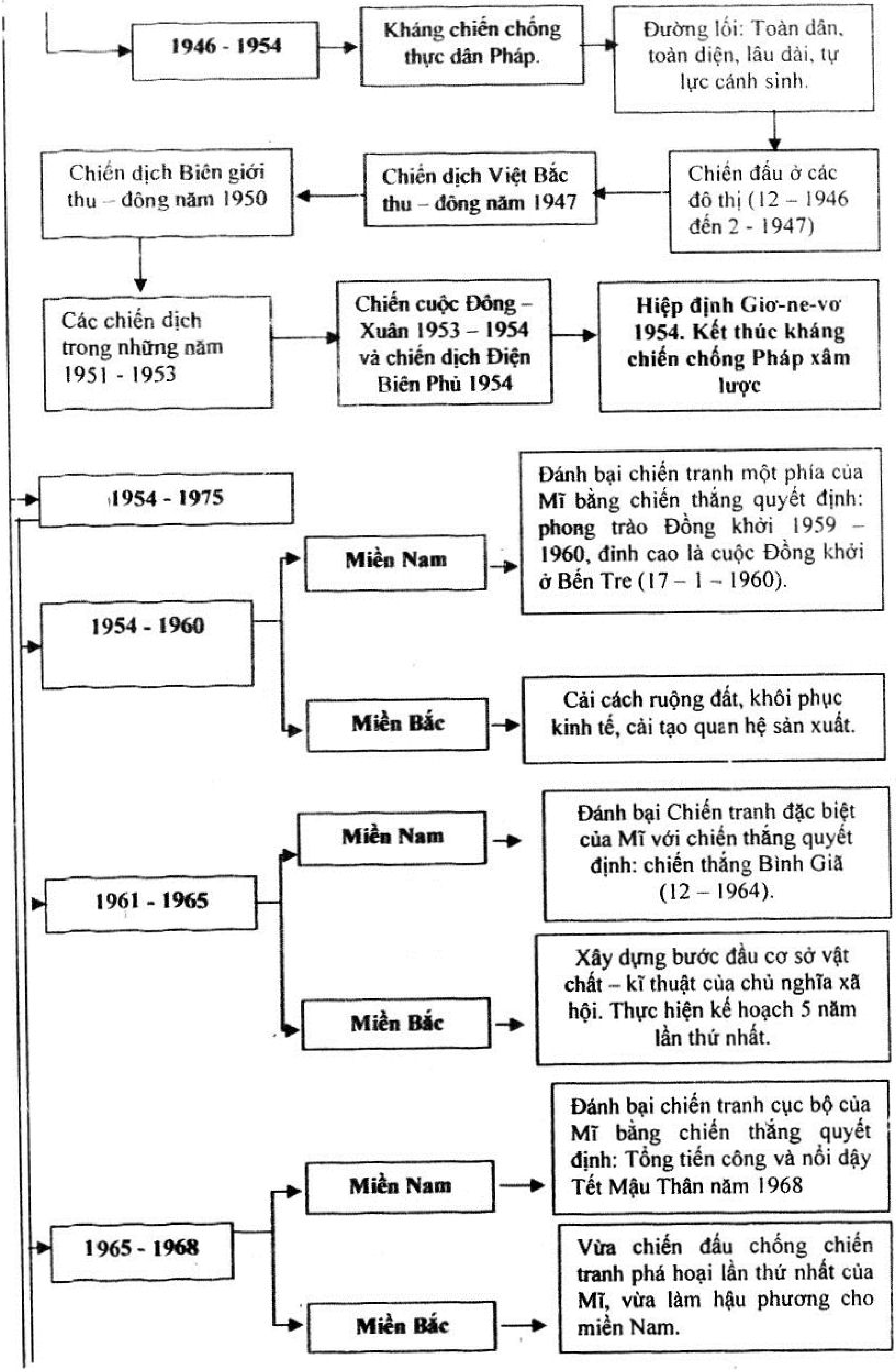

1946 - 1954

Kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đường lối: Toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh.

Chiến đấu ở các đô thị (12 – 1946 đến 2 - 1947)

Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947

Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

Các chiến dịch trong những năm 1951 - 1953

Chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954. Kết thúc kháng chiến chống Pháp xâm lược

1954 - 1975

1954 - 1960

Miền Nam

Đánh bại chiến tranh một phía của Mĩ bằng chiến thắng quyết định: phong trào Đồng khởi 1959 – 1960, đỉnh cao là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre (17 – 1 – 1960).

Miền Bắc

Cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.

1961 - 1965

Miền Nam

Đánh bại Chiến tranh đặc biệt của Mĩ với chiến thắng quyết định: chiến thắng Bình Giã (12 – 1964).

Miền Bắc

Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

1965 - 1968

Miền Nam

Đánh bại chiến tranh cục bộ của Mĩ bằng chiến thắng quyết định: Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968

Miền Bắc

Vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa làm hậu phương cho miền Nam.

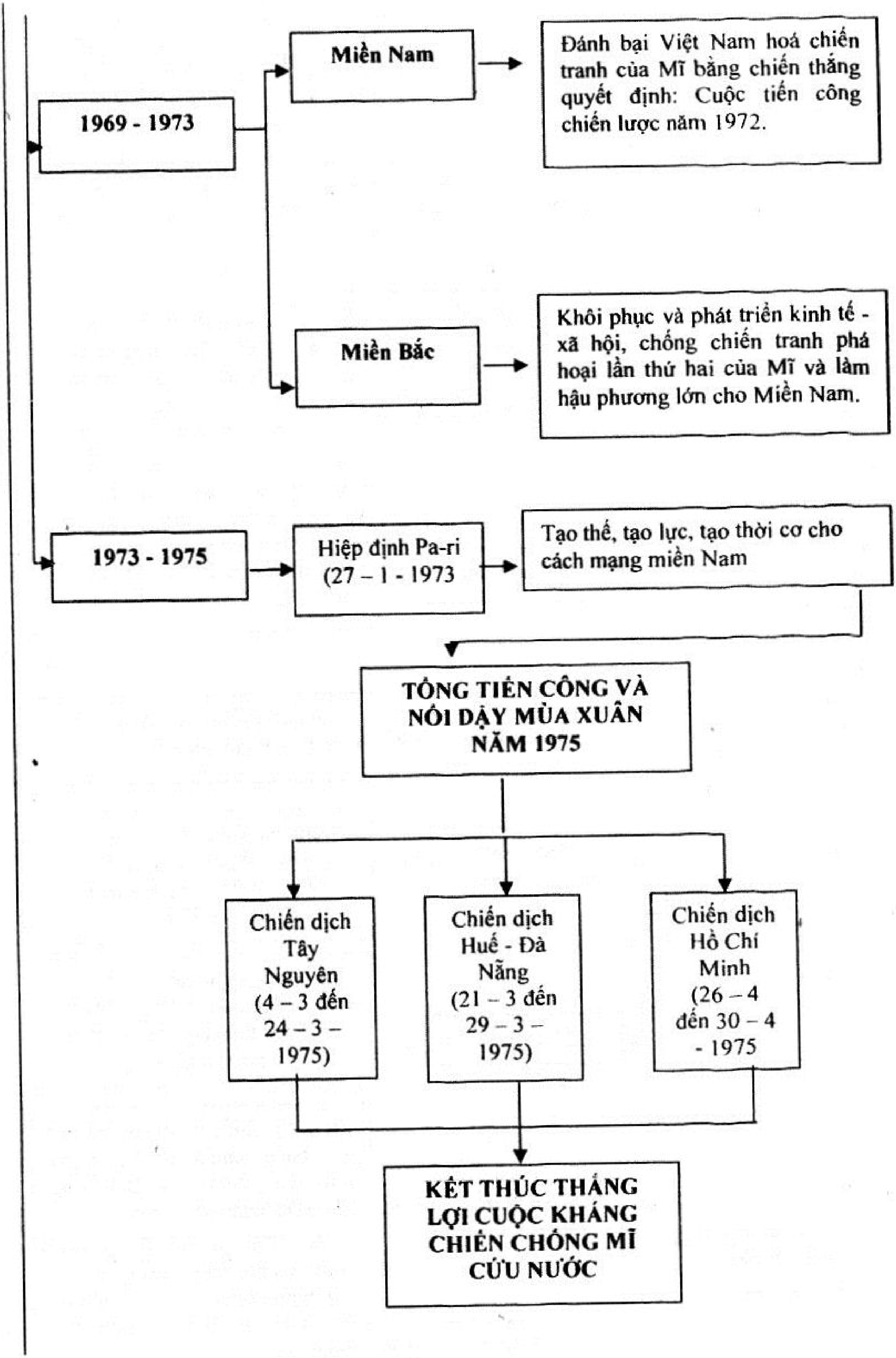

1969 - 1973

Miền Nam

Đánh bại Việt Nam hoá chiến tranh của Mĩ bằng chiến thắng quyết định: Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Miền Bắc

Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ và làm hậu phương lớn cho Miền Nam.

1973 - 1975

Hiệp định Pa-ri (27 – 1 - 1973

Tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ cho cách mạng miền Nam

TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Chiến dịch Tây Nguyên (4 – 3 đến 24 – 3 – 1975)

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21 – 3 đến 29 – 3 – 1975)

Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 – 4 đến 30 – 4 - 1975

KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC

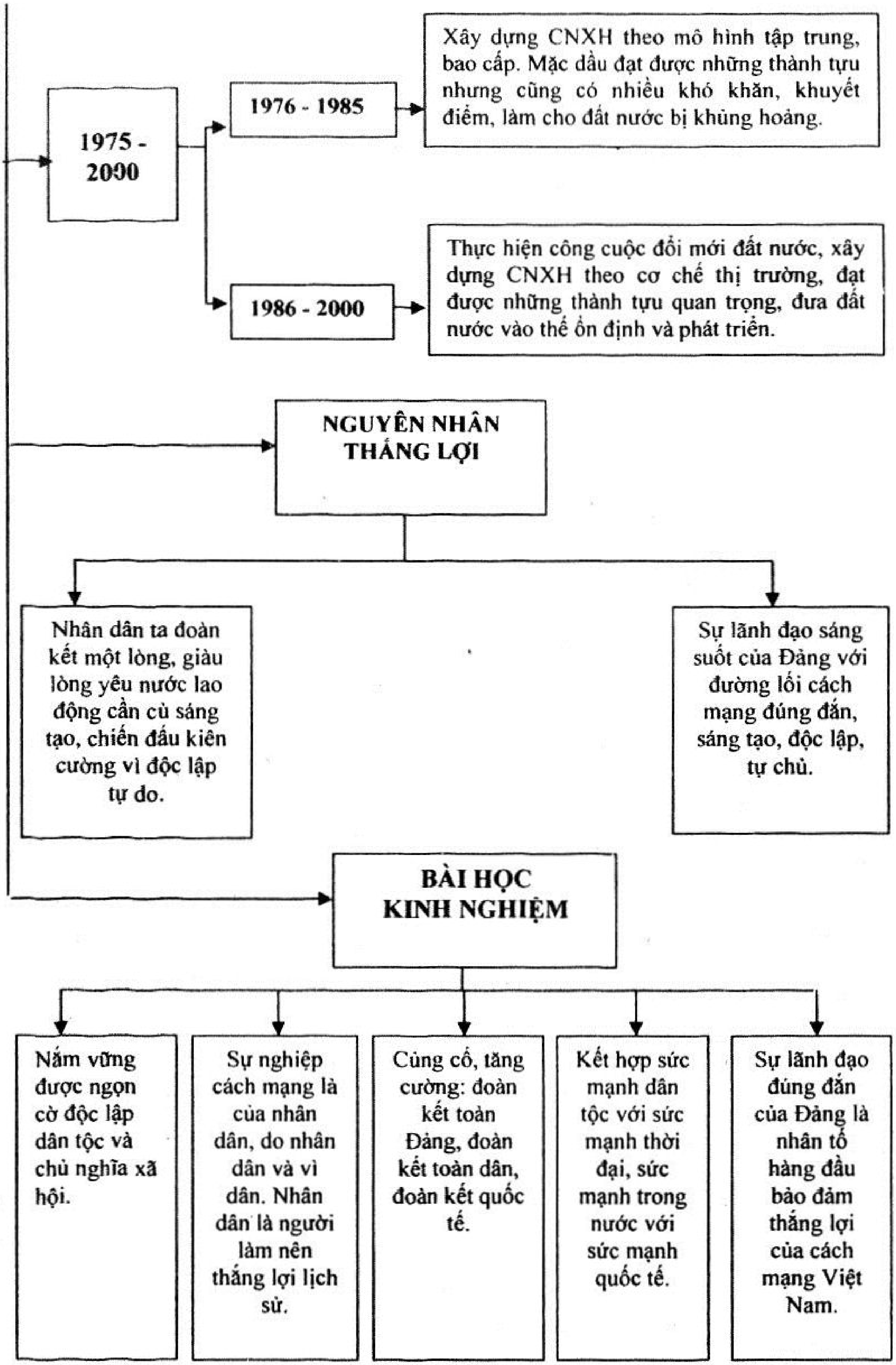

1975 - 2000

1976 - 1985

Xây dựng CNXH theo mô hình tập trung, bao cấp. Mặc dầu đạt được những thành tựu nhưng cũng có nhiều khó khăn, khuyết điểm, làm cho đất nước bị khủng hoảng.

1986 - 2000

Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng CNXH theo cơ chế thị trường, đạt được những thành tựu quan trọng, đưa đất nước vào thế ổn định và phát triển.

NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI

Nhân dân ta đoàn kết một lòng, giàu lòng yêu nước lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường vì độc lập tự do.

Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Nắm vững được ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

Củng cố, tăng cường: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

B. Minh họa kiến thức theo sơ đồ

I. Các thời kì phát triển lịch sử dân tộc

1. Thời kì từ năm 1919 đến năm 1930

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của Pháp đã làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội (giai cấp), điều kiện chính trị (phong trào yêu nước) để tiếp thu nguồn tư tưởng cách mạng vô sản.

- Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bài học Cách mạng tháng Mười về nước đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.

- Phong trào yêu nước chống Pháp của bộ phận lớn tiểu tư sản và trí thức chuyển sang lập trường vô sản, cùng với phong trào công nhân chuyển sang tự giác, đòi hỏi có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào nửa sau năm 1929 từ hai tổ chức yêu nước - cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt Cách mạng đảng) rồi thống nhất thành một Đảng duy nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đáp ứng yêu cầu đó.

2. Thời kì từ năm 1930 đến năm 1945

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới 1929 - 1933 cùng với cuộc "khủng bố trắng" của Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9 - 2 - 1930), đã làm bùng bổ phong trào cách mạng của quần chúng cả nước trong những năm 1930 - 1931. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa phong trào lên tới đỉnh cao với sự thành lập Xô viết ở Nghệ - Tĩnh. Phong trào từ cuối năm 1931 đi vào thoái trào, cách mạng Việt Nam chuyển sang đấu tranh nhằm phục hồi phong trào (1932 - 1935).

- Trong bối cảnh lịch sử những năm 1936 - 1939, khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hoà bình thế giới và phong trào chống phát xít ở Pháp giành thắng lợi bước đầu, ở nước ta cũng dấy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn. Phong đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh đòi tự do dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình. Đây là phong trào quần chúng có mục tiêu, hình thức đấu tranh mới mẻ ở nước ta và rất hiếm có ở các nước thuộc địa khác.

- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) đã tác động đến toàn thế giới. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta và nhiều nước tiến lên giải phóng dân tộc.

- Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, tại Hội nghị Trung ương 8 (5 - 1941) đã hoàn chinh chủ trương chuyển hướng đấu tranh đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11 - 1939): Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương. Từ đây, cách mạng nước ta đẩy mạnh chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

- Khởi nghĩa giành chính quyền đưa đến thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm từ khi Đảng ra đời. Đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh qua nhiều thời kì toàn diện và trực tiếp nhất là thời kì tiến tới chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1939 - 1945. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập.

3. Thời kì từ năm 1945 đến năm 1954

- Trong hơn năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, đất nước gặp muôn vàn khó khăn thử thách, tình thế hết sức hiểm nghèo như "*Ngàn cân treo sợi tóc*". Nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giải quyết nạn đói, nạn dốt và những khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm nội phản, bảo vệ nền độc lập. Từ cuối năm 1946, toàn dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) tiến hành trong điều kiện nước ta đã giành được độc lập và chính quyền. Vì vậy, vừa kháng chiến vừa kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng nước ta trong giai đoạn này:

  + Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của đế quốc Mĩ, trải qua hai giai đoạn *Phòng ngự* (từ đầu đến trước chiến dịch Biên giới thu-đông 1950) và *Tiến công* (từ chiến dịch Biên giới thu-đông 1950). Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đi đến việc kí kết Hiệp Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.

  + Công cuộc kiến quốc nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc.

4. Thời kì từ năm 1954 đến năm 1975

- Xuất phát từ tình hình đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền, Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng khác nhau và nhiệm vụ chung cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Nhiệm vụ chung, đó là "*nhiệm vụ kháng chiến chống Mĩ cứu nước*".

- *Ở miền Nam*, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phát triển lên *khởi nghĩa* (từ những năm 1959 - 1960) rồi *chiến tranh giải phóng* (từ giữa năm 1961), kết hợp hình thái khởi nghĩa với chiến tranh qua 5 thời kì ta lần lượt đánh bại 4 chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ: 1954 - 1960 đánh bại chiến lược "Chiến tranh đơn phương" của Ai-xen-hao; 1961-1965 đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Ken-nơ-đi; 1965-1968 đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Giôn-xơn; 1969 - 1973 đánh bại hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" củaNích-xơn và Pho, tiến lên "*Đánh cho ngụy nhào*".

- *Ở miền Bắc*, thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là sản xuất, lao động xây dựng, và khi Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân thì miền Bắc kết hợp chiến đấu và sản xuất. Đồng thời nhân dân miền Bắc còn làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến miền Nam và thực hiện nhiệm vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia. Miền Bắc đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ: lần thứ nhất bắt đầu từ ngày 5 - 8 - 1964, chính thức ngày 7 - 2 - 1965 đến ngày 1 - 11 - 1968; lần thứ hai bắt đầu ngày 6 - 4 - 1972, chính thức từ ngày 16 - 4 - 1972 đến ngày 15 - 1 - 1973

5. Thời kì từ năm 1975 đến năm 2000

- Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa từ sau khi đất nước độc lập và thống nhất. Chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng Việt Nam.

- Trong 10 năm đầu (1976 - 1986), nhân dân đã thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) do Đại hội IV (tháng 12 - 1976) và Đại hội V (tháng 3 - 1982) của Đảng đề ra. Bên cạnh nhiều thành tựu và ưu điểm chúng ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, cả sai lầm, khuyết điểm. Khó khăn của chúng ta ngày càng lớn, sai lầm chậm được sửa chữa, đưa đến khủng hoảng về kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải đổi mới.

- Đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI (1986) nhằm khắc phục khó khăn, sai lầm, vượt qua cuộc khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Trải qua gần hai thập niên, nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi 3 kế hoạch Nhà nước 5 năm (và đang thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ tư 2001 - 2005) do Đại hội VI (tháng 12 - 1986), Đại hội VII (tháng 6 - 1991), Đại hội VIII (tháng 6 - 1996) và Đại Hội IX (tháng 4 - 2001) của Đảng ta đề ra.

- Công cuộc đổi mới đã đem lại nhiều thắng lợi, thành tựu quan trọng về các mặt chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục và quan hệ đối ngoại. Đồng thời từng bước thực hiện tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thắng lợi này khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

II. Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm

- Nhân dân ta đoàn kết một lòng, giàu lòng yêu nước, lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường vì độc lập, tự do. Truyền thống đó của dân tộc được phát huy cao độ trong thời kì cách mạng do Đảng lãnh đạo.

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ là nhân tố thắng lợi hàng đầu, chi phối các nhân tố khác của cách mạng Việt Nam.

- Thực tế cách mạng nước ta từ năm 1930 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

+ Nắm vững được ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đây là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

+ Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

+ Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

MỤC LỤC

Phần I

Lịch sử thế giới hiện đại
Phần từ năm 1945 đến nay (2000)

Chương I. Bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1949)
Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1949) 5

Chương II. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991) Liên bang Nga (1991 - 2000)
Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991) Liên bang Nga (1991 - 2000) 9

Chương III. Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh (1945-2000)
Bài 3. Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên 14
Bài 4. Các nước Đông Nam Á 17
Bài 5. Ấn Độ và khu vực Trung Đông 22
Bài 6. Các nước châu Phi và Mĩ La-tinh 24

Chương IV. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)
Bài 7. Nước Mĩ 26
Bài 8. Tây Âu 28
Bài 9. Nhật Bản 31

Chương V. Quan hệ quốc tế (1945 - 2000)
Bài 10. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh 37

Chương VI. Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa
Bài 11. Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ xx 40
Bài 12. Tổng kết lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 42

Phần II. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000
Chương I. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930
Bài 13. Những chuyển biến mới về kinh tế và xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất 44
Bài 14. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 49
Bài 15. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930 53

Chương II. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945
Bài 16. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 60
Bài 17. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 65
Bài 18. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 70
Bài 19. Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời 76

Chương III. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954
Bài 20. Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám (Từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 19 - 12 - 1946) 85
Bài 21. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp (1946 - 1950) 90
Bài 22. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp (1950-1953) 97
Bài 23. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954) 101

Chương IV. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975
Bài 24. Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm giữ hoà bình (1954 - 1960) 108
Bài 25. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1961 - 1965) 113
Bài 26. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và Chiến tranh phá hoại miền Bắc thứ nhất của đế quốc Mĩ (1965 - 1968) 117
Bài 27. Chiến đấu chống chiến lược "Việt nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1969 - 1973) 122
Bài 28. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975) 129

Chương V. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000
Bài 29. Việt Nam trong năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975 135
Bài 30. Việt Nam xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1986) 137
Bài 31. Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 - 2000) 142
Bài 32. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000 148

Mời bạn tìm đọc

HỆ THỐNG NHÀ SÁCH VĂN HÓA THUỘC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA DU LỊCH GIA LAI

Nhà sách **SIÊU THỊ VĂN HÓA PLEIKU**
Số 06 Lê Lợi - Tp Pleiku - Gia Lai * ĐT: 3824340

Nhà sách **VĂN HÓA QUANG TRUNG**
Số 24 Hoàng Văn Thụ - An Khê - Gia Lai * ĐT: 3832218

Nhà sách **VĂN HÓA VINH**
Số 343 Lê Duẩn - Tp Vinh - Nghệ An * ĐT: 3558582

Nhà sách **VĂN HÓA THANH HÓA**
Số 27 - 29 Đại lộ Lê Lợi - Tp Thanh Hóa * ĐT: 6252088

Nhà sách **SIÊU THỊ VĂN HÓA TAM KÌ**
Số 24 Trần Cao Vân - Tam Kì - Quảng Nam * ĐT: 3825539

Nhà sách **SIÊU THỊ VĂN HÓA QUẢNG NGÃI**
Số 204 Nguyễn Nghiêm - Tp Quảng Ngãi * ĐT: 6250144

Nhà sách **VĂN HÓA QUY NHƠN**
Số 24 Nguyễn Tất Thành - Tp Quy Nhơn * ĐT: 3523965

Nhà sách **VĂN HÓA LÊ LỢI**
Số 120 Lê Lợi - Tp Quy Nhơn * ĐT: 3818479

Nhà sách **VĂN HÓA NGÔ MÂY**
Số 11 Ngô Mây - Tp Quy Nhơn * ĐT: 6250369

Nhà sách **VĂN HÓA BÌNH ĐỊNH**
Số 120 Trần Phú - TT. Bình Định - H. An Nhơn - T.Bình Định
* ĐT: 3835288

Nhà sách **VĂN HÓA PHÚ YÊN**
Ô phố B8 - Khu dân dụng Duy Tân - F.4
Tp Tuy Hòa -T. Phú Yên * ĐT: 3818179

Nhà sách **VĂN HÓA**
Căn hộ 720B chung cư 22 tầng - đường ven kênh Nhiêu Lộc
F.12 - Q.3 - Tp HCM * ĐT: 62904702